

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 1 Tiết 1

Văn bản: CÔNG TRƯỜNG MỞ RA

(Lí Lan)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS hiểu được tình cảm thiêng liêng, cao đẹp của cha mẹ đối với con cái.
- HS biết được vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc đời mỗi cá nhân.
- Biết được NT miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật

2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu một văn bản biểu cảm được viết như những dòng nhật ký của người mẹ.
- Phân tích một số chi tiết tiêu biểu diễn tả tâm trạng của người mẹ trong đêm chuẩn bị cho ngày khai trường đầu tiên của con.

3. Thái độ:

- HS Biết kính trọng, yêu thương bố mẹ và thấy được ý nghĩa của nhà trường đối với bản thân.

4. Năng lực và phẩm chất

- Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác
- Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

II. CHUẨN BỊ:

1: GV: tích đời sống, tích TV, tài liệu tham khảo.

2: HS: - Đọc nhiều lần vb và soạn kĩ bài học.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra bài cũ *KT vở soạn của hs*

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- HS hát tập thể bài hát: Mái trường mến yêu. Gọi HS nêu cảm nhận của mình về mái trường. GV nhận xét, vào bài mới

2.2 Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung (KT- KN)
HD 1: Đọc và tìm hiểu chung <i>PP: vấn đáp, thảo luận nhóm...</i> <i>KT: đọc tích cực, đặt câu hỏi</i> , trình bày 1 phút... <i>NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác</i> <i>PC: tự tin</i> - HS tự đọc cá nhân chú thích * Em có hiểu biết gì về tác giả Lí Lan?	I- Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả Lý Lan (1957) là một nhà văn, dịch giả

- HS trình bày 1 phút...
- GV bổ sung TẾp truyỖn thiỖu nhi
“Ngôi nhà trong cỏ: (1984) – được giải thưởng VH thiếu nhi của Hội NVVN; “Bí mật giữa tôi và thần lằn đen” (2008); Dịch truyện “Harry Potter:...

trẻ nổi tiếng, GV dạy Anh văn. Quê: Tỉnh Bình Dương.

? Theo em vb có thể đọc giọng ntn?
giọng dịu dàng, chậm rãi, khi tha thiết, khi thủ thỉ, âu yếm (nhìn con ngủ), khi bồi hồi (hồi tưởng quá khứ)...

GV cho hs đọc -> gọi H nhận xét, gv đọc

? Hãy tóm tắt vb bằng 1 câu văn?

- VB viết về tâm trạng của người mẹ trong đêm không ngủ trước ngày khai trường lần đầu tiên của con.

- Y/ c H qsát các chú thích tr/8-> tìm các từ Hán Việt và giải nghĩa 1 số từ.

- GV tích ngang với từ ghép, từ HV

- HS trao đổi nhóm theo bàn, tìm hiểu các nội dung sau:

? *Nêu xuất xứ văn bản?*

? *Vb được viết theo thể loại văn học nào?*

? *Với nội dung như vậy, bài văn thuộc dạng vb nào em đã học ở lớp 6?*

? *Vb được viết theo phương thức chính nào?*

? *Vb có thể chia làm mấy đoạn xét theo nội dung? ý chính từng đoạn?*

- Các nhóm thảo luận, ghi kq vào bảng phụ

- Đại diện nhóm trình bày trước lớp

- HS nhận xét, bổ sung

- GV chốt trên bảng phụ

2. Tác phẩm

* Đọc:

* Chú thích: sgk

* Xuất xứ: in trên báo “Yêu trẻ” (2000)

* Thể loại: Kí (Tùy bút)

* Kiểu vb: vb nhật dụng

* Ptbd chính: biểu cảm

* Bố cục: 2 đoạn:

- Đ1: (Từ đầu đến...ngày đầu năm học):

Tâm trạng của 2 mẹ con trong buổi tối trước ngày khai giảng.

- Đ2 (còn lại): Ấn tượng tuổi thơ và liên tưởng của mẹ.

HĐ 2: Phân tích

PP: *Vấn đáp, thảo nhóm, giảng bình*

KT: *động não, đặt câu hỏi*

NL: *Tự học, sử dụng NN, hợp tác*

PC: *tự tin, yêu gia đình, yêu quê hương...*

- HS đọc cá nhân đoạn 1

? Hãy cho biết qua lời kể của mẹ, c/s của cậu bé trong buổi tối trước ngày khai giảng đầu tiên vào lớp 1 hiện ra qua các chi tiết nào ?

? Các chi tiết trên cho thấy tâm trạng của cậu bé trước ngày khai trng đầu tiên ntn?

? Trong đêm trc ngày khai trng của con, mẹ có gì khác mọi ngày? Tìm chi tiết tả những việc làm, trạng thái của mẹ?

- Cho hs thảo luận theo cặp

? So sánh tâm trạng của 2 mẹ con? Điều đó có phù hợp với quy luật tâm lí?

- Đại diện trình bày, nhận xét

? Qua đó em có nhận xét về NT miêu tả nvật của tg?

? Qua những chi tiết này, em thấy đc tâm trạng và tình cảm của người mẹ dành cho con ntn?

Gv bình: *Lấy sự kiện là đêm trước*

II-Phân tích

1- Nỗi lòng người mẹ:

* Người con:

+ *giác ngủ đến dễ dàng như uống 1 li sữa*

+ *Chỉ bận tâm việc dạy sao cho kịp giờ*

+ *Hăng hái dọn đồ chơi, c.bị sách vở cùng mẹ*

-> **con: háo hức nhưng thanh thản, nhẹ nhàng, vô tư.**

* Người mẹ:

+ *Mọi ngày: dọn dẹp, làm việc riêng của mình*

+ *Tối nay: trùu mển quan sát con, đắp mền, bông mùng, vớ về cho con ngủ, xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con... trằn trọc ko ngủ được, ko tập trung vào việc gì...*

- 2 tâm trạng khác nhau -> phù hợp tâm lí

+ NT: Miêu tả tâm lí nhân vật rất tinh tế

-> **Mẹ hồi hộp, phấp phồng; mẹ quan tâm và dành cho con những tình cảm dịu ngọt nhất.**

ngày đầu tiên bước vào lớp 1 của con, tùy bút CTMR ko nói nhiều về đứa con mà tập trung nói về tâm trạng của mẹ. Với cách miêu tả tâm lí nhân vật rất tinh tế, VB có nhiều chi tiết kể cụ thể về sự trần trọc của mẹ, những cử chỉ chăm chú của mẹ với con. Thậm chí khi mọi việc xong xuôi, mẹ vẫn ko sao ngủ đc. Ngày con vào lớp 1 đã trở thành - 1 sự kiện trọng đại không chỉ của riêng con.

- HS Đọc tiếp p2 vb.

? Ngoài việc lo lắng, hồi hộp, chuẩn bị cho con thì còn nguyên nhân nào nữa khiến cho đêm nay mẹ ko ngủ đc?

? Chi tiết nào trong vb chứng tỏ kỉ niệm ngày khai trường đầu tiên để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng mẹ?

? Em có nhận xét gì về cách dùng từ của tác giả trong đoạn văn này?

? Qua đó em thấy được tâm trạng gì của người mẹ trong đêm trc ngày khai trng đầu tiên của con?

GV bình: Mẹ trần trọc một phần vì quá lo cho con nhưng đồng thời còn là vì đang sống lại với những kỉ niệm xưa của chính mình. Trong tâm trạng dạt dào cảm xúc, mẹ như thấy mình trẻ lại, thấy tuổi thơ của mình sống dậy. Ngày khai trường của con đó đánh thức trong lòng mẹ một kỉ ức đậm sâu khi lần đầu tiên được mẹ (tức bà ngoại của

- Mẹ nôn nao nghĩ về ngày khai trường năm xưa của chính mình.

- *Cứ nhắm mắt lại là mẹ dường như nghe tiếng đọc bài trầm bổng: “Hằng năm, cứ vào cuối thu... dài và hẹp”*

- *Mẹ còn nhớ sự nôn nao, hồi hộp...nổi chơi vơi, hốt hoảng...*

+ NT: Sd nhiều động từ chỉ trạng thái: háo hức, trần trọc, xao xuyến, hồi hộp, hốt hoảng, nôn nao để miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật.

-> Mẹ thao thức, nôn nao, triền miên trong suy nghĩ về thời thơ ấu của mình

em bé bây giờ) đưa đến trường. Cảm giác chơi vui hốt hoảng khi nhìn người mẹ đứng ngoài cánh cổng trường đã in sâu mãi cho đến tận bây giờ.

- Sau khi hồi tưởng lại q/khứ với ~ kỉ niệm đẹp về ngày đầu tiên đi học của mình, người mẹ ngẫm thô lộ mong muốn gì về con?

? Lời văn trong bài có phải là lời người mẹ đang nói trực tiếp với con không? Theo em người mẹ đang tâm sự với ai? Cách viết này có tác dụng gì? (**HS khá - giỏi**)

GV giảng: Xuyên suốt bài văn, nhân vật người mẹ là nhân vật tâm trạng, ngôn ngữ độc thoại nội tâm là chủ đạo. Cho nên người mẹ nói thầm với con cũng là đang nói thầm với mình, với mọi người.. Cách nói vừa thể hiện được tâm mãnh liệt của người mẹ, vừa làm nổi bật tâm trạng, khắc họa được tâm tư tình cảm, diễn đạt được những điều khó nói ra được bằng những lời trực tiếp.

? Từ những trần trở suy nghĩ đến những mong muốn của mẹ trong đêm trước ngày con vào lớp 1, em có cảm nhận ntn về ng mẹ trong bài?

- HS nêu cảm nhận

-**Gv bình :** có lẽ chính bởi đc viết lên bằng tình yêu thương và khát khao đc mẹ cầm tay đến trg mà “CTMR” chất chứa biết bao cảm xúc. Người mẹ nói

+ *Mẹ muốn nhẹ nhàng và cẩn thận, tự nhiên ghi vào trong lòng con*

+ *Mẹ muốn con đc tự trải nghiệm những cảm xúc đầu đời đầy ý nghĩa ấy, cũng như chính mẹ ngày xưa đã từng như thế.*

+ **NT:** ngôn ngữ độc thoại nội tâm, nói bằng lời trực tiếp 1 cách tự nhiên.

-> *Mẹ gửi gắm mơ ước vào con chứa chan bao hi vọng.*

✉ *Mẹ là người 1 lòng yêu thương con và giàu đức hy sinh thầm lặng.*

chung và người mẹ VN nói riêng luôn là thế – 1 lòng vì con. Đức hi sinh thầm lặng ấy tự bao đời nay đã trở nên gần gũi với chúng ta qua những nhịp ca dao:

“Con là mầm đất tươi xanh
Nở trong tay mẹ, mẹ ươm mẹ trồng
Hai tay mẹ bế mẹ bồng
Như con sông chảy nặng dòng phù sa.”

- Gv y/c HS qsát p 2 vb

? Sau những cảm xúc, tâm trạng ấy, trong đêm không ngủ, mẹ còn nghĩ đến điều gì?

- HS trao đổi cặp đôi về nền gd ở Nhật
Và nhận xét về vai trò của gd nước nhà ?

? Cuối bài, người mẹ đã động viên con “đi đi con, can đảm lên, TG này là của con, bước qua cánh cổng trg là 1 TG kì diệu sẽ mở ra”. Em hiểu thế nào về “thế giới kì diệu” ấy?

GV: Câu văn nói lên ý nghĩa to lớn của nhà trường trong cuộc đời mỗi con người. phía sau cánh cổng kia là cả một thế giới vô cùng hấp dẫn đối với những người ham hiểu biết, là thế giới của tri thức bao la, của tình bạn, tình thầy trò nồng ấm tha thiết...

? Lời động viên đó của mẹ ý nghĩa ntn?

- Y/ c HS liên hệ đến ngày khai trường của VN(Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường...)

? Qua tìm hiểu vb em cảm nhận ntn về

2- Suy nghĩ của người mẹ:

- Mẹ liên tưởng đến ngày khai trường ở Nhật và nghĩ về v.trò của gdục đối với trẻ.

+ “Ngày khai trường...ngày lễ của toàn xh

+ “Bước qua...1 TG kì diệu sẽ mở ra”.

-> - Nhà trường là môi trường gdục con người toàn diện, phù hợp với yêu cầu của xh. Giáo dục quyết định tg lai của 1 đất nc.

-> Thể hiện TY con và lòng tin sắt đá của mẹ vào sự giáo dục của nhà trường.

=> **Mẹ là người chu đáo, hết mực yêu**

<p>người mẹ?</p> <p>- HS nêu cảm nhận</p> <p>G bình: Thông qua những suy nghĩ của người mẹ về con, về giáo dục ta thấy vb chính là bài ca về tình mẫu tử, sự tin tưởng, hi vọng vào bầu trời tri thức nơi nhà trường, xh đối với con mình.</p> <p>HD 3: Tổng kết:</p> <p>PP: vấn đáp</p> <p>KT: Đặt câu hỏi</p> <p>? Khái quát những nét NT tiêu biểu mà t/g sdụng trong vb?</p> <p>? Như những dòng nhật kí tâm tình, nhỏ nhẹ và sâu lắng, em cảm nhận đc những gì qua bài viết này?</p> <p>- Y/c H đọc ghi nhớ sgk/tr 9</p>	<p><i>thương, lo lắng, làm tất cả vì con. Bà coi trọng vai trò của nhà trường đối với xh nói chung và con mình nói riêng.</i></p> <p>III- Tổng kết:</p> <p>1) NT:</p> <p>- Cách viết như nhật kí.</p> <p>- Sử dụng ngôn ngữ biểu cảm, lời văn tha thiết, sâu lắng, nhỏ nhẹ.</p> <p>2) ND:</p> <p>- Tình cảm sâu nặng của người mẹ đối với con.</p> <p>- Vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc sống mỗi con người.</p> <p>* Ghi nhớ SGK/tr 9</p>
--	--

2.3. Hoạt động luyện tập

- Tâm trạng của người mẹ trong đêm trước ngày khai trường đầu tiên của con được khắc họa ntn? Vì sao mẹ lại có tâm trạng như thế?
- Một bạn cho rằng có rất nhiều ngày khai trường nhưng ngày khai trường đầu tiên để vào lớp 1 là ngày đặc biệt nhất? Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao?

2.4. Hoạt động vận dụng

Viết một đoạn văn về kỉ niệm đáng nhớ trong ngày khai trường đầu tiên

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng.

- Tìm đọc các bài văn, bài thơ viết về ngày khai trường
- Nắm vững kiểu vb nhật dụng và nội dung bài học. Làm BT 2 /tr9
- Đọc nhiều lần , soạn vb “ Mẹ tôi ”, trả lời các câu hỏi trong sgk

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 1 Tiết 2

Văn bản: **MẸ TÔI**

(Ét- môn- đô Đờ A-mi-xi)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- HS Biết được sơ giản về tác giả Ét-môn-đô đơ A-mi-xi
- Hiểu được cách giáo dục vừa nghiêm khắc, vừa tế nhị, có lí và có tình của người cha khi con mắc lỗi.
- Biết nghệ thuật biểu cảm trực tiếp qua hình thức một bức thư.

2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu một văn bản viết dưới hình thức một bức thư.
- Phân tích một số chi tiết liên quan đến hình ảnh người cha (tác giả bức thư) và người mẹ nhắc đến trong bức thư.

3. Thái độ :

- Giáo dục tình cảm yêu thương, kính trọng cha mẹ

4. Năng lực và phẩm chất:

- Năng lực: Sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, giao tiếp, tự học, năng lực giải quyết vấn đề
- Phẩm chất: Yêu gia đình, Tự tin

II. Chuẩn bị.

- 1) Giáo viên: Tài liệu tham khảo
- 2) Học sinh: đọc và trả lời các câu hỏi bài mới

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra bài cũ

? Tâm trạng của người mẹ trong đêm trước ngày khai trường đầu tiên của con được khắc họa ntn? Qua đó em hiểu được điều gì về tình cảm của người mẹ?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- HS Hát một bài hát về tình mẹ. Gọi HS nêu cảm nhận của mình về mẹ. GV nhận xét, vào bài mới

2.2 Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung (KT- KN)
HD 1: Đọc và tìm hiểu chung <i>PP: vấn đáp, thảo luận nhóm...</i> <i>KT: đọc tích cực, đặt câu hỏi, trình bày</i> 1 phút... <i>NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác</i> <i>PC: tự tin</i>	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả

- HS tự đọc cá nhân chú thích
? Em hãy cho biết vài nét hiểu biết của mình về tác giả của văn bản “Mẹ tôi” ?

? E đọc vb với giọng ntn?
- Lời bố nói trực tiếp với con: giọng chân thành, nghiêm khắc.
- Những lời bố nói về mẹ: giọng tha thiết, trân trọng.
- gọi hs đọc, GVnx
- HS giải nghĩa 1 số từ khó (SGK)
? Nêu xuất xứ của văn bản “Mẹ tôi”?

? văn bản viết dưới hình thức nào?
? Vậy ptbđ chính của vb là gì?
? Theo em văn bản này viết về vấn đề gì?
? Đây có đc coi là 1 vb nhật dụng ko? Vì sao?
? Văn bản là 1 bức thư người bố gửi cho con, nhưng tại sao tác giả lại lấy nhan đề là “ Mẹ tôi ” ?

- HS trao đổi cặp đôi trình bày
? Xác định bố cục của văn bản? Nội dung từng phần?

HD 2: Phân tích

PP: Vấn đáp, thảo nhóm, giảng bình

KT: động não, đặt câu hỏi

NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác

PC: tự tin, yêu gia đình...

- HS HD cá nhân, theo dõi phần đầu của

- Ét- môn-đơ đơ A-mi-xi (1846 - 1908) - nhà văn I-ta-li-a.

2- Tác phẩm:

* Đọc

* Chú thích: sgk

* Xuất xứ:

+ Trích trong “ Những tấm lòng cao cả” (truyện thiếu nhi, 1886) – tp nổi tiếng nhất trong sự nghiệp sáng tác của tg

* Hình thức: Thư (nhật kí)

- Ptbđ chính: biểu cảm (xen kẽ tự sự, nghị luận)

-Vb viết về tâm tư, tình cảm của người cha khi thấy con thiếu lễ độ với mẹ.

- Là vb nhật dụng.

* Nhan đề: Do chính nhà văn đặt

- Người mẹ không xuất hiện trực tiếp trong câu chuyện nhưng là tiêu điểm mà các nhân vật khác hướng tới.

*Bố cục:

- Phần 1 (Từ đầu đến...*vô cùng*):Lí do bố viết thư cho Enricô

- Phần 2 (Còn lại) : Nội dung bức thư của bố gửi Enricô.

II. Phân tích

1. Lỗi lầm của En-ri-cô:

- Vô lễ với mẹ trước mặt cô giáo

vb, em thấy En-ri-cô đã mắc lỗi gì?

? Suy nghĩ của em về lỗi lầm của En-ri-cô?

? Trước lỗi lầm của En-ri-cô, bố của E đã làm gì?

Thảo luận cặp đôi

? Tại sao bố của En-ri-cô không mắng trực tiếp E mà lại viết thư?

- *Hs giải thích, liên hệ đến bản thân.*

Gv: t/cảm sâu sắc thường tế nhị và kín đáo, nhiều khi không nói trực tiếp đc. Viết thư là chỉ nói riêng cho người đọc thư biết, trong tình huống này vừa giữ đc kín đáo, vừa ko làm người mắc lỗi mất lòng tự trọng. Đây chính là bài học về cách ứng xử thông minh trong gđ, ở nhà trg và toàn xh.

? Tìm những chi tiết nói về thái độ của bố trước lỗi lầm của En-ri-cô?

? Phương thức biểu cảm được diễn tả thông qua những kiểu câu nào và bpnt nào?

? Cách so sánh “như nhát dao...” có tác dụng gì?

(diễn tả sự tức giận, đau đớn đến tột cùng)

? Qua đó em thấy được, tâm trạng và thái độ gì của người bố đối với En-ri-cô?

- GV chia lớp làm 6 nhóm

- *Cho hs thảo luận nhóm*

- *ND thảo luận*

? Qua lời kể của bố, hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào? Tìm chi tiết?

-> Là việc làm sai trái, xúc phạm tới mẹ

- Bố viết thư cho En-ri-cô.

2. Bức thư của bố En-ri-cô:

*** Thái độ của bố:**

+ *Sự hỗn láo của con như một nhát dao đâm vào tim bố vậy!*

+ *bố ko thể nén đc cơn tức giận...*

+ *Con mà xúc phạm đến mẹ ư?*

- NT: biểu cảm bằng nhiều kiểu câu: cảm thán, nghi vấn, khẳng định; sử dụng so sánh giàu hình ảnh -> làm cho lời văn trở nên linh hoạt, sinh động, giàu hình ảnh.

-> ***Bố đau đớn, tức giận, thất vọng trước nỗi lầm của con.***

? Em có nhận xét gì về giọng văn của tác giả trong đoạn bố nói về người mẹ?

? Tác dụng

- Gọi đại diện trình bày, nhận xét

- Gv nhận xét chung

? Qua những chi tiết này, em thấy đây là người mẹ ntn?

? Vb nào đã được học cũng cho em thấy hình ảnh người mẹ như thế ?

- HS liên hệ: vb “Mẹ hiền dạy con”, “Cổng trường mở ra”

- Gv bình giảng : tình mẹ cao cả, mãnh liệt và thiêng liêng luôn là thứ t/c tự nhiên nhất. Mẹ sẵn sàng từ bỏ tất cả để đem lại hp cho con, sẵn sàng hi sinh bản thân mình vì con. Đó là thứ t/c vô điều kiện mà người mẹ nào cũng dành cho con mình. Nhà thơ Chế Lan Viên cũng từng viết: “Con dù lớn...của mẹ... Đi hết đời...theo con”. Công ơn ấy của mẹ ko gì sánh đc.

? Hãy tìm trong vb điều gì sẽ xảy đến nếu En-ri-cô trưởng thành và mất mẹ?

*** Hồi tưởng về mẹ:**

- Mẹ thức suốt đêm, quần quai khóc nước nỡ vì sợ mất con...

- Người mẹ sẵn sàng bỏ 1 năm hp để tránh cho con 1 giờ đau đớn...

- Mẹ đi ăn xin để nuôi con, sẵn sàng hi sinh tính mạng để cứu sống con!

+ Giọng văn tha thiết, trân trọng

- H/a mẹ hiện lên qua lời của bố nên rất khách quan, chân thực

✉ **Mẹ giàu đức hi sinh với tấm lòng yêu thương con lớn lao, cao cả.**

*** Lời nhắn nhủ:**

- Hãy nghĩ kĩ điều này En-ri-cô ạ: ... ngày buồn thảm nhất là ngày con mất mẹ.

- Khi đã khôn lớn,...con sẽ mong ước tha thiết...tôi nghiệp...cay đắng nhớ lại ~ lúc đã làm mẹ buồn phiền...

- *Lương tâm con sẽ không một phút nào yên tĩnh, tâm hồn con như bị khổ hình...*

+ NT:

- Lời văn giả định, 1 loạt câu khẳng định điệp ngữ “con sẽ”.

? Em có nhận xét gì về lời văn trong đoạn người bố khuyên nhủ En-ri-cô ? Kiểu câu nào đc sử dụng chủ yếu trong đoạn văn này ? Tác dụng?

? Mục đích của người bố đưa ra những lời khuyên nhủ đó là gì?

? Qua lời dạy đó, người bố đã khẳng định điều gì?

- Người bố phân tích, giảng giải để En-ri-cô hiểu ra lỗi lầm của mình.

✉ ***Mẹ có ý nghĩa vô cùng to lớn trong cuộc đời.***

Gv bình: *Mẹ là ng có ý nghĩa to lớn nhất trong cđ mỗi chúng ta. Nhưng với rất nhiều người, phải đến khi rời xa mẹ vĩnh viễn thì ta mới thấm thía được điều đó. Lúc vui, lúc buồn, em có thể tìm đến bạn bè đồng trang lứa để chia sẻ. Càng lớn lên, mối quan hệ càng nhiều, đôi khi mình lãng quên mất một ánh mắt dịu hiền vẫn đang dõi theo mình từng phút. Cho đến khi ko còn mẹ nữa, ta mới giật mình...*

? Kết thúc đoạn văn xúc động này, bố Enricô còn nhắn nhủ gì cho em nữa?

-> ***Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là t/c thiêng liêng nhất, chà đạp lên t/c đó thật là xấu hổ và nhục nhã.***

? Nhận xét về lời nhắn nhủ của bố Enricô?

- HS cảm nhận-> Lời nhắn nhủ rất thấm thía, sâu sắc, chân thành.

? Sau khi đã phân tích và làm rõ những lỗi lầm của En-ri-cô, bố đã yêu cầu con phải làm gì?

*** Yêu cầu của bố En-ri-cô:**

- *Không bao giờ con được thốt ra lời nói nặng với mẹ.*

- *Con phải xin lỗi mẹ.*

- *Hãy cầu xin mẹ hôn con.*

? Em có nhận xét gì về giọng điệu của người cha?

? Sd kiểu câu gì ? Tác dụng?

? Em hiểu ntn về lời khuyên của bố Enricô?

? Đây là yêu cầu ntn?

? Cuối cùng người bố đã bộc lộ tình cảm của mình với con như thế nào?

? Qua đó em thấy bố của En-ri-cô là người như thế nào ?

? Qua phân tích, em có cảm nhận ntn về bức thư người bố đã viết cho En-ri-cô?

Hs phát biểu.

Gv phân tích: Bức thư với lời lẽ rất tế nhị, nhẹ nhàng mà đanh thép, khuyên nhủ mà ra lệnh... chính là cách dạy con tuyệt vời của bố En-ri-cô. Nó có sức mạnh hơn cả đòn roi, quát mắng, trừng phạt.

? Đọc bức thư của bố, En-ri-cô có thái độ ntn?

? Điều gì đã làm Enricô xúc động?

Hs: chọn lí do đúng trong các lí do đề nêu ra trong câu hỏi 4-sgk/12. (a,c,d)

HĐ 3: Tổng kết

- **PP: Vấn đáp**

- **KT: Đặt câu hỏi**

- Em có nhận xét gì về lời lẽ, giọng điệu của người bố trong bức thư ? (lời văn, cách dùng từ ngữ) ?

- Những bài học sâu sắc nào được nhà

+ NT: Giọng điệu linh hoạt (dứt khoát mà mềm mại, ra lệnh mà như khuyên nhủ); sd câu cầu khiến -> đầy sức thuyết phục

- Bố muốn con xin lỗi mẹ chân thành từ đáy lòng, thành tâm muốn vậy chứ không vì khiếp sợ ai.

✉ Yêu cầu kiên quyết, rõ ràng, dứt khoát như ra lệnh.

+ *Con là niềm hi vọng...của đời bố.*

+ *Thà rằng bố không có con còn hơn là thấy con bội bạc với mẹ...*

✉ **Bố Enricô có tình cảm yêu, ghét rõ ràng và rất nghiêm khắc.**

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật :

- Lời văn nhẹ nhàng, tha thiết.

- Từ ngữ biểu cảm được dùng nhiều lần.

2. Nội dung :

- Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả.

2.3. Hoạt động luyện tập

? Cảm nhận của em về nhân vật bố En-ri-cô?

- Chọn và học thuộc một đoạn trong thư của bố En-ri-cô có nội dung thể hiện vai trò vô cùng lớn lao của người mẹ? Giải thích vì sao em chọn đoạn văn đó.

2.4. Hoạt động vận dụng

- Qua lỗi lầm của Enricô, theo em làm con phải cư xử ntn với cha mẹ ?
- Đọc diễn cảm đoạn thư thể hiện vai trò lớn lao của người mẹ.
- Kể lại sự ân hận của em trong một lần lỡ gây lầm lỗi để bố mẹ buồn.

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng.

- Đọc thêm: “Thư gửi mẹ”, “Vì sao hoa cúc...” ; Tìm đọc tập “Những tấm lòng cao cả” của A-mi-xi
- Học bài : Nắm vững nội dung, nghệ thuật.
- Chuẩn bị bài “từ ghép”: Đọc, tìm hiểu trước các ví dụ, các bài tập, các loại từ ghép, cấu tạo của mỗi loại.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 1 Tiết 3 TỪ GHÉP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết được cấu tạo của 2 loại từ ghép: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.
- Hiểu được ý nghĩa của các loại từ ghép.

2. Kỹ năng:

- Chỉ ra được các từ ghép trong văn bản, biết cách dùng từ ghép

3. Thái độ:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung (KT- KN)
<p>HD 1: Các loại từ ghép</p> <p>+ PP: <i>Hoạt động nhóm, gq vấn đề, phân tích mẫu</i></p> <p>+ KT: <i>Chia nhóm, đặt câu hỏi</i></p> <p>+ NL: <i>Tự học, giải quyết vấn đề, sử dụng NN, hợp tác</i></p> <p>+ PC: <i>tự tin, yêu đất nước</i></p> <p>HS đọc cá nhân vd/sgk/tr13</p> <p>- <i>GV chia nhóm: 6 nhóm (5p)</i></p> <p>- <i>Giao nhiệm vụ:</i></p> <p>- <i>Nhóm chuẩn</i></p> <p>? Tìm những từ ghép trong vd ?</p> <p>? Trong các từ ghép trên, theo em tiếng nào là tiếng chính?</p> <p>? Tiếng nào có thể thay đổi ?</p> <p>? Em có nx gì về vị trí của các tiếng trong vd a?</p> <p>? Vậy qua tìm hiểu vd a em hiểu thế nào là từ ghép chính phụ?</p> <p>- NHÓM lẻ</p> <p>? Em thấy từ ghép trong vd b có phân ra</p>	<p>I- Các loại từ ghép</p> <p>1) Ví dụ</p> <p>a- Bà ngoại, thơm phức</p> <p>b- Quần áo, trầm bổng</p>

<p>làm tiếng chính, tiếng phụ không? ? Nghĩa của các tiếng có ngang bằng nhau không? ? Vậy em hiểu thế nào là từ ghép đẳng lập?</p> <p>- <i>Cho hs thảo luận theo nhóm</i> - <i>Hs trình bày, nhận xét</i> - <i>GV chốt</i></p> <p>? Qua tìm hiểu , em cho biết có mấy loại từ ghép? Y/c HS đọc to ghi nhớ 1/sgk/tr14</p> <p>HD 2: Nghĩa của từ - PP: <i>Vấn đáp, phân tích mẫu</i> + KT: <i>động não, đặt câu hỏi</i> + NL: <i>Tự học, giải quyết vấn đề, sử dụng NN</i> + PC: <i>tự tin, yêu đất nước</i> HS đọc cá nhân vd 1 sgk/tr14 - Trao đổi cặp đôi</p> <p>So sánh nghĩa của từ “ bà ngoại” với từ “ bà”? ? Từ ghép chính phụ có nghĩa ntn? ? Hãy tìm một vài từ ghép chính phụ trong vb c - HS tự tìm - <i>Hs đọc vd 2 / sgk/tr14 và thảo luận theo cặp</i> ? So sánh nghĩa của từ “quần áo” với mỗi tiếng: quần, áo? “trầm bổng” với trầm, bổng</p>	<p>2) Nhận xét VDa- Bà / ngoại, thơm / phức c - p c - p</p> <p>- Tiếng phụ có thể thay đổi - Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau VD b: Quần áo, trầm bổng - Không có tiếng chính và tiếng phụ. - Nghĩa bình đẳng như nhau. -> đó là từ ghép đẳng lập</p> <p>* Ghi nhớ 1/ sgk/tr14</p> <p>II- Nghĩa của từ</p> <p>1) Từ ghép chính phụ - VD/ sgk/tr14 + Bà ngoại: người phụ nữ sinh ra mẹ + Bà: Người sinh ra cha mẹ</p> <p>=> Nghĩa của từ” bà ngoại” hẹp hơn nghĩa từ “ bà”. -> <i>Từ ghép chính phụ có nghĩa hẹp hơn so với tiếng gốc</i> - vd: yếu đuối...</p> <p>2) Từ ghép đẳng lập - VD2/ SGK/tr14 Quần áo # quần, áo (chung) (cụ thể)</p>
--	--

2.3. Hoạt động luyện tập

- **PP:** *Vấn đáp, luyện tập thực hành, hoạt động nhóm, trò chơi*

- **KT:** *Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm*

+ **NL:** *Tự học, giải quyết vấn đề, sử dụng NN*

+ **PC:** *tự tin*

- Nêu yêu cầu?

- GV treo bảng phụ cho HS lên điền, nhận xét, bổ sung.

- Tổ chức trò chơi 2 nhóm, cử trọng tài, nêu luật chơi, qui định thời gian.

- HS theo dõi, trọng tài báo cáo.

- GV tuyên nhóm thắng

-GV bổ sung

- Nhận xét

- Hs đọc yêu cầu?

- Gọi 1 HS trả lời

- Chuẩn xác

- Gọi HS đọc BT5

- HS thảo luận theo cặp, trả lời.

- Nhận xét + bổ sung

1. Bài tập 1/15

- Từ ghép chính phụ: xanh ngắt, nhà ăn, nhà máy, lâu đời.

- T ghép đẳng lập: chài lưới, cây cỏ, ẩm ướt, đầu đuôi, suy nghĩ.

2. Bài tập 2/15

- Bút chì, thước dây, ma rạo...

3. Bài tập 3/15

- Núi sông, mặt mũi, ham muối, xinh đẹp.

4. Bài tập 4/15

- Cuốn sách (vở) là những danh từ chỉ vật, tồn tại dưới dạng cá thể đếm được.

- Sách vở có nghĩa tổng hợp chúng cả loại.

5. Bài tập 5/15

a. Không phải vì hoa hồng là từ ghép chính phụ chỉ tên một loài hoa (Danh từ)

b. Nói thế là đúng “áo dài” từ ghép chính phụ chỉ tên một loài áo (danh từ)

c. Nói như thế là được, vì “ cà chua” là tên một loài cây quả chú không phải là quả cà có vị chua.

2.4. Hoạt động vận dụng:

Viết một đoạn văn ngắn trong đó có sử dụng các loại từ ghép, chỉ rõ các từ ghép đó

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tham khảo tài liệu về từ ghép
- Làm các bt còn lại và đọc thêm sgk/tr16
- Chuẩn bị “ Liên kết trong văn bản”
+ Đọc kĩ các VD và trả lời câu hỏi

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 1 Tiết 4

LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS Hiểu rõ muốn đạt được mục đích giao tiếp vb phải có sự liên kết .
- Hiểu được có liên kết về nội dung ý nghĩa và hình thức ngôn ngữ.

2. Kỹ năng:

- Bước đầu xây dựng được những đoạn vb có tính liên kết

3. Thái độ:

- ý thức về cách chuyển câu, chuyển đoạn trong văn bản

4. Năng lực và phẩm chất

- Năng lực: Tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác
- Phẩm chất: trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

II. CHUẨN BỊ:

1: GV: Tham khảo tài liệu

2: HS: - Đọc nhiều lần vb và soạn kĩ bài học.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra bài cũ *KT vở soạn của hs*

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho hs xem một số tranh ảnh có tác dụng liên kết: Cầu, kết cấu hạ tầng...

Nhận xét các từ vừa tìm... GV vào bài

2) Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung (KT- KN)
<p>HD 1: Liên kết và phương tiện liên kết trong vb</p> <p>+ PP: <i>Hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, phân tích mẫu</i></p> <p>+ KT: <i>động não, đặt câu hỏi</i></p> <p>+ NL: <i>Tự học, giải quyết vấn đề, sử dụng NN</i></p> <p>+ PC: <i>tự tin, yêu đất nước</i></p> <p>- <i>hs đọc cá nhân vd sgk</i></p> <p>- <i>Trao đổi cặp đôi nhận xét</i></p> <p>? Nếu chỉ đọc mấy câu như vậy theo em En-ri-Cô đã hiểu bố muốn nói gì chưa?</p> <p>? Tại sao?</p> <p>-> Vì: Nội dung ,ý nghĩa chưa rõ ràng, các câu sắp xếp tùy tiện, sai ngữ pháp</p> <p>? Đối chiếu với bản gốc xem đoạn văn thiếu những gì?</p> <p>? Muốn hiểu được rõ ràng đoạn văn ta phải làm gì? - Tại sao?</p> <p>? Vậy qua tìm hiểu em hiểu gì về tính liên kết trong vb</p> <p>- HS đọc ghi nhớ</p> <p>- Hs đọc cá nhân vd b/tr18</p> <p>- Trao đổi cặp đôi nhận xét</p> <p>? Hãy trở lại vb “ Cổng trường mở ra” đối chiếu 2 đoạn văn và so sánh?</p> <p>? Nếu chỉ đọc đ.văn/tr18 đã thấy được sự thống nhất trong chuyển đổi tâm trạng chưa?</p> <p>? Để các câu thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau, người viết phải làm gì?</p> <p>? Tại sao do chỉ sót từ “ còn bây giờ” và</p>	<p>I- Liên kết và phương tiện liên kết trong vb</p> <p>1) Tính liên kết trong văn bản</p> <p>a- Ví dụ- sgk</p> <p>b- Nhận xét:</p> <p>- En-ri-cô sẽ không hiểu rõ ý của bố mình .</p> <p>- Thiếu: “việc...vậy”; “nhớ lại...với con”; “ con mà...ư ?”; “hãy ...với mẹ”</p> <p>- Để hiểu rõ phải có từ để kết nối</p> <p>- Để câu có nghĩa</p> <p>* Ghi nhớ 1/tr18</p> <p>2) Phương tiện liên kết trong văn bản</p> <p>a- VD</p> <p>b- NX:</p> <p>- Đoạn văn gốc có sự kết nối bằng từ, cụm từ..</p> <p>- Đoạn văn /tr18 không có => Nội dung chưa thống nhất</p> <p>- Để câu có nội dung chặt chẽ phải có các ý, các câu, các đoạn liên kết với nhau</p> <p>- Từ ngữ là một trong hình thức ngôn</p>

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>- PP: Vấn đáp, luyện tập thực hành, hoạt động nhóm</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm</p> <p>+ NL: Tự học, giải quyết vấn đề, sử dụng NN</p> <p>+ PC: tự tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs làm bài cá nhân - GV theo dõi, nx - Sắp xếp các câu văn trên theo thứ tự hợp lí để tạo sự liên kết chặt chẽ? <p>Các câu liên kết cha? Vì sao? Thêm ví dụ về thống nhất giữa nội dung và hình thức.</p> <p>Điền từ thích hợp vào chỗ trống? Hướng dẫn sử dụng phương tiện liên kết.</p> <p>- HS thảo luận nhóm, trả lời.</p> <p>Y/c H đọc y/c và giải thích nhận xét</p>	<p>II- Luyện tập</p> <p>* BT1: Câu: 1-4-2-5-3</p> <p>* BT2 - Cha liên kết về hình thức - ND, ý nghĩa không thống nhất</p> <p>* BT3 - Điền lần lượt: bà, bà, cháu, bà. Cháu, cháu, thế là</p> <p>* BT 4 - Hình thức: nếu tách khỏi vb thì 1 câu nói về mẹ, 1 câu nói về con. - Nội dung: VB không chỉ có câu 2 mà còn có câu 3 là câu nối kết 2 câu tạo sự liên kết chặt chẽ.</p>

2.4. Hoạt động vận dụng:

- Viết đoạn văn có sử dụng các kiểu liên kết đã học

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tham khảo tài liệu về tính liên kết trong văn bản
- Nắm vững nội dung bài học, đọc thêm tr/19. Làm hoàn thiện các bt còn lại
- Chuẩn bị vb “ Cuộc chia tay của những con búp bê”
 - + Đọc kĩ văn bản và trả lời các câu hỏi

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 2

Tiết 5,6 CUỘC CHIA TAY CỦA NHỮNG CON BÚP BÊ

(Khánh Hoài)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS Cảm nhận được những tình cảm chân thành, sâu nặng của hai anh em trong câu chuyện. Cảm nhận được nỗi đau đớn xót xa của những bạn nhỏ chẳng may rơi vào hoàn cảnh gia đình bất hạnh. Biết thông cảm và sẻ chia với những người bạn ấy.

- HS hiểu được cái hay của chuyện là ở cách kể chân thật và cảm động

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng kể chuyện ở ngôi thứ nhất, kỹ năng miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật.

3. Thái độ:

- Các em thấy được mái ấm gia đình là hạnh phúc của tuổi thơ, mọi người hãy biết giữ gìn và bảo vệ nó

4. Năng lực và phẩm chất

- + Năng lực: Tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác
- + Phẩm chất: Yêu gia đình, yêu quê hương, sống tự chủ, tự tin.

II. CHUẨN BỊ:

1: GV: Bài soạn, các khả năng tích hợp: tích đời sống, tích TV Soạn bài, sgk, tài liệu tham khảo.

2: HS: - Đọc nhiều lần vb và soạn kĩ bài học.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- **Kiểm tra bài cũ** - Vì sao khi đọc thư của bố En-ri-cô " xúc động vô cùng"?

- Nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản "Mẹ tôi"?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho hs Hát bài Ba ngọn nến lung linh. Nêu cảm nhận về tình cảm gđ... GV NX, giới thiệu vào bài

2) Các hoạt động hình thành kiến thức.

TIẾT 1

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
HĐ 1 : Đọc tìm hiểu chung PP: <i>vấn đáp, thảo luận nhóm...</i> KT: <i>đọc tích cực, kĩ thuật hỏi và trả lời</i> NL: <i>Tự học, sử dụng NN, hợp tác</i> PC: <i>tự tin</i> HT: <i>HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp</i> - HS HĐ cá nhân: <i>Đọc chú thích sgk</i> - Trao đổi cặp đôi, tìm hiểu tác giả Khánh Hoài: ? Nêu xuất xứ vb ?	I. Đọc và tìm hiểu chung : 1. Tác giả(sgk) 2. Tác phẩm a. Xuất xứ: - Tác phẩm được trao giải nhì trong cuộc thi thơ văn viết về quyền trẻ em tổ chức tại Thụy Điển 1992. b. Đọc - tóm tắt, chú thích

? Theo em, cần đọc vb với giọng ntn?

GV hướng dẫn cách đọc : giọng tha thiết, tình cảm. Phân biệt lời kể, lời đối thoại, lời văn miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật.

? Các em đã đọc và soạn bài ở nhà, hãy tóm tắt cốt truyện của truyện ?

- HS tóm tắt, Gv tóm tắt mẫu.

- GV cho hs tìm hiểu chú thích theo sgk

- Gv sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời cho hs tìm hiểu các nội dung về: thể loại, nhân vật chính, ptbđ, ngôi kể, bố cục

- GV chốt kiến thức trên bảng

- Đọc

- Tóm tắt:

- Chú thích : sgk

c. Thể loại: Truyện ngắn

- Nvật chính: 2 anh em Thành và Thủy

d. Ptbd: tự sự (kết hợp miêu tả, biểu cảm)

e. Ngôi kể: ngôi thứ nhất (Thành xưng tôi)

f. Bố cục:

- Đ1: Từ đầu -> “hiếu thảo như vậy”:
Chia búp bê

- Đ2: Tiếp -> “ trùm lên cảnh vật”:
Chia tay lớp học

- Đ3: Còn lại: Hai anh em chia tay

HD 2: Phân tích

PP: Vấn đáp, thảo nhóm, giảng bình

KT: động não, đặt câu hỏi

NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác

PC: tự tin, yêu gia đình...

HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp

- HS thâm đoạn 1

? Tìm các chi tiết cho thấy quan hệ giữa búp bê với anh em Thành- Thủy ?

? Vậy với anh em Thành- Thủy búp bê có ý nghĩa ntn?

? Vậy vì sao anh em họ phải chia búp bê ra?

II. Phân tích

1. Chia búp bê

- Búp bê:

+ Là đồ chơi thân thiết của 2 anh em.

+ Búp bê Vệ Sĩ -> Thành; Em Nhỏ -> Thủy luôn bên nhau.

-> **Búp bê là đồ chơi thân thiết của tuổi thơ, không thể tách rời, như biểu tượng cho chính tc gắn bó y thương của 2 ae.**

- Vì: Bố mẹ li hôn

GV bình: nỗi đau chia cắt này ko chỉ của riêng người lớn, nó ảnh hưởng đến cả những đứa trẻ hồn nhiên vô tội, thậm chí đến cả những con búp bê đồ chơi vô tri vô giác.

? Câu chuyện mở đầu bằng chi tiết nào?

? Cách tạo tình tiết mở đầu câu chuyện như vậy có tác dụng gì ?

- HS trao đổi cặp đôi nx

GV giảng: Mở đầu = tình tiết gây bất ngờ “Mẹ giục chia đồ chơi...”-> người đọc ngạc nhiên và muốn dõi theo diễn biến của câu chuyện để tìm hiểu nguyên nhân.

? Lệnh chia đồ chơi của mẹ khiến Thủy và Thành có tâm trạng ntn ? Nêu những chi tiết biểu hiện tâm trạng đó ?

? Em có nhận xét gì về cách miêu tả của tg trong đoạn văn này?

? Qua cách miêu tả ấy, em nhận ra dc tâm trạng gì của 2 ae Thành và Thủy ?

- GV giảng.

? Tìm đoạn văn tả cảnh buổi sáng khi 2 anh em chuẩn bị chia đồ chơi ?

- HS trao đổi cặp đôi nx:

? Việc tg xen vào giữa cảnh chia đồ chơi của 2 anh em 1 khung cảnh sinh hoạt và cảnh th/ nhiên buổi sáng vui nhộn có td gì ?

? Ngồi bên em trong vườn nhà, Thành hồi tưởng về quá khứ với ~ kỉ niệm đẹp đẽ ntn?

? Các chi tiết ấy nói lên t.c gì của 2 ae TT?

* Mẹ ra lệnh chia đồ chơi lần thứ nhất:

- Thủy: *run lên bần bật, kinh hoàng, ...buồn thảm thảm, ánh mắt tuyệt vọng...*

- Thành: *cắn chặt môi... nước mắt cứ tuôn ra... ướt đầm...*

+ NT miêu tả tâm lí nv tinh tế qua cử chỉ, nét mặt,...

Tâm trạng buồn khổ, sợ hãi, đau đớn và bất lực.

- “*Đằng đông trời hửng dần ... riu ràn*”

+ Đối lập cảnh tn tươi đẹp, bình thản với nỗi đau đớn, bất hạnh của 2 anh em
-> **làm tăng thêm nỗi đau trong lòng Thành.**

- Thành nhớ về kỉ niệm:

+ *Thủy ra sân vận động vá áo cho anh;*

+ *Thành chiều nào cũng đón em; trò chuyện*

+ *Thủy để con Vệ Sĩ gác cho anh ngủ*

-> **Hai anh em luôn gần gũi, quan tâm chia sẻ và yêu thương lẫn nhau.**

Gv bình: Việc Thành nhớ lại những t.c yêu thương giữa 2 ae càng tô đậm thêm sự đau xót, bất lực của 2 ae khi phải chia tay nhau.

- GV đọc đoạn: “*Vậy mà giờ đây...mơ thôi*”.

? Trong đoạn này, điệp ngữ “xa nhau”, và “giấc mơ” thể hiện điều gì?

(Mâu thuẫn giữa hiện thực và mơ ước -> tăng thêm nỗi xót xa trong lòng Thành)

- Cho hs thảo luận nhóm

- GV chia nhóm: 6 nhóm tg: 5p

- GV nêu yêu cầu:

+ Tìm các chi tiết miêu tả việc chia búp bê của 2 anh em Thành và Thủy?

+ Em có nx gì về cách kể của t/g?

+ Qua đó, em cảm nhận về tình cảm của hai anh em Thủy qua hình ảnh hai con búp bê?

- Các nhóm thảo luận, ghi kết quả vào bảng phụ

- Đại diện tb/ nx/ bổ sung.

- GV NX

- G bình giảng: Búp bê, kỉ vật êm đềm trong tuổi thơ của anh em T-T, nó gắn bó với sự sum họp đầm ấm của gia đình, là hình ảnh hiện hữu của anh em T-T nên không thể chia rẽ được vì bất kì lí do gì

* Mẹ ra lệnh chia đồ chơi lần 2:

<i>Thành</i>	<i>Thủy</i>
- Lấy 2 con búp bê từ trong tủ đặt sang 2 phía	- Tru tréo, giận dữ “sao anh ác thế”
- Đặt con Vệ Sĩ vào cạnh con Em Nhỏ	- Bỗng vui vẻ “anh xem chúng đang cười kìa”

+ Cách kể chân thành, cảm xúc chân thật

=> Hình ảnh 2 con bb tượng trưng cho tình anh em không tách rời, bền chặt, không thể chia rẽ của Thành và Thủy.

TIẾT 2

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
HD 2: Phân tích <i>PP: Vấn đáp, thảo nhóm, giảng bình</i>	II. Phân tích (tiếp) <i>1. Cuộc chia búp bê</i>

KT: động não, trình bày 1 phút

NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác

PC: tự tin, yêu gia đình...

HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp

- HS tự đọc phần tiếp theo

? Tìm những chi tiết miêu tả Thủy khi 2 anh em đến trường học?

- Trao đổi cặp đôi nx:

? Vì sao Thủy lại bật khóc thút thít?

Gv bình: -> nỗi bất hạnh ko gì đo đếm đc của Thủy, đọc đoạn này, ta như nghe thấy tiếng khóc thút thít của T, như nhìn thấy nước mắt lăn dài trên má em, như chạm đc tới nỗi đau se sắt trong lòng em, và cũng nhòa lệ như chính mình đang bị đau đớn như thế. Còn gì đau đớn hơn khi còn cha mẹ anh em mà ko đc sống cùng nhau nữa.

- Cho hs thảo luận nhóm

- GV chia nhóm: 6 nhóm tg: 5p

- GV nêu yêu cầu:

? Khi thấy Thủy, cô giáo có lời nói và hành động gì?

? Bạn bè của Thủy đã có hđ ntn?

? Những chi tiết này thể hiện rõ điều gì?

? Từ đây, em cảm nhận ntn về tình thầy trò dưới mái trường?

- Các nhóm thảo luận, ghi kết quả vào bảng phụ

- Đại diện tb/ nx/ bổ sung.

- Gv nhận xét chung

Gv giảng\

2. Chia tay với lớp học

- Trên đường đến trường: Thủy quan sát kĩ cảnh vật quen thuộc 2 bên đường, ...Em cắn chặt môi im lặng ... bật lên khóc thút thít"

-> Vì: Trường học là nơi ghi dấu những niềm vui của Thủy và em hiểu sắp phải xa mãi mãi với nơi này, em sẽ không còn được đi học nữa...

* Cô giáo:

- Ôm chặt lấy em ... cô thương em lắm

- Tặng cây bút, quyển sổ...sừng sốt, tái mặt, nước mắt giàn giụa.

* Bạn bè:

- Sững sờ, thút thút...bỏ chỗ ngồi, đi lên nắm chặt tay ...khóc mỗi lúc một to hơn

=> **Sự đồng cảm xót thương của thầy của bạn dành cho Thủy**

- Hs hoạt động cá nhân

? Chi tiết nào trong cuộc chia tay của Thủy với lớp học, với cô giáo làm em cảm động nhất? Vì sao?

- (HS bộc lộ): (chi tiết nói em ko đc học nữa, chi tiết cô tặng vở, bạn nắm tay, khóc...)

? Khi dứt em ra khỏi trường Thành có tâm trạng gì?

? Vì sao Thành lại có tâm trạng này?

- HS trao đổi cặp đôi nx:

Vì: trong khi mọi việc đều diễn ra bình thường, cảnh đẹp, đời bình yên.. thế mà 2 ae lại đang phải chịu đựng sự mất mát, đổ vỡ quá lớn.

- GV: Em ngạc nhiên vì trong tâm hồn mình đang nổi dông bão khi sắp đến lúc phải chia tay em gái bé nhỏ yêu thương của mình, cả đất trời như sụp đổ trong tâm hồn em, vậy mà TG xung quanh lại vẫn bt.

? Trong đoạn văn này tác giả đã sử dụng nghệ thuật miêu tả nhân vật ntn?

? Tác dụng?

- Gv bình.

? Khi biết đến lúc phải chia tay, 2 a/e có cảm nhận và phản ứng ntn?

- Diễn tả tình thầy trò, bạn bè ấm áp, trong sáng

* Thành: "Kính ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật"

- NT: miêu tả tâm lí nhân vật qua hành động, cử chỉ, nét mặt, lời nói...

=> **Khắc họa tinh tế diễn biến tâm lí nhân vật -> tăng thêm nỗi buồn sâu thẳm, trạng thái thất vọng bơ vơ của nhân vật.**

3. Cuộc chia tay của hai anh em

Thành + cảm thấy cuộc ch.tay đột ngột quá

Thủy+ Như người mất hồn, mặt tái xanh như tàu lá

+ Chạy vội vào nhà ghì lấy con búp bê

+ Khóc nức lên, nắm tay áo tôi dấn dò

? Kết thúc truyện, Thủy đã lựa chọn cách giải quyết ntn?

? Qua chi tiết này em cảm nhận đc gì về nv Thủy?

- GV bình: Từ đây khiến người đọc thấy vô cùng xúc động và sự chia tay của 2 anh em là rất là không nên có.

? Lời dặn dò của Thủy, bắt anh phải hứa “ko bao giờ để chúng xa nhau” cho em hiểu điều gì?

? Lời nhắn nhủ ấy với toàn bộ câu chuyện đã gửi đến chúng ta những thông điệp nào về quyền trẻ em?

(Lời nhắc nhở mỗi gia đình và xã hội “Hãy vì hạnh phúc tuổi thơ” :

Ko đẩy trẻ em vào tình cảnh bất hạnh
Người lớn và xã hội hãy chăm lo và bảo vệ hạnh phúc của trẻ em)

? Cuộc chia tay của T & T diễn ra trong nước mắt, nhưng qua đó lại sáng lên những tình cảm đáng trân trọng. Theo em đó là tình cảm gì ?

- HS tự nêu cảm nhận

GV bình: Thông qua hình ảnh biểu tượng là búp bê câu chuyện về thế giới tâm hồn của trẻ thơ đã được dựng lên . Cuộc chia tay đau đớn và cảm động của 2 anh em khiến người đọc thấm thía rằng: t/c , hp gđ là vô cùng quý giá. Mỗi chúng ta cần bảo vệ, giữ gìn, ko nên làm tổn hại đến những tảm trong sáng ấy.

HD 3: Tổng kết

- PP: Vấn đáp

- Đặt con Em Nhỏ quàng tay vào vai con Vệ Sĩ:

- Anh phải hứa không bao giờ để chúng nó ngồi cách xa nhau. Anh nhớ chưa? Anh hứa đi.

-> Cô bé có tâm hồn nhạy cảm, trong sáng, yêu thương anh trai, lo lắng cho anh song phải chịu nỗi đau khổ, bất hạnh ko đáng có.

-> Là thông điệp với toàn xh: “ Hãy vì hạnh phúc trẻ thơ”.

✉ T/c anh em thiêng liêng, gắn bó ko thể tách rời.

III. Tổng kết

2.3. Hoạt động luyện tập

- Tình cảm của hai anh em Thành và Thủy được thể hiện ntn trong văn bản?
- Qua câu chuyện này, tác giả muốn nhắn gửi đến mọi người điều gì?

2.4. Hoạt động vận dụng:

- Liên hệ thực tế và cho biết những hậu quả mà trẻ em phải chịu sau khi cha mẹ chia tay là gì?

- Kể lại kỉ niệm về một món đồ chơi mà em yêu quý.

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhân vật Thủy trong truyện ngắn “CCTCNCBB”

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm đọc tác phẩm văn học viết về tình cảm gia đình
- Xem kĩ lại kiến thức đã học.
- Chuẩn bị bài mới: Bố cục trong văn bản (đọc và tìm hiểu trước các ví dụ, trả lời các câu hỏi trong sgk)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 2 Tiết 7 : BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

I. MỤC TIÊU .

1. Kiến thức:

- HS biết được tầm quan trọng của bố cục trong văn bản; trên cơ sở đó có ý thức xây dựng bố cục khi tạo lập văn bản

- HS Hiểu thế nào là một bộ cục rành mạch và hợp lí để bước đầu xây dựng được những bộ cục rành mạch, hợp lí cho các bài làm

- Thấy được tính phổ biến và sự hợp lí của dạng bộ cục 3 phần, nhiệm vụ của mỗi phần trong bộ cục, để từ đó có thể làm được mở bài, thân bài, kết bài đúng hướng hơn, đạt kết quả tốt hơn.

2. Kỹ năng:

- Xây dựng được bộ cục khi tạo lập văn bản

3. Thái độ:

- Có được ý thức xây dựng bộ cục khi tạo lập văn bản

4. Năng lực và phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác

+ Phẩm chất: Yêu gia đình, yêu quê hương, sống tự chủ, tự lập.

II. CHUẨN BỊ:

1:GV: tích hợp với đời sống, TV, tài liệu tham khảo., máy chiếu

2: HS: - Đọc nhiều lần vb và soạn kĩ bài học.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra bài cũ

- Thế nào là liên kết trong văn bản? Tác dụng?

- Nêu các phương tiện liên kết trong văn bản, lấy VD?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho hs gọi HS kể lại chuyện” Chân, Tay... HS nêu ý nghĩa truyện, GV giới thiệu vào bài

2) Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
HD 1: Bộ cục và những yêu cầu về bộ cục trong văn bản PP: Vấn đáp, thảo nhóm, GQVD KT: động não, trình bày 1 phút NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác PC: tự tin... HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp - GV treo bảng phụ ghi VD - HS đọc vd Lá đơn thứ Lá đơn thứ 2	I. Bộ cục và những yêu cầu về bộ cục trong văn bản 1. Bộ cục của văn bản * Xét VD

nhất		
<ul style="list-style-type: none"> - Lí do xin vào đội - Họ tên, nơi ở, học trường nào - Lời hứa khi được kết nạp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, nơi ở, học trường nào - Lời hứa khi được kết nạp. - Lí do xin vào đội 	
<p>? Em có thể chấp nhận cách sắp xếp nội dung của 2 lá đơn trên được không? Vì sao?</p> <p>- HS trao đổi cặp đôi nx</p> <p>? Nếu em không chấp nhận cách sắp xếp như vậy, hãy đưa ra cách sắp xếp mà em cho là hợp lí hơn?</p> <p>- HS nêu cách sắp xếp lại</p> <p>? Vậy nội dung một lá đơn cần được sắp xếp như thế nào?</p> <p>- GV: Sự sắp đặt nội dung các phần trong văn bản theo một trình tự hợp lí được gọi là bố cục.</p> <p>? Vì sao khi xây dựng văn bản, cần phải quan tâm tới bố cục?</p> <p>? Vậy bố cục là gì?</p> <p>- GVNx -> Ghi nhớ chấm 1</p> <p>- Đọc 2 câu chuyện</p> <p>- GV chia nhóm thảo luận các câu hỏi trong thời gian 5 phút</p> <p>- HS đọc cá nhân 2 câu chuyện (sgk)</p> <p>a. Mỗi câu chuyện gồm mấy đoạn văn. Nội dung của mỗi đoạn văn ấy có tương đối thống nhất không? ý của các đoạn văn có phân biệt với nhau tương đối rõ ràng không?</p> <p>b. Cách kể chuyện như vậy bất hợp lí ở chỗ nào?</p> <p>c. Theo em, nên sắp xếp bố cục của 2</p>		
<p>- Không chấp nhận 2 cách sắp xếp</p> <p>-> Vì: Các phần của lá đơn không được sắp xếp theo một trật tự phù hợp với yêu cầu của một văn bản hành chính</p> <p>Sắp xếp theo trình tự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, nơi ở, học trường nào - Lí do xin vào đội - Lời hứa khi được kết nạp. <p>=> <i>Cần sắp xếp theo một trình tự hợp lí</i></p> <p>- Bố cục sẽ giúp văn bản trở lên rõ ràng, rành mạch -> Người đọc dễ theo dõi, dễ hiểu</p> <p>* Ghi nhớ chấm 1 SGK/30</p> <p>2. Những yêu cầu về bố cục trong văn bản</p> <p>* Xét VD</p> <p>a. Mỗi câu chuyện có 2 đoạn văn. Nội</p>		

câu chuyện trên như thế nào?

- GV gọi đại diện nhóm trình bày
- GV gọi HS khác NX, bổ sung
- GV NX -> Chốt

- Trao đổi cặp đôi: So sánh 2 cách sắp xếp giữa 2 câu chuyện trong SGK ngữ văn 7 với 2 văn bản: *Ếch ngồi đáy giếng* và *Lợn cưới, áo mới* (Sách ngữ văn 6 tập 1), em thấy cách sắp xếp nào nêu bật được ý nghĩa phê phán và có tác dụng gây cười hơn?

? Vậy bố cục hợp lý có tác dụng gì?

? Qua 2 VD em hãy cho biết các điều kiện để bố cục được rành mạch hợp lý?

? Thông thường một bài văn các em thường làm có bố cục mấy phần? Đó là các phần nào?

? Nêu nhiệm vụ của 3 phần mở bài, thân bài, kết bài trong văn bản miêu tả và văn tự sự?

dung của các đoạn không thống nhất. ý của các đoạn không phân biệt rõ ràng

b. Sự bất hợp lý:

- "VB" 1: Kể chuyện ếch ngênh ngang đi lại, nhâng nháo nhìn trời trước, ếch ở trong giếng sau

Kể ếch bị trâu đâm bẹp không gắn với việc nó đi lại ngênh ngang mà lại đưa xuống cuối cùng và thêm vào một chi tiết lạc lõng " Từ đấy, trâu trở thành bạn của nhà nông"

- "VB" 2: Kể chuyện anh khoe áo mới trước, anh khoe lợn cưới sau.

c. Nên sắp xếp bố cục 2 câu chuyện trên như 2 văn bản: ếch ngồi đáy giếng và lợn cưới, áo mới (Sách ngữ văn 6 tập 1)

-> Hai văn bản: ếch ngồi đáy giếng và Lợn cưới, áo mới (Sách ngữ văn 6 tập 1) nêu bật được ý nghĩa phê phán và gây cười

=> *Bố cục hợp lý để giúp văn bản đạt mức cao nhất mục đích giao tiếp mà người tạo lập đặt ra*

* Ghi nhớ ý 2 (SGK/30)

3. Các phần của bố cục

Bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.

* Văn tự sự:

- Mở bài: Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc

- Thân bài: kể diễn biến của sự việc

- Kết bài: kể kết cục của sự việc

* Văn miêu tả:

- Mở bài: Giới thiệu đối tượng được tả (cảnh, người, đồ vật, con vật, cây cối)

? Có cần phân biệt nhiệm vụ của mỗi phần không? Vì sao?

? Có bạn nói rằng phần mở bài chỉ là sự tóm tắt, rút gọn của phần thân bài, còn phần kết bài chẳng qua chỉ là sự lặp lại một lần nữa của mở bài. Nói như vậy có đúng không? Vì sao?

? Một bạn khác lại cho rằng, nội dung chính của việc miêu tả, tự sự và cả đơn từ nữa được dồn cả vào phần thân bài nên mở bài và kết bài là những phần không cần thiết lắm. Em có đồng ý với ý kiến đó không?

? Có phải cứ chia bài văn thành 3 phần mở bài, thân bài, kết bài là bố cục của nó sẽ tự nhiên trở nên rành mạch hợp lý không?

? Vậy bố cục của 1 vb thường gặp là gì?

- GV NX -> Ghi nhớ ý 3

- Thân bài: Tập trung tả chi tiết theo một thứ tự hợp lý

- Kết bài: Phát biểu cảm tưởng về đối tượng được miêu tả.

+ Có (*giúp văn bản trở nên rành mạch hợp lý.*)

+ Không. Vì:

- Mở bài không đơn thuần là sự thông báo đề tài của văn bản mà còn phải cố gắng làm cho người đọc người nghe có thể đi vào đề tài đó một cách dễ dàng, tự nhiên, hứng thú và ít nhiều hình dung được các bước đi của bài.

- Kết bài không chỉ có nhiệm vụ nhắc lại đề tài hay đưa ra những lời hứa hẹn, nêu cảm tưởng ... mà phải làm cho văn bản để lại được ấn tượng tốt đẹp cho người đọc, người nghe.

+ Không. Vì mở bài và kết bài có nhiệm vụ riêng làm cho bài văn trở nên hoàn chỉnh rành mạch và hợp lý

+ Không. vì phải biết cách viết mở bài cho ra mở bài, thân bài đúng là thân bài, kết bài thật sự là một kết bài đích thực thì bài văn mới trở nên rõ ràng, rành mạch được.

* Ghi nhớ ý 3 SGK/30

2.3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
PP: Vấn đáp, luyện tập thực hành KT: giao nv, động não, trình bày 1 phút NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác PC: tự tin... HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp - Hs thảo luận theo bàn - Cho hs đọc và xác định y/c của bài tập	Bài tập 1 VD: Khi kể một câu chuyện em gặp

2.4. Hoạt động vận dụng:

Chỉ ra bố cục của một văn bản trong sách giáo khoa ngữ văn 7 phần chưa học

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Xác định bố cục của các văn bản trong chương trình Ngữ văn 7- tập 1
- Học bài. Làm bài tập 3 phần luyện tập SGK/ 30
- Chuẩn bị bài mới: Mạch lạc trong văn bản
- + Đọc sgk và trả lời câu hỏi

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 2 Tiết 8 MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhận diện và biết bước đầu hiểu được về mạch lạc trong văn bản và sự cần thiết phải làm cho văn bản có mạch lạc, không đứt đoạn hoặc quần quanh.
- Biết chú ý đến sự mạch lạc trong các bài tập làm văn

2. Kỹ năng:

- Biết xây dựng được bố cục khi viết VB; tập viết văn có mạch lạc

3. Thái độ:

- Có được ý thức vận dụng những kiến thức đã học về mạch lạc trong văn bản trong khi làm bài

4. Năng lực và phẩm chất:

- + Phẩm chất: Yêu gia đình, yêu quê hương, sống tự chủ, tự lập.
- + Năng lực: Tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác

II. CHUẨN BỊ:

- 1:GV: tài liệu tham khảo.
- 2: HS: - Đọc nhiều lần vb và soạn kĩ bài học.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra bài cũ

- Thế nào là bố cục trong văn bản? Bố cục thường gặp của một văn bản là như thế nào?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho hs gọi HS kể lại chuyện cười” Có đầu, có cuối... HS nêu ý nghĩa truyện, GV giới thiệu vào bài

2.2 Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
HD 1: Mạch lạc và những yêu cầu về mạch lạc trong văn bản <i>PP: Vấn đáp, giải quyết vấn đề</i> <i>KT: giao nv, động não</i> <i>NL: Tự học, sử dụng NN</i> <i>PC: tự tin...</i> <i>HT: HĐCN, cặp đôi, cả lớp</i> - HS đọc vd ? Em hãy tìm hiểu nghĩa của từ mạch lạc trong đông y ? Vậy mạch lạc trong văn bản có những tính chất gì? ? Có người cho rằng: Trong văn bản, mạch lạc là sự tiếp nối của các câu, các ý theo một trình tự hợp lí. Em có tán thành ý kiến đó không? Vì sao? - Hs trình bày ý kiến và nêu lí do. ? Vậy ngoài yêu cầu về bố cục, trong một văn bản còn có yêu cầu gì khác? - GVNX -> Ghi nhớ ý 1	I. Mạch lạc và những yêu cầu về mạch lạc trong văn bản 1. Mạch lạc trong văn bản * Xét ví dụ Mạch lạc trong văn bản có những tính chất - Trôi chảy thành dòng, thành mạch - Tuần tự đi qua khắp các phần, các đoạn trong văn bản. - Thông suốt, liên tục không đứt đoạn * Ghi nhớ ý 1 SGK/32

2. Các điều kiện để một văn bản có tính mạch lạc

* Xét VD

- HS Nhớ lại nd văn bản "Cuộc chia tay của những con búp bê"?

? Em hãy xác định chủ đề của văn bản "Cuộc chia tay của những con búp bê"?

- HS trao đổi cặp đôi nx:

? Các sự việc: mẹ bắt 2 con phải chia đồ chơi, hai anh em Thành, Thủy rất thương nhau; chuyện về 2 con búp bê, Thành đưa em đến lớp chào cô giáo và các bạn; hai anh em chia tay nhau, Thủy để lại cả 2 con búp bê cho Thành... có xoay quanh chủ đề của truyện không?

- GV: Các sự việc đều xoay quanh chủ đề câu chuyện -> chủ đề xuyên suốt vào các chi tiết, sự việc trong chuyện

? Hai anh em Thành và Thủy đóng vai trò gì trong truyện?

a) Chủ đề: Cuộc chia tay đau đớn của hai anh em bất hạnh do sự thiếu trách nhiệm của bố mẹ.

- Các sự việc đều xoay quanh chủ đề câu chuyện

- Thành và Thủy : nhân vật chính trong truyện, đóng vai trò chủ yếu trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.

b) Các từ ngữ góp phần liên kết các sự việc trong văn bản -> mạch lạc trong văn bản

? Các từ ngữ: *chia tay, chia đồ chơi, chia ra, chia rẽ, xa nhau, khóc...* cứ lặp đi lặp lại trong bài có tác dụng liên kết các sự việc trong văn bản thành một thể thống nhất không? Đó có thể xem là mạch lạc của văn bản không?

? Các phần các đoạn, các câu trong văn bản phải như thế nào để tạo thành một văn bản có tính mạch lạc?

? Các đoạn trong văn bản " Cuộc chia tay của những con búp bê" được nối với nhau theo những mối liên hệ nào?

=> Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện một chủ đề chung xuyên suốt.

c) Theo các mối liên hệ:

- Liên hệ thời gian

- Liên hệ tâm lí (nhớ lại)

- Liên hệ không gian

- Liên hệ ý nghĩa

-> Những mối liên hệ đó tự nhiên và hợp lí

=> Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản phải được sắp xếp theo một trình tự rõ ràng, hợp lí

* Ghi nhớ ý 2 SGK/32

? Những mối liên hệ giữa các đoạn ấy có tự nhiên và hợp lí không?

? Vậy các phần, các đoạn, các câu trong văn bản phải được sắp xếp như thế nào để văn bản có tính mạch lạc?

? Nêu các điều kiện để 1 văn bản có tính mạch lạc?

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của gv và hs	Nội dung cần đạt
<p>PP: Vấn đáp, HĐ nhóm, thực hành lt</p> <p>KT: giao nv, động não, trình bày 1 phút</p> <p>NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác</p> <p>PC: tự tin...</p> <p>HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs đọc và xác định y/c của bài tập - Cho hs thảo luận nhóm + Nhóm 1,2,3: phần b1 + Nhóm 4,5,6: phần b2 - Gọi đại diện trình bày, nhận xét - Gv nhận xét chung 	<p>1. Bài tập 1</p> <p>b (1):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề: Lao động là vàng + Mở bài: 2 câu đầu nêu chủ đề + Thân bài: Phú nông gần đất xa trời... bội thu: là "kho vàng chôn dưới đất" và "kho vàng do sức lao động của con người làm nên: lúa tốt" + Kết bài: 4 câu cuối: Nhấn mạnh chủ đề thêm một lần nữa để khắc sâu <p>=> Văn bản có tính mạch lạc chủ đề xuyên suốt bài thơ, các phần liên mạch với nhau</p> <p>b (2): ý chủ đạo xuyên suốt toàn đoạn văn của Tô Hoài là: sắc vàng trù phú, đầm ấm của làng quê vào mùa đông, giữa ngày mùa. ý tứ đây đã được dẫn dắt theo một "dòng chảy" hợp lí, phù hợp với nhận thức của người đọc. Câu đầu giới thiệu bao quát về sắc vàng trong thời gian (mùa đông, giữa ngày mùa) và không gian (làng quê). Sau đó tác giả nêu lên những biểu hiện của sắc vàng trong không gian và thời gian đó. Hai câu cuối là nhận xét, cảm xúc về màu vàng. Một trình tự với 3 phần nhất quán và rõ ràng như thế đã làm cho mạch văn thông suốt và bố cục của đoạn văn trở nên mạch lạc.</p> <p>2. Bài tập 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thuật lại tỉ mỉ nguyên nhân dẫn đến việc chia tay của 2 người lớn không làm cho tác phẩm thiếu mạch lạc. Vì ý
<ul style="list-style-type: none"> - Hs đọc và xác định y/c của bài tập - Hs làm việc cá nhân, trả lời 	

4. Hoạt động vận dụng:

- Chỉ ra tính mạch lạc trong một văn bản mà em thích.

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng

- Tìm đọc tài liệu về mạch lạc trong văn bản
- Ôn luyện những kiến thức đã học; Làm bài tập 1 câu a SGK/ 32
- Chuẩn bị bài mới: Những câu hát về tình cảm gia đình
- + Đọc kĩ văn bản, tìm hiểu chung về khái niệm ca dao- dân ca
- + Trả lời các câu hỏi trong sgk

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 3 Tiết 9

Văn bản CA DAO, DÂN CA
NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH
- Bài 1 và 4 -

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS Biết được khái niệm ca dao – dân ca.
- HS Hiểu được nội dung, ý nghĩa và 1 số hình thức nghệ thuật của ca dao qua những bài ca dao về chủ đề tình cảm gia đình.
- Thuộc được 4 bài ca dao trong chùm và biết thêm 1 số bài ca dao khác cùng chủ đề

2. Kỹ năng:

- Đọc được diễn cảm và tìm hiểu được nội dung, nghệ thuật của mỗi bài ca dao.

3. Thái độ:

- Có được thái độ yêu quý, giữ gìn và bảo tồn ca dao-dc
- Bồi đắp thêm sự gắn bó với gia đình, yêu thương và bảo vệ những tình cảm gia đình tốt đẹp

4. Năng lực và phẩm chất:

- + Phẩm chất: Yêu gia đình, yêu quê hương, sống tự chủ, tự lập.
- + Năng lực: Tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác

II. CHUẨN BỊ:

1:GV: Bài soạn, các khả năng tích hợp: tích đời sống, tích TV Soạn bài, sgk, tài liệu tham khảo.

2: HS: - Đọc nhiều lần vb và soạn kĩ bài học.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra bài cũ

- Cuộc chia tay của 2 anh em Thành Thủy diễn ra như thế nào?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho hs nghe băng 1 bài hát ru. Nêu cảm nhận về bài hát ru đó... GV NX, giới thiệu vào bài

2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
HD 1 : Đọc tìm hiểu chung <i>PP: vấn đáp, thảo luận nhóm...</i> <i>KT: đọc tích cực, kỹ thuật hỏi và trả lời</i> <i>NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác</i> <i>PC: tự tin</i>	I. Đọc và tìm hiểu chung

HT: HĐCN, cặp đôi, cả lớp

- HS HĐ cá nhân: Đọc chú thích sgk
 - Trao đổi cặp đôi, tìm hiểu khái niệm ca dao, dân ca?
 - GV giảng bổ sung đặc điểm của ca dao, dân ca
 - GV cho hs nghe bài dân ca “đi cấy”.
- Gv: trong thực tế ko tồn tại ca dao tách biệt với dân ca.

? Em sẽ đọc vb ca dao với giọng đọc ntn?

- GV hướng dẫn HS đọc: Diễn cảm, nhẹ nhàng, tha thiết, nhịp thơ 2/2/2 hoặc 4/4.
- GV gọi HS đọc, GVNX, đọc hướng dẫn nếu cần
- Đọc chú thích SGK/35,36, nhấn mạnh chú thích “cù lao chín chữ”
- GV cho hs hỏi đáp để tìm hiểu chú thích sgk

? Xác định phương thức biểu đạt của 4 bài ca dao này?

? Xác định nội dung chính của từng bài ca dao?

? Theo em, tại sao 2 bài ca dao khác nhau lại có thể hợp thành một văn bản?

HĐ 2: Phân tích

PP: Vấn đáp, thảo nhóm, giảng bình

KT: động não, trình bày 1 phút

NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác

PC: tự tin, yêu gia đình...

HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp

- HD Đọc lại bài ca 1
- ? Bài ca 1 là lời ai nói với ai, về việc gì?
- ? Mẹ nói với con bằng cách nào?

1) Khái niệm ca dao, dân ca:

- Thể loại trữ tình dân gian (NT)
 - Kết hợp lời và nhạc (Hình thức)
 - Diễn tả đời sống nội tâm con người (ND)
 - + Dân ca : là những sáng tác kết hợp giữa lời và nhạc (những câu hát dân gian trong diễn xướng)
 - + Ca dao : là lời thơ của dân ca
- Ca dao còn đc hiểu là 1 thể thơ dân gian

2. Đọc, tìm hiểu chú thích.

* Đọc

* Chú thích(sgk)

3. PTBD: biểu cảm

4. Chủ đề:

Bài 1: bc về ơn nghĩa công lao cha mẹ

Bài 4: bc về tình anh em ruột thịt

-> **cả 2 bài đều có chủ đề về tc gia đình.**

II. Phân tích

Bài ca dao 1

- Là lời mẹ nói với con về công cha, nghĩa mẹ

Tdụng?

GV: *Hát ru bao giờ cũng gắn liền với sinh hoạt gđ, là dòng sữa nuôi dưỡng tâm hồn mỗi chúng ta từ khi thơ ấu. Vì vậy nó gần gũi, thiêng liêng với người Việt.*

? Bài ca dao sử dụng NT gì để nói về công cha, nghĩa mẹ?

- Trao đổi cặp đôi nx

? Em hiểu ntn về hình ảnh “núi ngất trời” và “nước ngoài biển Đông”?

? Em có xét gì về cách so sánh này?

công cha – núi ngất trời: lớn lao, vững chắc

nghĩa mẹ – nước ngoài b.Đông: vô tận, dạt dào

(công cha nghĩa mẹ là ~ điều ko dễ gì ss đc. Chọn ~ thứ mang tâm vóc vũ trụ rộng lớn và vĩnh hằng :núi “ngất trời”, nước biển Đông- để so sánh. Đó là cách ss tuyệt mỹ, đầy ấn tượng)

? Ở câu thứ 3 của bài cd, hình ảnh nào đc lặp lại? Và nx gì về từ ngữ được sử dụng?

- bổ sung thêm nét điệp trùng, nối tiếp của núi, của biển khiến núi càng thêm cao, biển càng thêm rộng)

? Qua cách ss và điệp từ ấy, hình ảnh núi cao, biển rộng trở nên có ý nghĩa ntn?

? Từ đây, em hiểu gì về công cha nghĩa mẹ?

GV: *Với lối ví von quen thuộc của ca dao, bài ca dao này lấy cái to lớn, vĩnh hằng của thiên nhiên làm biểu tượng cho nghĩa mẹ, công cha.. Đó không phải là lời giáo huấn khô khan về chữ hiếu mà là tiếng nói tâm tình, truyền cảm làm lay động trái tim chúng ta.*

? Câu cuối của bài ca dao xuất hiện

- Hình thức: lời ru (gần gũi, thiêng liêng)

- NT:

+ So sánh

-> Hình ảnh so sánh chính xác, độc đáo.

+ Điệp từ, tính từ, từ láy.

-> *Núi cao, biển rộng trở thành h/a biểu tượng cho công ơn của cha mẹ với con cái.*

=> Công cha nghĩa mẹ luôn lớn lao, sâu nặng, và trở thành bất diệt với thời gian.

cụm từ “Cù lao chín chữ”. Hãy giải thích?

? Vậy cuối lời ru, người mẹ nhắc con về “cù lao chín chữ”, điều đó có ý nghĩa gì?

? Bài CD có ý nghĩa gì?

- GV liên hệ, nâng vấn đề:

Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng biển
Con nuôi cha mẹ con kể tháng ngày

Hay: “Một mẹ nuôi đủ 10 con, nhưng
10 con không nuôi nổi 1 mẹ”

Bởi vậy: “Tu đâu cho bằng tu nhà
Thờ cha kính mẹ ấy là chân tu”

? Em có biết những câu ca nào khác về tình cảm, ơn nghĩa cha mẹ?

- HS bộc lộ

- HS Đọc bài ca 4

? Lời của bài ca dao 4 là lời của ai, nói với ai? Nói về việc gì?

? Em hiểu “người xa” là gì? (ng xa lạ)

? Hãy tìm trong câu 2 những từ đối lập với từ “người xa” về mặt ý nghĩa?

? Từ nào trong c2 đc lặp lại 2 lần? Tdụng?

? Từ đó có thể nhận thấy tác giả dân gian cất nghĩa tình cảm anh em ntn?

GV : Quan hệ anh em khác biệt rõ ràng với quan hệ láng giềng, bè bạn. Với những tiếng mang âm bình liên mạch “Cùng chung ...thân”, nghe vừa thân mật, tha thiết, lại rất thiêng liêng.. Lời ca dao nhẹ nhàng, tự nhiên mà cũng khơi gợi bao tình cảm thâm thía.

? Quan hệ anh em còn đc thể hiện bằng hình ảnh nào nữa trong bài ca dao này?

? Nghệ thuật đc sử dụng?

- HS trao đổi cặp đôi nx

? Cách ss này có điểm nào giống với ss ở bài ca dao 1?

(cũng lấy cái trầu tượng so sánh với

- “Cù lao chín chữ”: chín chữ nói về công lao cha mẹ nuôi con vất vả.

=> **Bài ca dao là lời nhắc nhở làm cho người con hiểu công lao to lớn của cha mẹ và thấy được bổn phận, trách nhiệm của con cái trước công lao to lớn ấy.**

Bài ca dao 4

- Lời của ông bà, cha mẹ nói với con cháu về tình cảm anh em trong gđ

- Người xa >< Bác mẹ, một nhà, cùng thân(cùng ruột thịt)

+ Điệp ngữ: cùng -> tdụng nhấn mạnh

-> Anh em không phải người xa lạ, đều cùng cha mẹ sinh ra, có quan hệ máu mủ ruột thịt, chung sống cùng một mái nhà.

- "Yêu nhau như thể tay chân"

NT: So sánh

cái cụ thể)

? Qua đó, em hiểu đc điều gì về tình cảm anh em?

GV bình: Cách so sánh đã mở ra trong suy nghĩ của người nghe nhiều liên tưởng sâu rộng. Chân tay liền một cơ thể. Anh em là sự gắn kết bằng đường gân, mạch máu. Vì thế anh em gắn bó bền chặt, keo sơn, , không bao giờ chia cắt.

? Cuối bài ca dao, tgiả viết “Anh em hòa thuận hai thân vui vầy”, em hãy giải nghĩa từ “hai thân”?

- HS giải nghĩa từ

? Tác giả dân gian đã nhắn nhủ chúng ta điều gì qua lời ca này?

? Vậy theo em, anh em hòa thuận là như thế nào? HS tự liên hệ phát biểu.

Anh trên em dưới

- Anh bảo em nghe

- Chị ngã em nâng

? Em hiểu điều gì qua lời nhắn nhủ này?

? Vậy bài ca dao này có ý nghĩa gì?

? Những câu truyện nào em đã học, đã đọc cũng ngợi ca vẻ đẹp của tình cảm anh em ruột thịt?

- HS kể: (Bức tranh của em gái tôi, Cuộc chia tay của những con búp bê,...)

? Từ đây em thấy việc chúng ta vun đắp tình cảm anh em gắn bó, thuận hòa có ý nghĩa ntn?

Hs bộc lộ.

- GV : Lời khuyên nhủ trong bài ca dao 4, dù giản dị, mộc mạc là thế vẫn cứ chứa đầy ý nghĩa sâu xa.

- GV KL -> Chuyển ý

HD 3: Tổng kết

PP: Vấn đáp

-> *Tình cảm anh em gắn bó, khăng khít không thể tách rời (như chân tay trên cơ thể)*

- “Anh em hòa thuận hai thân vui vầy”

-> *Lời nhắn: anh em hòa thuận thì cha mẹ mới vui lòng.*

-*Tình anh em gắn bó, hòa thuận đem lại hạnh phúc cho cha mẹ. Đó là một cách báo hiếu cha mẹ.*

📌 **Đề cao tình anh em. Đề cao truyền thống đạo lí của gđ VN. Nhắn nhủ anh em đoàn kết vì tình ruột thịt, vì mái ấm gđ.**

III. Tổng kết

1. NT:

- So sánh giàu hình ảnh

2.3, Hoạt động luyện tập

Bài tập 2

- Đói lòng ăn hột chà là
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng
- Tu đâu cho bằng tu nhà
Thờ cha kính mẹ ấy là chân tu
- Chim trời ai dễ đếm lông
Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày
- Nuôi con cho được vuông tròn
Mẹ thầy dầu dãi, xương mòn gối long
- Con ơi, cho trọn hiếu trung
Thảo ngay một dạ kéo luống công mẹ thầy
? Chỉ ra tính mạch lạc trong vb này?
- C1 khẳng định anh em ko phải người xa
C2 giải thích vì sao ko phải người xa lạ
C3 đưa ra lời khuyên: vì cùng máu mủ nên phải yêu thương nhau như tay chân
C4 khẳng định ý nghĩa của tình anh em
-> tính mạch lạc là rõ ràng.

2.4. Hoạt động vận dụng:

- Thi đọc 1 số bài ca dao về tình cảm gđ
- Chọn và điền từ thích hợp vào câu văn sau. Giải thích vì sao em lại điền từ đó?
" Tình cảm gia đình là một trong những tình cảm nhất đối với mỗi con người" (Thiêng liêng, gần gũi, to lớn, sâu nặng, ấm áp, cần thiết, quan trọng.....)
- Nếu cho em 3 điều ước, em sẽ ước điều gì? Vì sao?

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Học thêm bài 2,3. Tìm đọc ca dao Việt Nam
- Suy tầm các bài ca dao về tình cảm gđ
- Chuẩn bị bài mới: Trả lời gói hóp đồng đọc hiểu Những câu hát về tình yêu quê hương đất nước, con người.
+ Đọc và tìm hiểu chung trước ở nhà, soạn và trả lời kĩ các câu hỏi liên quan đến bài 1,4

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 3 Tiết 10 Văn bản

**NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG,
ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI(Bài 1 và 4)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS biết cảm nhận tình yêu và niềm tự hào chân thành, tinh tế, sâu sắc của nhân dân ta trước vẻ đẹp quê hương, đất nước và con người.
- HS hiểu được hình thức đối đáp, hỏi mời, nhắn gửi là các phương thức diễn đạt trong ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, con người.

2. Kỹ năng:

Phân tích được nội dung, nghệ thuật của một bài ca dao. Liên hệ được đến những kiến thức đã học cùng chủ đề.

3. Thái độ:

- Có được thái độ yêu quý, giữ gìn và bảo vệ các bài ca dao

4. Năng lực và phẩm chất:

- + Năng lực: Tự học, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác
- + Phẩm chất: Yêu thương con người, yêu quê hương, sống tự chủ...

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: tài liệu tham khảo. Tích hợp với ca dao, dân ca, đời sống
2. Học sinh: Chuẩn bị SGK, vở ghi, soạn bài bài mới.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra bài cũ

- Đọc thuộc bài ca dao 1 trong chùm ca dao về tình cảm gia đình.
- Chỉ ra cái hay trong hình ảnh so sánh của bài ca dao, từ đó cho biết ý nghĩa của bài ca dao đó?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho hs thi đọc các bài ca dao về tình cảm gđ mà các em đã sưu tập... GV NX, giới thiệu vào bài

2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
HĐ 1 : Đọc tìm hiểu chung <i>PP: vấn đáp, thảo luận nhóm...</i> <i>KT: đọc tích cực, kĩ thuật hỏi và trả lời</i> <i>NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác</i> <i>PC: tự tin</i> <i>HT: HĐCN, cặp đôi, cả lớp</i>	I. Đọc và tìm hiểu chung: <i>1. Đọc – Tìm hiểu chú thích</i>

- GV hướng dẫn đọc, đọc mẫu
- GV gọi HS đọc
- GVNX.
- HS trao đổi cặp đôi tìm hiểu chú thích SGK/35,36
- HS hỏi đáp theo cặp đôi để tìm hiểu nội dung sau:
 - + 4 bài trong văn bản này thuộc thể loại gì?
 - + phương thức biểu đạt của văn bản ?
 - + Xác định nội dung của từng bài?
- GV gọi hs lên bảng trình bày
- GV nhận xét, chốt nd

HD 2: Phân tích

PP: Vấn đáp, thảo nhóm, giảng bình

KT: động não, trình bày 1 phút

NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác

PC: tự tin, yêu gia đình...

HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp

- HS Đọc lại bài ca 1
- ? Đây là lời của 1 hay 2 người? Người đó là ai?
- ? Bài ca này có kết cấu như thế nào?
- ? Hình thức của bài ca dao này có điểm gì đặc biệt?
- ? Hình thức đối đáp có phổ biến trong ca dao không? Em còn biết bài nào có hình thức đối đáp?
- Gv giảng về hình thức đối đáp trong ca dao: cd trữ tình phần lớn đc stác do nhu cầu hát xướng, vì thế nhiều bài đc làm dưới hình thức đối đáp -> hthức này trở thành thông dụng. Nhân dùng hình thức này để trao gửi tình cảm trong khi lao động, hội hè.... Trong lời đối đáp phải có đối đại từ nhân xưng, đối về hình thức và nội dung hỏi-đáp.
- HĐ nhóm: GV chia lớp làm 6 nhóm
- Thảo luận 5p
- Nội dung:
 - ? Những địa danh nào được nhắc tới trong lời đối đáp của chàng trai và cô

* Đọc

* Chú thích(sgk)

2. Tìm hiểu chung văn bản:

- Thể loại: trữ tình dân gian
- Ptbd chính: Biểu cảm
- + Bài 1: Phản ánh tình yêu quê hương đất nước
- + Bài 4: Phản ánh tình yêu quê hương đất nước kết hợp phản ánh tình yêu con người.

II. Phân tích

Bài ca dao 1

Lời của 2 người: chàng trai và cô gái

6 câu đầu: Lời người hỏi (chàng trai)

6 câu cuối: Lời người đáp (cô gái)

=> Hình thức đối đáp. Là một kết cấu phổ biến trong ca dao.

Vd:

- *Đố anh chi sắc hơn dao*

Chi sâu hơn bể, chi cao hơn trời?

Em ơi, mắt sắc hơn dao

Bụng sâu hơn bể, trán cao hơn trời

gái?

? Em có nhận xét gì về câu hỏi cũng như câu trả lời trong bài 1?

? Cách hỏi và đáp như vậy có tác dụng gì?

? Qua những lời hỏi đáp trên em thấy chàng trai và cô gái là những người ntn?

- Các nhóm thảo luận, ghi kq vào bảng phụ

- Đại diện trình bày, nhóm khác nx, bổ sung

- GV chốt - GV bình luận, mở rộng.

- HS Đọc bài ca 4

- Quan sát 2 dòng đầu của bài ca dao 4

? Nhận xét về số lượng tiếng ? Tác dụng?

? Trong 2 dòng đầu còn sử dụng biện pháp tu từ nào? Tác dụng?

? Hình ảnh cô gái được miêu tả qua những câu nào?

? Hai câu cuối tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- HS trao đổi cặp đôi nx

? Vì sao lại so sánh cô gái với chèn lúa đồng đồng?

- Vì cô gái và chèn lúa đồng đồng có sự tương đồng ở nét trẻ trung phơi phới và sức sống đang xuân

? Cách so sánh này có tác dụng gì?

- GV bình, lấy thêm ví dụ 1 số bài ca dao

- Năm cửa ô Hà Nội, sông Lục Đầu, núi Tản Viên, đền Sòng Thanh Hóa, Lạng Sơn

+ Câu hỏi đã nêu nét tiêu biểu của từng địa phương để hỏi

+ Câu trả lời đúng ý câu hỏi

- Thử tài nhau: đo độ hiểu biết kiến thức địa lí, lịch sử

- Thể hiện, chia sẻ niềm tự hào, tình yêu đối với quê hương đất nước.

- Đó là cơ sở và là cách để họ bày tỏ tình cảm với nhau

=> Là những người lịch lãm, tế nhị.

Bài ca dao4

- Mỗi dòng có 12 tiếng

=> gợi sự dài rộng, to lớn của cánh đồng

- NT: - Điệp ngữ

- Đảo ngữ

- Đối xứng

=> nhìn về phía nào cũng thấy cái mênh mông rộng lớn của cánh đồng. Cánh đồng không chỉ rộng lớn mà còn rất trù phú.

Thân em ban mai

- NT: So sánh (cô gái – chèn lúa đồng đồng)

-> *Gợi tả vẻ đẹp thon thả đầy sức sống thanh xuân, đầy hứa hẹn của người*

khác có hình thức tương tự.

thôn nữ.

? Như vậy bài ca này đã phản ánh những vẻ đẹp nào của làng quê?

(Vẻ đẹp cánh đồng quê; Vẻ đẹp con người nơi làng quê)

? Từ những vẻ đẹp đó, bài ca đã thể hiện tình cảm gì dành cho quê hương và con người nơi quê?

-> Yêu quý tự hào về vẻ đẹp và sức sống của quê hương và con người; tin tưởng vào cs tốt đẹp nơi làng quê.

HĐ 3: Tổng kết

III. Tổng kết

PP: Vấn đáp

KT: hỏi và trả lời

NL: Tự học

PC: tự tin, yêu gia đình...

HT: HĐCN, cả lớp

? Nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của 4 bài ca dao này?

1. NT:

- Hình thức đối đáp trong ca dao

- NT đối xứng, đảo ngữ, so sánh đặc sắc

- Giọng điệu mượt mà, êm ái

2. ND:

- HS đọc ghi nhớ

2.3. Hoạt động luyện tập

- Em có nhận xét gì về thể thơ của 2 bài ca dao trên?

- Tình cảm chung được thể hiện qua bốn bài ca dao trên là gì?

2.4. Hoạt động vận dụng:

- GV tổ chức cho hs đọc thêm diễn cảm các bài ca dao trong SGK/ 40, 41

? Theo em đó là ca dao nói về vùng miền nào? Vì sao em biết?

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Học bài. Làm bài tập 2 phần luyện tập (SGK/36)

- Tìm thêm những bài ca dao cùng chủ đề

- Viết 1 đoạn văn biểu cảm về bài ca dao số 4 trong vb.

- Chuẩn bị bài mới: Từ láy(Đọc và tìm hiểu trước các ví dụ , xem trước các bài tập)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 3 Tiết 11- Bài 3 TỪ LÁY

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Phát hiện được cấu tạo của từ láy: từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận.

- Hiểu được cơ chế tạo nghĩa của từ láy tiếng Việt

2. Kỹ năng:

- Biết vận dụng những hiểu biết về cấu tạo và cơ chế tạo nghĩa của từ láy để sử dụng tốt từ láy.

3. Thái độ:

- Tuân thủ những quy tắc khi sử dụng từ láy

4. Năng lực và phẩm chất:

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mỹ, hợp tác

+ Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

II. CHUẨN BỊ:

1:GV: Bài soạn, các khả năng tích hợp: tích đời sống, tích TV, tài liệu tham khảo. 2: HS: - Đọc nhiều lần vb và soạn kĩ bài học.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. Ổn định tổ chức.

Kiểm tra bài cũ - Nêu các loại từ ghép? Lấy ví dụ

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Chiếu một số hình ảnh, cho hs tìm từ miêu tả, hs nx, phân loại các từ vừa tìm...
... GV NX, giới thiệu vào bài

2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của GV- HS	Nội dung cần đạt
HD I. Tìm hiểu các loại từ láy PP: <i>Vấn đáp, thảo nhóm, lt theo mẫu</i> KT: <i>động não, trình bày 1 phút</i> NL: <i>Tự học, sử dụng NN, hợp tác</i> PC: <i>tự tin, yêu tiếng Việt..</i> HT: <i>HĐCN, cặp đôi, cả lớp</i> - HS Đọc VD (SGK/41) - HS trao đổi cặp đôi nx: ? Chỉ ra các từ láy trong VD? ? Nhận xét các từ láy trên có đặc điểm âm thanh gì giống và khác nhau? ? Dựa vào kết quả phân tích trên, hãy phân loại các từ láy có ở VD? Gv cho đọc ghi nhớ ý 1 sgk/42	I. Các loại từ láy 1. Xét VD SGK 2. Nhận xét: a. VD 1 Các từ láy: - Đăm đăm - Mếu mếu - Liêu xiêu * Giống: Các tiếng trong từ đều có quan hệ về âm với nhau * Khác: - Đăm đăm: 2 tiếng trong từ giống nhau hoàn toàn - Mếu mếu: 2 tiếng có phụ âm đầu giống nhau - Liêu xiêu: 2 tiếng có phần vần giống nhau. -> Có 2 loại từ láy: từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận Ghi nhớ ý 1/sgk/42

- Đọc VD mục 3/sgk

? Chỉ ra các từ láy trong VD?

? Vì sao các từ láy "bần bật, thăm thẳm" không nói được là "bật bật, thăm thăm"?

? Em có nhận xét gì về cấu tạo của từ láy "bần bật" so với từ láy "bật bật"; từ láy "thăm thẳm" so với từ láy "thăm thăm"?

? Tìm một số từ khác có cấu tạo tương tự từ "bần bật, thăm thẳm"?

? Vậy các từ "bần bật, thăm thẳm" được xếp vào loại từ láy nào?

? Từ đây em hiểu gì về từ láy toàn bộ?

? Từ láy bộ phận có mấy loại?

? Có mấy loại từ láy? đó là những loại nào?

- HS trả lời, đọc ghi nhớ SGK

- GV NX -> Ghi nhớ (SGK/42)

- GV cho hs lấy ví dụ và lưu ý phân biệt từ láy với 1 số từ ghép đẳng lập có các tiếng giống nhau về âm đầu hoặc phần vần(dẻo dai, tươi tốt, tươi cười...)

HD 2. Tìm hiểu nghĩa của từ láy

PP: Vấn đáp, thảo nhóm, lt theo mẫu

KT: động não, trình bày 1 phút

NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác

PC: tự tin, yêu tiếng Việt..

HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp

- HS đọc VD1 (SGK/42)

- Cho hs thảo luận cặp, trả lời

? Những âm thanh mà các từ láy này mô phỏng là những âm thanh gì?

? Nghĩa của ác từ láy ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu ” được tạo thành do đặc điểm gì về âm thanh?

? Tìm những từ láy tương tự những từ láy trên? (hs tìm)

? Nhận xét ý nghĩa các từ láy?

b. VD 2:

- Từ láy: bần bật, thăm thẳm

Việc phát âm "bần bật, thăm thẳm" dễ hơn phát âm "bật bật, thăm thăm"

- Bần bật: Tiếng đứng trước đã biến đổi phụ âm cuối (Bật -> bần)

- Thăm thẳm: Tiếng đứng trước đã biến đổi thanh điệu (Thăm: Thanh hỏi -> thăm: thanh ngang)

VD:

đỏ đỏ, tím tím, âm âm, đêm đẹp, xôm xốp

-> Từ láy hoàn toàn

* Ghi nhớ ý 2/sgk

3. Ghi nhớ SGK/42

II. Nghĩa của từ láy

1. Xét VD sgk

2. Nhận xét:

*** VD 1:**

- Ha hả: mô phỏng tiếng cười

- Oa oa: mô phỏng tiếng khóc của trẻ sơ sinh

- Tích tắc mô phỏng tiếng kêu của đồng hồ

- Gâu gâu: mô phỏng tiếng chó sủa

- Các từ láy: ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu

->**Tạo ra do sự mô phỏng âm thanh**

- HS đọc VD 2a,b (SGK/ 42)
- Cho hs giải nghĩa của các từ trong từng vd
- Lí nhí: nói nhỏ không rõ tiếng
- Li ti: chỉ những gì rất nhỏ tựa hạt bụi, những chấm nhỏ
- Ti hí: mắt nhìn không mở to.
- ? Các từ láy trong nhóm này có điểm gì chung về âm thanh và về ý nghĩa?
- Cho hs thảo luận nhóm bàn 3p
- GV nêu yêu cầu:
- ? Giải nghĩa các từ láy: nhấp nhô, phập phồng, bập bênh?
- ? Vị trí của tiếng gốc
- ? Điểm giống của các từ láy là gì?
- ? Nghĩa của các từ láy có điểm gì chung ?
- Các nhóm thảo luận, ghi kq vào bảng phụ
- Đại diện trả lời, nhận xét
- Gv nhận xét

- HS chú ý VD 3/sghk
- Gv đưa câu cho hs so sánh:
- VD: Tóc chị ấy rất mềm/Tóc chị ấy rất mềm mại
- Bạn A đội mũ đỏ/Bạn A đội mũ đo đỏ
- Trao đổi cặp đôi nx

- ? So sánh nghĩa của các từ láy "**mềm mại, đo đỏ**" với nghĩa của các tiếng gốc "**mềm, đỏ**"?
- ? So sánh nghĩa của các từ láy "âm âm, cón cón" với nghĩa của các tiếng gốc làm cơ sở cho chúng: âm, con?

(tượng thanh)

* VD 2

a/ Lí nhí, li ti, ti hí:

- + **âm** : Lặp lại nguyên âm i (âm có độ mở nhỏ nhất, âm lượng nhỏ nhất)
- + **nghĩa**: biểu thị tính chất nhỏ bé về âm thanh, hình dáng.

b/ **nhấp nhô, phập phồng, bập bênh**

- Nhấp nhô: trồi lên, lồm xuống liên tiếp nhau
- Phập phồng: Phồng lên, xẹp xuống
- Bập bênh: nổi lên mặt nước có sóng
- + **âm**:
- tiếng gốc đứng sau (**nhô, phồng, bênh**)

- tiếng đứng trước lặp lại phụ âm đầu của tiếng gốc -> có sự hòa phối âm thanh giữa các tiếng

+ nghĩa: Biểu thị trạng thái vận động: lên xuống đều đặn của sự vật, sự việc

* VD 3:

- " mềm mại" mang sắc thái biểu cảm rất rõ hơn, nhẹ hơn , gợi cảm giác dễ chịu hơn mềm
- "Đỏ đỏ" sắc thái giảm nhẹ so với đỏ
- Các từ láy "âm âm, cón cón" có ý nghĩa nhấn mạnh hơn so với các tiếng gốc :âm, con

2.3. Hoạt động luyện tập

2.4. Hoạt động vận dụng:

- Tìm các từ láy và phân tích nghĩa của các từ đó
- Viết đoạn văn có sử dụng từ láy.

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm đọc tài liệu về từ láy và phân tích giá trị của từ láy trong các bài văn, bài thơ
 - Nắm vững lí thuyết, làm bài tập còn lại SGK/43
 - Chuẩn bị bài mới: Quá trình tạo lập văn bản, Viết bài TLV số 1 (ở nhà)
- + Đọc VD trong sgk và trả lời các câu hỏi

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 3 Tiết 12 Bài 3:QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1 (Ở NHÀ)

I/ MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

trình bày như thế nào?

? Sau khi đã chuẩn bị theo 2 bước trên em sẽ làm gì tiếp theo?

? Trong quá trình viết em sẽ lưu ý điều gì?

? Trước khi bỏ thư vào phong bì em sẽ làm gì?

- Hs các nhóm thảo luận ghi kết quả và bảng phụ, trình bày kết quả thảo luận, nx

- GV NX -> Chốt nhấn mạnh mỗi nội dung tương ứng với các bước...

- Khi em muốn chia sẻ với bạn một vấn đề gì đó: tình cảm, công việc, học tập (giao tiếp với bạn)

Xác định: - Viết cho ai?

- Viết để làm gì?

- Viết về cái gì?

- Viết như thế nào?

=> Bước 1: Định hướng chính xác cho văn bản(mình cần viết những gì)

=> Bước 2: Tìm ý và sắp xếp ý để có một bố cục rành mạch, hợp lí thể hiện đúng định hướng trên

=> Bước 3: Diễn đạt các ý thành những câu, đoạn văn chính xác, trong sáng, có mạch lạc và liên kết chặt chẽ với nhau.

=> Bước 4: Kiểm tra và sửa chữa lại văn bản (Nếu cần)

2. Ghi nhớ

* Ghi nhớ (SGK/46)

? Nêu các bước để tạo nên một văn bản?

- GV NX -> Ghi nhớ

- HS đọc ghi nhớ...

2.3. Hoạt động luyện tập

a. Dàn bài là 1 cái sườn, hay còn gọi là đề cương, để người làm bài dựa vào đó để tạo lập nên vb, chứ chưa phải là thân vb. Sau khâu lập dàn bài là khâu viết (nói) thành văn. Vì thế, dàn bài cần được viết rõ ý nhưng càng ngắn gọn càng tốt. Lời lẽ trong dàn bài do đó ko nhất thiết là những câu văn hoàn chỉnh, tuyệt đối đúng ngữ pháp và luôn luôn liên kết chặt chẽ với nhau.

b. Các phần, các mục lớn nhỏ trong bài cần được thể hiện trong một hệ thống kí hiệu được quy định một cách chặt chẽ. Việc trình bày các phần các mục ấy cũng cần phải rõ ràng. Sau mỗi phần, mục, mỗi ý lớn nhỏ đều phải xuống dòng, các phần, các mục các ý ngang bậc nhau phải được viết thẳng hàng với nhau; ý nhỏ hơn thì viết lùi vào hơn so với ý lớn hơn.

chỉnh

- Trình bày các mục rõ ràng, được quy định chặt chẽ.

2.4. Hoạt động vận dụng:

- Y/c HS đọc phần đọc thêm SGK/ 47
- Tập tạo lập văn bản

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm hiểu về quá trình sáng tác một tác phẩm văn học
- Học bài. Hoàn thiện các bài tập SGK /46.
- Chuẩn bị bài mới: Những câu hát than thân.

Viết bài tập làm văn số 1 (Làm ở nhà)

1. Kiến thức:

- Củng cố lại những kiến thức và kĩ năng đã được học về bố cục và mạch lạc trong văn bản
- Biết cách sắp xếp bố cục hợp lí

2. Kĩ năng: - Biết cách tạo lập được một văn bản

3. Thái độ:- Tuân thủ các bước của một quá trình tạo lập văn bản.

4. Năng lực và phẩm chất

- + Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ...
- + Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

*** Ma trận đề:**

Mức độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Bậc thấp	Bậc cao	
Văn tự sự	Biết ptbđ, nhân vật chính trong văn bản tự sự.	Hiểu trình tự sắp xếp văn bản.		Đóng vai nhân vật kể lại một câu chuyện đã học	
Tổng số câu Số điểm Tỉ lệ %	1c 1đ 10%	1c 2đ 20%		1c 7đ 70%	3c 10đ 100%

*** Đề kiểm tra**

Câu 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“ Hùng Vương Thứ 18 có một người con gái tên là Mị Nương. Người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương Mị Nương hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.”

a, Đoạn văn trên viết theo phương thức biểu đạt nào? Nhân vật chính là ai?

b, Nội dung chính của đoạn văn?

Câu 2: Dựa vào văn bản Thánh Gióng, em hãy sắp xếp các sự việc sau cho hợp lý.

1. Thánh Gióng bỗng nhiên đòi đánh giặc
2. Giặc ngoại xâm đến, sứ giả đi tìm người tài giúp nước
3. Bà mẹ mang thai 12 tháng, sinh con...
4. Bà mẹ wôm vào vết chân to, mang thai.
5. Vươn vai thành tráng sĩ
6. Đánh thắng giặc bày về trời

Câu 3: “Cuộc chia tay của những con búp bê” của tác giả Khánh Hoài là một câu chuyện vô cùng cảm động! Trong vai bé Thủy, em hãy kể lại câu chuyện vô cùng cảm động ấy.

***. Hướng dẫn chấm:**

PHẦN N	Câu hỏi	Nội dung	Điểm
I. ĐỌC HIỂU	1	a,- Đoạn văn trên viết theo phương thức biểu đạt tự sự + miêu tả.	0,25đ
		- Nhân vật chính là Hùng Vương, Mị Nương.	0,25đ

VĂN BẢN		<i>b, Nội dung chính của đoạn văn: Kể về việc vua Hùng muốn kén rể.</i>	<i>0,5đ</i>
	2	HS sắp xếp đúng các sự việc trình tự: 4-3-2-1-5-6	<i>2,0đ</i>
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	3	Bài văn cần đảm bảo những yêu cầu sau:	
		a) Kỹ năng: - HS biết nhập vai một nhân vật để kể lại một truyện ngắn. - Viết đúng thể loại tự sự, kết cấu rõ ràng, hành văn sáng sủa, không mắc lỗi dùng từ, câu không sai ngữ pháp. - Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp. - Có sự sáng tạo trong cách kể Thể hiện được cái nhìn và cảm xúc của người kể	<i>1,5đ</i>
		b) Kiến thức: - Đảm bảo cốt truyện, tình tiết vốn có của truyện, thể hiện được tâm trạng, cái nhìn, cảm xúc của người kể. - Mở bài : Giới thiệu nhân vật và tình huống của truyện - Thân bài: Kể chính xác diễn biến các sự việc của truyện. + Sự việc mẹ yêu cầu chia đồ chơi... + Tình cảm gắn bó của 2 anh em Thành và Thủy... + Chuyện về 2 con búp bê... + Chuyện chia tay ở lớp học... + Chuyện 2 anh em chia tay nhau... - Kết bài: kết thúc truyện và nêu cảm nghĩ của bản thân.	<i>1đ</i> <i>1đ</i> <i>0,5đ</i> <i>0,5đ</i> <i>0,5đ</i> <i>0,5đ</i> <i>1đ</i>
ĐIỂM TOÀN BÀI KIỂM TRA: I + II = 10,0 điểm			

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 4 Tiết 13

NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN

- Bài 2 và 3 -

I/ MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS Hiểu được hiện thực về đời sống của người dân lao động qua các bài hát than thân.
- Thấy được một số biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong việc xây dựng hình ảnh và sử dụng ngôn từ của các bài ca dao than thân.

2. Kỹ năng:

- Đọc hiểu những câu hát than thân
- Biết phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của những câu hát than thân trong bài học.

3. Thái độ:

- Đồng cảm với số phận con người
- Có tinh thần phê phán xã hội phong kiến đầy ải con người lương thiện

4. Năng lực và phẩm chất:

- Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mỹ, hợp tác
- Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: đọc sách tham khảo. Suu tầm các bài ca dao cùng chủ đề.
2. Học sinh: đọc thuộc ca dao một cách diễn cảm, xem kĩ khái niệm cd.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- *Kiểm tra sĩ số*
- *Kiểm tra bài cũ*

- Đọc thuộc bài ca dao số 4 trong chùm những bài ca dao về tình yêu quê hương, đất nước.

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho hs thi đọc diễn cảm bài ca dao về tình cảm gđ mà các em đã sưu tập... GV NX, giới thiệu vào bài

2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
HD 1 : Đọc và tìm hiểu chung <i>PP: vấn đáp, thảo luận nhóm...</i> <i>KT: đọc tích cực, kĩ thuật hỏi và trả lời</i> <i>NL: Tự học, giao tiếp, hợp tác</i> <i>PC: tự tin</i> <i>HT: HĐCN, cặp đôi, cả lớp</i> ? Em sẽ đọc bài cd với giọng đọc ntn? GV hướng dẫn đọc, đọc mẫu: to, rõ, nghỉ đúng nhịp lục bát, chú ý những từ	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc – Tìm hiểu chú thích * Đọc

ngữ thể hiện cảm xúc, nhấn mạnh những cụm từ lặp lại “thương thay”, “thân em”.

- HS đọc - GVNX

- Đọc chú thích SGK/ 48, 49

- Cho HS hỏi đáp theo cặp đôi tìm hiểu chung văn bản theo gợi ý sau:

? 4 bài trong văn bản này thuộc thể loại gì?

? Thể thơ?

? phương thức biểu đạt ?

? Chủ đề?

? Em hiểu than thân là gì?

- Than thân: than thở cho thân phận mình

- GV: Hầu hết những bài cd than thân đều mượn chuyện con vật, đồ vật để giải bày nỗi chua xót đắng cay cho cuộc đời khổ cực của những kiếp người bé mọn trong xã hội cũ.

HĐ 2: Phân tích

PP: Vấn đáp, giảng bình

KT: động não, hỏi đáp

NL: Tự học, sử dụng NN, hợp tác

PC: tự tin, yêu con người...

HT: HĐCN, cặp đôi, cả lớp

- HS Đọc lại bài ca 2

? Em có nhận xét gì về kết cấu của bài ca dao này?

? Trong lời than của mình, tgĩa dân gian đã nhắc đến hình ảnh những con vật nào?

- Trong 2 cặp lục bát đầu, tgĩa dgian cho ta hình dung ntn về c.đời của tầm và kiến?

Gv: *Tầm cả đời ngắn ngủi chỉ ăn lá dâu. Cuối đời phải rút ruột đến tận cùng để nhả tơ quý cho người chỉ còn lại xác không.*

+ *Kiến ăn thì ko đáng bao nhiêu mà đêm ngày kéo lũ đi tìm mồi về nuôi kiến chúa.*

* Chú thích: SGK

2. Tìm hiểu chung về văn bản

- Thể loại: Trữ tình dân gian (Cdao, dca)

- Thể thơ: lục bát

- Ptbd: Biểu cảm.

- Chủ đề: than thân

II. Phân tích

Bài ca dao số 2

- Kết cấu: 4 cặp lục bát, mỗi cặp là lời than về thân phận một con vật.

- *Hình ảnh: con tầm, lũ kiến, con hạc, con cuốc.*

+ tầm: ăn ít - nhả tơ nhiều

+ lũ kiến: li ti, tìm mồi

? Hình ảnh của hạc và cuộc hiện lên ntn trong 2 cặp lục bát cuối bài ca dao?

Gv:

+ *Hạc lánh đường mây (lánh: là tìm nơi ẩn náu; đường mây: từ ước lệ chỉ không gian phóng khoáng, nhàn tản). Nó bay mỗi cánh phiêu bạt khắp chốn mà không biết ngày nào thôi*

+ *Cuộc: H/a con cuộc giữa trời gọi sự nhỏ bé, cô độc giữa không gian mênh mông vô tận. Tiếng kêu của khắc khoải, quặn đau đến bật máu mà chẳng ai nghe.*

- Trao đổi cặp đôi nhận xét:

? Những hình ảnh về 4 con vật này có điểm gì chung?

? Theo em, bài ca dao này có hoàn toàn là nói về thân phận các loài vật hay không?

? Những nỗi khổ cực ấy của các con vật gọi cho em liên tưởng đến ai?

? Em nhận ra biện pháp tu từ nào được sử dụng trong bài ca dao này?

GV giảng: dân gian ta xưa thường có thói quen nhìn sự vật lại liên tưởng đến cảnh ngộ của mình. Đồng thời họ cũng đồng cảm tự nhiên với những con vật nhỏ bé, tội nghiệp mà họ cho là có số kiếp, thân phận khốn khổ như mình.

? Vậy em hiểu bài ca dao này là lời của ai? Mượn lời ca tiếng hát để bày tỏ điều gì?

Gv bình: người hát lên bài ca dao này mang 1 trái tim lớn, nhân hậu, bao la, cảm thương và chia sẻ với những con vật bé mọn. Song, sâu sắc hơn chính là lòng thương con người, sự đồng cảm với những cuộc đời người dân lao động vất vả, nghèo khó. Bức tranh loài vật khổ đau chính là bức tranh về kiếp người

+ hạc lánh đường mây: bay mỗi cánh

+ cuộc giữa trời: kêu ra máu có người nào nghe

-> những con vật gần gũi với chốn đồng quê, lại yếu đuối, bé nhỏ, có cuộc sống vất vả triền miên.

+ NT: ẩn dụ -> mượn chuyện loài vật để chỉ người dân lao động

✉ Bài ca dao là lời của người lao động thương thân phận bé nhỏ, khốn khổ nhiều bề của chính mình.

đau khổ.

? Bài ca dao được tạo nên bởi 4 cặp lục bát. Mở đầu 4 cặp lục bát này có gì đặc biệt? (Đó là NT gì?)

? Việc lặp lại 4 lần cụm từ ấy có tác dụng ntn trong việc bộc lộ cảm xúc của t/g đgian?

GV: thương thay như 1 thân từ, 1 tiếng kêu xót xa, khó kìm nén, biểu thị sắc thái thương xót ở mức độ cao. Mỗi lần lặp lại là nhấn mạnh thêm nỗi xót xa, thương cảm cho người lđộng.

? Theo em, tại sao người lao động ta xưa lại phải chịu nỗi khổ nhiều bề như vậy?

Ai là người tạo ra nỗi đau khổ cho họ?

(GV mở rộng nâng vấn đề, liên hệ một số vb truyện ở lớp 8)

? Vậy theo em, qua bài ca dao này nhân dân ta còn muốn bộc lộ thái độ nào với xh xưa ?

Gv chốt, chuyển ý.

- Đọc bài ca 3

? Bài ca dao đc mở đầu bằng cụm từ nào?

? Ca dao dca có nhiều bài mở đầu nvậy ko?

-> là môtip mở đầu quen thuộc của ca dao nói về thân phận người phụ nữ trong xhpk

? Mở đầu nvậy đã cho em biết bài ca dao này nói về thân phận của ai?

? Để diễn tả về thân phận người phụ nữ, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Ptích?

? Trái bần là loại quả ntn?

- Tích: tên gọi trái bần gợi cho em nghĩ đến 1 từ ghép nào có nghĩa là: nghèo khổ, đói rét? (bần hàn, bần cùng...)

? Vậy so sánh thân em với trái bần đã gợi ra liên tưởng nào về thân phận người

+ NT: điệp ngữ “Thương thay”

-> Nhấn mạnh, tô đậm nỗi xót xa, thương cảm

- *tăng lớp thống trị trong XHPK*

-> ***Bài ca dao là tiếng nói tố cáo xã hội bất công, vô nhân đạo.***

Bài ca dao số 3

Thân em như trái bần trôi

Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu

- Mở đầu “thân em”

- NT so sánh: thân em – trái bần.

-> ***Gợi liên tưởng về thân phận bé nhỏ, nghèo khó***

phụ nữ trong xhpk?

GV: Cây bần mọc đại ven sông, cũng được ví như nỗi khổn khổ, nghèo hèn của người phụ nữ nông thôn Việt Nam thời xa xưa.

? h/ả trái bần còn được miêu tả cụ thể qua cụm từ nào?

? Em hiểu gió đập sóng dồi là gì?

- bị gió to, sóng lớn xô đẩy

? NX gì về nghệ thuật cũng như việc sd từ ngữ trong lời cd?

? Tác dụng của việc sử dụng những NT đó?

? Bài ca dao giúp em hiểu gì về thân phận người phụ nữ trong xh cũ?

- GV bình, liên hệ 1 số câu cd bắt đầu bằng thân em

-> Trong xhpk, dưới chế độ nam quyền và tư tưởng trọng nam khinh nữ, người phụ nữ ko có quyền đc làm chủ cơ mình.

HĐ 3: Tổng kết

PP: Vấn đáp

KT: hỏi và trả lời

NL: Tự học

PC: tự tin, yêu con người...

HT: HĐCN, cả lớp

- Khái quát những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của 4 bài ca dao này?

- GV NX -> ghi nhớ SGK/ 49

- Gió đập sóng dồi:

+ Ẩn dụ, động từ

-> cd chịu nhiều sóng gió, chìm nổi, lênh đênh, vô định

=> **Thân phận người phụ nữ trong xã hội xưa: bé mọn, chìm nổi, trôi dạt vô định giữa sóng gió cuộc đời.**

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Nghệ thuật ẩn dụ, so sánh giàu hình ảnh

2. Nội dung:

- Đồng cảm với cuộc đời đau khổ, đắng cay của người lao động.

- Phán kháng, tố cáo xh phong kiến xưa.

* Ghi nhớ SGK/49

2.3 Hoạt động luyện tập

Bài tập 1

* Về nội dung:

- Cả 3 bài đều diễn tả cuộc đời, thân phận con người trong xã hội cũ
- ngoài ý nghĩa than thân còn có ý nghĩa phản kháng.

* Về nghệ thuật

- Cả 3 bài đều sử dụng thể thơ lục bát và có âm điệu than thân thương cảm
- sử dụng những hình ảnh so sánh hoặc ẩn dụ mang tính truyền thống của ca dao để diễn tả cuộc đời thân phận con người.

- Điều có những cụm từ mang tính truyền thống được sử dụng nhiều trong ca dao và đều có hình thức câu hỏi tu từ.

2.4. Hoạt động vận dụng:

- Theo em, trong cuộc sống văn minh hiện đại thời nay, chèo bài ca dao này còn có ý nghĩa hay không?

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- GV hướng dẫn HS tự tìm hiểu nội dung 2 bài còn lại

- Học bài. Chuẩn bị bài mới: Những câu hát châm biếm (đọc, soạn- trả lời câu hỏi tìm hiểu bài, tìm các bài ca dao có cùng chủ đề)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 4

Tiết 14 NHỮNG CÂU HÁT CHÂM BIẾM

- Bài 1 và 2 -

I/ MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS hiểu được nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu (hình ảnh, ngôn ngữ) của bài ca dao về chủ đề châm biếm. Thuộc những bài ca dao trong văn bản

2. Kỹ năng:

- Biết cách khai thác một bài ca dao chủ đề châm biếm đặc biệt là nghệ thuật gây cười trong ca dao như: khai thác những hình ảnh ngược đời, dùng hình ảnh ẩn dụ tượng trưng, biện pháp phóng đại

3. Thái độ:

- Có tinh thần phê phán những hiện tượng không bình thường trong xã hội như lười nhác đòi sang trọng, việc tự nhiên mà thành bí ẩn, việc buồn hóa vui, có danh mà không thực

4. Năng lực và phẩm chất:

- Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mỹ, hợp tác

- Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: Soạn bài- đọc sách tham khảo. Sưu tầm các bài ca dao cùng chủ đề.

2. Học sinh: soạn bài

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- *Kiểm tra sĩ số*

- *Kiểm tra bài cũ*

- Qua chèo bài ca dao than thân, em hiểu được gì về thân phận của những người lao động trong xã hội xưa?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho hs thi đọc diễn cảm bài ca dao về tình cảm gđ mà các em đã sưu tập... GV NX, giới thiệu vào bài

2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của GV-HS	Nội dung cần đạt
<p>HD 1 : Đọc và tìm hiểu chung PP: <i>vấn đáp...</i> KT: <i>đọc tích cực, kỹ thuật hỏi và trả lời</i> NL: <i>Tự học</i> PC: <i>tự tin</i> HT: <i>HĐCN, cả lớp</i> - GV hướng dẫn đọc, đọc mẫu - GV gọi HS đọc - GVNX - Đọc chú thích SGK/ 51, 52</p> <p>? 4 bài trong văn bản này thuộc thể loại gì? ? Xác định phương thức biểu đạt của 4 bài ca dao này? Vì sao em lại xác định như vậy? ? Nội dung từng bài ca dao đã chế giễu những đối tượng nào?</p> <p>? Cả 4 bài ca dao cùng thể hiện chủ đề nào?</p> <p>HD 2: Phân tích PP: <i>Vấn đáp, giảng bình, tl nhóm</i> KT: <i>động não, hỏi đáp, giao nv</i> NL: <i>Tự học, sử dụng NN, hợp tác</i> PC: <i>tự tin, yêu con người...</i> HT: <i>HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp</i> - Đọc lại bài ca 1 ? Hai câu đầu của bài ca dao dùng để làm gì? ? Theo em "cô yếm đào" là một nhân vật như thế nào?</p>	<p>I. Đọc và tìm hiểu chung</p> <p>1. Đọc – Tìm hiểu chú thích * Đọc * Tìm hiểu chú thích</p> <p>2. Tìm hiểu chung về văn bản - Ca dao trữ tình</p> <p>- Biểu cảm. Thể hiện thái độ phê phán những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống. Bài 1: Chế giễu hạng người nghiện ngập, lười biếng Bài 2: Chế giễu những kẻ hành nghề mê tín dị đoan Bài 3: Châm biếm hủ tục ma chay trong xã hội cũ Bài 4: Chế giễu cậu cai => Chủ đề châm biếm</p> <p>II. Phân tích</p> <p>Bài 1</p> <p>- Vừa để bắt vần, vừa để chuẩn bị cho việc giới thiệu nhân vật</p> <p>- <i>Cô yếm đào</i> thường tượng trưng cho cô gái trẻ đẹp</p>

? Tìm những chi tiết giới thiệu "chú tôi" với "cô yếm đào"?

- *Hay tầu hay tắm*
- *Hay nước chè đặc*
- *Hay nằm ngủ trưa*
- *Ngày ước ngày mưa*
- *Đêm ước đêm thừa trống canh*
"hay": giỏi, ham thích, thường xuyên

? Em hiểu từ "hay" trong những lời giới thiệu về chú có nghĩa là gì?

? Như vậy chú tôi là một người như thế nào?

=> Chú là người nghiện rượu (nát rượu), nghiện chè

? Trong lời ca, những điều ước của chú tôi là gì?

ước mưa để khỏi đi làm
ước đêm dài để ngủ được nhiều

? Em có suy nghĩ gì về các điều ước của chú?

=> Điều ước không bình thường. Vì toàn ước được hưởng thụ

? Qua những điều chú ước cho thấy "chú tôi" là một người như thế nào?

=> Chú tôi là người rất lười biếng

GV: Những lời giới thiệu thường là những lời nói tốt nhưng đây thì ngược lại. Một bức chân dung một con người lười biếng đc dựng lên với vô vàn thói hư, tật xấu.

? Qua hình ảnh "cô yếm đào" và hình ảnh "chú tôi" em thấy tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

+ NT: đối lập

? Vậy cuộc đời lái này có thành công hay không? Vì sao?

- hs nêu ý kiến

- Không. Vì chàng trai xứng với "cô yếm đào" phải là người có nhiều nét tốt, giỏi giang, chứ không thể là "chú tôi" người có nhiều tật xấu như vậy.

? Qua bài ca dao này tác giả dân gian muốn bày tỏ thái độ gì?

=> ***Bài ca chế giễu những kẻ nghiện ngập và lười biếng. Hạng người này thời nào và nơi nào cũng cần phê phán.***

- GV bình

- Đọc lại bài ca 2

Bài 2

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (5 phút)

- GV giao nv:

? Bài ca là lời của ai nói với ai?

? Thầy bói đã phán những gì?

? Em có nhận xét gì về những điều thầy phán?

? Trong bài ca dao tác giả dân gian đã sử dụng nghệ thuật gì? tác dụng?

? Qua đó chúng tỏ thầy bói là người như thế nào? còn cô gái là người như thế nào?

- Hs các nhóm thảo luận ghi kết quả và bảng phụ, trình bày kết quả thảo luận, nx

- GV NX

- lời của thầy bói nói với người đi xem bói (cô gái)

- Thầy phán về: *giàu – nghèo, cha – mẹ; chồng – con*

=> Toàn những chuyện hệ trọng về số phận người đi xem rất quan tâm

- NT: phóng đại cách nói nước đôi

- Thầy bói rất tinh ranh, biết được mong muốn của những kẻ đi xem bói để lừa bịp

- Cô gái ngờ nghệch, cả tin, mê tín không tự quyết định được số phận của mình.

? Điều này cho thấy bói toán là một nghề như thế nào?

? Qua bài ca dao này tác giả dân gian muốn bày tỏ thái độ gì?

- Là nghề lừa đảo, bịp bợm

=> ***Phê phán châm biếm những kẻ hành nghề mê tín, dốt nát, lừa bịp lợi dụng lòng tin của người khác để kiếm tiền***

Châm biếm sự mê tín mù quáng của những người ít hiểu biết, tin vào sự bói toán phản khoa học.

? Vấn đề mà bài ca dao đề cập đến đến bây giờ có còn tồn tại? ý kiến của em về vấn đề này? Hs liên hệ

? Tìm những bài ca dao khác có nội dung tương tự?

- *Tử vi xem số cho người*

Số thầy thì để cho ruồi nó bầu

- *Phù thủy, thầy bói, lái trâu*

Nghe ba anh ấy đầu lâu không còn

- *Tiền buộc giải yếm bo bo*

Trao cho thầy bói đâm lo vào mình

- Gv giảng và nâng vấn đề

HD 3: Tổng kết

PP: Vấn đáp

KT: hỏi và trả lời

NL: Tự học

III. Tổng kết

2.3 Hoạt động luyện tập

- Cho HS hỏi đáp những nội dung liên quan đến bài học
- Thi đọc thuộc lòng

2.4. Hoạt động vận dụng:

- Đọc thêm các bài ca dao trong SGK/ 53, 54
- Em thích bài ca dao nào nhất? Vì sao?

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Học bài. Làm bài tập 2 phần luyện tập (SGK/ 53)
- Chuẩn bị bài mới: *Đại từ*(xem trước bài học: Đọc và tìm hiểu ví dụ, xem trước phần bài tập...)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 4

TIẾT 15 ĐẠI TỪ

I/ MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS biết xác định được khái niệm đại từ, các loại đại từ tiếng Việt

2. Kỹ năng:

- Nhận biết được các đại từ trong văn bản nói và viết
- Biết cách sử dụng các đại từ phù hợp với yêu cầu giao tiếp

3. Thái độ:

- Có ý thức sử dụng đại từ phù hợp với tình huống giao tiếp

4. Năng lực và phẩm chất:

- Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mỹ, hợp tác
- Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: Soạn bài- đọc sách tham khảo.
2. Học sinh: soạn bài

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- Kiểm tra sĩ số

- Kiểm tra bài cũ

? Trình bày hiểu biết của em về từ láy?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho hs thi kể về các loại từ đx học... GV NX, giới thiệu vào bài

2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
HD 1: Tìm hiểu đại từ PP: vấn đáp, phân tích mẫu, tl nhóm. KT: đọc tích cực, giao nv NL: Tự học, hợp tác, giao tiếp PC: tự tin, yêu Tiếng Việt HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp - HS đọc cá nhân VD - Thảo luận nhóm 5p - GV chia nhóm(6 nhóm), giao nv trong phiếu học tập: ? Từ “nó” ở đv đâu dùng để chỉ ai? ? Từ “nó” ở đv 2 dùng để chỉ con gì? ? Từ “thế” ở đv 3 trở sự việc gì? ? Từ “ ai ” dùng để làm gì? ? Dựa vào đâu mà em hiểu được nghĩa của các từ đó ? - Hs các nhóm thảo luận ghi kết quả và bảng phụ, trình bày kết quả thảo luận, nx - GV NX, chốt - Thế nào đại từ? - Chuẩn xác ? Các từ in đậm giữ vai trò ngữ pháp gì trong câu? ? Thế nào là đại từ ? Đại từ giữ chức năng ngữ pháp gì trong câu	I. Thế nào là đại từ 1. Xét VD 2. Nhận xét - Các từ in đậm + Nó -> trỏ em tôi - Thủy(người) + Nó -> trỏ con gà(sự vật) + Thế -> trỏ sự việc chia đồ chơi + Ai-> dùng để hỏi - Để hiểu được nghĩa của các từ trên phải dựa vào nghĩa của câu trước đó và đặt câu chứa từ đó vào trong cả đoạn văn => Đại từ - Nó ở đoạn văn 1 làm CN - Nó ở đoạn văn 2 làm PN cho DT - Thế làm PN cho ĐT - Ai làm CN 3. Ghi nhớ sgk

- GV Chuẩn xác, chốt ghi nhớ

- HS đọc ghi nhớ

HĐ 2: Các loại đại từ

PP: vấn đáp, phân tích mẫu, tl nhóm.

KT: đọc tích cực, giao nv

NL: Tự học, hợp tác, giao tiếp

PC: tự tin, yêu Tiếng Việt

HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp

- HS đọc cá nhân VD

- Thảo luận nhóm 5p

- GV chia nhóm(6 nhóm), giao nv trong phiếu học tập:

- Các đại từ “ tôi, tao...” trở gì?

- Các đại từ “ bấy nhiêu, bấy” trở gì?

- Các đại từ “ vậy, thế ” trở gì?

- Hs các nhóm thảo luận ghi kết quả và bảng phụ, trình bày kết quả thảo luận, nx

- GV NX, chốt

? Thế nào là đại từ để trở?

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ sgk

? Các đại từ “ai, gì,..” hỏi về gì?

? Các đại từ “bao nhiêu, mấy..” hỏi về gì?

? Các đại từ “sao, thế nào..” hỏi về gì?

- GV chốt

? Đại từ để hỏi dùng để làm gì?

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ sgk

2.3 Hoạt động luyện tập

PP: vấn đáp, lt thực hành, tl nhóm.

KT: viết tích cực, giao nv

NL: Tự học, hợp tác, giao tiếp

PC: tự tin, yêu Tiếng Việt

HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp

- Yêu cầu HS làm cá nhân và vở

- Gọi HS lên bảng điền vào bảng phụ

- HS Nhận xét

- GV chuẩn xác

II. Các loại đại từ

1. Đại từ để trở

a. Ví dụ

- Các đại từ “ tôi, tao...” trở người, vật

- Các đại từ “ bấy nhiêu, bấy” trở số lượng

- Các đại từ “ vậy, thế ” trở hành động, tính chất, sự việc

=> **Đại từ để trở**

b. Ghi nhớ 2/56

2. Đại từ để hỏi

a. Ví dụ

- Các đại từ “ai, gì,..” hỏi về người, vật

- Các đại từ “bao nhiêu, mấy..” hỏi về số lượng

- Các đại từ “sao, thế nào..” hỏi về hoạt động, tính chất sự việc

=> **Đại từ để hỏi**

b. Ghi nhớ 3/55

PP: vấn đáp, lt thực hành, tl nhóm. KT: viết tích cực, giao nv NL: Tự học, hợp tác, giao tiếp PC: tự tin, yêu Tiếng Việt HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp - Yêu cầu HS làm cá nhân và vở - Gọi HS lên bảng điền vào bảng phụ - HS Nhận xét - GV chuẩn xác	1, Bài tập		
	1 a.		
	ngôi	số ít	số nhiều
	1	tôi , tớ	chúng tôi
	2	mày	
	3	nó, hắn, y, thị	chúng nó, họ

2.4. Hoạt động vận dụng:

- Vẽ sơ đồ phân loại đại từ?

Trở người sự vật	Trở số lượng	Trở hoạt động tính chất
---------------------	-----------------	-------------------------------

Hỏi về
người
sự vật

Hỏi về
số
lượng

Hỏi về
hoạt động
tính chất

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Đọc phần Đọc thêm sgk/57
- Học bài. Hoàn thiện BT phần luyện tập (SGK/ 57)
- Làm thêm BT sách bài tập.
- Chuẩn bị bài mới: Luyện tập tạo lập văn bản (**làm phần chuẩn bị ở nhà**)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 4 Tiết 16 LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS củng cố luyện tập những kiến thức có liên quan đến việc tạo lập vb và làm quen với các bước của quá trình tạo lập vb do gv hướng dẫn từ đó tự tạo được một vb đơn giản.

2. Kỹ năng:

- Tiếp tục rèn luyện được kỹ năng tạo lập văn bản

3. Thái độ:

- Tuân thủ theo các bước của quá trình tạo lập vb

4. Năng lực và phẩm chất:

- Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mỹ, hợp tác

- Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. GV: Soạn bài- đọc sách tham khảo. Suru tầm các bài ca dao cùng chủ đề.

2. Học sinh: soạn bài

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- *Kiểm tra sĩ số*

- *Kiểm tra bài cũ*

? Để tạo lập 1 văn bản ta cần trải qua các bước nào? Đây là bước quan trọng nhất? Vì sao?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho 2 hs thi sắp xếp các sự việc trong truyện Thánh Gióng... GV NX, giới thiệu vào bài

2.2. HĐ luyện tập.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
PP: vấn đáp, lt thực hành, tl nhóm. KT: viết tích cực, giao nv, hỏi đáp... NL: Tự học, hợp tác, giao tiếp PC: tự tin, yêu Tiếng Việt HT: HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp ? Để tạo lập một vb cần chú ý những gì?	I- Lý thuyết * Để tạo lập một vb cần chú ý: - Viết cho ai? (đối tượng) - Viết để làm gì? (mục đích) - Viết ntn? (Nội dung)

? Yêu cầu về bố cục ra sao? Nêu nhiệm vụ của từng phần?

? Câu, đoạn, ngôn ngữ khi sử dụng cần những y/c gì ?

- GV hướng dẫn dợt ý
? Bức thư đó em gửi cho ai?
? Mục đích để làm gì?

? Để tự nhiên, gợi ấn tượng em sẽ mở đầu ntn?

GV gợi ý(VN quê hương tôi - Đỗ Nhuận)

?- Phần chính của bức thư cần viết gì ?

? Em sẽ kết thúc bức thư ra sao?

- GV chốt và hình thành dàn bài 3 phần
- HS luyện viết phần mở bài vào vở
- HS đọc trước lớp
- HS nx
- GV cho hs đọc bài tham khảo sgk/ 60.

4. Hoạt động vận dụng:

- Quá trình tạo lập một vb cần trải qua các bước nào?
- Em học được gì sau giờ luyện tập?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Thực hành viết 1 bức thư
- Học thuộc 1 bài CD mà em thích nhất rồi phân tích
- Cb “sông núi nước Nam”, “phò giá về kinh”(Đọc kĩ các vb, trả lời các câu hỏi trong sgk)

- Bố cục 3 phần rõ ràng
- + MB: Giới thiệu chung về đối tượng
- + TB: triển khai rõ những ý đã nêu ở mở bài
- + KB: Khái quát lại bài viết, nêu cảm xúc, suy nghĩ riêng
- Câu, đoạn phải chính xác, có sự liên kết chặt chẽ.
- Ngôn ngữ rõ ràng, mạch lạc, giàu hình ảnh.
- * Đề: sgk/tr 60
- Gửi thư cho người bạn nước ngoài
- Mục đích: Giới thiệu cảnh đẹp quê hương, đất nước, mời bạn đến thăm.
- Dàn bài:
 - + MB: Lời chào.
- Nêu hiểu biết về nước bạn, muốn bạn hiểu biết về nước mình
- + TB: Kể tên, miêu tả cảnh đẹp ở các thành phố tiêu biểu: HN, Nha Trang, Hạ Long, Tp Hồ Chí Minh
- + KB: Mong bạn đến VN trong một ngày gần nhất, lời chào, chúc, hứa hẹn

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 5 Tiết 17 :

SÔNG NÚI NƯỚC NAM

< Lý Thường Kiệt >

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS biết cảm nhận được tinh thần độc lập, khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc qua bài thơ.
- Bước đầu hiểu được về thể thơ thất ngôn tứ tuyệt.

2. Kỹ năng:

- Phân tích được thơ tứ tuyệt đường luật

3. Thái độ:

- Bảo vệ, xây dựng đất nước, niềm tự hào dân tộc

4. Năng lực và phẩm chất:

Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mỹ, hợp tác

- Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

II. CHUẨN BỊ:

1:GV: năng tích hợp với từ HV, văn biểu cảm, tích hợp với lịch sử. Tham khảo tài liệu. 2: HS: - Đọc nhiều lần vb và soạn kĩ bài học.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- *Kiểm tra sĩ số*
- *Kiểm tra bài cũ*

Đọc thuộc những bài CD châm biếm?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho hs thi giới thiệu về đất nước VN... GV NX, giới thiệu vào bài

2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của gv và hs	Nội dung cần đạt
HD 1 : Đọc và tìm hiểu chung PP: vấn đáp... KT: đọc tích cực, kĩ thuật hỏi và trả lời NL: Tự học PC: tự tin HT: HĐCN, cả lớp ? Dựa vào chú thích *, em hãy nêu những hiểu biết của mình về tác giả của bài thơ? ? Em sẽ đọc vb với giọng đọc thế nào? GV hướng dẫn cách đọc, đọc mẫu, gọi HS đọc-> nhận xét - GV cho tìm hiểu 1 số chú thích và tích với từ HV(sách trời) - <i>Sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời</i> ? Bài thơ được viết theo thể thơ nào? - GV giới thiệu thể thơ.	I- Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả (sgk) 2- Tác phẩm - Đọc, tìm hiểu chú thích: *Đọc * Chú thích(sgk) - Thể loại: thơ trữ tình - Thể thơ: đường luật: thất ngôn tứ tuyệt

+ Bài thơ gồm 4 câu thơ, mỗi câu có 7 tiếng, các câu 1,2,4 (hoặc 2,4) hiệp vần với nhau ở tiếng cuối.

- Ptbđ: biểu cảm, nghị luận

? Chỉ ra phương thức biểu đạt của bài thơ?

HĐ 2: Phân tích

PP: *Vấn đáp, giảng bình*

KT: *động não, hỏi đáp, giao nv*

NL: *Tự học, sử dụng NN*

PC: *tự tin, yêu con người...*

HT: *HĐCN, cặp đôi, cả lớp*

II- Phân tích

1) Hai câu đầu

- GV y/ c HS đọc 2 câu đầu cả 3 phần, chú ý phân dịch thơ.

? Em hiểu “Nam đế cư, sách trời” là gì?

- Trao đổi cặp đôi nx

? Tại sao tác giả dùng chữ „ đế” mà không dùng chữ „ vương”

- GV mở rộng: Câu thơ nghe như tiếng nói mạnh mẽ, kiêu hãnh đặt ngang phương Nam với phương Bắc. Âm điệu ngôn ngữ toát ra niềm tự hào, kiêu hãnh, thái độ hiên ngang, tư thế hiên ngang, ngẩng cao đầu của t/g.

? Vậy, quyền độc lập, tự chủ của dân tộc ta đc khẳng định ntn ?

? Nhận xét về giọng thơ ? Tác dụng ?

- Nam đế cư: là vua nước Nam ở nước nam

„Tiệt nhiên.....thiên thư”

-> Quyền độc lập, tự chủ của dân tộc ta quá rõ ràng, phù hợp với đạo lí, tự nhiên

+ NT: Giọng thơ mạnh mẽ, dứt khoát

=> ***Khẳng định chủ quyền, độc lập của nước Nam là một chân lí***

- Tg: Tự hào, kiêu hãnh

? Cảm nhận về thái độ , tình cảm của tác giả ?

- ***Gv bình giảng***

- HS đọc 2 câu sau

- Trao đổi cặp đôi, tìm hiểu nghĩa của các cụm từ: như hà, nghịch lỗ, lai xâm phạm nhữ đẳng, hành khan, thủ bại hư?

? Tác giả muốn thể hiện nội dung gì?

? Tác giả cảnh báo quân giặc điều gì?

2. Hai câu sau

- Vạch trần bản chất vô nhân đạo của phong kiến phương Bắc- lời chất vấn, kết tội kẻ thù.

- Lời cảnh báo quân giặc: nếu sang xâm lược sẽ phải chịu thất bại thảm hại

- Quyết tâm bảo vệ chủ quyền dân tộc

? Em thấy giọng thơ có gì đặc biệt?

? T/d ?

? Cảm xúc nào của nhà thơ được thể hiện ra sao qua 2 câu thơ cuối ?

- **Gv bình giảng**

Bài thơ có vẻ huyền bí như khích lệ tướng sĩ ta thêm tự tin bước vào trận chiến, làm lung lạc kẻ thù. Đó là bản tuyên ngôn bất hủ đầu tiên của VN, khiến ta càng tự hào về 1 dân tộc không biết cúi đầu trước kẻ thù xâm lược.

- Y/ c HS đọc ghi nhớ 1/sgk/tr 65

HD 3: Tổng kết

PP: Vấn đáp

KT: hỏi và trả lời

NL: Tự học

PC: tự tin, yêu con người...

HT: HĐCN, cả lớp

? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ ?

- GV khái quát

? Bài thơ toát lên tinh thần gì thời Lí?

+ NT: Giọng điệu mạnh mẽ, danh thép

-> **Khẳng định ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền của dân tộc ta.**

- Tg: căm thù giặc, tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc

III-Tổng kết

1- Nghệ thuật

- Thố th³ :TNTT ng³/4n gần, hùm sóc

- Giảng th³ dâng d¹c, @anh thĐp

- PhĐp @èi

2- Nội dung

* Ghi nhớ sgk/tr 68

3. Hoạt động luyện tập

? Nêu cảm nghĩ của em về bài thơ?

4. Hoạt động vận dụng:

- Cho hs thảo luận nhóm

? Vì sao có thể coi bài thơ như là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta

? Nếu có bạn thắc mắc sao không nói là “ Nam nhân cư” mà lại nói là “ Nam đế cư” thì em sẽ giải thích ntn?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm hiểu thêm về hoàn cảnh ra đời của bài thơ, sự kiện lịch sử có liên quan

- Học kĩ nội dung bài

- Soạn bài: Phò giá về kinh

+ Đọc kĩ văn bản

+ Trả lời câu hỏi phần đọc- hiểu

+ Tìm hiểu về các sự kiện lịch sử được nói đến trong bài thơ

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 5 Tiết 18 :

PHÒ GIÁ VỀ KINH

< Trần Quang Khải >

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS biết cảm nhận được tinh thần độc lập, khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc qua bài thơ.
- Bước đầu hiểu được về thơ ngũ ngôn tứ tuyệt.

2. Kỹ năng:

- Phân tích được thơ ngũ ngôn tứ tuyệt

3. Thái độ:

- Bảo vệ, xây dựng đất nước, niềm tự hào dân tộc

4. Năng lực và phẩm chất:

Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mỹ, hợp tác

- Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.

II. CHUẨN BỊ:

1: GV: tích hợp với từ HV, văn biểu cảm, tích hợp với lịch sử. Tham khảo tài liệu. 2: HS: - Đọc nhiều lần vb và soạn kĩ bài học.

III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. - Ổn định tổ chức.

- *Kiểm tra sĩ số*
- *Kiểm tra bài cũ*

? Vì sao có thể coi bài thơ “ Nam quốc sơn hà” như là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1. Khởi động:

- Cho hs thi giới thiệu về đất nước VN... GV NX, giới thiệu vào bài

2.2. Các hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động của gv và hs	Nội dung cần đạt
HD 1 : Đọc và tìm hiểu chung <i>PP: vấn đáp...</i> <i>KT: đọc tích cực, kỹ thuật hỏi và trả lời</i> <i>NL: Tự học</i> <i>PC: tự tin</i> <i>HT: HĐCN, cả lớp</i> ? Giới thiệu những nét chính về tác giả Trần Quang Khải? - GV đọc mẫu , gọi HS đọc-> nhận	I- Đọc và tìm hiểu chung <i>1. Tác giả(sgk)</i> <i>2. Tác phẩm</i> a. Đọc, tìm hiểu chú thích: *Đọc

xét

GV cho tìm hiểu 1 số chú thích và tích với từ HV(Chương Dương, Hàm Tử)

- Trao đổi cặp đôi hỏi đáp

- *Sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời*

? Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

? Ptbđ?

? Bố cục bài thơ?

(GV bổ sung thêm thông tin nếu cần sau khi hs trình bày)

* Chú thích(sgk)

b. Thể thơ: ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật
Bài thơ gồm 4 câu, mỗi câu 5 tiếng, hiệp vần ở tiếng cuối câu 2- 4, 1-3

- Ptbđ: biểu cảm + nghị luận

- Bố cục:

+ 2 câu đầu: chiến thắng hào hùng của dtộc trong cuộc k/chiến chống Mông - Nguyên xl.

+ 2 câu cuối: lời động viên xd đất nước và niềm tin vào sự bền vững của dtộc

II-Phân tích

HD 2: Phân tích

PP: *Vấn đáp, giảng bình, tl nhóm*

KT: *động não, hỏi đáp, giao nv*

NL: *Tự học, sử dụng NN, hợp tác*

PC: *tự tin, yêu con người...*

HT: *HĐCN, cặp đôi, nhóm, cả lớp*

- Hs đọc 2 câu đầu(3 phần)

- Thảo luận nhóm 5p

- GV chia nhóm(6 nhóm), giao nv trong phiếu học tập:

? *Chỉ ra những chiến công được nhắc đến trong lời thơ?*

? *Chiến công đó gợi những sự kiện lịch sử nổi tiếng nào của dân tộc ta trong quá khứ?*

? *Em có nhận xét gì về cách dùng từ, giọng điệu và việc sử dụng nghệ thuật đối của lời thơ trên?*

? *Việc sử dụng những NT trên có tác dụng gì?*

- Hs các nhóm thảo luận ghi kết quả và bảng phụ, trình bày kết quả thảo luận, nx

- GV NX, chốt Đây là khúc ca hào hùng, vang động núi sông. Đúng là khúc khải hoàn ca chiến đấu và

1. Hai câu đầu

- 2 chiến thắng Chương Dương và Hàm Tử

-> 2 trận thắng lớn trên sông Hồng thời Trần (thắng quân Mông- Nguyên)

+ NT:

+ Sử dụng động từ mạnh(đoạt,cầm) đặt đầu câu liên tiếp, sử dụng danh từ chỉ địa danh nổi tiếng(HT, CD)

+ Đối về thanh, ý, nhịp giữa 2 câu

+ Giọng điệu: hùng tráng, sáng khoái, hân hoan.

chiến thắng của quân dân nhà Trần.

+ Nhịp thơ nhanh, gấp gáp
=> **NiỀm vui sảng, tù hạo tríc nh÷ng
chiển th³/ng hạo hững của d©n tíc**

2. Hai câu cuối

- “Thái bình..giang san”
- Nói về xây dựng đất nước thời bình
- Từ Hán Việt: “trí lực, giang san, vạn cổ” những từ ghép chính phụ

- Y/ c HS đọc 2 câu sau (3 phần)

? Lời thơ nói tiếp về vấn đề nào khác?

? Em thấy những từ “ trí lực, giang san, vạn cổ” có giống những từ ghép thuần Việt các em đã học không?

- GV tích từ Hán Việt

? Nhận xét về giọng thơ?

? Qua đó em hiểu ý thơ nói gì?

+ Giọng thơ sâu lắng, thủ thỉ, tâm tình
-> Dồn hết sức lực vào công việc xây dựng đất nước, không nên say sưa với chiến thắng

- “Non nước ấy nghìn thu”

-> Một đất nước vững bền mãi mãi giàu mạnh trong hoà bình .

- C©u kh¹/ng ®pnh-> niỀm tin s³/t ®,
vạn sự v÷ng bỒn mu«n ®êi của ®, t níc

=> **Kh, t vãng th, i b×nh, thpnh trp l©u
duì của d©n tíc**

? Em hãy chỉ ra câu thơ nói về mong ước của t/g? Đó là mong ước gì?

? Qua đây em hiểu gì về khát vọng ở tương lai của nhân dân ta?

- Gv bình giảng, tích hợp với lịch sử, văn học mở rộng kiến thức (về khát vọng của nhân dân ta, đất nước ta và “hào khí Đông A” của đời Trần và các tác phẩm vh...

“Xã tắc 2 phen chôn ngựa đá

Non sông nghìn thừa vừng âu vàng”
(vua Trần Nhân Tông)

? Nên cảm nhận chung về bài thơ Phò giá về kinh ?

GV liên hệ Nếu “NQSH” coi là bản tuyên ngôn đầu tiên mở đầu cho một loạt các bản tuyên ngôn khác :

=> **PGVK là bài ca chiến đấu và chiến thắng của nhân dân ta với niềm khát vọng hòa bình và đất nước thịnh trị thái bình muôn thuở.**

III-Tổng kết

2.3. Hoạt động luyện tập

? Em đã được tiếp cận với những thể thơ đường luật nào?

? Hai bài thơ “ Nam quốc sơn hà “ và “ Phò giá về kinh” toát lên tinh thần gì của thời đại Lí-Trần?

2.4. Hoạt động vận dụng:

? Là HS em làm gì trước truyền thống đó của dân tộc?

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Đọc thêm “Tức sự” của Trần Nhân Tông
 - Học thuộc lòng 2 bài thơ(phiên âm và dịch thơ)
 - Nắm vững nội dung bài học
 - Chuẩn bị bài “ Từ Hán Việt”
- + Đọc các VD và trả lời câu hỏi

Tiết 19.

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1 (VIẾT Ở NHÀ)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

HS củng cố lại kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản tự sự, về tạo lập văn bản, về tác phẩm văn học đã học (Cuộc chia tay của những con búp bê) và về cách sử dụng từ ngữ, đặt câu.

2.Kĩ năng:

HS đánh giá được chất lượng bài làm của mình so với yêu cầu của đề bài; nhờ đó có được những kinh nghiệm và quyết tâm để làm tốt hơn những bài sau

3. Thái độ: HS có ý thức phê và tự phê

4. Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, NL sáng tạo, NL hợp tác, NL giao tiếp.

- Năng lực riêng: NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL liên hệ, NL nhận thức, NL phát hiện và giải quyết vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

* Phẩm chất: Tự lập, tự chủ, tự tin...

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: Chấm bài, tổng hợp điểm, đánh giá kết quả.

Tích hợp văn tự sự (lớp 6), các bước tạo lập văn bản, liên kết trong văn bản, mạch lạc trong văn bản (lớp 7)

2. Học sinh: Ôn tập các kiến thức về văn tự sự (lớp 6), các bước tạo lập văn bản, liên kết trong văn bản, mạch lạc trong văn bản (lớp 7).

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp: Dạy học hợp tác, vấn đáp, nêu vấn đề....

2. Kỹ thuật: đặt câu hỏi, chia nhóm, lắng nghe và phản hồi tích cực...

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định tổ chức lớp

* Kiểm tra bài cũ: kết hợp trong bài

* Vào bài mới :

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
<p>HD: Trả bài TLV số 1</p> <p><i>*PP: phân tích, hợp tác, vấn đáp,</i></p> <p><i>* KT: đặt câu hỏi, lắng nghe và phản hồi tích cực, chia nhóm</i></p> <p>HS nhắc lại câu hỏi.</p> <p>HS xác định yêu cầu của đề</p> <p>? Yêu cầu kỹ năng?</p>	<p>I. Tìm hiểu đề, đáp án</p> <p>* Yêu cầu về kỹ năng :</p> <ul style="list-style-type: none">- Biết nhập vai một n/vật để kể lại một truyện ngắn.- Viết đúng thể loại tự sự, kết cấu rõ ràng, hành văn sáng sủa, không mắc lỗi dùng từ, câu không sai ngữ pháp.- Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp.- Có sự sáng tạo trong cách kể

? Yêu cầu kiến thức?

- GV cùng HS xây dựng dàn bài chuẩn.

- GV trả bài cho học sinh
- GV yêu cầu HS đọc lại bài của mình

- GV yêu cầu HS trao đổi bài cho bạn ngồi bên cạnh -> đọc

- GV gọi HS tự nhận xét bài của mình

- GV gọi HS nhận xét bài làm của bạn

- GV nhận xét ưu, nhược điểm bài làm của học sinh

- GV ghi lỗi HS ra bảng phụ 1 -> Yêu cầu HS phát hiện lỗi sai và sửa.

- GV treo bảng phụ 2 đã sửa lỗi cho học sinh quan sát

- Thể hiện được cái nhìn và cảm xúc của người kể

* Yêu cầu về kiến thức

1. Đảm bảo cốt truyện, tình tiết vốn có của truyện, thể hiện được tâm trạng, cái nhìn, cảm xúc của người kể. Truyện có ý nghĩa.

+ Mở bài : Giới thiệu nhân vật và tình huống của truyện

+ Thân bài : Kể chính xác diễn biến của truyện.

+ Kết bài: kết thúc truyện và nêu cảm nghĩ của bản thân.

II. Trả bài

III. Nhận xét

1. Ưu điểm

- Nộp bài đúng thời hạn

- Một số bài sâu sắc, có cảm xúc, mạch văn trong sáng...

- Một số bài trình bày đẹp, sạch sẽ

- Đa số bài làm có bố cục 3 phần rõ ràng

VD: Bùi Thảo, Thanh Tú....

2. Nhược điểm

- Một số bài chưa có bố cục 3 phần rõ ràng

- Một số bài trình bày bản, viết sai chính tả nhiều, viết hoa tùy tiện, nội dung sơ sài

- Nhiều bài thể hiện ý thức làm bài chưa tốt: chưa đầu tư t/g, làm qua loa, chống đối

VD: Đức Hiếu, Ngọc Tú....

IV. Chữa lỗi- bảng phụ

Bảng phụ:

Lỗi	Ví dụ	Sửa lại
Chính tả	Lôn nao – trói trang – cho lên – sụt xùi – lúc lờ, con kị sĩ	Nôn nao – chói chang – sụt sùi – nức nở, con vệ sĩ
Dùng từ	2. Em vui thú nhìn... 3. lòng mẫu tử 4. Lẻ loi cảnh vật	5. Em thích thú nhìn 6. Tình mẫu tử 7. Lặng lẽ nhìn cảnh vật
Ngữ pháp	Nhìn cảnh vật xung quanh. Em bật khóc.	Nhìn cảnh vật xung quanh, em bật khóc.
Diễn đạt	8. Em vui thú nhìn... 9. lòng mẫu tử 10. Lẻ loi cảnh vật 11.	12. Em thích thú nhìn 13. Tình mẫu tử 14. Lặng lẽ nhìn cảnh vật
	Nhìn cảnh vật xung quanh. Em bật khóc.	Nhìn cảnh vật xung quanh, em bật khóc.

V. Đọc và bình đoạn văn, bài văn hay

- GV đọc một số đoạn văn, bài văn hay cho cả lớp nghe. GVNX

3. Hoạt động luyện tập

? Nêu các bước tạo lập một văn bản?

GV nhận xét tiết trả bài

4. Hoạt động vận dụng:

Viết lại bài

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm đọc bài văn hay

- Xem lại bài.

- Chuẩn bị bài mới: Tìm hiểu chung về văn biểu cảm

Tuần 5

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 20.**TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BIỂU CẢM****I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức**

- Hiểu được văn biểu cảm nảy sinh là do nhu cầu biểu cảm của con người.

- Hiểu rõ khái niệm văn biểu cảm, vai trò và đặc điểm của kiểu văn biểu cảm.
- Biết được 2 cách biểu cảm trực tiếp và gián tiếp trong văn biểu cảm.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết đặc điểm chung của văn biểu cảm và 2 cách biểu cảm trực tiếp và biểu cảm gián tiếp trong các văn bản cụ thể.
- Tạo lập được văn bản có sử dụng các yếu tố biểu cảm.
- Biết được cách vận dụng những kiến thức về văn biểu cảm để đọc - hiểu được văn bản biểu cảm.

3. Thái độ:

- Có ý thức ban đầu về văn biểu cảm và bộc lộ tình cảm trong bài văn.

4. Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, NL sáng tạo, NL hợp tác, NL giao tiếp.
- Năng lực riêng: NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL liên hệ, NL nhận thức, NL phát hiện và giải quyết vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

* Phẩm chất: Tự lập, tự chủ, tự tin...

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: Bài soạn (tích hợp VH: ca dao, dân ca), tài liệu tham khảo
2. Học sinh: Chuẩn bị SGK, vở ghi, soạn bài bài mới.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp: Nêu vấn đề, đàm thoại, gợi mở vấn đáp, trực quan, thảo luận, luyện tập thực hành
2. Kỹ thuật: đặt câu hỏi, chia nhóm, lắng nghe và phản hồi tích cực...

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

* Ôn định tổ chức lớp

* Kiểm tra bài cũ:

? Nhắc lại thế nào là văn tự sự, văn miêu tả ?

* Vào bài mới : GV liên kết vào bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD1: Nhu cầu biểu cảm và văn biểu cảm</p> <p><i>*PP: phân tích, hợp tác, vấn đáp.....</i></p> <p><i>* KT: đặt câu hỏi, lắng nghe và phản hồi tích cực, chia nhóm</i></p> <p>- HS đọc VD (bảng phụ)</p> <p>? Mỗi câu ca dao trên thể lộ tình cảm, cảm xúc gì?</p>	<p>I. Nhu cầu biểu cảm và văn biểu cảm</p> <p>1. Nhu cầu biểu cảm của con người</p> <p>a. Xét VD</p> <p>VD1: Thương thân phận thấp cổ bé họng, có nỗi đau khổ oan trái không lẽ công bằng nào soi tỏ.</p>

? Người ta thổ lộ tình cảm để làm gì?

? Vậy khi nào người ta có nhu cầu biểu cảm?

? Người ta có thể biểu cảm bằng những cách nào (phương tiện nào) ?

- GV chốt: những bức thư, bài văn, bài thơ ... là các thể loại văn biểu cảm.

? Vậy thế nào là văn biểu cảm? Văn biểu cảm thường được viết bằng những thể loại văn học nào?

- GV NX -> Ghi nhớ

- Đọc 2 đoạn văn trong SGK/ 72

- GV chia nhóm thảo luận tìm hiểu về 2 đoạn văn theo các câu hỏi trong SGK/ 72, 73 (Thời gian 5 phút)

Nhóm 1 + 2: Đoạn văn (1)

Nhóm 3 + 4: Đoạn văn (2)

- GV gọi HS đại diện trình bày

- GV gọi HS khác NX, bổ sung

- GV NX -> chốt

(Đoạn văn 1: Người viết gọi tên đối tượng biểu cảm, nói thẳng tình cảm của mình)

(Đoạn văn 2: bắt đầu bằng miêu tả tiếng hát đêm khuya trên đài, rồi im lặng, rồi tiếng hát trong tâm hồn, trong tưởng tượng. Tiếng hát của cô gái biến thành tiếng hát của quê hương, của ruộng vườn, của nơi chôn rau, của đất nước. Tác giả không nói trực tiếp, mà gián tiếp thể hiện tình yêu quê hương)

? Qua tìm hiểu em thấy văn biểu cảm có những đặc điểm gì về tình cảm và cách biểu cảm?

VD2: Cảm xúc yêu quý tự hào về vẻ đẹp và sức sống của quê hương và con người.

-> *Thổ lộ t/c để người khác biết và đồng cảm*

- Khi có những tình cảm chất chứa muốn biểu hiện cho người khác cảm nhận được thì người ta có nhu cầu biểu cảm.

- Các cách biểu cảm: Viết thư, làm văn, làm thơ, ca hát, vẽ tranh, nhảy múa, thổ sáo.

b. Ghi nhớ

* Ghi nhớ chấm 1, 2 (GK/73)

2. Đặc điểm chung của văn biểu cảm.

1. Ví dụ

2. Nhận xét(sgk)

- Đoạn văn (1) biểu hiện nỗi nhớ và nhắc lại những kỉ niệm

Đoạn văn (2) biểu hiện tình cảm gắn bó với quê hương đất nước

- Cả 2 đoạn đều không kể một chuyện gì hoàn chỉnh, mặc dù gọi lại những kỉ niệm. ở đoạn (2) tác giả sử dụng biện pháp miêu tả nhưng từ miêu tả mà liên tưởng gợi ra những cảm xúc sâu sắc -> Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.

- Tình cảm trong 2 đoạn văn đều là những tình cảm đẹp, vô tư, mang lí tưởng đẹp, giàu tính nhân văn

- Đoạn văn (1) biểu cảm trực tiếp.

- Đoạn văn (2). biểu cảm gián tiếp

b. Ghi nhớ

* Ghi nhớ chấm 3, 4 (SGK/73)

HS Đọc ghi nhớ

HD2: Luyện tập

**PP: phân tích, hợp tác, vấn đáp*

** KT: đặt câu hỏi, lắng nghe và phản hồi tích cực*

- Đọc yêu cầu bài tập 1

- GV hướng dẫn -> gọi HS làm
- GV gọi HS nhận xét
- GVNX -> cho điểm

- Đọc yêu cầu bài tập 2

- GV hướng dẫn -> gọi HS làm
- GV gọi HS nhận xét
- GVNX -> cho điểm

II. Luyện tập

Bài tập 1

- Đoạn văn b là văn biểu cảm. Vì đoạn văn b cũng tả và kể về hoa hải đường, nhưng nhằm biểu hiện và kêu gọi tình cảm yêu hoa để mong được đồng cảm. trong đoạn văn còn có những yếu tố tưởng tượng, liên tưởng, hồi ức ... để kêu gọi và bày tỏ cảm xúc.

Bài tập 2

- Bài "Sông núi nước Nam" thể hiện bản lĩnh khí phách của dân tộc ta: Nêu cao chân lí vĩnh viễn nhất, lớn lao nhất: nước Việt Nam là của người Việt Nam, không ai được xâm phạm, xâm phạm sẽ thất bại.

- Bài "Phò giá về kinh" thể hiện khí thế chiến thắng ngoại xâm hào hùng của dân tộc và bày tỏ khát vọng xây dựng, phát triển cuộc sống trong hòa bình, với niềm tin đất nước bền vững muôn đời.

3. Hoạt động luyện tập

? Thế nào là văn biểu cảm?

? Nêu những đặc điểm của văn biểu cảm?

4. Hoạt động vận dụng:

Nói và viết văn biểu cảm

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Học bài. Làm bài tập 3, 4 (SGK/74)

- Chuẩn bị bài mới: Côn Sơn ca, Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra

Gv kí hợp đồng với hs để chuẩn bị phân tác giả, tác phẩm: xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt.

Tuần 6

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 21 – Đọc thêm văn bản: **CÔN SƠN CA** (Nguyễn Trãi)

THIÊN TRƯỜNG VẤN VỌNG (Trần Nhân Tông)

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức: Cảm nhận được hồn thơ thắm thiết tình quê của Trần Nhân Tông trong bài " Buổi chiều đứng ở phủ thiên Trường trông ra" và sự hòa nhập nên thơ, thanh cao của Nguyễn trãi với cảnh trí Côn Sơn qua đoạn thơ trong bài " Bài ca Côn Sơn".

2. Kỹ năng: Biết cách tìm hiểu, phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của 2 thể thơ lục bát và thất ngôn tứ tuyệt

3. Thái độ: Biết yêu mến cảnh đẹp của quê hương đất nước

4. Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, NL sáng tạo, NL hợp tác, NL giao tiếp.

- Năng lực riêng: NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL liên hệ, NL nhận thức, NL phát hiện và giải quyết vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

* Phẩm chất: Tự lập ,tự chủ ,tự tin

II. Chuẩn bị

1. Giáo viên: + PT: Bài soạn(Tích hợp TV: Từ Hán Việt, TLV: Đặc điểm của văn biểu cảm. Liên hệ môi trường trong lành của Côn Sơn) Ảnh phong cảnh Côn Sơn.

2. Học sinh: soạn bài. Sưu tầm tranh ảnh về Côn Sơn

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

1. Ôn định tổ chức:

*kiểm tra sĩ số.

* Kiểm tra bài cũ.

? Đọc thuộc bài thơ “Sông núi nước Nam” hoặc “ Phò giá về kinh” và nêu cảm nhận khái quát về bài thơ?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1 Hoạt động khởi động

GV:

+Sử dụng kĩ thuật phân tích vi deo

+ Giao nhiệm vụ :

Hình ảnh, từ ngữ nào em ấn tượng nhất trong clip sau ?

+ chiếu clip về Côn Sơn

HS: + Xem clip

+ Trả lời câu hỏi, bổ sung

Gv : giới thiệu dẫn dắt vào bài

2.2 Hoạt động hình thành kiến thức mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đọc - Tìm hiểu chung. HD 1: Đọc và tìm hiểu chung	A. Bài ca Côn Sơn I. Đọc và tìm hiểu chung

* **Phương pháp** : gợi mở, vấn đáp , dùng lời nói có nghệ thuật.

* **Kĩ thuật** : đọc tích cực, đọc sáng tạo, hỏi và trả lời.hợp đồng....

***Năng lực** : Tự học, giải quyết vấn đề,hợp tác.

* **Phẩm chất** : tự tin , sống có trách nhiệm.

? Cần đọc giọng ntn?

(đọc êm ái, ung dung, chậm rãi)

- HS đọc. GVNX.

- Chú ý chú thích sgk/80

Hs thanh lí hợp đồng -> trình bày -> gvnx chốt ý, ...

GV: - Là nhân vật lịch sử toàn đức toàn tài hiếm có. Cuộc đời nhiều thăng trầm, chịu án oan thảm khốc vào bậc nhất trong lịch sử nước nhà (chu di tam tộc). Sau này đc vua Lê Thánh Tông minh oan, được UNC công nhận: danh nhân VHTG.

- Địa danh Côn Sơn: núi non hùng vĩ, sơn thủy hữu tình, nơi gắn bó máu thịt với NT từ thuở ấu thơ đến lúc tuổi già

(4 cặp lục bát có cấu trúc tương đối giống nhau. Các câu 6 nói về cảnh sắc CS, các câu 8 nói về con người giữa cảnh sắc ấy)

1. Đọc, hiểu chú thích:

* Đọc

* Chú thích: sgk/80)

2. Tác giả

- Nguyễn Trãi (1380 - 1442), hiệu Ức Trai

- Quê gốc: Chí Linh - Hải Dương

- Là nhà thơ lớn, anh hùng dt, danh nhân VH TG.

3. Tác phẩm:

a- Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác trong t/g Nguyễn Trãi cáo quan về ở ẩn tại Côn Sơn quê ngoại.

b- Thể loại: thơ trữ tình TĐ

c- Thể thơ: lục bát (bản dịch)

d- PTBD: Miêu tả + biểu cảm

HD 2: Phân tích.

* **Phương pháp** : gợi mở, vấn đáp , dùng lời nói có nghệ thuật, dạy học nhóm.

* **Kĩ thuật** : động não, đặt câu hỏi.

***Năng lực** : Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, ngôn ngữ, cảm thụ, phân tích,

* **Phẩm chất** : tự tin , sống có trách nhiệm.

II. Tìm hiểu chi tiết văn bản

Thảo luận nhóm

Thời gian 10p

Nhiệm vụ

? Những cảnh vật nào của Côn Sơn được nhắc tới trong đoạn thơ?

? Tg đã sd bpnt nào để làm nổi bật khung cảnh Côn Sơn?

? Qua đó em cảm nhận ntn về thiên nhiên (cảnh sắc) của Côn Sơn?

? Qua việc miêu tả cảnh đẹp C/Sơn, em thấy t/g là người ntn?

Đại diện 1 cặp báo cáo kết quả, các cặp khác nhận xét, bổ sung

GV: nhận xét, chốt.

Đó là những sự vật quen thuộc ở CS. Chọn tả suối, đá, thông, trúc là chọn những sv điển hình nhất nơi đây.

* Với tất cả các giác quan) nhà thơ đã có cách tả rất tài tình. suối nước CS bỗng thành suối nhạc, đá CS rêu phủ trăm năm bỗng thành thảm biếc. Thông mọc ngút ngàn cứng cáp, trúc quân tử thanh cao. *H/ả so sánh này khiến ta nhớ đến câu thơ của HCM: Tiếng suối trong như... hát xa. Câu thơ của NT và của HCM cùng giống nhau ở điểm đã vượt qua tính khuôn sáo trong thi pháp thơ trung đại luôn lấy thiên nhiên làm chuẩn mực cho cái đẹp. NT đã lấy âm thanh của sự sống, của con ng để tả tiếng suối.*

Gv bình: Bức tranh CS dưới cái nhìn của thi nhân NT đã hiện lên sinh động, đầy ắp âm thanh, màu sắc, . Với NT, CS là tiếng gọi trở về qhương. Tg ngợi ca vẻ đẹp nơi đây = tình cảm của 1 ng` rất yêu, rất hiểu về CS. Vì thế thiên nhiên nguyên sơ bỗng trở nên gần gũi.

Hoạt động cả lớp

? Trong đoạn thơ, Ta là ai?

? Hãy chỉ ra những việc làm của nhân vật “ta” ở Côn Sơn?

1. Cảnh Côn Sơn:

Suối, đá, thông, trúc

- suối rì rào (âm thanh)

- có đá rêu phơi (màu sắc)

- thông mọc như nêm... bóng mát (xúc giác)

- có bóng trúc râm... xanh mát (màu sắc)

+ NT: so sánh, sử dụng từ láy, tính từ, động từ

-> **Cảnh sắc (thiên nhiên) Côn Sơn trong lành, nguyên sơ, thanh tĩnh, khoáng đạt, nên thơ mà gần gũi.**

-T/g Là người yêu, hiểu, quý trọng những giá trị của thiên nhiên.

? Khái quát những NT đc sử dụng?

? Việc sử dụng những NT đó tác dụng gì?

? Đặt vào hoàn cảnh stác bài thơ (lúc NT đang trong tâm thế bị chèn ép, nghi ngờ, phải cáo quan về quê ở ẩn, thật chán chường, u uất). Song qua những câu thơ này em có nhận thấy sự chán nản, buồn rầu của NT không? Vì sao?

(Không hề có chút chán chường, u uất, buồn phiền. Chính cảnh sắc thanh tĩnh, nên thơ, khoáng đạt ở CS đã làm nên như vậy)

? H/ả nhân vật trữ tình hiện lên trong câu thơ cuối đoạn “Trong màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn” gợi cho em suy nghĩ gì?

? Từ đây em cảm nhận được gì về tâm hồn thi nhân?

GV: Đoạn thơ cho thấy NT đang rất ung dung, nhàn nhã, tâm hồn thanh thản, thoải mái không vướng bận chuyện đời. Đằng sau bức tranh tn CS tươi đẹp là 1 tâm hồn tinh tế, 1 cốt cách trong sáng, thanh cao,

? Qua bài thơ, em hiểu thêm ý nghĩa ca ngợi nào trong cách sống của con người?

Tích môi trường: con người hiện đại trong nhịp sống gấp gáp đôi khi bỏ quên hoặc chẳng bao giờ nhận ra những vẻ đẹp tiềm ẩn nơi thiên nhiên hoang dã.

(giáo dục hs gần gũi với TN)

HD 1: Đọc và tìm hiểu chung

* **Phương pháp** : gợi mở, vấn đáp , dùng lời nói có nghệ thuật.

* **Kĩ thuật** : đọc tích cực, đọc sáng tạo, hỏi và trả lời, hợp đồng...

***Năng lực** : Tự học, giải quyết vấn đề,hợp tác.

* **Phẩm chất** : tự tin , sống có trách nhiệm.

2. Con người giữa cảnh vật Côn Sơn:

- “ta” (t/g, Nguyễn Trãi)

- Ta **nghe như....tai**

- Ta **ngồi** trên đá..chiều êm

- Tìm nơi ...ta **nằm**

- Ta **ngâm** thơ nhàn

+đại từ, động từ, điệp ngữ

-> làm nổi bật sự có mặt của con người trước thiên nhiên khoáng đạt, rộng lớn, gợi tư thế ung dung tự tại, làm chủ của con người trước thiên nhiên.

-> Sự giao hòa tuyệt đối giữa con người với thiên nhiên.

✉**Tâm hồn thi nhân thanh cao, trong sạch, rất yêu thiên nhiên và hòa nhập với thiên nhiên.**

-> "Côn Sơn ca" còn là bài ca về cách sống thanh cao, hoà hợp giữa con người với thiên nhiên.

IV. Tổng kết

* Ghi nhớ SGK/ 81

B. Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra

I. Đọc và tìm hiểu chung

Hoạt động cả lớp

Theo em nên đọc bài thơ ntn?

Đọc chậm rãi, ung dung, thanh thản, ngắt nhịp 4/3, 2/2/3.

- GV gọi HS đọc, NX

- Chú thích 1,2

Kĩ thuật hợp đồng

Hs thanh lí hợp đồng -> gv chốt ...

Phân tác giả, tác phẩm?

(Cùng vua cha lãnh đạo cuộc k/c chống M-N. Ông theo đạo Phật 1299 về tu ở chùa Yên Tử và trở thành vị tổ thứ nhất của dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử)

1) Đọc, hiểu chú thích:

* Đọc

* Chú thích(sgk)

2. Tác giả:

- Trần Nhân Tông (1258-1308). Tên thật Trần Khâm- con trưởng của Trần Thánh Tông

- Là vị vua yêu nước, anh hùng nổi tiếng khoan hòa, nhân ái

3. Tác phẩm:

a- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác trong dịp t/g về thăm quê cũ ở Thiên Trường (Nam Định)

b- Thể loại: thơ trữ tình

c- Thể thơ : Thất ngôn tứ tuyệt

d- Ptbđ: biểu cảm

e- Cấu trúc: 2P: +(2 câu đầu):Cảnh chiều trong thôn xóm

+(2 câu đầu cuối):Cảnh chiều ngoài đồng

III. Tìm hiểu chi tiết văn bản:

HD 2: Phân tích.

* **Phương pháp** : gợi mở, vấn đáp , dùng lời nói có nghệ thuật, dạy học nhóm.

* **Kĩ thuật** : động não, đặt câu hỏi.

***Năng lực** : Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, ngôn ngữ, cảm thụ, phân tích,

* **Phẩm chất** : tự tin , sống có trách nhiệm.

Hoạt động nhóm 4p

Nhiệm vụ

+ Nhóm 1, 2: 2 câu đầu

Thời gian và không gian trong bức tranh cảnh vật ở 2 câu đầu?

Nhận xét về cảnh vật?

+ Nhóm 3,4: 2 câu cuối .

? Không gian của 2 câu thơ cuối ntn?

? 2 câu cuối của bài thơ giúp em cảm nhận được điều gì về bức tranh ngoài thôn xóm?

Đại diện các nhóm trình bày , nhóm khác nhận xét , bổ sung

GV nhận xét, chốt.

Cảnh chiều muộn ở vùng thôn quê bắc bộ. Thôn xóm như có màu khói của sương bao phủ khiến cảnh vật nhạt nhòa tạo nên vẻ mơ màng, yên tĩnh nơi thôn dã.

Kĩ thuật trình bày 1p

? Qua cảnh trong xóm, ngoài thôn, bài thơ gợi lên trong em một khung cảnh làng quê ntn?

- Từ đó giúp em hiểu thêm điều gì về tâm hồn của vị vua trẻ tuổi Trần Nhân Tông và về thời đại nhà Trần?

GV bình.

- Bài thơ có những vẻ đẹp nào về NT và ND?

HS đọc ghi nhớ

1) Hai câu đầu:

+ Thời gian: Lúc chiều về, sắp tối

“Đạm tự yên”: mờ mờ như có khói phủ

“ Bán vô bán hữu”: Nửa như có nửa như k.

-> *Chiều muộn ở thôn quê Bắc Bộ đẹp, mờ ảo, yên bình*

-> Tạo bởi cảnh thực và cảm xúc của t/g với cảnh đó.

2) Hai câu cuối:

- Hình ảnh, âm thanh : cò trắng /tiếng sáo

-> Không gian cao rộng, thoáng đãng, yên ả.

- dấu hiệu đặc trưng của buổi chiều ở làng quê.

-> Đẹp, thơ mộng, thanh bình

-> Cảnh làng quê thanh bình, hạnh phúc, con người hoà hợp với thiên nhiên.

- Một vị vua có địa vị tối cao những tâm hồn vẫn gắn bó máu thịt với quê hương thôn dã của mình(Yêu quê hương), yêu thiên nhiên

- Thời nhà Trần: đất nước thanh bình, nhân dân yên ổn, hạnh phúc .

III. Tổng kết:

* Ghi nhớ: SGK/77

2,3. Hoạt động luyện tập:

? Nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của 2 bài thơ " Bài ca Côn Sơn" và "Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra"?

- Thi đọc diễn cảm 2 bài thơ.

2.4. Hoạt động vận dụng:

- Thi đọc diễn cảm 2 bài thơ trên?

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Suy tâm những bài thơ của 2 tác giả trên?

- Học thuộc lòng 2 bài thơ

- +Làm bài tập phần luyện tập SGK/ 77 và SGK/ 81
- Chuẩn bị bài mới: Từ Hán – Việt (Tiếp)
- + Trả lời các câu hỏi trong sgk.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 22 TỪ HÁN VIỆT (Tiếp theo)

I. Mục tiêu cần đạt: HS cần nắm được về:

- 1. Kiến thức:** Hiểu được các sắc thái ý nghĩa riêng biệt của từ Hán Việt
- 2. Kỹ năng:** Sử dụng từ Hán Việt trong nói, viết nhằm tăng hiệu quả biểu cảm và thêm sức thuyết phục.
- 3. Thái độ:** Có ý thức sử dụng từ Hán Việt đúng nghĩa, đúng sắc thái, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, tránh lạm dụng từ Hán Việt.
- 4. Năng lực, phẩm chất:**
 - * Năng lực:
 - Năng lực chung: Năng lực tự học, NL sáng tạo, NL hợp tác, NL giao tiếp.
 - Năng lực riêng: NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL liên hệ, NL nhận thức, NL phát hiện và giải quyết vấn đề đặt ra trong cuộc sống.
 - * Phẩm chất: Tự lập, tự chủ, tự tin

II. Chuẩn bị:

- 1. Giáo viên:** Tích hợp văn biểu cảm, Từ Hán Việt (tiết 18)
- 2. Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định tổ chức lớp**

- * **Kiểm tra bài cũ:** Đơn vị cấu tạo nên từ Hán Việt gọi là gì? Cấu tạo của từ ghép Hán Việt
- * **Vào bài mới :**

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HDD1 : Sử dụng từ tiếng Việt - PP: phân tích mẫu, gợi mở, vấn đáp, DH	I. Sử dụng từ Hán Việt

nhóm.

- KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm.

- Năng lực: Học sinh có năng lực tự học, hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề, sáng tạo.

- Phẩm chất : HS tự tin, tự lập.

Thảo luận nhóm 2 vd sgk

Thời gian 5p

Nhóm 1,2,3 : vd a

Nhóm 3,4,5 : vd b

Đại diện các nhóm trình bày , các nhóm khác nhận xét, bổ sung .

?

- GV NX, chốt -> ghi nhớ

HS đọc ghi nhớ SGK/ 83

Hoạt động cặp đôi 2p

Nhiệm vụ

Trả lời các câu hỏi trong sgk

Đại diện các cặp trình bày các cặp còn lại nhận xét, bổ sung

GV nhận xét ,bổ sung.

Hs đọc ghi nhớ

1. Sử dụng từ Hán Việt để tạo sắc thái biểu cảm

a. Xét VD

VDa:

- Dùng từ "phụ nữ" tạo sắc thái trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính

- Dùng từ " từ trần, mai táng" tạo sắc thái trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính

- Dùng từ "tử thi" tạo sắc thái tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục, ghê sợ

VDb: "kinh đô, yết kiến, trầm, bệ hạ, thần" tạo sắc thái cổ, phù hợp với bầu không khí xã hội xa xưa.

b. Ghi nhớ

* Ghi nhớ (SGK/ 82)

2. Không nên lạm dụng từ Hán Việt

a. Xét VD

Câu thứ 2 có cách diễn đạt hay hơn

Vì: a. Dùng từ "đề nghị" là không cần thiết (nó thường dùng trong công việc)

b. Dùng từ "nhi đồng" ko đúng sắc thái biểu cảm và ko phù hợp với cảnh giao tiếp

b. Ghi nhớ: SGK/ 83

3.Hoạt động luyện tập:

4. Hoạt động vận dụng:

? Sử dụng từ Hán Việt sẽ tạo ra những sắc thái biểu cảm gì?

? Nêu những lưu ý khi sử dụng từ Hán Việt trong giao tiếp ?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm thông tin khác về từ Hán Việt (Về thời gian ra đời , số lượng từ..)

- Học bài. Làm lại các bài tập còn lại (SGK/ 83, 84)

- Chuẩn bị bài mới: Đặc điểm của văn bản biểu cảm (Đọc trước các ví dụ, trả lời các câu hỏi trong sgk)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 23: ĐẶC ĐIỂM VĂN BẢN BIỂU CẢM

I. Mục tiêu: hs cần nắm được về:

1. Kiến thức: Nắm được các đặc điểm của bài văn biểu cảm. Hiểu được đặc điểm của phương thức biểu cảm; bố cục của bài văn biểu cảm. Thấy rõ được yêu cầu của việc biểu cảm với các cách biểu cảm trực tiếp và biểu cảm gián tiếp.

2. Kỹ năng: Nhận diện được các đặc điểm của bài văn biểu cảm

3. Thái độ: Tuân thủ các yêu cầu của văn biểu cảm

4. Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, NL sáng tạo, NL hợp tác, NL giao tiếp.

- Năng lực riêng: NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL liên hệ, NL nhận thức, NL phát hiện và giải quyết vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

* Phẩm chất: Tự lập, tự chủ, tự tin

II. Chuẩn bị của thầy và trò

1: Gv: Tích hợp văn miêu tả và văn tự sự (lớp 6). Văn bản: "Thiên Trường vãn vọng" và "Côn Sơn ca". TV: Khái niệm từ Hán Việt

- Phương pháp, KT: nêu vấn đề, vấn đáp gợi mở, phân tích mẫu, qui nạp, thuyết giảng, thảo luận

2: HS: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

1. Ổn định tổ chức.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

* Kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra bài cũ.

- Thế nào là văn biểu cảm? Đặc điểm tình cảm trong văn biểu cảm? Có những cách nào để biểu cảm?

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

2.1 Hoạt động khởi động

GV cung cấp 1 đoạn văn cho hs phân tích về nội dung...

HS suy nghĩ trả lời

Gv dẫn dắt vào bài

2.2 Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>* HD 1: Tìm hiểu đặc điểm của văn biểu cảm</p> <p>- PP: phân tích mẫu, gợi mở, vấn đáp, DH nhóm.</p> <p>- KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm.</p> <p>- Năng lực tiếp nhận</p> <p>- Phẩm chất : tự tin, tự lập</p> <p>Hoạt động cặp đôi 3p</p> <p>- Đọc bài văn: Tấm gương</p> <p>? Tìm chi tiết nói về tấm gương?</p> <p>1. Bài văn cho thấy phẩm chất gì của tấm gương?</p> <p>2. Theo em, việc nêu những phẩm chất ấy nhằm mục đích gì?</p> <p>3. Tại sao tgiả lại lấy h/ả tấm gương</p>	<p>I. Tìm hiểu đặc điểm của văn bản biểu cảm</p> <p>1. Xét VD</p> <p><i>a. Xét VD1 (Tấm gương)</i></p> <p>- ... là người bạn chân thật suốt đời</p> <p>- ... không bao giờ biết xu nịnh ai.</p> <p>- ... dù gương có tan xương nát thịt vẫn cứ nguyên tấm lòng ngay thẳng</p>

mà ko mượn h/ả khác để nói về tính trung thực?

4. Để biểu đạt tình cảm tác giả bài văn đã làm như thế nào? Đó là cách biểu cảm trực tiếp hay gián tiếp?

HS đại diện các cặp trình bày, các cặp khác nx, bổ sung, GV nx, đánh giá, chốt kiến thức.

Hoạt động cả lớp

1. Bố cục của bài văn gồm mấy phần?

2. Xác định giới hạn và nêu nội dung của từng phần?

HS đại diện trình bày, hs khác nx, bổ sung, gv nx, đánh giá, chốt kiến thức.

? Phần MB và KB có q/hệ với nhau ntn?

? Phần TB đã cho thấy những điều gì?

? Những ý đó liên quan đến chủ đề bài văn ntn?

- Bài văn biểu cảm thường có bố cục 3 phần...

? Tình cảm và sự đánh giá của tác giả trong bài là t/cảm gì? Có rõ ràng, chân thực không?

? Điều đó có ý nghĩa như thế nào đối với giá trị của bài văn?

Hoạt động nhóm 5p

- Đọc đoạn văn phần 2 SGK/ 86

- ... *gương ko bao giờ nói dối, nịnh xằng*

- *ai mặt nhỏ gương nhắc nhở ngay*

- ... *soi vào tấm gương lương tâm*

- P/c của gương: trung thực, ghét thói xu nịnh, dối trá.

- Môt ®Ých: Ngợi ca tính trung thực, phê phán sự dối trá.

- Chọn hình ảnh có tính chất phù hợp với phẩm chất của con người rồi thể hiện tình cảm. -> BC gián tiếp thông qua hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ

- Bố cục: 3 phần

+ MB: 4 dòng đầu: giới thiệu sự chân thật, trong sạch của tấm gương, kẻ gương là người bạn chân thật suốt đời.

+ TB: Các dòng tiếp theo "lòng không hổ thẹn": nêu lợi ích của tấm gương đối với người trung thực. Ngoài gương thủy tinh, con người còn có gương lương tâm

+ KB: Phần còn lại: khẳng định lại chủ đề

- MB và KB đều nhấn mạnh sự trung thực của tấm gương

- TB: nói rõ biểu hiện cụ thể của tấm gương (P/c) ; đưa ra ví dụ về Mạc Đĩnh Chi và Trương Chi (làm cho bài văn thêm sâu sắc, sinh động)

-> Tập trung làm nổi bật chủ đề.

- Tình cảm của tác giả chân thực, rõ ràng:

+ yêu mến, ca ngợi sự thẳng thắn, trung thực, phê phán, lên án thói nịnh hót, hót lẻo, dối trá, độc ác.

+ Ngoài tấm gương soi hình thức, con người còn có tấm gương lương tâm

-> Điều này làm tăng thêm sức thuyết phục của bài văn.

b. Xét VD 2

2.3. Hoạt động luyện tập

- PP: phân tích mẫu, gợi mở, vấn đáp, DH nhóm.
- KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm.
- Năng lực tiếp nhận
- Phẩm chất : tự tin, tự lập

Hoạt động cá nhân 2p

Nhiệm vụ làm bài tập 1

(Trong bài cũng có biểu cảm trực tiếp. Cách thức vừa biểu cảm trực tiếp vừa biểu cảm gián tiếp đem lại một hiệu quả nghệ thuật cao, 1 tác động truyền cảm

III. Luyện tập

Bài tập 1

- a.
 - Tình cảm buồn nhớ khi xa trường, rời bạn lúc nghỉ hè .
 - Hoa phượng đc nhân hóa như 1 người bạn để tác giả trút nỗi lòng.
 - Tg gọi hoa phượng là hoa học trò.
 - > Hoa phượng trở thành biểu tượng của sự chia li tuổi học trò.
- b. Đoạn văn được tổ chức theo mạch tình cảm của tác giả:
 - Ý 1: Giới thiệu mùa ohượng nở - hè đến – giờ chia tay đến. Chưa xa đã nhớ - nhớ trg, nhớ bạn – lúc nào cũng gắn với hoa P.
 - Ý 2: Sự cô đơn, lãnh lẽo của hoa P khi chỉ còn lại 1m giữa sân trường.
 - Ý 3: Nỗi nhớ, nỗi buồn và ước mơ của P.
- c. Dùng hoa phượng để nói lên lòng người là biểu cảm gián tiếp.

2.4. Hoạt động vận dụng:

? Nêu đặc điểm của một bài văn biểu cảm?

? Bố cục bài văn biểu cảm ntn?

2.5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Học thuộc ghi nhớ. Hoàn thành bài tập phần luyện tập

- Chuẩn bị bài mới: Đề văn biểu cảm và cách làm bài văn biểu cảm

Tuần 6

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 24 ĐỀ VĂN BIỂU CẢM VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM

I. Mục tiêu cần đạt: HS cần nắm được:

1. Kiến thức: Hiểu được đặc điểm, cấu tạo của đề văn biểu cảm và cách làm bài văn biểu cảm.

2. Kỹ năng: Nhận biết được đề văn biểu cảm. Bước đầu rèn luyện các bước làm văn biểu cảm.

3. Thái độ: Tuân thủ các bước làm một bài văn biểu cảm

4. Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, NL sáng tạo, NL hợp tác, NL giao tiếp.

- Năng lực riêng: NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL liên hệ, NL nhận thức, NL phát hiện và giải quyết vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

* Phẩm chất: Tự lập, tự chủ, tự tin

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: soạn bài, đọc tài liệu tham khảo liên quan, bảng phụ

2. Học sinh: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

III. Tổ chức các hoạt động dạy học:

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định tổ chức lớp

* Kiểm tra bài cũ:

* Vào bài mới :

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- PP: phân tích mẫu, gợi mở, vấn đáp, DH nhóm. - KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm.	I. Đề văn biểu cảm và các bước làm bài văn biểu cảm 1. Đề văn biểu cảm

- Năng lực tiếp nhận
- Phẩm chất : tự tin, tự lập

Thảo luận nhóm

- Đọc những đề văn SGK/ 88
- ? Chỉ ra đối tượng biểu cảm và tình cảm cần biểu hiện trong các đề văn đó?
- Điền vào bảng .
- ? Nhận xét về các đề văn biểu cảm?
- Đại diện các nhóm trình bày , nhóm khác nhận xét , bổ sung**
- GV nhận xét , chốt**
- HS đọc ghi nhớ

a. Xét VD

Đề	Đối tượng biểu cảm	Tình cảm cần biểu hiện
a	Dòng sông (dãy núi, cánh đồng, vườn cây ...)	Yêu thương, gần gũi
b	Đêm trăng trung thu	vui nhộn
c	Nụ cười của mẹ	Sung sướng, hạnh phúc
d	Tuổi thơ	Vui buồn
e	Loài cây	Yêu mến

-> Đề văn biểu cảm nêu ra đối tượng bc và định hướng biểu cảm cho bài làm.

b. Ghi nhớ

châm 1 (GK/ 88)

Hoạt động nhóm 5p
? Trả lời các câu hỏi trong sgk

Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung,
Gv nx, chốt .
HS
- Đọc lại toàn bộ ghi nhớ

2. Các bước làm bài văn biểu cảm

1. Xét VD

Đề bài: Cảm nghĩ về nụ cười của mẹ

a. Tìm hiểu đề và tìm ý:

- Yêu cầu: Phát biểu cảm xúc và suy nghĩ về nụ cười của mẹ
- Tìm ý:
 - + Từ thuở ấu thơ em đã thấy nụ cười của mẹ
 - + Nụ cười của mẹ sẽ xuất
 - + Khi mẹ ốm hoặc k hiện khi cần động viên, khích lệ trước mỗi tiến bộ của em: biết đi, biết nói, học tiến bộ...; khi em gặp khó khăn,...
 - +Nụ cười không xuất hiện khi em làm mẹ buồn ...
 - + Em sẽ cố gắng chăm ngoan để luôn thấy nụ cười của mẹ.

✉Muốn tìm được ý cần hình dung đối tượng trong mọi trường hợp cụ thể, từ đó nhận ra tình cảm, cảm xúc của mình trong

3.Hoạt động luyện tập

4 . Hoạt động vận dụng:

Kĩ thuật viết tích cực

Viết đoạn văn biểu cảm 5 câu

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Học thuộc ghi nhớ
- Xem lại bài tập phần luyện tập (SGK/ 89, 90)
- Chuẩn bị bài mới: Bánh trôi nước, sau phút chia li(Đọc và soạn kĩ bài bằng cách trả lời các câu hỏi trong sgk)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 7 Tiết 25 VB: BÁNH TRÔI NƯỚC (Hồ Xuân Hương)

Đọc thêm: SAU PHÚT CHIA LI (Đoàn Thị Điểm)

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Hiểu sơ giản về tác giả Hồ Xuân Hương cảm nhận được phẩm chất và tài năng của tác giả Hồ Xuân Hương; hiểu sơ giản về Đặng Trần Côn, vấn đề người dịch Chinh phụ ngâm khúc.
- Hiểu được vẻ đẹp và thân phận chìm nổi của người phụ nữ trong bài thơ " Bánh trôi nước". Hiểu được tính đa nghĩa của ngôn ngữ và hình tượng trong bài thơ.
- Cảm nhận được niềm khao khát hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ có chồng đi chinh chiến tố cáo chiến tranh phi nghĩa được thể hiện trong vb.
- Hiểu giá trị nghệ thuật của một đoạn thơ dịch tác phẩm "Chinh phụ ngâm khúc" ; bước đầu hiểu thể thơ song thất lục bát.

2. Kĩ năng: Đọc thơ song thất lục bát, củng cố thêm về thơ thất ngôn tứ tuyệt.

- Phân tích được văn bản thơ Nôm Đường luật
- Phân tích được NT tả cảnh, tả tâm trạng trong đoạn trích thuộc tác phẩm dịch Chinh phụ ngâm khúc.

3. Thái độ:

- Có sự đồng cảm với thân phận của người phụ nữ trong thời phong kiến xưa và trong chiến tranh.

4. Năng lực, phẩm chất:

*** Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tự học, NL sáng tạo, NL hợp tác, NL giao tiếp.
- Năng lực riêng: NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL liên hệ, NL nhận thức, NL phát hiện và giải quyết vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

*** Phẩm chất:** Tự lập ,tự chủ ,tự tin

II. Chuẩn bị

- ### **1. Giáo viên:** soạn bài. Suru tầm tài liệu liên quan. Tích đời sống, tích ca dao, tích quan hệ từ, tích cách làm văn biểu cảm.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD 1: Đọc và tìm hiểu chung</p> <p>* Phương pháp : gọi mở, vấn đáp , dùng lời nói có nghệ thuật.</p> <p>* Kĩ thuật : đọc tích cực, đọc sáng tạo, hỏi và trả lời.</p> <p>*Năng lực : Tự học, giải quyết vấn đề,hợp tác.</p> <p>* Phẩm chất : tự tin , sống có trách nhiệm.</p> <p>Hoạt động cả lớp</p> <p>? Nên đọc vb với giọng ntn?</p> <p>- GV giọng đọc vừa ngâm ngùi vừa dứt khoát lại có chút kiêu hãnh tự hào.</p> <p>HS đọc , hs khác nhận xét</p> <p>GV nhận xét ..</p> <p>Kĩ thuật hợp đồng</p> <p>Phân tác giả tác phẩm</p> <p>Các nhóm thanh lý hợp đồng, các nhóm trao đổi nhận xét, bổ sung.</p> <p>GV nhận xét chốt</p> <p>(HXH vịnh 1 sự vật bình thường -> HXH mạnh dạn, táo bạo đưa 1 món ăn dân dã,</p>	<p>A. Bánh trôi nước</p> <p>I. Đọc và tìm hiểu chung</p> <p>1- Đọc – tìm hiểu chú thích</p> <p>* Đọc</p> <p>* Chú thích(sgk)</p> <p>2. Tác giả (sgk)</p> <p>3. Tác phẩm:</p> <p>a- Xuất xứ:</p> <p>- Viết bằng chữ Nôm.</p>

truyền thông làm đề tài cho tp)

- b- Thể loại: thơ trữ tình
- c- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt
Bài thơ có 4 câu, mỗi câu có 7 chữ
Gieo vần ở chữ cuối câu 1, 2 và 4
- d- cấu trúc: 2phần(2 câu một)

HD 2: Phân tích.

- * **Phương pháp** : gợi mở, vấn đáp , dùng lời nói có nghệ thuật, dạy học nhóm.
- * **Kĩ thuật** : động não, đặt câu hỏi.
- * **Năng lực** : Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, ngôn ngữ, cảm thụ, phân tích,
- * **Phẩm chất** : tự tin , sống có trách nhiệm.

Hoạt động nhóm 4p

? Tác giả đã miêu tả về chiếc bánh trôi qua những từ ngữ nào?

? Biện pháp NT nào đc sử dụng trong 2 câu thơ trên?

? Cách mở đầu này gợi cho em nhớ đến chùm bài ca dao nào đã học? tác dụng gì?

? Từ hình ảnh của chiếc bánh trôi nước ám chỉ vẻ đẹp nào của người phụ nữ trong lời thơ này?

Đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét , bổ sung

GV: nhận xét , chốt.

- GV liên hệ về con người bà HXH: mạnh dạn thể hiện, đề cao vẻ đẹp người phụ nữ...
(*Quyền được trân trọng, được hưởng hạnh phúc, được làm đẹp cho đời*)

Hoạt động cả lớp

* Chú ý câu thơ thứ 2.

? Vậy trong xhpk người phụ nữ có một số phận như thế nào?

? Trong câu thơ này tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì?

? Tác dụng?

II. Phân tích

1. Hai câu thơ đầu:

- Thân em vừa trắng lại vừa tròn

+ NT: điệp từ

-> H/a chiếc bánh trôi trắng mịn, tròn trịa, xinh xắn.

- Thân em: cách mở đầu quen thuộc của ca dao về thân phận người phụ nữ

+ Nhân hóa: Bánh trôi tự kể về mình

-> *Cách mở bài một cách tự nhiên, gần gũi với ca dao.*

-> Người phụ nữ có hình thức đẹp, phẩm chất trong trắng.

- "Bảy nổi ba chìm với nước non"

GV bình giảng

? Từ nước non gợi cho em suy nghĩ gì?

- GV giảng: "Nước non" ở đây đâu chỉ là nồi nước luộc bánh mà còn là hình bóng xa xôi của xhpk với những định kiến về người phụ nữ

Kĩ thuật trình bày 1p

- Qua 2 câu thơ đầu, em cảm nhận đc điều gì về người phụ nữ VN trong xhpk?

Hoạt động cặp đôi 3p

1. Em hiểu "rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn" và "Tấm lòng son" là gì?

2. Trong 2 câu thơ cuối tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? (kiểu câu, giọng điệu?) Tác dụng?

Đại diện 1 cặp báo cáo kết quả, các cặp khác nhận xét, bổ sung

GV: nhận xét, chốt.

Hoạt động cả lớp

? Bài thơ có mấy lớp nghĩa? Từng lớp nghĩa hiện lên ntn?)

? Thái độ nào của Hồ Xuân Hương được bộc lộ qua bài thơ này?

? Qua bài thơ này em hiểu thêm điều gì về Hồ Xuân Hương ?

+ NT: Dùng thành ngữ, đảo thành ngữ

- Tả sự nổi chìm của chiếc bánh trôi

- Gợi sự liên tưởng đến thân phận người phụ nữ chìm nổi, long đong – bất hạnh

"Nước non" - Chỉ nồi nước luộc bánh

- XHPK

=> Người phụ nữ xinh đẹp, trong trắng nhưng số phận chìm nổi, bấp bênh.

2. Hai câu thơ cuối

* Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn

- Sự khéo léo của người nặn bánh quyết định chất lượng của chiếc bánh

- Thân phận phụ thuộc của người phụ nữ không làm chủ được cuộc đời mình, may rủi đều phụ thuộc vào bàn tay người khác

* Tấm lòng son

- Nhân đường bên trong chiếc bánh

- Phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam

+NT: Kết cấu câu ghép "mặc dầu.....vẫn"

; Giọng điệu mạnh dạn, cứng rắn

-> Khẳng định vẻ đẹp và phẩm giá của người phụ nữ dầu bị vùi dập nhưng vẫn giữ phẩm chất trong sạch .

+2 lớp nghĩa (NT ẩn dụ) :Nghĩa đen: kể, tả về chiếc bánh trôi và việc làm bánh trôi

Nghĩa bóng: Cho thấy hình ảnh , số phận, phẩm chất của người phụ nữ trong xh PK.

- Thái độ: Trân trọng , ngợi ca người phụ nữ; Cảm thương cho thân phận chìm nổi bấp bênh, bị lệ thuộc của họ.

- GV kết luận toàn bài và cho HS liên hệ với cuộc sống người phụ nữ trong XH ngày nay

- Nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ " Bánh trôi nước"?

- GV NX -> Ghi nhớ

HD 1: Đọc và tìm hiểu chung

* **Phương pháp** : gợi mở, vấn đáp , dùng lời nói có nghệ thuật.

* **Kĩ thuật** : đọc tích cực, đọc sáng tạo, hỏi và trả lời.

***Năng lực** : Tự học, giải quyết vấn đề,hợp tác.

* **Phẩm chất** : tự tin , sống có trách nhiệm.

Hoạt động cả lớp

? Nên đọc vb với giọng ntn?

Giọng chậm chậm, đều đều, buồn buồn, lưu ý cách ngắt nhịp

HS đọc , hs khác nhận xét

GV nhận xét ..

Kĩ thuật hỏi và trả lời

Phản tác giả tác phẩm

*** HD 2: Phân tích.**

* **Phương pháp** : gợi mở, vấn đáp , dùng lời nói có nghệ thuật, dạy học nhóm.

* **Kĩ thuật** : động não, đặt câu hỏi.

***Năng lực** : Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, ngôn ngữ, cảm thụ, phân tích,

* **Phẩm chất** : tự tin , sống có trách nhiệm.

Hoạt động nhóm 7p

- HXH là người từng chịu nhiều cay đắng trong xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ

- Bà là một nhân cách phụ nữ cứng cỏi, đầy lòng tin vào phẩm giá của mình.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

2. Nội dung:

* Ghi nhớ SGK/ 95

B. HĐĐT: Sau phút chia li

I. Đọc và tìm hiểu chung

1.Đọc, chú thích

2. Tác giả, tác phẩm

a. Xuất xứ

- Trích “ Chinh phụ ngâm khúc”

- Thể thơ: Song thất lục bát

- PTBD: Biểu cảm + tự sự, miêu tả

II. Phân tích

1. Giá trị nội dung

- Tâm trạng khắc khoải nhớ thương, cô đơn của người phụ nữ có chồng đi chinh chiến.

Nhiệm vụ:

Nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?

- **ĐD HD TB – HS khác NX, b/s.**

- **GV NX, chốt KT.**

* **GV giảng...**

HS : Đọc ghi nhớ SGK/77

- Tổ cáo chiến tranh phi nghĩa gây ra cảnh chia li

- Thể hiện khát khao niềm hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ.

2. Giá trị nghệ thuật

- Thể thơ song thất lục bát (chú thích SGK/92)

- Đối xứng giữa 2 câu đầu

Chàng thì đi/ thiếp thì về

Cõi xa mưa gió/ buồng cũ chiều chẵn

=> Tâm trạng buồn khổ của người vợ bắt đầu thấm thía nỗi chia li vô vọng

- Đối trong 6 câu tiếp

chàng/ thiếp; ngoảnh lại/ trông sang; Tiêu Dương/ Hàm Dương

=> Thể hiện tâm trạng buồn triền miên, không gian xa cách bao la mệnh mông của người đi kẻ ở.

- Điệp ngữ: Thấy (tiếng cuối câu 1) – thấy (tiếng đầu câu 2); ngàn dâu (tiếng cuối câu 2) – ngàn dâu (tiếng đầu câu 3)

=> Thể hiện không gian xa cách càng ngày càng lúc càng bát ngát, rộng lớn hơn trong tâm trạng càng lúc càng miên man, càng ngày càng vô vọng của người vợ trẻ.

- câu hỏi tu từ

=> Lời than của người chinh phụ đang thấm thía gậm nhấm nỗi cô đơn, lẻ loi

III. Tổng kết.

* Ghi nhớ SGK/ 93

3. Hoạt động luyện tập:

? Chỉ ra điểm chung của 2 bài thơ " Bánh trôi nước" và "Sau phút chia li"?

? Thi đọc diễn cảm 2 bài thơ ?

4. Hoạt động vận dụng

- Thi ngâm bài thơ trên?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm bài thơ khác của HXH

- Học thuộc lòng 2 bài thơ

- Làm bài tập phần luyện tập SGK/ 93 và SGK/96

- Chuẩn bị bài mới: Quan hệ từ (Trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài sgk)

II- Chuẩn bị:

1. Thầy:- Khả năng tích hợp với từ HV, biểu cảm trực tiếp.
 - Phương pháp, KT: giảng bình, nêu vấn đề, vấn đáp, gợi mở, thảo luận
2. Trò:- Đọc và soạn kĩ bài ở nhà.

III- Tiến trình tiết học:

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định tổ chức lớp

* Kiểm tra bài cũ:

* Vào bài mới :

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: Đọc và tìm hiểu chung * Phương pháp : gợi mở, vấn đáp , dùng lời nói có nghệ thuật. * Kĩ thuật : đọc tích cực, đọc sáng tạo, hỏi và trả lời. * Năng lực : Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác. * Phẩm chất : tự tin , sống có trách nhiệm. Hoạt động cả lớp	I- Đọc và tìm hiểu chung

HS : Nêu giọng đọc, và đọc , nhận xét
Giọng nhẹ nhàng, trầm buồn, ngắt nhịp 4/3.
Chú ý nhấn mạnh 3 tiếng cuối : ta với ta.
Tìm hiểu chú thích

GV cho hs thanh lí hợp đồng đã kí

Phân tác giả , tác phẩm

GV nhận xét , chốt

Gv lưu ý: Đây là bài thơ đường luật bát cú nên phân tích theo 4 phần: Đề -thực- luận- kết

1.Đọc, chú thích

2. Tác giả (sgk/102)

- Tên thật : Nguyễn Thị Hình
- Quê : Nghi Tàm - Tây Hồ -HN.
- Sống ở TK XIX.
- Là 1 trong số nữ sĩ tài hoa hiếm có của thời kì VH trung đại.

3.Tác phẩm :

- a - Hoàn cảnh s/tác : Trong lần đầu bà xa nhà, xa quê vào kinh đô Huế nhận chức Cung trung giáo tập (dạy nghi lễ cho các cung nữ, phi tần theo chỉ dụ của nhà vua.)
- Viết bằng chữ Nôm
- b- Thể loại: Thơ trữ tình
- c- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật
- d- PTBĐ: Biểu cảm xen tự sự , miêu tả
- e: Cấu trúc :- Kết cấu 4 cặp: đề - thực - luận - kết

HĐ 2: Phân tích.

* **Phương pháp** : gợi mở, vấn đáp , dùng lời nói có nghệ thuật, dạy học nhóm.

* **Kĩ thuật** : động não, đặt câu hỏi.

***Năng lực** : Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, ngôn ngữ, cảm thụ, phân tích,

* **Phẩm chất** : tự tin , sống có trách nhiệm.

Hoạt động cặp đôi 4p

Nhiệm vụ:

Tìm hiểu nội dung , nghệ thuật 2 câu đề

II-Phân tích

Đại diện 1 cặp báo cáo kết quả, các cặp

*** 2 câu đề:**

*“Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen lá đá chen hoa”*

khác nhận xét , bổ sung

GV: nhận xét , chốt.

GV khái quát: Bài thơ đã mở ra khung cảnh ĐN qua vài nét chấm phá đặc tả khái quát của nhà thơ trong 1 buổi chiều xế vừa vắng lặng, hoang sơ, rậm rịt, gợi buồn, gợi nhớ.
- ĐN không chỉ hiện ra với núi đồi cây cỏ hao lá hoang sơ mà còn người và c/s nơi đây cũng dần hé mở.

Hoạt động cả lớp

- Em hãy cho biết lời thơ nào đề cập đến con người và cảnh sống của con người nơi đây?

? Cảnh sống ở ĐN có gì đặc biệt?

? Lom khom, lác đác thuộc loại từ gì?

? Ngoài việc sử dụng từ láy gợi hình, t/g còn sd những NT nào trong 2 câu thơ?

- Qua đó cảm xúc nào của nhà thơ được bộc lộ ở 2 câu thực?

< GV tích với biểu cảm gián tiếp thường xuất hiện trong thơ trữ tình)

GV: Trước cảnh ĐN hoang vắng, c/s thật buồn, xa lạ nhuộm màu thê lương thì lòng người và những tâm sự trong lòng người lữ khách càng hiện ra rõ nét.

Hoạt động cặp đôi 2p

Chỉ ra nội dung nghệ thuật 2 câu luận

Đại diện 1 cặp báo cáo kết quả, các cặp

khác nhận xét , bổ sung

GV: nhận xét , chốt.

Gv chỉ rõ đây là 2 điển tích về tích vua Thục Đế mất nước biến thành con chim cuộc kêu quốc quốc và Bá Di- Thúc Tề nhà Thương “Bát thực cốc Chu gia”(không ăn thóc nhà Chu)

GV giảng: rõ NT đối, chơi chữ: âm thanh-> tiếng chim; Tâm trạng: nhớ- thương

- Thời điểm: Bóng xế tà

-> ánh nắng yếu ớt trong chiều muộn, không vui tươi mà có cái xiêu xiêu, mơ màng, yếu ớt.

- Cỏ cây, đá, lá, hoa.

- “ chen”: lẫn vào nhau, xâm lấn nhau không ra hàng lối.

- NT: lặp từ, lặp vần, miêu tả tài tình

=> Cảnh vật trở nên hoang sơ, vắng lặng rậm rịt đầy sức sống.

- Cảm xúc về một buổi chiều trong tâm hồn nhà thơ trước vẻ hoang sơ của thiên nhiên, đất trời.

* 2 câu thực:

“Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà”

- Cảnh sống :+người: tiêu vài chú
+nhà: chợ mấy nhà

- Từ láy lom khom, lác đác gợi hình dáng vất vả, nhỏ nhoi của người tiêu phu giữa núi rừng và sự thưa thớt, ít ỏi của những quán chợ nghèo

- Nt: tả cảnh ngụ tình, biện pháp đảo, đối, sử dụng từ láy, nhịp thơ 4/3

=> Cảm xúc về cảnh bao la, thiếu sự sống. Qua đó thấy được nỗi buồn man mác, trầm tư của lòng người trước cảnh hoang sơ, xa lạ, thê lương

* 2 câu luận:

“ Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia”

- NT :ẩn dụ, đối, dùng từ đồng âm chơi chữ.

-> Làm nổi bật 2 trạng thái cảm xúc nhớ nước, thương nhà của tác giả, tạo sự cân đối cho lời thơ.

GV lưu ý: từ “quốc quốc” & “gia gia” vừa tả thực nói về 2 loại chim, vừa ẩn dụ, liên tưởng tới tổ quốc, gia đình. Nước và nhà đang cất lên tiếng gọi tha thiết khiến lòng người không thể thờ ơ. Đây là lúc BHTQ đứng giữa ranh giới đang tranh giành của 2 nhà Lê- Nguyễn. Phải chăng là tâm trạng hoài cổ có tính ước lệ về cố quốc vàng son của những chí sĩ Bắc thành song vẫn chân tình, thiêng liêng cất lên từ một người lữ thứ.

Từ những sv của thời nào, nơi nào có đường như không. Nó mơ hồ, huyền hoặc mà lại là hiện thân của tâm lòng người lữ khách. 2 câu thơ như tiếng vọng của thời gian, mờ mịt của không gian, tiếng than thương tự lòng người.

Hoạt động cả lớp

? Và không chỉ bộc lộ gián tiếp lòng mình, BHTQ đã kq tình và cảnh qua lời thơ một cách trực tiếp. Em hãy nêu lên lời thơ ấy?

? Toàn cảnh ĐN hiện lên qua những hình ảnh nào?

? Trong ấn tượng của t/g đó là không gian ntn?

? Giữa không gian mênh mông, tĩnh lặng ấy con người hiện lên “một mảnh....ta với ta”. Theo em ta thuộc loại từ gì?

? NT nào tiếp tục được sd để miêu tả cảnh và người?

(GV ptích kĩ NT đối)

? Tóm lại trong con mắt thi nhân cảnh ĐN hiện lên ntn thông qua NT ấy?

GV: Cô đơn gần như tuyệt đối nhưng không hề tuyệt vọng. Một mình đối diện với chính mình. Đó là bản lĩnh Thanh Quan.

GV chốt : BHTQ đã tạc vào ĐN 1 bức tranh tuyệt đẹp mang đầy tâm trạng.

- Em có nx gì về ngôn từ trong bài thơ? Hãy so sánh với lời thơ của HXH trong bài thơ BTN?

- Qua bài thơ em hiểu được thêm gì về

+ NT : Tả cảnh để ngụ tình

=> Cho thấy nỗi nhớ thương gia đình, tổ quốc bồn chồn, tha thiết, âm thầm trong dạ nữ sĩ TQ

*** 2 câu kết:**

“Dùng chân đứng lại trời, non, nước
Một mảnh tình riêng ta với ta”

- Cảnh trời, non, nước

-> Không gian mênh mông, tĩnh lặng, xa lạ

- “Ta với ta” 2 mà lại là một->cô đơn, lặng lẽ, lẻ loi, đối mặt với không gian gần như tuyệt đối của 1 lữ khách tha hương.

- NT: đối lập, biểu cảm trực tiếp, sử dụng đại từ

✉ Cảnh càng bao la hùng vĩ bao nhiêu thì con người càng cô đơn, nhỏ bé âm thầm, cô quạnh bấy nhiêu trong nỗi nhớ thương da diết của một người phụ nữ trên bước đường tha hương.

3. Luyện tập

Kỹ thuật hỏi và trả lời

4. Hoạt động vận dụng:

Thi đọc lại diễn cảm bài thơ?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm trên mạng những bài thơ khác của Bà Huyện Thanh Quan?
 - Đọc thuộc lòng bài thơ, nắm vững nội dung, nghệ thuật của bài.
 - Tìm đọc bài “chiều hôm nhớ nhà”
 - Chuẩn bị : Bạn đến chơi nhà
 - + Đọc kĩ bài thơ.
 - + Trả lời các câu hỏi trong sgk
 - + Tìm đọc các bài thơ của Nguyễn Khuyến
-

Tuần 8

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 29 : BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

- Nguyễn Khuyến-

I- Mục tiêu:

1.Kiến thức:

- + Hiểu sơ giản về tác giả Nguyễn Khuyến, sự sáng tạo trong việc vận dụng thể thơ Đường Luật, cách nói hàm ẩn sâu sắc, thâm thúy của Nguyễn Khuyến trong bài thơ.
- + Cảm nhận được tình bạn đậm đà, hồn nhiên của Nguyễn Khuyến.

2.Kĩ năng:

- + Đọc được diễn cảm và phân tích được thơ thất ngôn bát cú Đường Luật

3. Thái độ:

- + ủng hộ, trân trọng, ngợi ca tình bạn trong sáng, chân thành.

4. Năng lực, phẩm chất: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lí, hợp tác, giao tiếp, phân tích thơ thất ngôn bát cú, cảm thụ

II- Chuẩn bị:

1. Thầy:- Các khả năng tích hợp với qht & văn biểu cảm, bài giảng điện tử
2. Trò:- Đọc và soạn kĩ bài

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: đặt và giải quyết vấn đề, thảo luận, giảng bình, vấn đáp, gợi mở, phân tích ,trực quan
- KTDH: KWL

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra (sự chuẩn bị của hs)

GV đặt tình huống một người bạn thân lâu ngày gặp mặt đến thăm nhà em sẽ làm gì?

GV chiếu sơ đồ KWL cho hs làm việc nhóm 2 phút

K(điều đã biết	W(điều muốn biết)	L(điều học được)

Các nhóm đại diện trình bày sản phẩm.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động nhóm nhỏ (6 HS). Thời gian : 5p Viết vào phiếu học tập cá nhân, và bảng phụ. GV chiếu hình ảnh Nguyễn Khuyến và dựa vào các kênh thông tin để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm. - Đại diện 1 nhóm trình bày, nhóm còn lại bổ sung.	I- Đọc và tìm hiểu chung 1-Tác giả (sgk) 2- Tác phẩm a.Hoàn cảnh -Khi ông cáo quan về sống ở quê nhà

Thảo luận cặp đôi vào phiếu học tập.

Thời gian 5p.

Các câu hỏi sau.

- Bài thơ được mở ra bởi tình huống bạn đến thăm nhà t/g. Lời thơ nào cho thấy tình huống ấy?

- Hãy chỉ cụm từ chỉ thời gian trong câu thơ?

- *Bác* thuộc loại từ gì em vừa học? T/d?

- Vậy thông qua thời gian và đại từ xưng hô ấy cho ta thấy được điều gì?

- Từ đó cho ta thấy t/c bạn bè của họ như thế nào?

- Em thử hình dung cảm xúc của mình khi có người bạn lâu ngày tới chơi ?
chuyển ý:

? Chỉ ra những câu thơ cho thấy gia cảnh của nhà thơ khi tiếp bạn?

? Có gì đặc biệt với chủ nhà khi bạn đến?

? Đó là hoàn cảnh ntn?

- Em hãy kể tên các thực phẩm rau quả mà

b. Đọc và tìm hiểu chú thích

* Đọc

* Chú thích(sgk)

c- Thể thơ: TNBC

(8 câu, mỗi câu 7 chữ; Gieo vần: chỉ 1 vần ở các chữ cuối của các câu 1,2,4,6,8; Đối giữa câu 3 với 4, 5 với 6; Có luật B-T)

- Viết bằng chữ quốc ngữ

d- PTBĐ: Biểu cảm + tự sự

e. Cấu trúc:

Diễn biến cảm xúc:

+ Câu 1: Cxúc khi bạn đến chơi nhà

+ Câu 2-7: Cxúc về gia cảnh

+ Câu 8: Cảm xúc về tình bạn (kđịnh)

II-Phân tích

1) Cảm xúc khi bạn đến chơi nhà(tình huống- câu 1)

“Đã bấy lâu nay bác tới nhà”

- T/g “đã bấy lâu nay” (lâu)

-Đại từ xưng hô: “bác”-> thân mật, gần gũi, tôn trọng.

-> Tỏ niềm chờ đợi bạn từ lâu đồng thời cho thấy sự chân tình, gần gũi, tôn trọng tình bạn của người lớn tuổi.

=> T/c bạn bè bền chặt, thủy chung.

(vui mừng, hồi hộp, phấn khởi.)

3) Cảm xúc về gia cảnh

(6 câu tiếp)

“Trẻ thời.....không có”

- Trẻ đi vắng

- Chợ xa

=> Hoàn cảnh bế tắc, bần khổ khi tiếp bạn.

- Thực phẩm: cá, gà

nhà t.g có?

- Mọi thứ đều đầy đủ để có thể tiếp đãi bạn một mâm cơm thịnh soạn nhưng vì sao chủ nhà lại không thể tiếp đãi được?

- NT nào được tg sử dụng trong những cách nói trên?

Có mà lại không là cách nói lấp lửng

- Cách nói này cho em hiểu gì về tg? Ông nói thật hay nói vui?

GV tổ chức cho lớp thảo luận nhóm(3 p)

1. Nếu là thật, em thấy chủ nhà là người ntn? T/c của ông với bạn ra sao?

2. Nếu là vui, em hiểu gì về hoàn cảnh của chủ nhà?

3. Tính cách và tình cảm của ông trong cách nói vui ấy?

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung.

? Cái không đẩy đến tận cùng “trầu không có” nghĩa là cái tối thiểu trong phong tục của người Việt cũng không có để tiếp khách. Nói thẳng như vậy chủ nhà phải là người ntn?

? Qua tìm hiểu em thấy tb của họ ra sao? (GV tích v.b biểu cảm, tình cảm phải chân thật)

Gv: Tất cả là con số không tròn trĩnh khi bạn quý đến chơi thăm nhà mà chẳng có gì để tiếp đãi bạn cả. Cách nói hóm hỉnh nhưng thật thà càng thấm thía t/c bạn bè trong sáng, thật thà vô tư của t/g. Đó là tb đáng ngưỡng mộ biết bao).

? NK không hề biện minh cho gia cảnh của mình, trái lại ông thẳng thắn nêu lên suy nghĩ của mình về tb. Lời thơ nào cho thấy qnhiệm đó?

? Em có nx gì về từ với và 2 từ ta trong câu thơ?

? Từ đó cho thấy quan hệ của t/g và bạn ntn?

- Rau quả: cải, cà, bầu, mướp

- Không tiếp được bạn vì ao sâu, nước cả, vườn rộng, rào thưa, chữa ra cây, vừa mới nụ, vừa rụng rốn, đương hoa.

- NT: Liệt kê, lặp cấu trúc câu

- Hoàn cảnh thật, nói cho vui

- Chủ nhà là người thật thà, chất phác, không hoa lá, cầu kì.

- Tình cảm chân thực, không khách sáo

- Hoàn cảnh nghèo khó

- Tính cách yêu đời, hóm hỉnh, hồn nhiên, hài hước.

- T/c: Yêu bạn, dân dã, mộc mạc

=> trọng tình nghĩa hơn v/c, là người tin ở sự cao cả của tb

=> Tình bạn trong sáng, sâu sắc, nó được xuất phát từ nhu cầu tinh thần.

3) Cảm nghĩ về tình bạn

“Bác đến chơi đây ta với ta”

- “Ta với ta”

- Qht và đại từ. 2 từ ta 1 chủ nhà (ngôi 1) và 1 khách(bạn)

=> Quan hệ gắn bó, hoà hợp không tách rời.

? Em có nx gì về cảm nghĩ của tg qua lời thơ cuối?

-Y/c HS thảo luận cặp nhóm ,

- Nếu là bạn của NK em thấy thế nào khi bạn tiếp đãi như vậy?

Đại diện trình bày, hs khác bổ sung

(Hải lòng vì: Tình bạn không cần nghĩ đến bất kì điều gì khác ngoài sự vô tư không màng danh lợi, trong sáng, coi vật chất là tầm thường hư vô)

Gv nâng vấn đề: Tình bạn là thứ tình cảm vô cùng gần bó thiêng liêng đáng trân quý, cần xây dựng những tình bạn trong sáng, không vụ lợi....

? Em hiểu thêm gì về NK qua bài thơ?

- T/g tin tưởng, hân hoan với 1 tb thiêng liêng không vật chất nào sánh nổi.

* NK nhà thơ tài năng, nhưng cũng chân thành mà hóm hỉnh, dí dỏm trong tình bạn.

III-Tổng kết

? Em có nx gì về NT mà t/g sử dụng trong bài thơ?

*Nghệ thuật: (Ghi nhớ SGK)

? Bài thơ bộc lộ những nội dung gì?

*Nội dung:

3.Hoạt động luyện tập

1.GV chiếu sơ đồ KWL cho hs làm việc nhóm 2 phút để hoàn thiện sơ đồ

K(điều đã biết	W(điều muốn biết)	L(điều học được)

Các nhóm đại diện trình bày kết quả, các nhóm còn lại bổ sung

2. “Ta với ta” ở bài thơ này có gì khác với ở bài thơ “Qua đèo Ngang”?(về ngôi, nghĩa, cách biểu đạt?)

- Trong BDCN là sự đồng âm khác nghĩa chỉ sự hoà hợp của 2 con người trong 1 tình bạn vui vẻ, chan hoà

- Trong QĐN chỉ là 1 từ ngôi 1 chỉ t/g với nỗi cô đơn lẻ loi, tuyệt đối

4. Hoạt động vận dụng :

- Em có suy nghĩ gì về những hiện tượng bạn bè lâu ngày gặp nhau ăn uống nhậu nhẹt tốn kém, lãng phí?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng

- Tìm thêm những tình bạn đáng quý, đáng trân trọng mà em biết thông qua các kênh thông tin và xung quanh cuộc sống của em?

- Tìm thêm những bài phân tích về bài thơ, tài liệu về tác giả Nguyễn Khuyến.

- Xem kĩ lại các kiến thức về văn bc và đồ dùng liên quan viết bài tlv số 2 tại lớp.

Ngày soạn:
Ngày dạy:
Tuần 8

Tiết 30, 31: VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

I. Mục tiêu đề kiểm tra .

1. Kiến thức:

- +Trình bày được khái niệm văn biểu cảm
- + Hiểu được đặc điểm của văn biểu cảm
- + Viết được bài văn biểu cảm về người thân

2. Kỹ năng:

- + Rèn kỹ năng hành văn, kỹ năng tạo lập văn bản biểu cảm.

3.Thái độ:

- + Nghiêm túc trong kiểm tra. Luôn yêu thương, kính trọng cha mẹ.

4. Năng lực, phẩm chất: giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo trong học tập

II. Hình thức đề kiểm tra

Tự luận

III. Ma trận đề kiểm tra

Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
TLV văn biểu cảm	Khái niệm văn biểu cảm	Hiểu được đặc điểm của văn biểu cảm		Viết bài văn biểu cảm về người thân	
Số câu Số điểm Tỉ lệ%	Số câu: 1 Số điểm:1 Tỉ lệ%:10	Số câu: 1 Số điểm:2 Tỉ lệ%:20		Số câu:1 Số điểm:7 Tỉ lệ%:70%	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ%100%

IV. Biên soạn đề kiểm tra :

Câu 1: Thế nào là văn tự sự?

Câu 2. Em hãy chỉ ra cách biểu cảm trong đoạn văn sau:

“Hoa lục bình tím ngắt cả bờ sông. Tôi yêu đắm say loài hoa mộc mạc, dân dã nơi thôn quê này . Màu hoa đẹp đến nao lòng! Tôi thậm ghen ngào không thốt lên lời khi đứng trước loài hoa cánh mỏng, tím biếc ấy. Nó đón tim mong manh của bất cứ kẻ yêu hoa nào như tôi. Loài hoa không hương mà cuốn hút đến lạ kì!” (Nguồn trên mạng)

Câu 3: - Viết bài văn bày tỏ cảm xúc của em về ngôi trường yêu của em.

V. Hướng dẫn chấm , biểu điểm :

Câu 1 : (1điểm)

Văn biểu cảm là văn viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc của người viết đối với xung quanh, nhằm khơi gợi lòng đồng cảm nơi người đọc.

Câu 2: (2điểm)

- Cách biểu cảm trực tiếp: thông qua từ ngữ (yêu, ghen ngào không thốt lên lời, đốn tim, kẻ yêu hoa) câu văn cảm thán(Màu hoa đẹp đến nao lòng!;loài hoa...lạ kì !)

Câu 3: (7điểm)

Yêu cầu:

1) Hình thức:

- Trình bày sạch đẹp , không mắc lỗi chính tả.
- Bố cục rõ ràng.
- Có tính liên kết chặt chẽ
- Diễn đạt lưu loát rõ ràng ,sử dụng các hình thức diễn đạt phong phú(câu, từ, đoạn, NT so sánh, liên tưởng, ẩn dụ, nhân hoá)
- Sử dụng ngôn từ chính xác,linh hoạt

2) Nội dung:

- Viết đúng kiểu bài biểu cảm
- Bài sử dụng được các cách biểu cảm trực tiếp hoặc gián tiếp
- Làm bật được tình cảm, cảm xúc của em đối với bố: t/c phải chân thành, nhân văn.

a. Mở bài :

Giới thiệu về bố và nêu bật được t/cảm dành cho bố (kính trọng, biết ơn...)

b. Thân bài :

- TB: - Biểu cảm về ngoại hình (tùy chọn chi tiết), tính cách, tâm hồn bố
- Biểu cảm về những kỉ niệm với bố.
 - Suy nghĩ của bản thân về vai trò, ý nghĩa của bố trong gia đình và với riêng em
 - Triển khai được cảm xúc ở nhiều góc độ , có sự tham gia của nhiều đối tượng khác nhau
 - Có liên hệ, mở rộng

c. Kết bài :

-Khẳng định lại tình cảm và suy nghĩ của bản thân về bố kính yêu.

*** Biểu điểm:**

- + Điểm**5,6, 7** : Bài viết có bố cục rõ ràng, hiểu đề, mạch lạc, chặt chẽ, văn viết có cảm xúc trong sáng, ngôn từ giàu sức thuyết phục, không sai chính tả, chữ viết rừ ràng, sạch sẽ
- + Điểm**3,4** : Là bài viết có bố cục rõ ràng, hiểu đề, mạch lạc, chặt chẽ, văn viết tương đối có cảm xúc trong sáng, sai 1 vài chính, diễn đạt
- + Điểm **0-2**: Bài làm đúng kiểu văn biểu cảm song chưa thể hiện được tình cảm, cảm xúc; bố cục không rõ ràng, không đảm bảo mạch lạc; mắc 1 số lỗi diễn đạt, chính tả. và bài viết còn sơ sài, không đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, lạc đề.

*** Chuẩn bị “Chữa lỗi về qht”:**

- Xem lại các bài tập và kiến thức về quan hệ từ

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 8

Tiết 32 CHỮA LỖI VỀ QUAN HỆ TỪ

I. Mục tiêu cần đạt:

- Kiến thức:** Thấy rõ các lỗi thường gặp về quan hệ từ
- Kĩ năng:** Thông qua luyện tập, nâng cao kĩ năng sử dụng quan hệ từ
- Thái độ:** Có ý thức sử dụng quan hệ từ phù hợp khi nói hoặc viết
- Năng lực, phẩm chất:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lí, hợp tác, giao tiếp.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

- Giáo viên:** soạn bài, đọc tài liệu tham khảo
- Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: đặt và giải quyết vấn đề, thảo luận, vấn đáp gợi mở, phân tích
- KTDH: chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, trò chơi, hỏi chuyên gia

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra (sự chuẩn bị của hs)

Gv chia nhóm bằng cách điểm danh từ 1 đến hết ghép nhóm với tên gọi “hoa” và “quả” để học sinh chơi trò chơi sử dụng quan hệ từ theo cặp

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>- Đọc VD phần 1</p> <p>? Hai câu trong VD thiếu quan hệ từ ở chỗ nào? Hãy chữa lại cho đúng?</p> <p>? Lấy VD câu thiếu QHT ?</p> <p>- GV NX -> chốt</p> <p>- Đọc VD phần 2</p> <p>Gv phát phiếu học tập ,tổ chức cho 4 nhóm thảo luận (3p)</p> <p>1. Nhận xét quan hệ ý nghĩa giữa các bộ</p>	<p>I. Các lỗi thường gặp về quan hệ từ</p> <p>1. Thiếu quan hệ từ</p> <p>- Đừng nên nhìn hình thức đánh giá kẻ khác -> Đừng nên nhìn hình thức mà đánh giá kẻ khác</p> <p>- Câu tục ngữ này chỉ đúng xã hội xưa, còn ngày nay thì không đúng -> Câu tục ngữ này chỉ đúng với xã hội xưa, còn với xã hội ngày nay thì không đúng</p> <p>2. Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa</p> <p>VD1: Nhà em ở rất xa trường và bao giờ em cũng đến trường đúng giờ</p> <p>- 2 bộ phận của câu diễn đạt 2 sự việc có</p>

phận câu?

2. Các quan hệ từ "và, để" trong VD có diễn đạt đúng quan hệ ý nghĩa giữa các bộ phận câu không?

3. Nên thay "và, để" bằng quan hệ từ gì?

Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.

? Lấy VD câu dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa?

(dầu gội đầu bạc hà rất tốt cho tóc **bởi** tôi dùng nhiều)

- Đọc VD phần 3

Gv cho hs làm việc cặp nhóm(3 phút)

1. Vì sao các câu trong VD lại thiếu chủ ngữ?

2. Hãy chữa lại 2 câu văn cho được hoàn chỉnh?

Đại diện cặp báo cáo, nhóm khác bổ sung, nx, gv hoàn chỉnh kiến thức.

? Lấy VD câu dùng thừa quan hệ từ?

(Qua văn bản bạn đến chơi nhà chúng ta hiểu thêm về Nguyễn Khuyến, một nhà thơ hóm hỉnh, lạc quan).

- GV mở rộng, lưu ý với hs trong viết văn.

- Đọc các VD phần 4

? Em hãy chỉ ra chỗ sai trong câu in đậm

- Hãy sửa lại cho đúng?

? Khi sử dụng quan hệ từ cần tránh những lỗi nào?

- GV NX -> Ghi nhớ SGK/ 107

3. Hoạt động luyện tập

- Đọc yêu cầu bài tập 1

- GV hướng dẫn -> gọi HS làm

hàm ý tương phản -> QHT "và" không thích hợp

- Dùng QHT từ "nhưng" thay thế

VD2: Chim sâu rất có ích cho nông dân **để** nó diệt sâu phá hoại mùa màng

- Người viết muốn giải thích lí do vì sao chim sâu có ích cho nông dân -> Dùng QHT "để" không phù hợp

- Dùng QHT từ "vì" thay thế

3. Thừa quan hệ từ

- Vì QHT "qua, về" đã biến chủ ngữ của câu thành trạng ngữ.

-> Cần bỏ các QHT "qua, về"

4. Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết

- Dùng từ "không những" thừa

Sửa: Không những giỏi về môn toán mà còn giỏi cả môn văn và những môn khác nữa.

- Câu thiếu sự liên kết và không rõ nghĩa

Sửa: Nó thích tâm sự với mẹ mà không thích tâm sự với chị

*Ghi nhớ (SGK/ 107)

II. Luyện tập

Bài tập 1

Câu 1: thiếu QHT "từ" (... từ đầu đến cuối)

4. Hoạt động vận dụng:

GV y/c hs bỏ bài kiểm tra số 1 và 15 phút đã trả ra cho hs kiểm tra chéo để chỉ ra lỗi sai về quan hệ từ và cách chữa.

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Thống kê các lỗi từ bài kiểm tra của các bạn và bản thân và chia tỉ lệ phần trăm xem lỗi nào về quan hệ từ mà các bạn trong lớp thường mắc phải nhiều nhất. Cách khắc phục?

- Chuẩn bị bài mới: Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh, HDĐT: Xa ngắm thác núi Lư, (đọc thơ, chú thích, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài, tìm tài liệu liên quan đến bài thơ và tác giả làm phân hợp đồng về tìm hiểu chung tác phẩm : xuất xứ, thể thơ, PTBD của bài đọc thêm: “ Xa ngắm thác núi Lư)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 9

Tiết 33 – văn bản: cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh (Lí Bạch)

Đọc thêm: XA NGẮM THÁC NÚI LƯ (Lí Bạch)

I/ Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Nêu được những chi tiết , hình ảnh thể hiện cảnh đêm thanh tĩnh và những suy tư , cảm xúc của nhà thơ ; cảm nhận và trình bày được tình yêu sâu sắc của Lí Bạch ; chỉ ra được tác dụng của phép đối trong việc thể hiện tâm trạng, tình cảm của bài thơ.

- Chỉ ra được khái quát vẻ đẹp của thác nước núi Lư và qua đó thấy được một số nét trong tâm hồn và tính cách nhà thơ Lí Bạch.

2. Kỹ năng: Nhận biết và phân tích được thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt và thất ngôn tứ tuyệt.

3. Thái độ: nghiêm túc trong học tập.

4. Năng lực, phẩm chất: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp; Yêu, gắn bó với quê hương, đất nước.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên: soạn bài, sưu tầm thêm tài liệu về nhà thơ Lí Bạch. Tích hợp TV: Quan hệ từ, từ Hán Việt, TLV: văn biểu cảm

2. Học sinh: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: đặt và giải quyết vấn đề, thảo luận, vấn đáp gợi mở, phân tích, giảng bình, thuyết trình

- KTDH: chia nhóm, giao nhiệm vụ, động não

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra (sự chuẩn bị của hs)

GV sử dụng kỹ thuật động não để các em trình bày ý kiến cá nhân với câu hỏi:

? Em hãy kể tên các , nhà thơ và thể thơ Đường mà em biết?

....trong lịch sử thơ ca TQ, thơ Đường là một hiện tượng thi ca đặc biệt kéo dài gần 300 năm đã cho ra đời hàng vạn bài thơ của khoảng 2300 thi sĩ với nhiều thể thơ khác nhau. Thơ Đường không ít những tên tuổi lớn, song dường như người yêu thơ nhớ nhất chính là Đỗ Phủ và Lí Bạch.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Yêu cầu cần đạt
1.HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung Thanh lí hợp đồng , các nhóm báo cáo sản phẩm của mình.	A. Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả: 2. Tác phẩm: a- Hoàn cảnh b- Đọc , tìm hiểu chú thích: * Đọc * Chú thích: SGK/123 c- Thể thơ: Ngũ ngôn tứ tuyệt d- PTBD: Biểu cảm + miêu tả e- Chủ đề: Vọng nguyệt hoài hương – trông trăng nhớ quê ->Một đề tài phổ biến trong thơ cổ phương

2.HĐ2 : Phân tích

Thảo luận cặp đôi

Thời gian 5p

Ghi vào phiếu học tập

Các câu hỏi sau

? Cảnh đêm thanh tĩnh được gợi tả qua những lời thơ nào?

? Em hiểu "sàng tiền" có nghĩa là gì? Từ đó cho biết tác giả đang ở vị trí nào?

? Từ đây tác giả nhìn thấy gì?

? Giải nghĩa " Minh nguyệt quang"

? Từ câu thơ đầu tiên em thử hình dung và khái quát bằng lời văn về hoàn cảnh, tâm trạng ngắm trăng của tác giả ?

(Tác giả nằm trên giường trần trọc không ngủ được vì ánh trăng sáng; Tác giả chợt tỉnh rồi lại ngủ một cách mơ màng)

? Ánh trăng được tác giả cảm nhận ntn?

? Vì sao tác giả lại có sự cảm nhận như vậy?

Ánh trăng sáng giống như sương là một điều có thật mà trước Lí Bạch mấy trăm năm nhà thơ ***Tiêu Cương đã cảm nhận " Dạ nguyệt tựa thu sương" – Trăng đêm giống như sương thu***

? Qua từ "ngiht" cho thấy tâm trạng gì của tác giả lúc này?

? Vậy 2 câu thơ đầu cho thấy cảnh tượng gì và tâm trạng gì của tác giả?

Thảo luận cặp đôi

Thời gian 5p

Ghi vào phiếu học tập

Các câu hỏi sau

Đồng (ở Trung Quốc và Việt Nam)

f. Cấu trúc: 2 phần

- Phần I: (2 câu thơ đầu)

- Phần II: (2 câu thơ cuối)

II. Phân tích

1. Hai câu thơ đầu

"Sàng tiền minh nguyệt quang
Nghỉ thị địa thượng sương"

- Vị trí: trên giường.

- Nhìn thấy: minh nguyệt quang - ánh trăng sáng.

-> Tâm trạng trần trọc, mơ màng

"Nghỉ thị địa thượng sương"

Vì trăng sáng quá -> tác giả nhầm tưởng là sương.

-> Tâm trạng trần trọc, khó ngủ của tgiả

***->Cảnh đêm khuya đẹp ,thanh tĩnh ,
huyền ảo ,tràn đầy ánh trăng. Nhà thơ
trần trọc không ngủ được trước cảnh đẹp
đêm trăng .***

2. Hai câu thơ cuối

"Cử đầu vọng minh nguyệt

Đê đầu tư cố hương"

-> ánh mắt của Lí Bạch chuyển từ trong ra ngoài, từ mặt đất lên bầu trời.

<p>? Khi nhìn thấy ánh trăng đẹp, Lí Bạch đã có hành động gì?</p> <p>? Em hiểu gì về hành động "cử đầu" của nhà thơ?</p> <p>? Khi nhìn thấy vàng trăng tác giả lại có hành động gì?</p> <p>? Tại sao tác giả nhìn thấy vàng trăng lại cúi đầu?</p> <p>? Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong 2 câu thơ này? Tác dụng?</p> <p>- GV bình giảng .</p> <p>? Bài thơ này được xây dựng theo mạch ý nào?</p> <p>? Từ đó làm nổi lên chủ đề nào của bài thơ?</p> <p>? Chỉ rõ các động từ được sử dụng trong bài?</p> <p>? Tác dụng của việc sd các động từ này?</p> <p>- GV bình: Đó không chỉ là tâm trạng của Lí Bạch nó còn là tâm trạng của nhiều người cùng thời thậm chí ở nhiều thời đại khác nhau -> Tính điển hình của cảm xúc trong thơ trữ tình.</p>	<p>- Hành động : đề đầu</p> <p>Vì vàng trăng cũng đơn côi, lạnh lẽo như mình -> Tg có tâm trạng: nhớ cố hương</p> <p>- NT: Đối => Làm nổi bật tâm trạng nhớ quê của tác giả</p> <p>- Mạch thơ: nhớ quê -> không ngủ được -> thao thức nhìn trăng -> lại càng nhớ quê.</p> <p>- Chủ đề: “trông trăng nhớ quê”</p> <p>- 5 động từ: chỉ sự cảm nghĩ (nghĩ, tư); chỉ hoạt động (vọng, cử, đề) -> Tạo nên sự thống nhất liền mạch cho các câu thơ trong bài</p>
<p>3.HĐ3:Tổng kết</p> <p>? Nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ " tĩnh dạ tứ"?</p> <p>- GV NX -> Ghi nhớ</p> <p>1.HĐ1: Đọc , tìm hiểu chung</p> <p>- GV y/c xem lại phần tác giả , cho hs thanh lí hợp đồng phần tác phẩm, tác giả .</p> <p>- Đọc phần phiên âm chữ Hán yêu cầu đọc chính xác từng từ, giọng phần chẵn, hùng tráng, ngợi ca. Nhịp 4/3 hoặc 2/2/3</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <p>2. Nội dung</p> <p>* Ghi nhớ SGK/ 124</p> <p>B. HĐĐT: Xa ngắm thác núi Lư</p> <p>I. Đọc, tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả(sgk)</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>a- Xuất xứ(sgk)</p> <p>b- Đọc và tìm hiểu chú thích</p> <p>c- Thể thơ: TN TT</p> <p>d- PTBD: Biểu cảm+ miêu tả</p> <p>c- cấu trúc: 2p</p>

<p>2.HĐ 2: Phân tích</p> <p>GV phát phiếu học tập cho hs 6 nhóm thảo luận trong 5 phút</p> <p>1 .Chỉ ra từ ngữ cho thấy vị trí ngất thác của tác giả? Tác dụng của vị trí đó?</p> <p>2 . Câu thơ thứ nhất tả cảnh gì?</p> <p>3 .Nêu lên những vẻ đẹp khác nhau của thác nước đã được Lí Bạch phát hiện và miêu tả trong 3 câu tiếp theo?</p> <p>4.Qua bài thơ này em hiểu điều gì về tâm hồn và tính cách nhà thơ?</p> <p>5 . Bài thơ được viết theo thể thơ nào?</p> <p>6 . Chỉ ra những biện pháp nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong bài?</p> <p>GV cho các nhóm đại diện trình bày, nhóm khác nx, bổ sung. Gv nx, hoàn chỉnh kiến thức.</p> <p>3.HĐ3: Tổng kết</p> <p>? Nêu những đặc sắc về NT và ND của bài thơ?</p>	<p>II. Phân tích</p> <p>a. Giá trị nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - " vọng – trông "; " dao – xa" - Tác giả đứng ở xa để ngất thác núi Lư. - > làm nổi bật được toàn cảnh vẻ đẹp của cảnh núi Lư. - Tả vẻ đẹp rực rỡ của mặt trời chiếu trên đỉnh núi Hương Lô . <p>Câu 2: Vẻ đẹp của thác nước treo dòng sông -> vẻ đẹp huyền ảo</p> <p>Câu 3: Cảnh chuyển động của thác nước trước thế núi cao và sườn dốc thẳng đứng tạo nên sự hùng vĩ.</p> <p>Câu 4: Cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp hùng vĩ, tráng lệ của thác nước núi Lư</p> <p>☑T/g yêu thiên nhiên mãnh liệt, yêu quê hương sâu nặng.</p> <p>☑Tính cách: hào phóng, mạnh mẽ</p> <p>b. Giá trị nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ: ngũ ngôn tứ tuyệt - Tả bằng trí tưởng tượng mãnh liệt táo bạo, tạo ra các hình ảnh thơ phi thường - Thông qua tả cảnh để tả tình - Sử dụng nhiều động từ mạnh <p>III. Tổng kết.</p> <p>* Ghi nhớ SGK/ 112</p>
--	---

3.Hoạt động luyện tập:

Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về tình cảm của Lý Bạch với quê hương?

4. Hoạt động vận dụng:

? Vẽ một bức tranh minh họa nội dung bài thơ cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh theo sự tưởng tượng của em?

- Đọc diễn cảm bài thơ “ Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh và bài thơ “ Xa ngất thác núi Lư”

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm đọc thêm những bài thơ của Lí Bạch

- Hãy so sánh điểm giống nhau và khác nhau trong hồn thơ Lí Bạch qua 2 bài thơ

* Học thuộc lòng 2 bài thơ

* Chuẩn bị bài mới: Từ đồng nghĩa(tìm hiểu trước ví dụ (sgk), trả lời các câu hỏi)

2. Kỹ

năng:

- + Đọc và phân tích thơ tuyệt qua bản dịch TV
- + Nhận ra nghệ thuật đối trong bài thơ Đường, tập so sánh bản dịch thơ với bản phiên âm.

3. Thái độ: Trân trọng tình yêu quê hương, đất nước.

4. Năng lực, phẩm chất: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: - Phương tiện: nghiên cứu tài liệu liên quan, bài soạn.

2. Học sinh: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới(tìm hiểu trước bài học, trả lời các câu hỏi trong sgk)

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: đặt và giải quyết vấn đề, thảo luận, vấn đáp gợi mở, phân tích, giảng bình, thuyết trình, đọc diễn cảm.

- KTDH: chia nhóm, giao nhiệm vụ, động não , sơ đồ tư duy, khăn trải bàn.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra :Đọc thuộc lòng và nêu cảm nhận của em qua bài thơ “cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh” củ Lý Bạch

* gv vào bài

Quê hương là gì ? Tình cảm của những người con xa quê?

....nơi ta được sinh ra, được lớn lên. Vì thế dù đi đến đâu chúng ta đều nhớ về quê hương, nhớ về nguồn cội. Và lòng yêu quê không chỉ thể hiện ở thơ Lý Bạch mà ngay cả ở Hạ Tri Chương cũng dành một vị trí không nhỏ trong trái tim cho 2 tiếng thân thương: quê hương

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy- trò	Nội dung cần đạt
HD1: Đọc và tìm hiểu chung Báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị ở nhà. ? Trình bày những hiểu biết của em về tác giả ? ? Bài thơ được t/g viết trong h/cảnh nào? - Học sinh đọc . ? VB được viết bằng thể thơ gì? Bản dịch? ? Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì? GV lưu ý: Tuy khác nhau về câu, nhịp, vần, luật nhưng các dịch giả của chúng ta đều chuyển được cái tâm trạng, cảm xúc của tác giả khi về thăm quê cũ mà trẻ con lại tưởng ông là khác lạ. ?Em sẽ PT bài thơ theo cấu trúc nào? HD2: Phân tích ? Bài thơ được mở ra bằng những sự việc gì ? Gv cho hs làm việc theo cặp ?Tác giả ra đi từ lúc 16 tuổi, và sau hơn 50 năm ông làm quan chốn kinh kì ông trở về. Có gì thay đổi và có gì không thay đổi? Những điều không thay đổi là gì ? Hs trình bày, nx, bổ sung gv hoàn chỉnh kt GV:Sự thay đổi về ngoại hình phụ thuộc vào yếu tố khách quan theo 1 quy luật nghiệt ngã của thời gian đó là con người sinh ra, lớn lên và già đi mà chính mỗi chúng ta không thể cưỡng lại. Nhưng đặc	I- Đọc và tìm hiểu chung 1- Tác giả (Sgk/tr 127) 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh Viết sau hơn 50 năm tg xa quê nay trở về thăm lại b. Đọc -tìm hiểu chú thích * Đọc * Chú thích(sgk) c. Thể thơ: bản dịch là thể lục bát ; phiên âm là thể TNTT d. PTBD: biểu cảm + kể. e. Cấu trúc: 2 phần(2 câu một) II-Phân tích 1) 2 câu đầu: “Khi đi trẻ, lúc về già Giọng quê vẫn thế, tóc đà khác bao” - Thay đổi : vóc dáng, tuổi tác, mái tóc. - Không thay đổi: giọng nói quê hương

biệt về âm sắc quê hương bản thân HCT vẫn giữ được, không muốn thay đổi nó.

? ở 2 câu này tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt nào?

? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật nào?

? Chỉ rõ sự đối lập đó?

GV: Đối trong cùng câu thơ người ta gọi là tiểu đối, tức là đối giữa các vế câu với nhau.

- Sử dụng phép đối trong 2 câu thơ này có tác dụng gì?

GV: Sau 1 thời gian dài xa quê làm quan mặc dù có nhiều thay đổi về vóc dáng, tuổi tác, tóc rụng nhưng giọng nói quê hương không thay đổi. Đó là 1 điều vô cùng thiêng liêng đáng quý.

? Có thể nói, kinh đô Trường An rất xa quê hương tác giả, cách xa hàng ngàn dặm và sau nửa thế kỷ xa quê hương mà tác giả vẫn giữ được giọng nói quê hương. Điều đó cho ta thấy được điều gì ở tác giả?

- GV liên hệ: ở nước ta, giọng nói ở cả 3 miền đều khác nhau. Tuy nhiên, trong thời gian xa quê như thế có người họ vẫn giữ được giọng nói đặc trưng quê của mình. Đó là tình quê sâu nặng, là tình cảm tuyệt vời dành cho quê “ai đi xa cũng nhớ nhiều”.

? Qua hai câu thơ đầu nhà thơ đã bộc lộ cảm xúc gì?

Thảo luận nhóm các câu hỏi sau

- Thời gian: 5p

- Ghi vào bảng phụ

? Với tâm trạng rất buồn và bồi hồi khi trở về quê hương, khi trở về thì điều gì đã xảy ra.

? 2 câu thơ này t/g kể hay tả? Về việc gì?

Trẻ con gặp mặt, ko quen biết nên hỏi rằng khách ở nơi nào đến chơi.

? Sự việc ở đây buồn hay vui?

Tác giả muốn về quê để gặp lại người

- PT: tự sự (kể) + miêu tả nhưng kể là chính.

Phép đối

- Khi đi trẻ > < lúc về già

=> Khái quát, nhấn mạnh quãng đời của t/g, tạo sự cân đối cho câu thơ.

- > lòng yêu quê hương tha thiết của t/g

=> Nhà thơ buồn, xót xa vì đã xa quê quá lâu, nghĩ về cái còn, cái mất của bản thân, chiêm nghiệm về chính cuộc đời mình.

2) Hai câu cuối:

“Trẻ con nhìn lạ không chào

Hỏi rằng: Khách ở chốn nào lại chơi?”

- Phương thức kể về việc lâu không về trẻ con ở làng thấy lạ không chào

- Kể thì vui mà việc pha chút buồn vì mình xa lạ trong mắt con trẻ làng mình

<p><i>thân nhưng ở đây ông chỉ gặp những đứa trẻ con, tức là lớp người trẻ. Vì sao lại xảy ra tình huống trở trêu như thế ? Vì tác giả đó 86 tuổi rồi. Có lẽ, người thân của ông đã mất cả rồi. Vì thế mà ông chỉ gặp lớp nhi đồng mà thôi. Dĩ nhiên là nhi đồng gặp ông đây nhưng ko hề quen biết ông, nên chúng vui vẻ cười hỏi ông 1 cách hồn nhiên, rất vô tư.</i></p> <p>- Gv cho qsát tranh/tr126 và thảo luận ? Hình ảnh bọn trẻ có ý nghĩa gì trong việc biểu hiện t/c của nhà thơ?</p> <p><i>Tiếng cười hỏi hồn nhiên của lũ trẻ dường như không làm cho tác giả vui lên mà ngược lại ông còn cảm thấy ngỗ ngàng xót xa vì mình là chủ lại bị coi là khách ngay trên chính quê hương mình.</i></p> <p>? Em có nx gì về giọng thơ mà t/g sử dụng?</p> <p>? Qua đây em hiểu thêm gì về t/c của Hạ Tri Trương?</p> <p>Quê hương 2 tiếng thân thương biết chừng nào bởi đó chính là nơi lưu giữ những kỷ niệm đẹp nơi chôn nhau, cắt rốn. Như nhà thơ Nam Giang có viết: Thuở còn thơ....khúc khích..đi thôi”</p> <p>Còn ĐTQ thì viết: “Quê hương là ... thành người”.</p> <p>Bởi vậy, QH không thể thiếu đối với mỗi chúng ta. Đó cũng chính là tình cảm mà HCT tạc vào bài thơ ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê</p>	<p>+ H/ả bọn trẻ: gợi vui-buồn & hi vọng cho nhà thơ + Biểu hiện t/c quê hương gắn bó, bền bỉ của t/g</p> <p>- Giọng thơ: Vừa hóm hỉnh, vừa xót xa, ngậm ngùi. => T/c Thắm thiết với qh, vẻ đẹp thủy chung trong tâm hồn HCT</p>
<p>HD3: Tổng kết Hoạt động cá nhân ? Hãy khái quát những đặc sắc NT của bài thơ? ? Qua bài thơ em cảm nhận được gì ?</p>	<p>III- Tổng kết 1) NT 2) ND *ghi nhớ sgk/128</p>

3. Hoạt động luyện tập:

- Đọc lại diễn cảm bài thơ?

4. Hoạt động vận dụng:

- Hãy hát 1 vài giai điệu về t/c qh mà em thích nhất?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tập làm những bài thơ viết về quê hương theo các thể thơ đã học
- Suu tầm và tập hợp những bài thơ về quê hương vào sổ tay văn học
- * Đọc thuộc bài thơ , nắm vững nội dung bài học
- * Chuẩn bị từ trái nghĩa: Tìm hiểu vd, trả lời các câu hỏi và xem trước các bài tập .

Ngày soạn:

Ngày dạy:

I.Mục tiêu:

Tuần 10

Tiết 37: TỪ TRÁI NGHĨA

1. Kiến thức:

- + Hiểu khái niệm về từ trái nghĩa
- + Thấy được tác dụng của từ trái nghĩa

2. Kỹ năng:

- + Nhận biết từ trái nghĩa trong văn bản
- + Phân tích, nhận dạng, sử dụng các cặp từ trái nghĩa phù hợp với ngữ cảnh.

3. Thái độ:

- + Bảo vệ phát huy tiếng Việt.

4. Năng lực, phẩm chất: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: - Phương tiện: nghiên cứu tài liệu liên quan, bài soạn, bảng phụ, tích đời sống

2. Học sinh: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới (tìm hiểu trước bài học, trả lời các câu hỏi trong sgk)

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: đặt và giải quyết vấn đề, dạy học nhóm, vấn đáp gợi mở, phân tích, trực quan, trò chơi, luyện tập – thực hành
- KTDH: chia nhóm, giao nhiệm vụ, sơ đồ tư duy, động não, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra bài cũ: - Thế nào là từ đồng nghĩa? Cho vd? - Làm bt 8,9/ sgk

Gv cho hs chia nhóm, chơi trò chơi ‘màu sắc’ cho kể những màu có tính chất đối lập nhau.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD1: Thế nào là từ trái nghĩa Thảo luận nhóm Thời gian 5p Ghi vào bảng phụ Các câu hỏi trong sgk vd1,2,3,4,5 VD 1 :Vui thay xuân đó đến tuần Nên con én biếc liệng gần liệng xa Én bay mặt sóng Hồng Hà Én bay vào lại bay ra gọi bầy VD 2 :Dòng sông bên lở bên bồi Bên lở thì đục bên bồi thì trong ? Các em hãy chỉ ra trong các ví dụ trên những cặp từ đối lập nhau về nghĩa ? ? Em có nhận xét gì về nghĩa của chúng ? ? Xét về từ loại thì chúng có đặc điểm gì? VD 3 : Khi đi trẻ lúc về già Giọng quê không đôi sương pha mái đầu. ? Chỉ ra cặp từ trái nghĩa? Gv cho hs trao đổi theo cặp trả lời câu hỏi: ?TV có từ : “Cau già, rau già”Có bạn nói rằng trái nghĩa với 2 từ này là “rau trẻ” “rau non” được không? Vì sao?	I-Thế nào là từ trái nghĩa 1. Xét vd/ sgk VD1:gần >< xa, vào >< ra VD 2: lở >< bồi, đục >< trong. -> những cặp từ có nghĩa trái ngược, là những tính từ. VD 3: Già >< trẻ. ->Không thể nói “rau trẻ, rau non” được vì từ “trẻ” chỉ sử dụng cho người chứ không sử dụng cho vật.

Gv đưa vd:

VD 4 : Quả chín >< quả xanh
Cơm chín >< cơm sống

VD 5 : Bát lành >< bát vỡ
Tính lành >< tính dữ.

? Em có nx gì về những từ: lành, chín, già ?
? Như vậy, em rút ra điều gì về từ nhiều nghĩa trong khi tìm hiểu từ trái nghĩa?
? Qua tìm hiểu, hãy cho biết thế nào là từ trái nghĩa ?

HD 2: Sử dụng từ trái nghĩa

Thảo luận nhóm 5p

Ghi sản phẩm vào bảng phụ

Trả lời các câu hỏi trong sgk.

“Thiếu tất cả, ta rất giàu dũng khí
Sống chẳng cúi đầu, chết vẫn ung dung
Giặc bắt ta nô lệ, ta lại hóa anh hùng
Sức nhân nghĩa mạnh hơn cường bạo”

? Các cặp từ trái nghĩa được sử dụng trong các ví dụ trên nhằm mục đích gì ?

GV sử dụng KT động não cho hs kể các thành ngữ, tục ngữ có các từ trái nghĩa

VD: Chân cứng đá mềm/Có đi có về
Mắt nhắm mắt mở

GV kết luận: Thành ngữ và tục ngữ thường hay sử dụng từ trái nghĩa:

Hs làm việc theo cặp

? Em thấy từ trái nghĩa trong thành ngữ, tục ngữ có tác dụng gì ?

Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nx, bổ sung. GV hoàn chỉnh kiến thức.

? Từ đây em rút ra lưu ý gì khi sử dụng từ trái nghĩa trong giao tiếp?

Gv sử dụng KT trình bày 1 phút cho hs khái quát nội dung bài học.

? Vậy bài học hôm nay cần lưu ý những nội dung gì?

Y/c hs đọc ghi nhớ

VD 4 : Quả chín >< quả xanh
Cơm chín >< cơm sống

VD 5 : Bát lành >< bát vỡ
Tính lành >< tính dữ

-> lành, chín, già là từ nhiều nghĩa
=> Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau.

2. Ghi nhớ sgk/tr128

II. Sử dụng từ trái nghĩa

1.Xét ví dụ/ sgk

-> Từ trái nghĩa được sử dụng trong thể đối, tạo các hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh.

-> làm cho lời nói thêm sinh động.

2. Ghi nhớ sgk/128

3. Hoạt động luyện tập	
HD 3: Luyện tập Làm việc theo cặp làm các bài tập trong sgk ? Tìm những từ trái nghĩa trong các câu CD, TN : ?Tìm các cặp từ trái nghĩa : ?Điền từ thích hợp vào các thành ngữ	III-Luyện tập Bài tập 1 : - lành-rách; - giàu-nghèo - ngắn-dài - sáng- tối Bài tập 2 : Cá tươi >< cá ươn Hoa tươi >< hoa héo úa, tàn Ăn yếu >< ăn khỏe Học lực yếu >< học lực giỏi, khá Chữ xấu >< chữ tốt đẹp Đất xấu >< đất tốt Bài tập 3: - Chạy xấp, chạy ngựa - Vô thưởng vô phạt - Bên trọng bên khinh - Buổi đực buổi cái - Bước thấp bước cao - Chân ướt chân ráo

4. Hoạt động vận dụng

Giáo viên giao nhiệm vụ cho hs làm việc cá nhân trong thời gian 5 p trên phiếu học tập cá nhân:
 ?Viết đoạn văn ngắn có sử dụng từ trái nghĩa?(chủ đề tùy chọn)
 Hs trình bày kết quả trước lớp, hs khác nx đánh giá, gv nx, bổ sung, gv cho điểm miệng những hs làm tốt.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Hãy sưu tầm những đoạn thơ, câu thơ, CD, TN có sử dụng từ trái nghĩa và chép vào sổ tay văn học (có thể trao đổi cho bạn)

* Học bài, $\frac{3}{4}$ m ch $\frac{3}{4}$ c nôi dung bài hăc. Họp thi Ôn nết c, c bt cón l'i

* Chuẩn bị bài tiếp theo : Luyện nói văn biểu cảm về sự vật con người

+Chọn đề 1 và đề 2 sgk .Chuẩn bị làm ở nhà =>nói trước lớp.

Gv cho hs kí hợp đồng chuẩn bị phần Kiến thức chung của văn b/c:

- Theo em văn biểu cảm về sv & con người đòi hỏi những gì ?
- Trong văn biểu cảm có cần yếu tố tự sự và miêu tả không? Vì sao?
- Chúng ta có những cách lập ý nào để bài biểu cảm đạt hiệu quả cao?
- Có mấy cách biểu cảm?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 10

Tiết 38: LUYỆN NÓI: VĂN BIỂU CẢM VỀ SỰ VẬT, CON NGƯỜI

I- Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- + Hiểu rõ các cách biểu cảm (trực tiếp và gián tiếp) trong việc trình bày văn nói biểu cảm.
- + Nắm được những y/c khi trình bày văn nói biểu cảm

2. Kỹ năng:

- + Biết tìm ý, lập dàn ý bài văn biểu cảm về sự vật con người
- + Biết cách bộc lộ tình cảm về sv , con người trước tập thể
- + Trình bày bằng miệng được lưu loát những tình cảm của bản thân về sv , con người.

3. Thái độ:

- + Nghiêm túc trong học tập, ủng hộ ,hợp tác với bạn bè trong làm việc nhóm cũng như cá nhân

4. Năng lực, phẩm chất: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: - Phương tiện: nghiên cứu tài liệu liên quan, bài soạn, Tích hợp với văn biểu cảm

2. Học sinh: Chuẩn bị bài nói trước ở nhà theo y/c của gv

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: đặt và giải quyết vấn đề, dạy học nhóm, vấn đáp gợi mở, trực quan, luyện tập – thực hành, dạy học hợp đồng
- KTDH: chia nhóm, giao nhiệm vụ, động não, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra bài cũ: (sự chuẩn bị của hs)

* GV Giới thiệu bài: Trong giao tiếp bằng lời chúng ta cần đến rất nhiều yếu tố. Vậy có điểm gì khác với văn nói-bài luyện hôm nay.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: Kiến thức cơ bản Gv cho hs thanh lí HD đã chuẩn bị, nhóm khác đối chiếu, nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh	I- Kiến thức cơ bản

<p>kt</p> <p>- Theo em văn biểu cảm về sv & con người đòi hỏi những gì ?</p> <p>- Trong văn biểu cảm có cần yếu tố tự sự và miêu tả không?</p> <p>-Chúng ta có những cách lập ý nào để bài biểu cảm đạt hiệu quả cao?</p> <p>- Có mấy cách biểu cảm? (gv lưu ý: Khi biểu cảm có thể vận dụng các hình thức như :so sánh, lời trùng điệp, hình thức cảm thán.)</p>	<p>- Con người và sự vật trong văn biểu cảm phải được thể hiện một cách đầy đủ. Có sự vật , con người làm nền cho cảm xúc, suy nghĩ.</p> <p>- Yếu tố tự sự và miêu tả phải được sử dụng như những công cụ hỗ trợ đắc lực để biểu cảm.</p> <p>- Cần vận dụng linh hoạt yếu tố quan sát, suy ngẫm, hồi tưởng, tưởng tượng, liên tưởng giữa quá khứ-hiện tại, hiện tại với tương lai... để biểu cảm</p> <p>- Có 2 cách: trực tiếp và gián tiếp.</p>
<p>HD 2: Thực hành luyện nói</p> <p>GV nêu y/c về ndung và kĩ năng (như phần mục tiêu). Lưu ý: khi nói hs không dùng bài đã cbị đọc thuộc ,chỉ thuyết trình bằng lời có sử dụng các ngôn ngữ hình thể khác để phụ trợ bài nói.</p> <p>- Gv y/c hs luyện theo đề 2 sgk/129</p> <p>? Vậy với đề bài đó, mb phải đảm bảo được những gì?</p> <p>? TB sẽ trình bày ra sao?</p> <p>? Kết bài sẽ nêu những gì?</p> <p>- GV cho làm việc nhóm sau đó yêu cầu hs trình bày tại nhóm dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.</p> <p>- GV cho đại diện các nhóm trình bày trước lớp, các nhóm khác nx, bổ sung</p> <p>Gv nx, đánh giá chung.</p>	<p>II- Thực hành luyện nói</p> <p>1) Yêu cầu</p> <p>2) Luyện nói:</p> <p>Đề: Cảm nghĩ về tình bạn</p> <p>- MB: Trình bày khái quát suy nghĩ về tình bạn và tầm quan trọng của tb.</p> <p>- TB:+ Tình bạn có vai trò như thế nào trong cuộc sống nói chung và của em nói riêng?</p> <p>+ ý nghĩa của việc có được những tình bạn cao đẹp</p> <p>+ Nêu một số tb trong thực tế để minh chứng.</p> <p>-KB: Khẳng định tầm quan trọng của tb, liên hệ (hs trình bày tại nhóm dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.)</p> <p>(đại diện các nhóm trình bày trước lớp, các nhóm khác nx, bổ sung)</p> <p>Hs lắng nghe gv nx , đánh giá và rút kinh</p>

3. Hoạt động vận dụng

? Hãy nói phần mở bài của đề văn: ‘biểu cảm về loài hoa em yêu’?

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng

- tìm các cách giúp nói tốt bài văn biểu cảm và trao đổi cùng bạn

- Luyện nói nhiều lần trước người thân hoặc trước gương

* Nắm chắc đặc điểm của văn bc

* Chuẩn bị: Kiểm tra văn - Xem lại toàn bộ kiến thức về vb đã học:

+ Cụ thể là thơ trữ tình(Từ bài 5-bài 11) về tác giả tác phẩm, thể thơ, phương thức biểu đạt, nội dung, nghệ thuật của các bài thơ theo 2 hình thức: TN -TL

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 10

Tiết 39

KIỂM TRA VĂN 45 PHÚT

I. Mục tiêu đề kiểm tra

1. Kiến thức : đánh giá và kiểm tra kiến thức cơ bản của học sinh về các văn bản trữ tình dân gian và trữ tình trung đại và thơ Đường từ bài 3 đến bài 10.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức, diễn đạt, trình bày.

3. Thái độ: nghiêm túc ,trung thực, tự giác khi làm bài kiểm tra.

4. Năng lực, phẩm chất: giải quyết vấn đề, giao tiếp ,tự chủ, sử dụng ngôn ngữ, tổng hợp, sáng tạo.

II.Hình thức đề kiểm tra: Trắc nghiệm kết hợp tự luận

III- Ma trận đề kiểm tra:

Mức độ Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng (Tự luận)		Tổng
	TN	TL	TN	TL	Thấp	Cao	
Chủ đề 1 Ca dao, dân ca	Câu 3		Câu 2,4,7		Câu 1(tự		
<i>Tổng số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>	1 0,25đ 0,25%		3 0,75đ 7,5%		1 2 20%		Số câu: 5 Số điểm : 3 Tỉ lệ: 30%
Chủ đề 2	6		Câu 5,8			Câu 2(tự	

Trữ tình Trung đại						luận)	
<i>Tổng số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>	Số câu: 1 Số điểm : 1 Tỉ lệ: 10%		2 0,5đ 5%			1 5đ 50%	Số câu: 4 Số điểm : 6,5 Tỉ lệ: 65%
Chủ đề 3 Văn bản nhật dụng	Câu 1		Câu 9				
<i>Tổng số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>	1 0,25đ 0,25%		1 0,25đ 0,25%				Số câu: 2 Số điểm : 0,5 Tỉ lệ: 5%
<i>Tổng số câu</i> <i>Số điểm</i> <i>Tỉ lệ %</i>	3 1,5đ 15%		5 1,5đ 15%		1 2 20%	1 5đ 50%	10 10 100%

IV. Biên soạn đề kiểm tra:

I. Trắc nghiệm khách quan: (3,0 @iÔm)

Chọn chữ cái đứng trước mỗi đáp án mà em cho là đúng.

Câu 1: Văn bản "Cổng trường mở ra" viết về nội dung gì?

- A. Miêu tả quang cảnh ngày khai trường
- B. Bàn về vai trò của nhà trường trong việc giáo dục thế hệ trẻ
- C. Kể về tâm trạng của một chú bé trong ngày đầu tiên đến trường
- D. Tái hiện lại những tâm tư tình cảm của người mẹ trong đêm trước ngày khai trường vào lớp 1 của con

Câu 2: Tâm trạng của người con gái được thể hiện trong bài ca dao "*Chiều chiều ra đứng ngõ sau / Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều*" là :

- A. Thương người mẹ đã mất
- B. Nhớ về thời con gái đã qua
- C. Nỗi nhớ quê, nhớ mẹ
- D. Nỗi đau khổ cho tình cảnh hiện tại

Câu 3: Bài cao dao "*Đứng bên ni đồng... mệnh mông*" nằm trong chùm ca dao:

- A. Những câu hát về tình cảm gia đình
- B. Những câu hát về tình yêu quê hương đất nước
- C. Những câu hát than thân
- D. Những câu hát châm biếm

Câu 4: Hình ảnh con cò trong bài ca dao dưới đây mang ý nghĩa biểu tượng như thế nào?

Nước non lận đận một mình
Thân cò lên thác xuống ghềnh bay nay
Ai làm cho bể kia đầy
Cho ao kia cạn cho gầy cò con

- A. Mượn hình thân cò để nói lên cuộc sống của người nông dân vất vả, khổ cực.
- B. Hình ảnh con cò đi kiếm ăn

- C. Hình ảnh con cò đi ăn đêm
- D. Hình ảnh con cò đi xa.

Câu 5: Tâm trạng nổi bật của tác giả Hạ Tri Chương trong bài thơ “Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê” là:

- A. Vui mừng, háo hức khi trở về quê.
- B. Buồn thương trước cảnh quê hương nhiều thay đổi.
- C. Ngậm ngùi, hụt hẫng khi trở thành khách lạ giữa quê hương.
- D. Đau đớn, luyến tiếc khi phải rời xa chốn kinh thành.

Câu 6: Nối tên văn bản ở cột A với tên tác giả ở cột B sao cho phù hợp ?

Cột A	Nối	Cột B
1. Qua Đèo Ngang.		a. Trần Quang Khải
2. Bạn đến chơi nhà.		b. Hồ Xuân Hương.
3. Bánh trôi nước		c. Bà Huyện Thanh Quan.
4. Phò giá về kinh		d. Nguyễn Trãi.
		e. Nguyễn Khuyến

Câu 7. Nét tính cách nào sau đây nói đúng về chân dung của “chú tôi” trong bài ca dao châm biếm thứ nhất

- A. Tham lam và ích kỉ.
- C. Dốt nát và háo danh.
- B. Độc ác và tàn nhẫn.
- D. Nghiện ngập và lười biếng.

Câu 8: Hai bài thơ “Qua Đèo Ngang” và “Bạn đến chơi nhà” đều viết bằng thể thơ *Thất ngôn bát cú Đường luật*. Đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 9: Trong văn bản “ Mẹ tôi” của Ét-môn-đô Đơ-a-mi-xi, điều khiến En-ri-cô nhận ra lỗi lầm của mình với mẹ là vì:

- A- Sự khổ sở của mẹ trong những ngày cậu ốm đau
- B- Sự nghiêm khắc, dọa dẫm của cha cậu trong thư
- C- Sự yêu thương của mẹ và sự nghiêm khắc của cha
- D- Bản thân tự thấy xấu hổ trước hành động của mình

II- Tự luận

Câu 1(2đ): Cho câu ca dao sau:

“Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông”

Hãy viết một đoạn văn 5,7 dòng chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong lời ca dao trên. Và cho biết biện pháp tu từ đó có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung bài ca dao?

Câu 2: (5đ) Viết một bài văn ngắn nêu cảm nhận của em về cách tiếp bạn và tình bạn của nhà thơ Nguyễn Khuyến trong bài thơ “Bạn đến chơi nhà”

V. Hướng dẫn chấm và biểu điểm

I. Phần trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	D	C	B	A	A,C	1-C;2-E;3-B;4-A	D	A	C

II. Phần Tự luận:

Câu 1(2đ):

- Đảm bảo đúng yêu cầu của đoạn văn
- Biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ là so sánh.
- Tác giả dân gian đã so sánh công cha với núi ngất trời, nghĩa mẹ với nước ở ngoài biển Đông -> lấy cái cao vợi vợi của núi để ví với công cha, cái bao la, dạt dào của nước biển ví với nghĩa mẹ. Biện pháp tu từ so sánh đã làm nổi bật lên công lao, ơn nghĩa của mẹ cha. Lời thơ nhờ đó mà trở nên giàu hình ảnh, giàu sức gợi cảm.

Câu 2(5đ):

** Yêu cầu về kỹ năng:*

- Biết cách tạo lập và trình bày một đoạn văn có kết cấu rõ ràng, không mắc lỗi dùng từ, câu không sai ngữ pháp.
- Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp

** Yêu cầu về kiến thức:*

- Giới thiệu được tên tác giả, tác phẩm và cách tiếp bạn độc đáo của nhà thơ.
- Nhà thơ rất vui mừng khi được bạn cũ lâu ngày đến thăm
- Nhà thơ muốn tiếp bạn thật hậu hĩnh nhưng hiềm một nỗi gặp phải một tình huống vô cùng khó xử:
 - + trẻ đi vắng, không có người sai vặt
 - + chợ xa, không mua được thức ăn ngon
 - + cá, gà, mướp...sẵn nhưng đều chưa dùng được ngay
 - + đến cả miếng trầu, một phong tục của người Việt để bắt đầu câu chuyện cũng không có.
- Thực ra nhà thơ cường điệu, nói cho vui, cốt để nhấn mạnh vào tấm chân tình của mình với bạn. Không có vật chất đủ đầy, nhưng hân người bạn của Nguyễn Khuyến vẫn vô cùng hạnh phúc bởi tác giả đã tiếp bạn bằng cả tấm lòng chân thành, bằng tình bạn thắm thiết “Bác đến chơi đây, ta với ta”. Điều đó quan trọng hơn ngàn vạn lần vật chất.

- Tình bạn chân chính là tình bạn không câu lệ vật chất tầm thường. Tình bạn đẹp là tình bạn được xây dựng trên cơ sở hiểu và trân trọng nhau.
- Quan điểm về việc xây dựng tình bạn của bản thân.

**Biểu điểm*

- **Điểm 4-5** : Bài viết mạch lạc, bố cục rõ ràng, hành văn trôi chảy, đáp ứng các yêu cầu của đề, nội dung đầy đủ, sâu sắc, chữ viết rõ ràng, đúng chính tả, ngữ pháp, dùng từ sai 1-3 lỗi.
- **Điểm 2-3**
- Hiểu đề.
- Bố cục tương đối rõ ràng, nội dung tương đối sâu sắc, một số ý còn lộn xộn song vẫn đảm bảo được các ý cơ bản.
- Hành văn tương đối mạch lạc , sai không nhiều lỗi chính tả.
- **Điểm 1** : Chỉ đáp ứng được yêu cầu 1 phần kiến thức, kĩ năng.
- **Điểm 0**: Bài làm bỏ giấy trắng .

** Dặn dò:*

- Về nhà làm lại bài kiểm tra vào vở.
- Soạn bài: Bài ca nhà tranh bị gió thu phá: đọc kĩ bài thơ, đọc chú thích tìm hiểu về tác giả và từ ngữ trong bài, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài (chú ý câu 3,4)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 10

Tiết 40

Đọc thêm : BÀI CA NHÀ TRANH BỊ GIÓ THU PHÁ

(Đỗ Phủ)

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Trình bày được về tác giả Đỗ Phủ.

- Phân tích được giá trị hiện thực của tác phẩm: p/á chân thực cs của con người khi đất nước có chiến tranh.

- Đánh giá đc gtri nhân đạo của tp: thể hiện hoài bão cao cả và sâu sắc của ĐP, nhà thơ của những người nghèo khổ và bất hạnh.

- Phân biệt được vị trí và ý nghĩa của những yếu tố miêu tả và tự sự trong thơ trữ tình

2. Kỹ năng: đọc, phân tích nghệ thuật ,nội dung , tư tưởng của bài thơ , tự học , hợp tác,

3. Thái độ: HS biết chia sẻ, cảm thông, đồng cảm với những người nghèo khổ, gặp hoạn nạn trong xã hội, BVMT, bảo vệ hòa bình, lên án chiến tranh.

4. Năng lực, phẩm chất:

- Năng lực:

+ Chung :Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp.

+ Riêng : Đọc hiểu , cảm thụ , phân tích ngôn ngữ văn bản , phê bình , tiếp nhận

- Phẩm chất :sống có trách nhiệm với xã hội và gia đình , yêu thương con người, tự chủ .

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: - Phương tiện: nghiên cứu tài liệu liên quan, bài soạn, tích đời sống

2. Học sinh: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới(tìm hiểu trước bài học, trả lời các câu hỏi trong sgk)

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: đọc diễn cảm, phân tích, bình giảng, nêu vấn đề, đặt và giải quyết vấn đề, dạy học nhóm, thuyết trình.

- KTDH: giao nhiệm vụ, sơ đồ tư duy, đặt câu hỏi, KT 1 phút, động não .

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra bài cũ:

*Vào bài mới:

Sử dụng KT 1 phút

+ Cảm nhận của bản thân về mùa thu ?

+ Câu chuyện một bác ở tp HCM 20 năm qua đã nhận nuôi 18 trẻ em bị bỏ rơi ...

Cảm nhận , đánh giá về việc làm đó ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: Đọc và tìm hiểu chung Kỹ thuật đọc tích cực <ul style="list-style-type: none">- Cách đọc bài thơ- Đọc – nhận xét- Chú thích Làm việc cá nhân Tìm thông tin về tác giả ? Thời gian 2p	I. Đọc, tìm hiểu chung: 1. Đọc, chú thích 2. Tác giả - Là nhà thơ hiện thực vĩ đại của TQ, danh

<p>Ghi vào vở HS báo cáo sản phẩm và nhận xét .</p> <p>Kỹ thuật hỏi và trả lời</p>	<p>nhân văn hóa TG. - Được mệnh danh là thánh thơ.</p> <p>3.Tác phẩm *Hoàn cảnh + XH: loạn An – Sử đang hoành hành + Nthơ: Năm 760, ngôi nhà mới của ĐP do bạn bè và người thân giúp đỡ dựng cho mới được mấy tháng đã bị gió phá nát. Suốt đêm đó nhà thơ ko ngủ và viết bthơ bất hủ này. *Thể loại: thơ trữ tình đời Đường *Thể thơ: cổ thể (tự do, dài 23 câu, vần – nhịp – câu – chữ tự do, phóng khoáng * Ptbd: BC + TS, MT *Cấu trúc: 2 phần: + 18 câu đầu: Nỗi thống khổ của kẻ sĩ nghèo trong cơn hoạn nạn + 5 câu cuối: ước vọng của nhà thơ</p>
<p>HD2: Phân tích Thảo luận nhóm 5p Các câu hỏi sau Ghi vào bảng phụ ? Tìm lời thơ cho thấy hình ảnh ngôi nhà trước sự tàn phá của gió thu? ? Nhận xét nt đc sử dụng? ? Tác dụng của những nt ấy? ? Đứng trước sự tàn phá của thiên nhiên với gia đình mình, tác giả cảm thấy ntn? Các nhóm treo bảng phụ Đại diện 1 nhóm báo cáo Nhóm khác nhận xét bổ sung GV: nhận xét và chốt kt thức</p> <p><i>Bình: Sau bao năm nhà thơ không tự mình dựng được một túp lều để che nắng, che mưa cho gđ. Trên đường chạy loạn nhờ bạn bè giúp đỡ mới dựng được. Vậy mà vừa mới ở được mấy tháng thì một trận gió</i></p>	<p>II. Phân tích: 1. Nỗi khổ của nhà thơ a. Ngôi nhà tranh bị gió thu phá (5câu đầu) - <i>tranh bay sang sông</i> - <i>treo tót ngọn rừng xa</i> - <i>quay lộn vào nương sa</i> + NT: sử dụng động từ mạnh, pt tả và kể, biện pháp liệt kê sv -> Làm nổi bật sức tàn phá ghê gớm của thiên nhiên. - T/g: kinh sợ , hãi hùng, xót xa</p>

thu đã phá nát. Sau khi căn nhà tranh bị phá, Đỗ Phủ phải đưa vợ con lên một chiếc thuyền nan rách nát lênh đênh phiêu bạt nơi xứ người thì ta mới thấy hết được nỗi khổ tâm của nhà thơ lúc này.

Thảo luận nhóm 5p

Các câu hỏi sau

Ghi vào bảng phụ

? Lời thơ nào miêu tả rõ nét hành động của lũ trẻ?

? Em có nhận xét gì về việc làm của chúng?

? Theo em vì sao lũ trẻ lại trở thành những kẻ cướp giật?

?Từ đây, em thấy xh TQ thời ĐP sống ra sao?

Các nhóm treo bảng phụ

Đại diện 1 nhóm báo cáo

Nhóm khác nhận xét bổ sung

GV: nhận xét và chốt kt thức

Bình giảng: nói về loạn An –Sử: An Lộc Sơn là tướng của triều đình nhà Đường. Năm 755 tướng An Lộc Sơn cùng với Sử Tư Minh cầm quân chống lại triều đình nhằm tranh giành quyền lực. Cuộc nội chiến kéo dài suốt 8 năm đã làm cho cả xã hội Trung Quốc phải điêu đứng. Theo số liệu thống kê năm 754 dân số Trung quốc có khoảng 52,9 triệu dân, nhưng đến năm 764 chỉ còn lại 16,9 triệu dân. Số còn lại đã bị giết, bị chết đói, chết rét hoặc buộc phải rời đi nơi khác, thời loạn lạc, lũ trẻ ko đc gd, học hành..

Tích MT:Chiến tranh ở VN-> mong hòa bình)

Hoạt động cả lớp

Các câu hỏi

?Hình ảnh nhà thơ đã hiện lên qua câu thơ nào trong h/cảnh bị trẻ con cướp tranh?

b. Cảnh cướp giật của lũ trẻ (5 câu tiếp)

- “Trẻ thôn Nam: xô xướp giật, cướp tranh, cướp, đi, tuốt,.. »

-> Trẻ thơ trở thành kẻ cướp

=> **Xã hội rối ren, loạn lạc.**

- “môi khô miệng cháy gào chẳng đc, ..lòng ám ức”

? Lời thơ làm hiện lên h/ả Đỗ Phủ ntn?
? Tại sao ĐP lại cảm thấy ám ức khi bị lũ trẻ cướp mất tranh?

(Vì vừa giận TN, giận lũ trẻ, vừa buồn cho nhân tình thế thái)

? Vậy theo em, đằng sau nỗi đau mất của cải, t/g còn muốn bộc lộ nỗi đau nào khác?

GV: Thật đau xót khi phải chứng kiến cảnh thời loạn, đạo lý suy đồi đến cùng cực, lũ trẻ con hàng xóm có lẽ không được học hành. Chúng khinh nhà thơ già yếu, chúng ngang nhiên cướp tranh đi trước lời kêu gào thảm thiết của ông. Nhà thơ giận thiên nhiên, giận lũ trẻ thì ít mà buồn cho thời thế thì nhiều. Nếu khổ thơ đầu chỉ nói đến cái rủi thì khổ thơ thứ hai nói đến nỗi đau, nỗi buồn trước một xã hội loạn lạc đảo điên. => Nỗi đau nhân tình thế thái.

Thảo luận nhóm 5p

Các câu hỏi sau

Ghi vào bảng phụ

? Mưa thu đổ xuống vào thời gian nào?

? Không gian đc t/giả miêu tả qua những từ ngữ nào?

? Tìm từ ngữ cho thấy những nỗi khổ mà nhà thơ đã chịu đựng trong h/c nhà bị tốc mái, mưa đêm lạnh buốt?

? Từ đây em thấy h/cảnh gđ nhà thơ lúc này ntn?

? Câu thơ nào nói lên nguyên nhân dẫn đến những nỗi khổ ấy cho nhà thơ?

? Câu thơ cho em hiểu tâm sự gì của Đỗ Phủ?

? Từ đây ta thấy được bức tranh toàn cảnh XHPK Trung Quốc đời Đường ntn?

Bài thơ phản ánh giá trị nào?

Các nhóm treo bảng phụ

Đại diện 1 nhóm báo cáo

Nhóm khác nhận xét bổ sung

-> già yếu, bất lực (kêu gào cháy cổ, khô môi mà ko đc), đáng thương

-> **Nỗi đau mất mát của cải + nỗi đau nhân tình thế thái.**

c. Cảnh gđ trong đêm mưa

(8 câu tiếp theo)

- Thời gian: tối đêm

- Không gian: trời tối mịt, đêm đen đặc, lạnh tựa sắt, mưa chẳng dứt, tối mực,...

- Nhà thơ: ướt lạnh, con đập lớt lớt, đầu giường nhà dột...

-> Gia đình nghèo khổ, cùng cực, nỗi khổ dồn dập, tới tấp kéo đến.

- “Từ trái con loạn ít ngủ nghe”

-> Loạn lạc là nguyên nhân sâu xa của mọi nỗi khổ đau mà nhà thơ phải hứng chịu.

-> **Bức tranh xh TQ lúc bấy giờ loạn lạc, rối ren.**

Bài thơ mang giá trị hiện thực sâu sắc.

GV: nhận xét và chốt kt thức

*GV: Tại họa thứ ba đó là trời mưa tâm tã
thâu đêm, mái nhà bị gió thu phá dột khắp
nơi. Những đứa con thơ vừa đói, vừa rét
kêu khóc suốt đêm. (Năm 752 ông mới lập
gia đình, nên những đứa con còn rất nhỏ,
có đứa mới vài ba tháng tuổi). Tuổi già,
sức yếu, bệnh tật phải ngồi co ro dưới trời
mưa. Ông vừa thương vợ thương con, vừa
thương mình. Bao nhiêu nỗi đau cùng ập
đến một lúc, trút lên đầu một con người
vừa nếm trải nhiều bất hạnh.*

*Đây mới là nỗi khổ lớn nhất và là nguyên
nhân của những nỗi khổ trên. Vì loạn lạc
mà nhà thơ phải飄 bạt, từ quan, ít ngủ,
chịu đói, chịu rét. Vì loạn lạc mà những
đứa trẻ khổ sở, từng thiếu phải đi cướp giật
của người khác. Cũng vì loạn lạc mà biết
bao người dân phải rơi vào thảm kịch. Con
gió thu, trận mưa thu hôm nay chỉ là thêm
vào nỗi đau vốn đã chồng chất bấy lâu mà
thôi. Đây không phải là nỗi khổ của riêng
nhà thơ mà là nỗi khổ chung của nhiều
người khi đất nước có chiến tranh.*

Thảo nhóm (3 p)

Các câu hỏi sau

Ghi vào phiếu học tập

1. Chỉ ra điều nhà thơ mơ ước trong hoàn cảnh cực khổ ấy?
- 2 Tại sao ĐP ước như vậy?
3. Nhà thơ đã chấp nhận đánh đổi điều gì để ước mơ của mình thành hiện thực?
4. NT được sử dụng trong đoạn thơ này?
- ? Nhận xét về cách biểu cảm của t/g trong đoạn thơ?
5. Qua đây, em có nhận xét gì về ước vọng

2. Ước vọng của nhà thơ (5 câu cuối):

- Ước đc nhà rộng muôn ngàn gian
Che khắp thiên hạ kẻ sĩ nghèo ... hân hoan
Gió mưa chẳng núng vững .. như thạch bàn
- Vì: kẻ sĩ nghèo là những người có tài, có đức nhưng phải chịu khổ (giống như nhtơ)
- *Riêng lều ta nát, chịu chết rét cũng đc*
- + NT: phóng đại, câu thơ dài, biểu cảm trực tiếp .
- > **ước vọng đẹp đẽ, cao cả.**
- => **ĐP là người, xả thân vì người khác, đặt nhu cầu của người khác lên trên nhu cầu của bản thân, ông có tấm lòng vị tha cao cả, nhân văn.**

<p>của nhà thơ?</p> <p>6. Từ việc tìm hiểu bài thơ, em thấy nhà thơ ĐP là con người ntn?</p> <p>Các nhóm treo bảng phụ</p> <p>Đại diện 1 nhóm báo cáo</p> <p>Nhóm khác nhận xét bổ sung</p> <p>GV: nhận xét và chốt kt thức</p> <p>-3 chữ cuối cùng là “cũng thỏa lòng” nhưng chỉ dịch đc là “cũng được” -> chưa nói hết đc tấm lòng vị tha nhân ái của tgiả</p> <p><i>Vượt lên trên hoàn cảnh bất hạnh của cá nhân, nhà thơ nghĩ đến những người đang cùng cảnh ngộ như mình. Ông mơ ước có một ngôi nhà vững chắc không phải che cho ông và gia đình mà là để che cho muôn ngàn những kẻ sĩ nghèo trong thiên hạ-Những người lương thiện, không ham danh lợi, tiền bạc</i></p> <p><i>Chính tấm lòng nhân đạo và ước mơ cao cả ấy mà ông được người đời tôn vinh là Thi Thánh.</i></p>	
<p>HD3: Tổng kết</p> <p>Hoạt động cặp đôi</p> <p>1. Bthơ có những đặc sắc gì về NT?</p> <p>2. Qua đó nội dung bài thơ được thể hiện ntn?</p> <p>Báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung.</p> <p>HS đọc ghi nhớ sgk.</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1. NT: Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt: biểu cảm + tả, kể; bút pháp hiện thực sắc sảo; chi tiết chân thực.</p> <p>2. ND: Bài thơ thể hiện nỗi khổ của ĐP vì căn nhà bị gió thu phá nát; đồng thời thể hiện được tinh thần nhân đạo và tấm lòng cao cả, vị tha của nhà thơ.</p> <p>Ghi nhớ (sgk/134)</p>

3. Hoạt động luyện tập:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

I. Mục tiêu: Tuần 11 Tiết 42: TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

1. Kiến thức: Nhận ra được những lỗi sai trong bài kiểm tra .

2. Kỹ năng: Tự học , so sánh ...

3. Thái độ: Hợp tác, ý thức sửa sai ...

4. Năng lực, phẩm chất:

*Năng lực :

+ Sử dụng Tiếng Việt trong tạo lập văn bản, sáng tạo ,tiếp nhận...

+Tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác,...

*Phẩm chất:

Sống tự chủ (tự hoàn thiện , tự lực , trung thực , ...)

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: Bài đã chấm có phân loại , bài soạn

2. Học sinh: - Xem lại kiến thức có liên quan

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: đặt và giải quyết vấn đề, dạy học nhóm, vấn đáp gợi mở, phân tích, luyện tập – thực hành

- KTDH: chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra bài cũ:

* Vào bài:

2. Hoạt động luyện tập:

Hoạt động của thầy – trò	Nội dung cần đạt
<p>Hoạt động nhóm</p> <p>1.Hãy nhắc lại đề bài của bài viết số 2?</p> <p>2.Nêu yêu cầu về hình thức và nội dung của từng câu ?</p> <p>Ghi vào bảng phụ</p>	<p>I- Đề bài và yêu cầu của đề</p> <p>1-Đề bài</p> <p>Câu 1: Thế nào là văn tự sự?</p> <p>Câu 2. Em hãy chỉ ra cách biểu cảm trong đoạn văn sau:</p> <p>“Hoa lục bình tím ngắt cả bờ sông. Tụi yêu đắm say loài hoa mộc mạc, dân dã nơi thôn quê ấy . Màu hoa đẹp đến nao lòng! Tôi thầm ghen ngào không thốt lên lời khi đứng trước loài hoa cánh mỏng, tím biếc ấy. Nó đập tim mong manh của bất cứ kẻ yêu hoa nào như tôi. Loài hoa không hương mà cuốn hút đến lạ kì!” (<i>Mai Vân</i>)</p> <p>Câu 3: - Viết bài văn bày tỏ cảm xúc của em về người bố kính yêu của em.</p> <p>2.Yêu cầu</p> <p><i>Câu 1 :</i></p> <p>Văn biểu cảm là văn viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc của người viết đối với xung quanh, nhằm khơi gợi lòng đồng cảm nơi người đọc.</p> <p><i>Câu 2:</i></p> <p>- Cách biểu cảm trực tiếp: thông qua từ ngữ (yêu, ghen ngào không thốt lên lời, đập tim , kẻ yêu hoa) câu văn cảm thán(Màu hoa đẹp đến nao lòng!;loài hoa...lạ kì !)</p> <p><i>Câu 3:</i></p> <p>- Kiểu văn biểu cảm</p> <p>- Đối tượng: Người bố của em</p> <p>- Tình cảm: kính trọng, yêu quý</p> <p><i>1) Hình thức:</i></p> <p>-Trình bày sạch đẹp , không mắc lỗi chính tả.</p> <p>- Bố cục rõ ràng.</p> <p>- Có tính liên kết chặt chẽ</p>

	<p>- Diễn đạt lưu loát rõ ràng ,sử dụng các hình thức diễn đạt phong phú(câu, từ, đoạn, NT so sánh, liên tưởng, ẩn dụ, nhân hoá)</p> <p>-Sử dụng ngôn từ chính xác,linh hoạt</p> <p>2) <i>Nội dung</i></p> <p>a. Mở bài : Giới thiệu về bố và nêu bật được t/cảm dành cho bố (kính trọng, biết ơn...)</p> <p>b. Thân bài : TB: - Biểu cảm về ngoại hình (tùy chọn chi tiết), tính cách, tâm hồn bố - Biểu cảm về kỉ niệm đặc biệt với bố. - Suy nghĩ của bản thân về vai trò, ý nghĩa của bố trong gia đình và với riêng em -Triển khai được cảm xúc ở nhiều góc độ , có sự tham gia của nhiều đối tượng khác nhau - Có liên hệ, mở rộng</p> <p>c. Kết bài : -Khẳng định lại tình cảm và suy nghĩ của bản thân về bố kính yêu.</p>
<p>II- Trả bài</p> <p>-GV: trả bài, lấy điểm</p> <p>-HS :</p> <p>+xem lại bài tự đánh giá, nhận xét bài của bản thân.</p> <p>+ Đổi bài cho bạn theo cặp và nhận xét ưu điểm , nhc điểm ?</p> <p>III- Nhận xét</p> <p>Hoạt động nhóm</p> <p>Tìm ra ưu điểm và nhược điểm của cả nhóm trong bài làm?</p> <p>*ưu điểm:</p> <p>- Đa số HS hiểu đề & có ý thức làm bài khá nghiêm túc</p> <p>- Hầu hết các bài viết có bố cục rõ ràng, mạch lạc làm nổi rõ chủ đề bài viết</p> <p>- Một số bài viết có bố cục rõ ràng, lời văn trong sáng, diễn đạt khá lưu loát</p> <p>- Viết đúng kiểu văn biểu cảm</p> <p>- Một số bài viết giàu hình ảnh, cảm xúc chân thật và có sự liên hệ hợp lí.(Thảo, Hương, Oanh, Mùi, ...)</p> <p>*Tồn tại:</p> <p>- Còn bài viết chưa viết đúng kiểu văn biểu cảm (7a: Đạt, 7c: Minh Quân , 2 Quân ...)</p> <p>- Còn bài viết bố cục chưa rõ ràng, trình bày còn lộn xộn, thiếu sự mạch lạc (7A: Khanh , Ngọc/ 7B: Hưng,7c : Hiền ...)</p>	

- Vẫn có bài viết sai nhiều chính tả, còn viết tắt, trình bày chưa hết ý, diễn đạt còn chưa lưu loát, lời văn lủng củng.(7B: nhiều học sinh)

IV- Sửa lỗi điển hình

Hoạt động nhóm

Chỉ ra những lỗi về chính tả , diễn đạt ,trong nhóm và sửa lại .

1. Lỗi chính tả

- chân trọng
- tóc sù
- nực nường
- cho lên
- no nằng

2. Lỗi diễn đạt

- bố có một kiểu đi rất thẳng và do nhiều vất vả.
- Cứ khi em sốt là bố mới chăm em tận tình...
- Đây là một cái kỉ niệm đẹp của em với bố...

- trân trọng
- tóc xù
- lực lưỡng
- cho nên
- lo lắng

- bố có dáng đi rất thẳng dù cho bố gặp nhiều vất vả trong cuộc sống
- Khi em sốt bố chăm sóc em rất chu đáo, không rời xa em ...
- Đây là một kỉ niệm đẹp của em với bố...

3. Hoạt động vận dụng:

* Đọc bình 1 số bài văn hay , đoạn văn hay

Các nhóm bình chọn bài làm tốt , đạt yêu cầu

- Đọc và bình luận , vận dụng ,học được gì từ bài làm đó cho mình?

(7c: Chinh, Thảo 7b: Nga , Uyên , 7a : Lan Anh , Hùng , Sơn ...)

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Tìm đọc các bài văn biểu cảm hay (trong sách tham khảo, trên internet)

* Xem lại kiến thức về văn biểu cảm

* Chuẩn bị các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm.

Cá nhân

+ Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi gợi ý

Các nhóm thống nhất ghi bài vào phần chuẩn bị của nhóm?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 11 Tiết 43

CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ, MIÊU TẢ TRONG BÀI VĂN BIỂU CẢM

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức:

- + Biết vận dụng 2 yếu tố đó vào viết văn biểu cảm.

2. Kĩ năng:

- + Phân tích, tổng hợp, so sánh các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản biểu cảm.

3. Thái độ: Có ý thức kết hợp yếu tố tự sự và miêu tả trong quá trình làm văn biểu cảm

4. Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực :

- Chung : Tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác, giao tiếp,...

- Riêng : ngôn ngữ , tạo lập văn bản, sử dụng tiếng Việt trong nói , viết đúng câu,từ có ý nghĩa , diễn đạt mạch lạc hấp dẫn....

* Phẩm chất :tự hoàn thiện , tự lực, chăm chỉ vượt khó

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: - Phương tiện: nghiên cứu tài liệu liên quan, bài soạn

2. Học sinh: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới(tìm hiểu trước bài học, trả lời các câu hỏi trong sgk, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến bài).

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: đặt và giải quyết vấn đề, dạy học nhóm, vấn đáp gợi mở, phân tích, luyện tập – thực hành, ...

- KTDH: chia nhóm, đặt câu hỏi, động não, lược đồ tư duy, hỏi và trả lời....

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra bài cũ: (kết hợp trong khi bài mới)

****Vào bài mới :***

Kĩ thuật trình bày 1p

Nếu được dùng một câu thể hiện tình cảm với người thân hoặc thầy cô , em sẽ dùng câu nào?

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD1: Tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động nhóm, - Thời gian 5p - Ghi vào bảng phụ <p>+ Làm việc cá nhân 2p ghi vào phiếu học tập</p> <p>+ Làm việc nhóm 3 p thống nhất ý kiến ghi vào bảng phụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm thông tin trả lời các câu hỏi trong sgk + Chỉ ra ptbđ , và nội dung trong 2 vd (sgk)? + Các yếu tố đó có vai trò ntn trong bài văn biểu cảm? 	<p>I. Tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm:</p> <p>* Tìm hiểu ví dụ</p> <p>- VD1: Bài ca nhà tranh bị gió thu phá</p> <p>Bài thơ gồm 4 đoạn:</p> <p>+ <i>Đoạn 1 : Tự sự (2 dòng đầu)</i> <i>Miêu tả (3 dòng sau)</i> -> <i>Tạo bối cảnh chung</i></p> <p>+ <i>Đoạn 2 :Tự sự kết hợp với biểu cảm -</i> ><i>Sự uất ức vì già yếu nên bị tre con cướp mất tranh.</i></p> <p>+ <i>Đoạn 3 :Tự sự kết hợp với miêu tả (6 câu đầu) Biểu cảm (2 câu sau) ->Nỗi khổ</i></p>

<p>Các nhóm treo bảng phụ</p> <p>Đại diện 1 nhóm báo cáo</p> <p>Nhóm khác nhận xét bổ sung</p> <p>GV: nhận xét và chốt kt thức</p>	<p><i>hiều bề của nhà thơ.</i></p> <p>+ <i>Đoạn 4 : Biểu cảm trực tiếp -> Tình cảm cao thượng, vị tha</i></p> <p>-> Dùng phương thức tự sự, miêu tả</p> <p>-> Để nhà thơ bộc bạch nỗi niềm của mình, nỗi thống khổ khi nhà tranh bị gió thu phá nát.</p> <p>- VD2:</p> <p>+ “<i>Những ngón chân... xoa bóp khỏi</i>”</p> <p>-> miêu tả</p> <p>+ “<i>Bố đi chân đất ... bố đi xa lắm</i>”</p> <p>-> tự sự</p> <p>+ “<i>Bố ơi ... thành bệnh</i>”</p> <p>-> cảm nghĩ=> Tình cảm yêu thương bố vô bờ</p> <p>- Không có các yếu tố miêu tả, tự sự không béc lé được t/c</p> <p>- Tự sự và miêu tả nhằm khơi gợi tình cảm, cảm xúc, do tình cảm, cảm xúc chi phối.</p> <p>* Ghi nhí/ sgk/138</p>
--	---

3. Hoạt động luyện tập

<p>HD2: Luyện tập</p> <p>- Làm việc cặp đôi</p> <p>Bài tập 2</p> <p>Làm việc cá nhân</p> <p>Bài 3</p> <p>Làm việc cặp đôi</p> <p>Vẽ sơ đồ tư duy khái quát bài</p> <p>Kĩ thuật hỏi và trả lời</p>	<p>II- Luyện tập</p> <p>* Bài tập 2:</p> <p>- Tự sự: Đôi tóc rối lấy kẹo</p> <p>- Miêu tả: Hình ảnh mẹ ngày xưa</p> <p>- Biểu cảm: Nỗi nhớ mẹ khôn xiết</p> <p>* BT 3:</p> <p>a) Gợi cảm xúc và gửi gắm tình cảm</p> <p>b) Nhằm mục đích kể, tả đầy đủ sự việc</p> <p>c) tả, kể do cảm xúc chi phối</p> <p>d) Tả, kể để phát biểu suy nghĩ, cảm xúc.</p>
--	---

4. Hoạt động vận dụng:

Kĩ thuật động não , viết tích cực .

- Chỉ ra ptbđ những câu văn của một số hs đã trình ở phần khởi động ? Cách bạn tả, kể về các sự việc đó để làm gì ?

- Hãy viết đoạn văn ngắn sử dụng 2 yếu tố miêu tả và biểu cảm để bày tỏ tình cảm của mình với 1 vấn đề nào đó?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Sưu tầm thêm các bài văn hay có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự(lưu sổ tay văn học)

- Các nhóm hãy kể, miêu tả lại bài thơ bài ca nhà tranh bị gió thu phá bằng lời văn của mình ?

Vào một đêm thu mịt mùng , Một cơn gió thu đỏ cuốn tốc đi ngôi nhà tranh của Đỗ Phủ. Đám trẻ của thôn thấy nhà thơ già yếu nên đến cướp tranh của nhà thơ. Không chỉ vậy, đêm dài còn khiến nhà thơ không ngủ được vì mưa gió ngôi nhà bị dột, vợ đại con thơ thật tội nghiệp. Tác giả ước gì kẻ sĩ nghèo như nhà thơ được sống trong ngôi nhà rộng ngàn gian riêng nhà thơ chịu rét cũng được.

* Nắm vững vai trò của yếu tố tự sự và miêu tả trong văn biểu cảm làm các bài tập còn lại/ sgk

* Chuẩn bị kiểm tra tiếng việt 45 phút (Xem lại kiến thức về TV từ đầu năm, xem lại các bài tập, tập viết đoạn văn, bài văn có sử dụng các đơn vị kiến thức TV đã học.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 11 Tiết 44: KIỂM TRA TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: Vận dụng kiến thức về phần tiếng Việt từ bài 1 đến bài 10 để làm bài kiểm tra

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng sử dụng từ, diễn đạt, phân tích , tổng hợp ...

3. Thái độ: HS trung thực, nghiêm túc trong kiểm tra.

4. Năng lực, phẩm chất: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, ngôn ngữ, tự chủ, tự lập, trung thực .

II. Hình thức đề kiểm tra: tự luận kết hợp trắc nghiệm

III. Ma trận đề:

Mức độ	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng(TL)		Tổng
Chủ đề	TN	TL	TN	TL	Bậc thấp	Bậc cao	
Chủ đề 1 Từ mượn (Từ Hán Việt)			Câu 6,7		½ câu 1		
<i>Số câu</i>			2		½		2,5
<i>Số điểm</i>			0,5		1		1,5
<i>Tỉ lệ %</i>			5%		10%		15%
Chủ đề 2 Từ loại	Câu 1,2		Câu 4		½ câu 1		
<i>Số câu</i>	2		1		½		3,5
<i>Số điểm</i>	0,5		0,25		1		1,75

<i>Tỉ lệ %</i>	<i>5%</i>		<i>2,5%</i>		<i>10%</i>		<i>17,5%</i>
Chủ đề 3	Câu		Câu 3,5,8			Câu 2	
Loại từ	9,10						
<i>Số câu</i>	<i>2</i>		<i>3</i>			<i>1</i>	<i>6</i>
<i>Số điểm</i>	<i>1</i>		<i>0,75</i>			<i>5</i>	<i>6,75</i>
<i>Tỉ lệ %</i>	<i>10%</i>		<i>7,5%</i>			<i>50%</i>	<i>50%</i>
Tổng số câu	4		6		1	1	12
Số điểm	1,5		1,5		2	5	10
Tỉ lệ %	15%		15%		20%	50%	100%

IV. Đề bài:

Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm)

Câu 1 : Trong các từ ghép sau, từ ghép nào là từ ghép chính phụ?

- A. Chài lưới B. Bà ngoại C. Ông bà D. Áo quần

Câu 2: Trong các từ sau từ nào không phải là từ láy?

- A. Phổ phưởng B. Xanh xao C. Đo đỏ D. Thoăn thoắt

Câu 3: Điền quan hệ từ còn thiếu vào chỗ trống để tạo thành câu hoàn chỉnh có ý nghĩa đối lập
Mặc dù bạn Hoa nhà xa trường..... lúc nào bạn cũng đến trường sớm để quán xuyến mọi công việc của lớp.

Câu 4: Nghĩa của những tiếng láy có vần ênh(trong các từ: lênh khênh, bấp bênh, chênh vênh, lênh đênh) có điểm chung gì?

- A. Chỉ sự vật cao lớn, vững vàng
B. Chỉ những gì không vững vàng, không chắc chắn
C. Chỉ vật dễ bị đổ
D. Chỉ những vật nhỏ bé, yếu ớt

Câu 5 : Đại từ nào sau đây không phải để hỏi về không gian?

- A. Ở đâu B. Khi nào C. Nơi đâu D. Chỗ nào

Câu 6 : Giải thích nghĩa của từ Hán Việt sau đây

Quốc kì:.....

Câu 7: Từ “ Viên tịch” để chỉ cái chết của ai?

- A. Nhà vua B. Người rất cao tuổi C. Vị hòa thượng D. Người có công với nước.

Câu 8 : Trong trường hợp sau, trường hợp nào có thể bỏ quan hệ từ?

- A. Nhà tôi vừa mới mua một cái tủ bằng gỗ rất đẹp
B. Hãy vươn lên bằng chính sức mình
C. Bạn An thường đến trường bằng xe đạp
D. Bạn Nam cao bằng bạn Minh.

Câu 9 : Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ “thi nhân”

A. Nghệ sĩ B. Nhà văn C. Nhà báo D. Nhà thơ

Câu 10: Nối các cột A với B sao cho phù hợp

A	Nối	B
1. Từ đồng âm		a. Là những từ có nghĩa trái ngược nhau
2. Từ đồng nghĩa		b. Là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau
3. Từ trái nghĩa		c. Là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau .

Phần II: Tự luận (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Đặt câu với các từ Hán Việt và từ ghép sau:

- Phụ nữ
- Giang sơn
- Học hành
- Bà nội

Câu 2: (5 điểm) Viết một đoạn văn khoảng 8 – 10 dòng nêu cảm nhận của em về một mùa trong năm, trong đó có sử dụng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa (gạch chân dưới những cặp từ đó)

V. Hướng dẫn chấm và biểu điểm:

Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm). Mỗi ý đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	nhưng	B	B	Cờ tổ quốc	C	A	D	1-c 2-b 3-a

Phần II: Tự luận (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

: Đặt câu đảm bảo các yêu cầu:

- Dùng đúng quan hệ từ
 - Đúng chính tả và ngữ pháp
 - Hành văn trong sáng
- (mỗi câu đúng đạt 0,5đ)

Câu 2: (5điểm)

- Về hình thức:

- Làm đúng đoạn văn BC; độ dài 8-10 dòng, văn viết giàu cảm xúc, không mắc lỗi dùng từ, câu không sai ngữ pháp.

- Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp.

- Có sự linh hoạt trong việc kết hợp các cách biểu cảm.

b. Về nội dung:

- Đúng chủ đề một mùa trong năm.

- Sử dụng ít nhất một cặp từ đồng nghĩa, một cặp từ trái nghĩa (gạch chân dưới những cặp từ đó)

c. Biểu điểm :

- Điểm 4 : đảm bảo tốt các yêu cầu về hình thức, về nội dung. Viết giàu cảm xúc.

- Điểm 3 : đảm bảo yêu cầu nội dung và hình thức. Sai 1-2 lỗi chính tả.

- Điểm 2 : đảm bảo nội dung và hình thức. Cảm xúc chưa rõ rệt. Sai nhiều lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.

- Điểm dưới từ 1 đến dưới 2 : đảm bảo 1 phần nội dung và hình thức. Còn sai lỗi chính tả, diễn đạt.

- Điểm 0 : không đảm bảo nội dung và hình thức hoặc không làm bài.

VI. Củng cố :

GV thu bài, nhận xét ý thức làm bài kiểm tra của hs.

VII. Hướng dẫn về nhà :

- HS về làm lại bài kiểm tra vào vở.

- Soạn bài : Cảnh khuya (Đọc bài thơ, tìm hiểu tác giả HCM, phân tích bài thơ theo hệ thống câu hỏi tìm hiểu bài sgk, tìm hiểu kĩ cảnh thiên nhiên và tâm hồn tác giả qua bài thơ)

Tuần 12

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 45 CẢNH KHUYA

- Hồ Chí Minh-

I. Mục tiêu cần đạt:

- Kiến thức:** Cảm nhận và phân tích được tình yêu thiên nhiên gắn liền với lòng yêu nước của Hồ Chí Minh biểu hiện trong bài thơ.
- Kĩ năng:** Rèn kĩ năng đọc và phân tích thơ thất ngôn tứ tuyệt.
- Thái độ:** Có tình cảm yêu quý, cảm phục Bác. yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước ...
- Năng lực, phẩm chất:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, ngôn ngữ, sống có yêu thương.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: nghiên cứu tài liệu liên quan, bài soạn

2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới(tìm hiểu trước bài học, trả lời các câu hỏi trong sgk, nghiên cứu các tài liệu liên quan)

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: đọc diễn cảm, giảng bình, phân tích, đặt và giải quyết vấn đề, dạy học nhóm, vấn đáp gợi mở, phân tích, trò chơi, luyện tập – thực hành, thuyết trình

- KTDH: chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, trình bày 1p, hỏi và trả lời ...

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ôn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra bài cũ:

*Giới thiệu bài :

GV cho hs nghe bài hát “Bác Hồ một tình yêu bao la”.

Nhân vật được nhắc đến trong bài hát là ai?

Cảm nhận của em về Bác ?

HS đưa ra nhiều cảm nhận khác nhau dẫn vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD1: Đọc và tìm hiểu chung Kĩ thuật đọc tích cực Giọng đọc , ngắt nhịp , đọc Hs nhận xét Chú thích Làm việc cá nhân Tìm thông tin về tác giả ? Thời gian 2p Ghi vào vở	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc, tìm hiểu chú thích: * Đọc * Chú thích. 2. Tác giả - HCM (1980-1969): lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và cách mạng VN - Danh nhân văn hóa thế giới, nhà

<p>HS báo cáo sản phẩm và nhận xét . HS tìm thêm thông tin ngoài sgk về HCM - Giới thiệu thêm về HCM <i>Ngoài sự nghiệp cách mạng long trời chuyển đất, HCM để lại cho dân tộc ta một sự nghiệp văn học lớn lao về tầm vóc, đa dạng và phong phú về thể loại và đặc sắc về phong cách sáng tạo gồm: Văn chính luận, truyện kí, thơ</i></p> <p>Kỹ thuật hỏi và trả lời</p> <p>4 phần đề - thực – luận – kết</p>	<p>văn, thơ lớn của dân tộc.</p> <p>2. Tác phẩm * Hoàn cảnh sáng tác: năm 1947 tại chiến khu Việt Bắc * Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt * PTBD: Biểu cảm + miêu tả * Cấu trúc: 2 phần Phần I: 2 câu đầu (Cảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc) Phần II: 2 câu cuối (Tâm trạng của nhà thơ)</p>
<p>HD2: Phân tích Thảo luận nhóm 5p Các câu hỏi sau Ghi vào bảng phụ + Làm việc cá nhân 2p ghi vào phiếu học tập + Làm việc nhóm 3 p thống nhất ý kiến ghi vào bảng phụ 1. Cảnh thiên nhiên núi rừng VB hiện lên với những hình ảnh nào? 2. Sử dụng nghệ thuật gì? 3. Vậy 2 câu thơ đầu đã gợi tả một bức tranh thiên nhiên như thế nào? Các nhóm treo bảng phụ Đại diện 1 nhóm báo cáo Nhóm khác nhận xét bổ sung GV: nhận xét và chốt kt thức</p> <p>Thảo luận cặp nhóm (1 phút) ? Câu thơ này giúp em nhớ đến câu thơ nào của nhà thơ NT? <i>Côn Sơn suối chảy rì rầm cảm bên tai</i> ? có gì giống khác nhau trong việc đặc tả tiếng suối</p>	<p>II. Phân tích 1. Hai câu đầu : Cảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc - "Tiếng suối trong như tiếng hát xa Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa"</p> <p>- Âm thanh: tiếng suối - Hình ảnh: Trăng , cây cổ thụ ,hoa + NT: So sánh, tính từ, điệp ngữ, danh từ => Cảnh đêm khuya đẹp, gần gũi, thơ mộng, cổ kính, tràn ngập ánh trăng.</p>

của 2 nhà thơ?

Đại diện trình bày, hs khác nx, bổ sung

- giống : Cùng so sánh để tả âm thanh tiếng suối; cùng dùng âm thanh do con người tạo ra để tả.

- Khác: NT ss với tiếng đàn, còn HCM ss với tiếng hát

GV bình: -không gian rộng lớn, tĩnh mịch nhưng không hoang vắng, lạnh lẽo mà ngược lại rất ấm áp, gần gũi bởi sự liên tưởng tuyệt đẹp tiếng suối-tiếng hát của Bác

- trăng, hoa, cây cỏ thụ cách xa nhau nghìn trùng, cao thấp từng tầng mà vẫn lồng vào nhau, soi chiếu cho nhau, quấn quýt, ấm áp lạ thường.

Chỉ có 2 mảng màu sáng - tối, đen - trắng mà cảnh vẫn đẹp lung linh huyền ảo. HCM đã thổi hồn vào cảnh, khiến cho cảnh trở lên đẹp đẽ, ấm áp. Tất cả được tạo ra bởi âm hưởng của hai từ lồng trong một câu thơ.

- Gv liên hệ: "chinh phụ ngâm khúc" của Đoàn Thị Điểm :

"Hoa dãi nguyệt, nguyệt in một tấm

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông

Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng

Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau"sự hiện diện của chúng chỉ làm tăng thêm nỗi cô đơn của người chinh phụ.

Còn trong thơ Bác nó lại hòa quyện ấm áp đến thế.

Đây là bút pháp -> **thi trung hữu họa (trong thơ có họa)** mà các nhà thơ xưa thường dùng.

Thảo luận nhóm 5p

Các câu hỏi sau

Ghi vào bảng phụ

+ Làm việc cá nhân 2p ghi vào phiếu học tập

+ Làm việc nhóm 3 p thống nhất ý kiến ghi vào bảng phụ

1.Hãy chỉ ra đối tượng được nhắc đến trong câu thơ 3 ?

2. Biện pháp NT nào được sử dụng trong câu thơ này?

3.Người chưa ngủ" là vì lí do gì ?

2. Hai câu cuối : Tâm trạng của nhà thơ

"Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà"

- người chưa ngủ

+ NT so sánh , điệp từ .

- Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà

-lo cho vận mệnh dân tộc

=>**Tình yêu thiên nhiên hòa**

quyện cùng tình yêu đất nước

Bình tĩnh, ung dung, suy nghĩ tích cực..

<p>4. Điều đó cho thấy vẻ đẹp nào trong con người HCM ? ? Em học đc gì từ Bác khi phải đối mặt với khó khăn ?</p> <p>Các nhóm treo bảng phụ Đại diện 1 nhóm báo cáo Nhóm khác nhận xét bổ sung GV: nhận xét và chốt kt thức</p> <p>Gv bình: Nỗi lo cho cách mạng trong những ngày trúng nước với muôn vàn khó khăn cũng không ngăn đc Người ngắm cảnh đẹp. Bởi chính người từng nói: “ Trong tù khôngCảnh đẹp đêm nay khó hững hờ” . Ung dung tự tại, luôn bình tĩnh khi đối mặt với khó khăn chính là phong thái của HCM.</p> <p>Bài thơ Cảnh khuya, đã thổi vào thơ hiện đại một luồng tư tưởng mới. Từ những thi liệu cổ đã tạo nên vẻ đẹp hiện đại của những con người trong thời đại mới- Thời đại HCM. Đó là nét cổ điển hòa lẫn với sự hiện đại trong thơ Người. Đồng thời giúp ta hiểu đc phần nào tâm hồn cao đẹp của một thi nhân và phẩm chất ngời sáng của người chiến sĩ cách mạng kiên cường ở đó ngời lên tình yêu đất nước lớn lao mà chính HCM luôn đau đáu trong mình : « Tôi chỉ ... một ham muốn , ham muốn tột bậc là làm sao.....học hành ». Quả là một con người vĩ đại, một thi sĩ, một chiến sĩ đại tài.</p>	
<p>Hoạt động 3: Tổng kết Làm việc cặp đôi - KT: lược đồ tư duy ? Về mặt NT, điều gì đã làm nên thành công cho bthơ? ? Về nội dung, điều gì đã làm nên vẻ đẹp của bài thơ?</p>	<p>III. Tổng kết</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghệ thuật 2. Nội dung * Ghi nhớ SGK/ 143

3. Hoạt động luyện tập

- Bài thơ đã cho trả lời câu hỏi của bạn nào chính xác nhất?
 - Nội dung phản ánh trong bài thơ Cảnh khuya là:
- A. Tình yêu thiên nhiên
 B. Tình yêu đất nước

C. Cảnh đêm trăng đẹp

D. Tình yêu thiên nhiên và tình yêu đất nước.

4. Hoạt động vận dụng:

- Thể hiện đọc diễn cảm bài thơ Cảnh khuya .

- Trong phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh hiện nay, qua việc tìm hiểu bài thơ này ,em học tập được những gì từ Bác?

- Hãy hát một bài hát ca ngợi Hồ Chí Minh ?

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm những bài thơ của Bác; sưu tầm hình ảnh của Bác ở chiến khu Việt Bắc, trao đổi cùng bạn, lưu sổ tay văn học.

* Học bài. Làm bài tập phần luyện tập SGK/ 143

* Chuẩn bị bài mới: Rằm tháng giêng (đọc diễn cảm bài thơ, phân tích bài thơ theo câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu bài)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 46 Văn bản: RẪM THÁNG GIÊNG

- Hồ Chí Minh -

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức: Cảm nhận và phân tích được tình yêu thiên nhiên gắn liền với lòng yêu nước, phong thái ung dung của Hồ Chí Minh biểu hiện trong bài thơ

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng đọc và phân tích, cảm nhận thơ thất ngôn tứ tuyệt

3. Thái độ: Có tình cảm yêu quý cảm phục Bác, yêu quê hương.

4. Năng lực, phẩm chất: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, ngôn ngữ, sống yêu thương.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: nghiên cứu tài liệu liên quan, bài soạn

2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới(tìm hiểu trước bài học, trả lời các câu hỏi trong sgk)

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: đọc diễn cảm, giảng bình, phân tích, đặt và giải quyết vấn đề, dạy học nhóm, vấn đáp gợi mở, luyện tập – thực hành, thuyết trình....

- KTDH: chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời,...

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức, kiểm tra sĩ số

* Kiểm tra bài cũ:

- Đọc thuộc bài thơ "Cảnh khuya". Nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài?

* vào bài mới :

Dùng một câu cảm nhận của em về đêm rằm ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD1: Đọc và tìm hiểu chung Kĩ thuật đọc tích cực Giọng đọc , ngắt nhịp , đọc Hs nhận xét Chú thích Làm việc cá nhân Tìm thông tin về tác giả ? Thời gian 2p Ghi vào vở HS báo cáo sản phẩm và nhận xét</p> <p>Kỹ thuật hỏi và trả lời</p> <p>HD2: Phân tích Thảo luận nhóm 5p Các câu hỏi sau Ghi vào bảng phụ + Làm việc cá nhân 2p ghi vào phiếu học tập + Làm việc nhóm 3 p thống nhất ý kiến ghi vào bảng phụ</p> <ol style="list-style-type: none"> Cảnh đêm rằm tháng giêng được miêu tả qua những câu thơ nào? Hình ảnh nào đã được hiện ra dưới sự soi tỏ của ánh trăng đêm rằm tháng giêng? Nghệ thuật ? Tác dụng? Hai câu thơ đầu cho thấy cảnh đêm rằm tháng giêng được hiện lên ntn? Tình cảm nào của tác giả được bộc lộ? Em biết bài thơ nào viết về trăng của Bác? (Cảnh khuya, Ngắm trăng; Tin thắng trận...) 	<p>I. Tìm hiểu chung 1.Đọc,chú thích</p> <p>2. Tác giả (sgk)</p> <p>3. Tác phẩm : *. Hoàn cảnh sáng tác: Viết ở chiến khu VB, đầu kháng chiến chống Pháp *.Thể loại:- Thất ngôn tứ tuyệt (bản dịch: lục bát) *. PTBD: Biểu cảm + miêu tả * cấu trúc: 2 phần Phần I: 2 câu đầu (Cảnh đêm rằm tháng giêng) Phần II: 2 câu cuối (Hình ảnh con người giữa đêm rằm tháng giêng)</p> <p>II. Phân tích 1. Cảnh đêm rằm tháng giêng "Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên" - Cảnh sông, nước, bầu trời lẫn vào nhau +NT: điệp từ "xuân" -> Cảnh vật tràn căng sức sống của mùa xuân. => Không gian cao rộng, bát ngát, tràn đầy ánh sáng và sức sống của mùa xuân -> Tình yêu thiên nhiên thiết tha, sâu nặng</p>

Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung. GV hoàn chỉnh kiến thức

- GV giảng bình : Dưới sự soi tỏ của ánh trăng rằm, không gian như cao hơn, rộng hơn, cảnh vật như đan trộn , hòa lẫn vào nhau đến là kì. Vẫn mang âm hưởng cổ điển bởi hình ảnh trăng. Nhưng trăng trong thơ Bác mang nét hiện đại, mới mẻ, tràn đầy sự sống.

HD2: Phân tích

Thảo luận nhóm 5p

Các câu hỏi sau

Ghi vào bảng phụ

- + Làm việc cá nhân 2p ghi vào phiếu học tập
- + Làm việc nhóm 3 p thống nhất ý kiến ghi vào bảng phụ

1. Chỉ ra người xuất hiện ở câu thơ và công việc được nhắc đến trong lời thơ?
2. Từ chi tiết này, E hiểu gì về con người Bác ?
- 3 Câu thơ cuối gọi cho em hình dung về một cảnh tượng như thế nào?
4. Em có nhận xét gì về phong thái của Bác thể hiện qua bài thơ này?
5. Qua bài thơ này em hiểu thêm điều gì về nét đẹp trong tâm hồn Bác?

Các nhóm treo bảng phụ

Đại diện 1 nhóm báo cáo

Nhóm khác nhận xét bổ sung

GV: nhận xét và chốt kt thức

- GV giảng. Bài thơ "Nguyên tiêu" có tứ thơ, nhiều h/a và từ ngữ rất tương đồng với những h/a và từ ngữ trong nhiều câu thơ cổ Trung Quốc, đặc biệt là thơ Đường (sử dụng nhiều chất liệu cổ thi), nhưng vẫn là 1 sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của HCM, mang vẻ đẹp, sức sống và tinh thần của thời đại mới khác hẳn thơ Đường

2. Hình ảnh con người giữa đêm rằm tháng giêng

"Yên ba thâm xứ đàm quân sự

Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền"

- "đàm quân sự" : bàn công việc kháng chiến chống Pháp đang rất khẩn trương – bàn về việc sinh tử của đất nước.
- > Bác luôn lo toan công việc kháng chiến
- ;yêu cách mạng, yêu nước
- Cảnh con thuyền chở người chiến sĩ cách mạng lướt trên sông trăng.
- Phong thái ung dung, lạc quan của Bác
- =>Bác :yêu thiên nhiên, luôn lo lắng đến vận mệnh của đất nước ;luôn có phong thái ung dung, lạc quan dù trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Hoạt động 3: Tổng kết

III. Tổng kết

3. Hoạt động luyện tập

? Nội dung phản ánh trong bài thơ rằm tháng giêng là:

- A. Tình chân thành xót xa lúc mới trở về quê hương
 - B. Tình yêu đất nước của một người cô đơn trước cảnh đẹp
 - C. Tình cảm với thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu lắng và phong thái ung dung lạc quan của tác giả.
 - D. Tình yêu thiên nhiên tha thiết và tính cách mạnh mẽ, phóng khoáng của tác giả.
- Trong bài thơ “Nguyên tiêu” em thích hình ảnh nào nhất? Vì sao?

4. Hoạt động vận dụng:

- Nếu được giới thiệu về Bác cho một người nước ngoài biết em sẽ giới thiệu ntn?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tiếp tục tìm những bài thơ của Bác; Sưu tầm hình ảnh của Bác ở chiến khu Việt Bắc, trao đổi cùng bạn, lưu sổ tay văn học.

* Học bài : Học thuộc bài thơ, nắm vững kiến thức đã học

Làm bài tập phần luyện tập SGK/ 143

* Chuẩn bị bài mới: Thành ngữ (Phân tích các ví dụ, và rút ra khái niệm về thành ngữ, mỗi nhóm tìm 10 câu thành ngữ)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 47 THÀNH NGỮ

I. Mục tiêu cần đạt:

1. **Kiến thức:** HS hiểu được đặc điểm về cấu tạo và ý nghĩa của thành ngữ.
2. **Kĩ năng:** Giải thích được nghĩa hàm ẩn của thành ngữ và biết cách sử dụng thành ngữ có hiệu quả trong nói, viết.
3. **Thái độ:** Có ý thức sử dụng thành ngữ trong nói và viết
4. **Năng lực, phẩm chất:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, ngôn ngữ.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. **GV:** nghiên cứu tài liệu liên quan, bài soạn

2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới(tìm hiểu trước bài học, trả lời các câu hỏi trong sgk)

- PPDH: phân tích ngôn ngữ, dạy học nhóm, vấn đáp gợi mở, luyện tập – thực hành, ...
- KTDH: chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời, trả lời 1p....

1. Hoạt động khởi động

*Kiểm tra bài cũ: (kết hợp trong bài dạy)

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD1: Thế nào là thành ngữ *PP thảo luận nhóm 5 p, *KT phân tích mẫu. + Làm việc cá nhân 2p ghi vào phiếu học tập + Làm việc nhóm 3 p viết vào bảng phụ Các câu hỏi trong sgk Các nhóm treo bảng phụ Đại diện 1 nhóm báo cáo Nhóm khác nhận xét bổ sung GV: nhận xét và chốt kt thức</p>	<p>I. Thế nào là thành ngữ 1. Xét VD: Vd1: " lên thác xuống ghềnh" - Không thể thay, thêm , bớt một số từ khác được. - Có cấu tạo cố định +Nghĩa đen: Chỉ sự lên, xuống hai địa điểm hết sức khó khăn. + Nghĩa chuyển: Chỉ sự gian nan,vất vả, nguy hiểm. (thông qua phép chuyển nghĩa: ẩn dụ) -> Biểu thị một ý nghĩa tương đối hoàn chỉnh. Vd2:"Nhanh như chớp": - nghĩa là rất nhanh, chỉ trong khoảnh khắc, lóe lên rồi tắt. (Dựa vào các từ tạo nên nó (nhanh, chớp) - chớp có đặc điểm là rất nhanh: nghĩa gốc) -> Nghĩa thành ngữ hiểu theo 2 cách 2. Ghi nhớ: (SGK/144)</p>
<p>HD2: Sử dụng thành ngữ - *PP thảo luận nhóm 5 p, KT phân tích mẫu + Làm việc cá nhân 2p ghi vào phiếu học tập + Làm việc nhóm 3 p viết vào bảng phụ</p>	<p>II. Sử dụng thành ngữ 1. Xét VD - Bầy nổi ba chìm: làm vị ngữ - Tắt lửa tối đèn: làm phụ ngữ của DT "khi" - Bầy nổi ba chìm: long đong phiêu bạt - Tắt lửa tối đèn: khó khăn hoạn nạn</p>

Tìm câu trả lời cho các câu hỏi trong sgk Các nhóm treo bảng phụ Đại diện 1 nhóm báo cáo Nhóm khác nhận xét bổ sung	-> Dùng thành ngữ hay hơn. Vì thành ngữ ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng, tính biểu cảm cao. 2. Ghi nhớ: SGK/144
3. Hoạt động luyện tập	
HD3: Luyện tập Làm việc cá nhân bài 1,3	III. Luyện tập Bài tập 1 a. Sơn hào hải vị, nem công chả phượng: những món ăn quý hiếm b. Khỏe như voi: Rất khỏe Tứ cố vô thân: Không có nơi nương tựa, không họ hàng thân thích c. Da mồi tóc sương: Đã già Bài tập 3 + Lời qua tiếng lại + Một nắng hai sương + Ngày lành tháng tốt + No cơm ấm áo (cật) + Bách chiến bách thắng + Sinh cơ lập nghiệp

4. Hoạt động vận dụng:

Kể lại chuyện ếch ngồi đáy giếng , thầy bói xem voi, con rồng cháu tiên và cho biết nghĩa của các câu thành ngữ?

? Đặt câu với một thành ngữ mà em thích.

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm và lưu sổ tay văn học những thành ngữ mà em biết(trao đổi cùng bạn)

* Học và nắm vững nội dung bài học, hoàn thiện các BT/ sgk

* Chuẩn bị bài mới: Cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học.(đọc tìm hiểu trước và trả lời các câu hỏi trong sgk)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 48 :CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức: Biết cách trình bày cảm nghĩ về tác phẩm văn học. Tập trình bày cảm nghĩ về một tác phẩm văn học đã học trong chương trình.

2. Kỹ năng: Phân tích một văn bản mẫu, lập dàn ý cho một đề bài

3. Thái độ: Có tình cảm nhất định khi tiếp xúc với một tác phẩm văn học

4. Năng lực, phẩm chất: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, ngôn ngữ.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: nghiên cứu tài liệu liên quan, bài soạn

2. Học sinh: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới(tìm hiểu trước bài học, trả lời các câu hỏi trong sgk)

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: đọc diễn cảm, phân tích, đặt và giải quyết vấn đề, dạy học nhóm, vấn đáp gợi mở, luyện tập – thực hành, thuyết trình

- KTDH: chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

*Kiểm tra bài cũ: - Hãy trình bày đặc điểm của văn biểu cảm?

*GV giới thiệu bài mới

Gv sử dụng kỹ thuật hỏi-đáp các tác phẩm thơ trung đại Việt Nam

GV giới thiệu: Thơ cũng là một dạng văn biểu cảm. Vậy khi biểu cảm về một tác phẩm văn học nói chung(trong đó có cả thơ) chúng ta sẽ làm thế nào -> nêu yêu cầu của tiết học.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD1: Tìm hiểu cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học Làm việc nhóm KT: Đặt câu hỏi, kỹ thuật công đoạn Thời gian 5p Ghi vào bảng phụ + Làm việc cá nhân 2p ghi vào phiếu học tập + Làm việc nhóm 3 p viết vào bảng phụ Nhóm 1: tưởng tượng Nhóm 2: liên tưởng Nhóm 3: hồi tưởng Nhóm 4: Suy ngẫm ? Vậy thế nào là phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học . ? Em hãy chỉ ra bố cục của bài văn? Nêu nội dung chính từng phần? Các nhóm treo kết quả ,cử người đại diện trình bày, gv nx, đánh giá hoạt động và hoàn chỉnh kiến thức.	I. Tìm hiểu cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học 1. Xét VD Nguyên văn các bài ca dao: "Đêm qua ra đứng bờ ao... Tào Khê nước chảy hãy còn trơ trơ..." - Tg' tượng, liên tg', hồi tưởng, suy ngẫm. + Tưởng tượng: <i>mạng tơ rung rung trước gió với con nhện lơ lửng giữ khoảng không đang giờ giờ càng ra...</i> <i>Tiếng gió khuya vu vu..... gọi trời, gọi sao, gọi nhện.</i> + Liên tưởng: có lúc tồn tại nghĩ đây là người quen của tôi về cố hương <i>....tôi lại thấy quen quen và thân thương, đang ngược mắt lên trông ngẫm mà nhớ thương, mà mong đợi</i> + Hồi tưởng: Tôi chỉ lơ mơ nghe thầy giảng

	<p>+ Suy ngẫm: <i>Tôi đã được đứng bên bờ phù sa của nó mà trông trời, mây, nước, rồi cả sao khuya. Ôi Tào Khê!... chung thủy của ta!</i></p> <p>- Bố cục: 3 phần</p> <p>+ MB: Từ đầu ... mờ mờ: Nêu 2 câu ca dao mở đầu và cảnh minh họa trong bài học</p> <p>+ TB: tiếp của ta: Những cảm xúc suy nghĩ do bài ca dao gợi lên (qua nhiều liên tưởng, tưởng tượng nối tiếp nhau)</p> <p>+ KB: còn lại: ấn tượng chung về bài ca dao "vì nhớ mà buồn"</p> <p>2. Ghi nhớ: SGK/147</p>
3. Hoạt động luyện tập	
<p>HD2: Luyện tập</p> <p>Làm việc cá nhân bài 1</p> <p>Làm việc cặp đôi bài 2</p> <p>Kĩ thuật lược đồ tư duy</p> <p>Vẽ sơ đồ tư duy khái quát bài học</p>	<p>II. Luyện tập</p> <p>Bài tập 1</p> <p>+ Từ một so sánh mới mẻ, hấp dẫn (câu1)</p> <p>+ Từ những hình ảnh quán quýt, sinh động (câu2)</p> <p>+ Từ sự hài hoà giữa cảnh và người (câu3)</p> <p>+ Từ tâm hồn cao cả của Bác Hồ (câu4)</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>1. Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.</p> <p>2. Cảm xúc chủ đạo của bài thơ: Nỗi ngạc nhiên, buồn, cô đơn của nhà thơ già sau bao nhiêu năm xa quê nay mới lại trở về thăm quê nhà.</p> <p>3. Đồng cảm với tình yêu quê hương được biểu hiện trong một hoàn cảnh đặc biệt: ngay giữa quê hương mà thành người xa lạ!</p>

4. Hoạt động vận dụng:

Kĩ thuật viết tích cực

- Vận dụng kiến thức vừa học viết đoạn văn 3 câu cảm nhận về một bài thơ đã học ?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm yếu tố tưởng tượng, liên tưởng, hồi tưởng, suy ngẫm trong bài thơ “tiếng gà trưa”?
- Học bài. Làm bài tập 2 (SGK/ 148)
- Chuẩn bị bài mới: Tiếng gà trưa(đọc, tìm hiểu chung kĩ vb, trả lời các câu hỏi trong sgk GV cho hs kí hợp đồng về phần tìm hiểu chung bài thơ:
? Bài thơ được viết theo thể thơ gì?

- ? Nhắc lại đặc điểm thể thơ?
- ? Quan sát số chữ trong mỗi câu và số câu trong mỗi đoạn em thấy có gì khác với những bài thơ viết theo thể ngũ ngôn đã học?
- ? Theo em cảm hứng của tác giả trong bài thơ được khơi gợi từ việc gỡ?
- ? Nhận xét gì về nguồn cảm hứng ấy?
- ? Chỉ ra nhân vật trữ tình trong bài thơ?
- ? Bài thơ có mấy khổ?
- ? Hãy tìm bố cục của bài thơ? Khái quát nội dung từng phần?

Tuần 13

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 49, 50 Tiếng gà trưa

I- Mục tiêu

1. Kiến thức:

- + Cảm nhận bước đầu về vẻ đẹp trong sáng, đầm thắm của những kí ức về tuổi thơ và tình cảm bà cháu được thể hiện trong bài.
- + Chỉ ra được NT biểu hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả thông qua tiếng gà trưa những chi tiết tự nhiên, bình dị.

2. Kỹ năng: Phân tích thơ 4 chữ theo cảm xúc.

3. Thái độ: Biết yêu thương gia đình, yêu cuộc sống và yêu đất nước.

4. Năng lực, phẩm chất: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, ngôn ngữ.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: nghiên cứu tài liệu liên quan, bài soạn

2. Học sinh: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới: Đọc diễn cảm và soạn bài chu đáo.

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: đọc diễn cảm, phân tích, đặt và giải quyết vấn đề, giảng bình, dạy học nhóm, vấn đáp gợi mở, thuyết trình

- KTDH: chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, động não, trình bày 1 phút

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

*Kiểm tra bài cũ: gv kiểm tra về số nhà của các em

* GV giới thiệu bài mới:

Em đã có kỉ niệm nào đáng nhớ với người thân?

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD1: Tìm hiểu chung Kỹ thuật đọc tích cực Thanh lý hợp đồng Phân tác giả ,tác phẩm	I- Đọc ,tìm hiểu chung 1-Đọc , chú thích , 2. Tác giả (sgk) 3. Tác phẩm: * Hoàn cảnh :trong thời kỳ đầu cuộc k/c chống Mĩ, in trong tập « Hoa dọc chiến hào » *Thể thơ :5 tiếng (cũng gọi là ngũ ngôn biến thể) *Nhân vật trữ tình: Người chiến sỹ, người cháu *Bố cục 3 phần: + P1: trên đường hành quân nghe tiếng gà trưa + P2: 5 khổ tiếp theo: Những kỉ niệm tuổi thơ & tình cảm của nhà thơ + P3: Những suy ngẫm về kỉ niệm và cuộc đời.
HD2: Phân tích Hoạt động nhóm 7p -Giao nhiệm vụ + Làm việc cá nhân 3p + Làm việc nhóm 4p chia sẻ, thống nhất ý kiến ghi vào bảng phụ.	II- Phân tích 1) Trên đường hành quân nghe tiếng gà trưa

Trả lời các câu hỏi

1. Bài thơ được mở ra bằng hình ảnh của người chiến sỹ đang làm nhiệm vụ gì? nx về nhiệm vụ ấy của người c/sỹ?

2. Người chiến sỹ đứng chân bên không gian nào? Khung cảnh của không gian ấy ntn?

3. Trong không gian yên bình ấy, người chiến sỹ nghe thấy âm thanh nào? âm thanh đó gợi cảm xúc nào của tác giả?

4. Cảm xúc ấy được bộc lộ qua những câu thơ nào?

+ NX về từ ngữ, h/a, nhịp điệu?

+ Với việc sử dụng những NT trên giúp em hiểu được gì về cx, suy nghĩ của người lính lúc này ?

-Báo cáo kết quả

+ Đại diện một nhóm trình bày , các nhóm khác theo dõi nhận xét, bổ sung, chia sẻ , tranh luận...

+ Gv nhận xét hoạt động học và chốt kiến thức.

Gv bình: Trên đường ra mặt trận người chiến sỹ đã bắt gặp âm thanh quen thuộc để rồi mỗi lần lắng nghe là một lần kỉ niệm tuổi thơ lại hiện về vẹn nguyên. Âm thanh điểm nhịp cho dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình bằng điệp từ nghe(thính giác). Đồng thời đó còn là xuất phát điểm của những cảm xúc tiếp theo từ tiếng gà trưa. Tình cảm đó được phát triển cụ thể ntn, tình cảm với làng xóm, với quê hương ra sao->bài sau

- “*Trên ...xa*”

-> Nhiệm vụ gian khổ, khó khăn, thiêng liêng

- “*Dừng chân...nhỏ*”

-> Nhỏ bé, bình yên, quen thuộc

- “*Tiếng gà ..cục ta*”

-> Nhớ quê hương , nhớ nhà

- “*Nghe...thơ*”

+ NT: đảo cấu trúc câu, ẩn dụ, điệp từ, chuyển đổi cảm giác, nhịp thơ 1/4

=> Gợi ấn tượng về tiếng gà trưa làm xao động không gian và lòng người.

Cả miền nhớ ủa về trong người lính.

Tiết 2

Hoạt động nhóm 5p

-Giao nhiệm vụ

+ Làm việc cá nhân 2p

+ Làm việc nhóm 3p chia sẻ, thống nhất ý kiến ghi vào bảng phụ.

Trả lời các câu hỏi

1. Tiếng gà trưa đã khơi dậy hình ảnh nào?

2) Kỉ niệm tuổi thơ và tình cảm của nhà thơ

- + Nghệ thuật nào được sử dụng ?
- + Tác dụng của việc sử dụng những NT đó?
- + Em có nx gì về những h/a được nói tới trong khổ thơ?

2. Những kỉ niệm nào được t/g nhắc tới?nx gì về h/a người bà qua những chi tiết trên?

- +Từ đó gợi những cảm nghĩ gì trong em về tình bà cháu?

-Báo cáo kết quả

- + Đại diện một nhóm trình bày , các nhóm khác theo dõi nhận xét, bổ sung, chia sẻ , tranh luận...

- + Gv nhận xét hoạt động học và chốt kiến thức.

GV: Sau lời mắng yêu là hình ảnh người bà với đôi bàn tay già nua, nhăn nheo chắt chiu soi từng quả trứng hồng hồng vẫn đang còn nóng hổi để tìm những quả tốt nhất dành cho gà mới ấp ta thấy với khuôn mặt và đôi mắt đục mờ của bà ngược lên bầu trời màu đông đang chuyển gió buốt lạnh mà lo lắng cho đàn gà con chịu rét, chịu sương muối sẽ bị chết toi. Bà lo tết năm nay cháu sẽ không có quần áo mới để mặc tết cháu bà sẽ buồn lắm. Vì thế mà bà chăm chút từng quả trứng khi gà mới đẻ, hi vọng là đàn gà sinh sôi nảy nở nhiều hơn để mang lại cho cháu niềm vui của trẻ con là có quần áo mới để mặc tết. Từ những kỉ niệm vô cùng giản dị gần gũi với làng quê, với tuổi thơ đến h/a người bà đã trở thành hành trang người chiến sỹ mang theo trên đường hành quân. Đó cũng là t/c không thể thiếu trong cội nguồn mỗi con người nói chung.

Thảo luận cặp đôi 3p

Tìm thông tin trong 2 khổ thơ cuối cho câu hỏi sau

1. Câu thơ nào nói lên h/a ổ trứng luôn đeo đuổi tâm hồn nhà thơ?

- + Hình ảnh tiếng gà trưa xuất hiện mấy lần trong bài thơ?

*- Đây con gà mái mơ
Khắp mình hoa đốm trắng
Đây con gà mái vàng
Lông óng như màu nắng*

- + NT điệp ngữ, đảo, câu kết cấu sóng đôi

=> Nhấn mạnh bức tranh những chú gà mái đẹp rực rỡ, nhiều màu sắc

=> H/a gần gũi, quen thuộc, gần bó với tuổi thơ

*- “ Có tiếng bà mắng yêu
.....lo lắng”*

*- “Tay bà khum soi trứng
.....quần áo mới”*

=> H/a bà chắt chiu, chịu thương chịu khó dành dụm, chăm lo quan tâm.lo lắng cho cháu.

=> Tình bà cháu chân thật, ấm áp nhưng đậm đà, sâu sắc, giản dị mà thiêng liêng, bình thường mà cao đẹp.

3) Suy ngẫm về kỉ niệm gắn với hạnh phúc & cuộc chiến đấu

+Tiếng gà trưa ở đoạn cuối có gì khác?

2. Trong thời điểm thực tại nhà thơ có suy ngẫm gì?

+Chỉ rõ những lời thơ thể hiện suy ngẫm ấy?

+ NT nào được sử dụng ? NT ấy có t/d gì?

+Em có nx gì về mục đích chiến đấu của nhà thơ?

-Báo cáo kết quả

+ Đại diện một nhóm trình bày , các nhóm khác theo dõi nhận xét, bổ sung, chia sẻ , tranh luận...

+ Gv nhận xét hoạt động học và chốt kiến thức.

GV: Nếu “lòng yêu nước” của nhà văn Liên Xô E-Ren-Bua, yêu nước là yêu những gì tầm thường nhất xung quanh nhà như là yêu cái cây đầu ngõ, yêu dòng sông ... hay quê hương với nhà thơ Đỗ Trung Quân là hình ảnh thân thuộc của cây khế ngọt, của chiếc cầu tre và hình ảnh của mẹ ... thì với XQ lại là tiếng gà cục tác để trứng, là hình ảnh của người bà hiền từ, nhân hậu.

-> gv liên hệ đến h/a của những thế hệ trẻ như: Nguyễn văn Thạc, Đặng Thuỳ Trâm, h/a của Lượm, chị Út Tịch...

HĐ3: Tổng kết

Kĩ thuật lược đồ tư duy.

Làm việc cặp đôi vẽ sơ đồ tư duy(2p)

? Khái quát những nét NT, nội dung tiêu biểu được sử dụng trong vb?

Đại diện nhóm trình bày, cặp khác nx, bổ sung, gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức

- “*giấc ngủ hồng sắc trứng*”

- H/a tiếng gà trưa : 4 lần

- Âm thanh ở khổ cuối đưa nhà thơ về thực tại

- Suy ngẫm về cuộc chiến đấu hôm nay:

Vì: -> lòng yêu tổ quốc

-> Xóm làng

-> Bà

-> Tiếng gà

- NT điệp

-> Nhân mạnh tình yêu đất nước gắn với tình yêu xóm làng, yêu người thân và cả chính những kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ.

=> Mục đích cao cả, thiêng liêng, chiến đấu để bảo vệ tổ quốc và giữ cho xóm làng vọng mãi tiếng gà trưa.

III-Tổng kết

1.Nghệ thuật:

2. Nội dung (ghi nhớ sgk)

3. Hoạt động luyện tập:

- Đọc diễn cảm bài thơ “tiếng gà trưa”

- Sử dụng kĩ thuật hỏi- trả lời .

4. Hoạt động vận dụng:

? Em hãy kể lại một kỉ niệm đáng nhớ với người bà của em?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng::

- Tìm đọc thêm về tác giả Xuân Quỳnh.
- Tập hát với các bạn bài hát Quê hương(Đỗ Trung Quân)
- * Học thuộc bài thơ.
- * Chuẩn bị: Làm bài viết số 3(văn biểu cảm: đặc điểm, bố cục, cách lập ý)

Tuần 13

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 51, 52: VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3

I- Mục tiêu đề kiểm tra:

- 1. Kiến thức:** Viết được bài văn biểu cảm thể hiện được t/c chân thành đối với con người kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả
- 2. Kỹ năng:** Viết văn, thể hiện t/c, cảm xúc trong viết văn
- 3. Thái độ:** Nghiêm túc, độc lập trong học tập
- 4. Năng lực, phẩm chất:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, ngôn ngữ.

II- Hình thức đề kiểm tra

Trắc nghiệm kết hợp tự luận

III- Ma trận đề kiểm tra:

Tự luận

III. Ma trận đề kiểm tra

Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
TLV văn biểu cảm	Vai trò của yếu tố tự sự, miêu tả.	Hiểu được các cách biểu cảm của văn biểu cảm		Viết bài văn biểu cảm về người thân	
Số câu Số điểm Tỉ lệ%	Số câu: 1 Số điểm: 1 Tỉ lệ%: 10	Số câu: 1 Số điểm: 2 Tỉ lệ%: 20		Số câu: 1 Số điểm: 7 Tỉ lệ%: 70%	Số câu: 3 Số điểm: 10 Tỉ lệ%: 100%

IV. Biên soạn đề kiểm tra :

Câu 1: Vai trò của tự sự và miêu tả đối với văn biểu cảm?

Câu 2: Em hãy chỉ ra cách biểu cảm trong đoạn văn sau:

“Hoa lục bình tím ngắt cả bờ sông. Tôi yêu đắm say loài hoa mộc mạc, dân dã nơi thôn quê ấy. Màu hoa đẹp đến nao lòng! Tôi thăm nghen ngào không thốt lên lời khi đứng trước loài hoa cánh mỏng, tím biếc ấy. Nó đốn tim mong manh của bất cứ kẻ yêu hoa nào như tôi. Loài hoa không hương mà cuốn hút đến lạ kì!” (Nguồn trên mạng)

Câu 3: Viết bài văn bày tỏ cảm xúc của em về người thân của em.

V. Hướng dẫn chấm , biểu điểm :

Câu 1: (1điểm)

Khơi dậy tình cảm, cảm xúc của người viết đối với xung quanh.

Câu 2: (2điểm)

- Cách biểu cảm trực tiếp: thông qua từ ngữ (yêu, ghen ngào không thốt lên lời, đốn tim, kẻ yêu hoa) câu văn cảm thán(Màu hoa đẹp đến nao lòng! loài hoa... lạ kì !)

Câu 3: (7điểm)

Yêu cầu:

1) Hình thức:

- Trình bày sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả.
- Bố cục rõ ràng.
- Có tính liên kết chặt chẽ
- Diễn đạt lưu loát rõ ràng ,sử dụng các hình thức diễn đạt phong phú(câu, từ, đoạn, NT so sánh, liên tưởng, ẩn dụ, nhân hoá)
- Sử dụng ngôn từ chính xác,linh hoạt

2) Nội dung:

- Viết đúng kiểu bài biểu cảm
- Bài sử dụng được các cách biểu cảm trực tiếp hoặc gián tiếp
- Làm bật được tình cảm, cảm xúc của em đối với bố: t/c phải chân thành, nhân văn.

a. Mở bài :

Giới thiệu về bố và nêu bật được t/cảm dành cho người thân (kính trọng, biết ơn...)

b. Thân bài :

- TB: - Biểu cảm về ngoại hình (tùy chọn chi tiết), tính cách, tâm hồn
- Biểu cảm về những kỉ niệm với .
 - Suy nghĩ của bản thân về vai trò, ý nghĩa của người thân trong gia đình và với riêng em
 - Triển khai được cảm xúc ở nhiều góc độ , có sự tham gia của nhiều đối tượng khác nhau
 - Có liên hệ, mở rộng

c. Kết bài :

- Khẳng định lại tình cảm và suy nghĩ của bản thân về người thân.

*** Biểu điểm:**

+ Điểm 5, 6, 7: Bài viết có bố cục rõ ràng, hiểu đề, mạch lạc, chặt chẽ, văn viết có cảm xúc trong sáng, ngôn từ giàu sức thuyết phục, không sai chính tả, chữ viết rừ ràng, sạch sẽ

+ Điểm 3, 4 : Là bài viết có bố cục rõ ràng, hiểu đề, mạch lạc, chặt chẽ, văn viết tương đối có cảm xúc trong sáng, sai 1 vài chính, diễn đạt

+ Điểm 0-2: Bài làm đúng kiểu văn biểu cảm song chưa thể hiện được tình cảm, cảm xúc; bố cục không rõ ràng, không đảm bảo mạch lạc; mắc 1 số lỗi diễn đạt, chính tả. và bài viết còn sơ sài, không đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, lạc đề.

I. Dặn dò

Thu bài, nhận xét giờ kiểm tra.

Nắm chắc đặc điểm của văn biểu cảm nói chung và tác phẩm văn học nói riêng.
Chuẩn bị trả bài kiểm tra Văn, kiểm tra Tiếng Việt (xem lại bài và những vấn đề về kiến thức có liên quan)

Tuần 14

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 53: ĐIỆP NGỮ

I- Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- + Hiểu được thế nào là điệp ngữ
- + Giá trị của điệp ngữ

2. Kỹ năng:

- + Sử dụng điệp ngữ có hiệu quả, tránh lỗi lặp từ

3. Thái độ:

- + Tuân thủ việc sử dụng đúng lúc đúng chỗ điệp ngữ

4. Năng lực, phẩm chất: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, ngôn ngữ

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: Tích hợp với vb “Tiếng gà trưa”, “sau phút chia ly”, bài soạn

2. Học sinh: Đọc và tìm hiểu kĩ trước bài học.

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: đọc diễn cảm, phân tích, vấn đáp gợi mở, luyện tập-thực hành, thảo luận nhóm...
- KTDH: đặt câu hỏi, hỏi và trả lời, chia nhóm...

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

*Kiểm tra bài cũ:

* Gv giới thiệu bài : Từ nào được lặp lại trong câu thơ sau

“ Trăng **lồng** cổ thụ , bóng **lồng** hoa”

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD1: Điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ	I- Điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ

<p>-Thảo luận nhóm(5p) + Làm việc cá nhân(1,5P) ghi vài phiếu học tập + Làm việc nhóm(3,5p)ghi vào bảng phụ Đọc vd(sgk) tìm thông tin cho câu hỏi 1. Ở khổ thơ đầu và cuối của bài thơ “Tiếng gà trưa”,từ nào được lặp đi lặp lại?Việc lặp lại như vậy có tác dụng gì? 2.Từ việc phân tích ví dụ, em hiểu thế nào là điệp từ? Điệp từ có tác dụng gì? Các nhóm trình bày kết quả,các nhóm nhận xét, bổ sung.. Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức.</p> <p>HS đọc ghi nhớ</p>	<p>1. Xét ví dụ/ sgk Từ lặp: “Tiếng gà trưa” và “ nghe -T/d: Nhấn mạnh cảm giác khi nghe tiếng gà trưa, nhấn mạnh mục đích, nguyên nhân chiến đấu của người chiến sỹ. 2. Ghi nhớ1:sgk/152</p>
<p>HD2: Các dạng điệp ngữ -Thảo luận nhóm(7p) + Làm việc cá nhân(2P) ghi vài phiếu học tập + Làm việc nhóm(5p)ghi vào bảng phụ 1.Chỉ ra điệp ngữ trong vd a,b,c ? và đọc tên các điệp ngữ ấy? 2. Từ đó em thấy có những dạng điệp ngữ nào? Các nhóm trình bày kết quả,các nhóm nhận xét, bổ sung.. Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức.</p> <p>Đọc ghi nhớ</p>	<p>II- Các dạng điệp ngữ 1. Xét ví dụ/ sgk - ĐN a: ĐN cách quãng như lần lượt thể hiện nỗi nhớ thương vẫn tiếp tục diễn ra trong lòng người con trai. - ĐN b: Lặp lại tạo sự chuyển tiếp vòng tròn của những động tác và h/a - ĐN: “ Tiếng gà trưa” sdụng ở mỗi đầu khổ thơ cách xa nhau. 2. Ghi nhớ 2 sgk/152</p>
<p>3. Hoạt động luyện tập</p>	
<p>HD 3: Luyện tập Thảo luận nhóm theo cặp (3p) Bài tập 1 Đại diện trình bày kết quả, nhận xét, bổ sung, gv nx, hoàn chỉnh kiến thức.</p>	<p>III- Luyện tập * BT 1: Điệp ngữ 1: “Một dân tộc...” => Nhấn mạnh sức mạnh của dân tộc VN trong cuộc k/c(1945) - Điệp ngữ 2: “trông” nhấn mạnh nỗi lo</p>

4. Hoạt động vận dụng:

1. Hãy tìm những bài ca dao có sử dụng điệp ngữ.

VD: - Con kiến mà leo cành đào

Leo phải cành cụt leo vào leo ra

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. **Thầy:** Tranh minh họa, tích hợp với văn biểu cảm.

2. **Trò:** Đọc và tìm hiểu kĩ trước vb, tìm kiếm các thông tin liên quan.

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: đọc diễn cảm, thuyết trình, vấn đáp- gợi mở, giảng bình, phân tích, dạy học hợp đồng, hoạt động nhóm....

- KTDH: đặt câu hỏi, động não, hỏi và trả lời, viết, nói, đọc tích cực...

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

*Kiểm tra bài cũ: - Đọc thuộc bài thơ “Tiếng gà trưa” và nêu cảm nhận của em về khổ thơ cuối?

*GV giới thiệu bài :

Em đã ăn món quà này chưa ? Đọc tên và chỉ ra cách làm món quà đó? Nó là đặc sản ở vùng nào?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung cần đạt
<p>HD1: Đọc và tìm hiểu chung Cách đọc văn bản, hs đọc Hs khác nhận xét, bổ sung Gv nhận xét và chốt. đọc truyền cảm, chậm, êm, tha thiết, sâu lắng, giọng chiêm nghiệm</p> <p>Các nhóm thanh lí hợp đồng mang kết quả lên trình bày Các nhóm khác nhận xét, gv nhận xét hoạt động chuẩn bị bài của các nhóm và chốt kiến thức. GV mở rộng: HNBSPP là tập tùy bút duy nhất của TL nhưng đủ để làm nên thành công của TL ở thể loại này. Tuy ko phải là người HN nhưng với tùy bút này, ông đc coi là nhà văn của HN. Tập tùy bút viết về những món quà bình dị, những nét sinh hoạt bình thường nhưng đủ để nói lên sự tỉ mỉ, kĩ lưỡng trong từng cảm xúc, qsát và nxét, sự thương thức lịch lãm, sành điệu của nvăn. GV nhấn mạnh đặc điểm thể loại: thông qua những ghi chép về con người, sự việc có thật, người viết đặc biệt chú trọng bộc lộ cảm xúc, suy tư, đánh giá của mình trước cs. Do đó tùy bút đậm chất trữ tình. Đồng thời cũng thường có cả yếu tố nghị luận đầy suy tư, triết lí.</p>	<p>I- Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc, chú thích</p> <p>2. Tác giả, tác phẩm *Tác giả: - (1910 - 1942) là cây bút văn xuôi đặc sắc, có quan điểm NT sâu sắc và tiến bộ gần với các nhà văn hiện thực. - Có sở trường về truyện ngắn và cũng thành công ở thể tùy bút. *Tác phẩm - Hoàn cảnh :VB rút từ tập tùy bút: <i>HN băm sáu phố phường</i> (1943). - Thể loại: tùy bút</p> <p>-PTBD: Biểu cảm thông qua kể, tả, nx, bình luận.</p> <p>- Bố cục: 3 phần: + P1: Từ đầu-> “thuyền rồng”: Cảm nghĩ về nguồn gốc của cốm + P2: Tiếp-> “nhũn nhặn”: Giá trị của cốm + P3: Còn lại: việc thương thức giá trị của cốm</p>
<p>HD2: Phân tích Hoạt động nhóm (5p) + 2p làm việc cá nhân ghi vào phiếu học tập. + 3p thảo luận nhóm ghi vào bảng phụ Đọc sgk tìm câu trả lời cho các câu hỏi sau Tìm những từ ngữ gợi hình ảnh Cốm ?NT? Cảm nhận về món quà cốm? Các nhóm trình bày kết quả, các nhóm</p>	<p>II- Phân tích 1) Cảm nghĩ về nguồn gốc của cốm: - H/a: <i>Hương thơm lá sen...nhắc đến hương vị của cốm- thứ quà đặc biệt của lúa non.</i> - <i>Hạt thóc nếp đầu tiên: vỏ xanh, trong có sữa trắng thơm...cong xuống... nặng</i> -Cách chế biến, tính truyền thống của nghề cốm, sự nổi tiếng của cốm,</p>

khác nhận xét, bổ sung..

Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức.

-Truyền thống bán cốm

-Người bán cốm(cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ)

+ Sử dụng tính từ, động từ

+ Vào bài tự nhiên, gợi cảm, giàu chất thơ, gây ấn tượng cho người đọc

+ Cách kể cụ thể, giàu cảm xúc, so sánh

=> Cốm là sự kết tinh quý báu của thiên nhiên dưới bàn tay con người.

Hoạt động nhóm (5p)

+ 2p làm việc cá nhân ghi vào phiếu học tập.

**+ 3p thảo luận nhóm ghi vào bảng phụ
Đọc sgk tìm câu trả lời cho các câu hỏi sau**

Tìm lời văn giới thiệu về giá trị của cốm? NT? Thấy được giá trị nào của Cốm? **Các nhóm trình bày kết quả,các nhóm khác nhận xét, bổ sung..**

Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức

2) Giá trị của cốm

- Cốm thức quà riêng biệt của đất nước, thức dâng của cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang hương vị mộc mạc, giản dị của làng quê

- Là quà sêu tết gắn liền với lễ cưới, hỏi .

- Sự hoà hợp của hồng cốm:

. Màu sắc: hồng như ngọc lựu già đỏ thắm, xanh tươi như ngọc quý

. Hương vị: thanh đậm, ngọt sức

+ Nt: so sánh, liên tưởng, từ ngữ miêu tả biểu cảm sắc sảo, tài hoa.

=> Cốm khiêm nhường, bình dị mà có giá trị lớn lao, làm cho c/s con người thêm phong phú, tươi đẹp.

Làm việc cá nhân(1p)

Đọc đoạn văn

(Thật đáng tiếc khi chúng ta thấynhững nhận)

Kĩ thuật trình bày 1p

Đoạn văn tác giả nói về điều gì?

Thảo luận cặp đôi(3P)

Câu hỏi

Cần chú ý điều gì khi thưởng thức

- Phê phán thói chuộng ngoại, bắt chước của kẻ giàu vô học, không hiểu giá trị của cốm

3) Thưởng thức giá trị của cốm

<p>cốm?NT? Cảm nhận về tác giả?</p> <p>Các cặp trình bày kết quả,các cặp khác nhận xét, bổ sung.. Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức</p> <p>(Cốm làng Vòng trở thành đặc sản của HN làm cho c/s thêm ý vị). Giới thiệu một số nội dung trong tập tùy bút “ Hà Nội 36 phố phường của TL)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thường thức: ăn chút ít, thông thả, ngẫm nghĩ - Mùi thơm phức (lúa mới), mùi ngát(sen), màu xanh(cốm), chút ngọt dịu dàng của loài thảo mộc. - Mua cốm: nhẹ nhàng, thận trọng <p>Vì: “Cốm là lộc trời, sự khéo léo của tinh thần”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường thức với cả lòng biết ơn, trân trọng vì đó là nét đẹp trong văn hóa của con người <p>+Sử dụng tính từ chỉ màu sắc, hương vị</p> <ul style="list-style-type: none"> - >T/g là người tinh tế, biết thưởng thức, sành ăn, giỏi về ẩm thực, tài hoa. <p>T.Lam yêu mến, tự hào về nét đẹp văn hóa của quê hương đất nước.Đồng thời là người có tài quan sát, miêu tả tài tình, có hiểu biết rộng. Đặc biệt có khả năng ẩm thực cao.</p>
<p>HD: Tổng kết Kĩ thuật hỏi đáp để khái quát nội dung và nghệ thuật.</p>	<p>III-Tổng kết *Nghệ thuật:</p> <p>* Nội dung (ghi nhớ sgk)</p>

3. Hoạt động luyện tập

Thi đọc diễn cảm đoạn đầu văn bản

4. Hoạt động vận dụng:

?Viết đoạn văn ngắn để giới thiệu với bạn bè quốc tế về Cốm?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm đọc thêm một số văn bản khác của TLam viết về ẩm thực để hiểu về phong cách viết tùy bút của t/g cũng như nét độc đáo của d.tộc trong văn ẩm thực.

- Tìm hiểu thêm một số món ăn Việt mà em yêu thích hoặc biết làm, chia sẻ với bạn bè

* Nắm vững nội dung bài học

* Chuẩn bị “ Trả bài TLV số 3)

+ Xem lại cách làm văn biểu cảm

Ngày soạn:

Ngày dạy:

I- Mục đích yêu cầu:

1. Kiến thức:

+ Hệ thống và thấy được yêu cầu cũng như đặc điểm của văn bc. Đặc biệt văn biểu cảm về người.

2. Kỹ năng:

+ Phân tích để thấy điểm mạnh và điểm cần khắc phục của bản thân trong quá trình viết văn bc nói riêng và viết văn nói chung.

3.Thái độ:

+ Hợp tác, tán đồng sửa lỗi, phát huy điểm mạnh.

4. Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất: trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự trọng

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. GV: Bài có phân loại

2. HS: Xem lại kiến thức có liên quan

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: đọc diễn cảm, thuyết trình, vấn đáp- gợi mở, giảng bình, phân tích, dạy học hợp đồng

- KTDH: đặt câu hỏi, chia nhóm ,giao nhiệm vụ theo kỹ thuật công đoạn

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

*Kiểm tra bài cũ(trong quá trình trả bài)

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung cần đạt
HĐ1: Đề bài và yêu cầu của đề	I. Đề bài và yêu cầu của đề 1. Đề bài Câu 1: Vai trò của tự sự và miêu tả đối với văn biểu cảm? Câu 2. Em hãy chỉ ra cách biểu cảm trong đoạn văn sau: “Hoa lục bình tím ngắt cả bờ sông. Tôi yêu đắm say loài hoa mộc mạc, dân dã nơi thôn quê ấy . Màu hoa đẹp đến nao lòng! Tôi thảm nghẹn ngào không thốt lên lời khi đứng trước loài hoa cánh mỏng, tím biếc ấy. Nó đồn tim mong manh của bất cứ kẻ yêu hoa nào như tôi. Loài hoa không hương mà cuốn hút đến lạ kì!” (<i>Nguồn trên mạng</i>) Câu 3: Viết bài văn bày tỏ cảm xúc của em về người thân của em. 2.Yêu cầu

Thảo luận cặp đôi (3p) câu 1,2

Đại diện các cặp trình bày, cặp khác khác nx, bổ sung
gv khái quát những yêu cầu cần đạt .

Thảo luận cặp đôi (3p) câu 1, 2

Đại diện các cặp trình bày, cặp khác khác nx, bổ sung
gv khái quát những yêu cầu cần đạt

Hoạt động nhóm (5p)

+ 2p làm việc cá nhân ghi vào phiếu học tập.

+ 3p thảo luận nhóm ghi vào bảng phụ

Câu hỏi

Nội dung của mở bài , thân bài ,kết bài?

Các nhóm trình bày kết quả,các nhóm khác nhận xét, bổ sung..

Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức

Câu 1: (1điểm)

Khơi dậy tình cảm, cảm xúc của người viết đối với xung quanh.

Câu 2: (2điểm)

- Cách biểu cảm trực tiếp: thông qua từ ngữ (yêu, ghen ngào không thốt lên lời, đồn tim , kẻ yêu hoa) câu văn cảm thán(Màu hoa đẹp đến nao lòng! loài hoa...lạ kì !)

Câu 3: (7điểm)

*** Hình thức, kỹ năng:**

- Viết đúng kiểu bài biểu cảm.

- Trình bày rõ ràng, lưu loát, mạch lạc.

- Sử dụng ngôn từ chính xác, linh hoạt.

- sử dụng các hình thức diễn đạt phong phú (câu, từ, đoạn, NT so sánh, liên tưởng, ẩn dụ, nhân hóa)

- Bài sử dụng được các cách biểu cảm trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua nhiều hình thức và các cách lập ý.

- Làm bật được tình cảm, cảm xúc của em đối với một nhân vật cụ thể (hình dáng, tính tình, tầm ảnh hưởng, mối quan hệ và sự gắn bó của em với đối tượng).

- Triển khai được cảm xúc ở nhiều góc độ, có sự tham gia của nhiều đối tượng khác, có liên hệ, mở rộng.

*** Nội dung:**

- Trình bày theo bố cục 3 phần

a) MB: Giới thiệu người mà em yêu quý nhất. Nêu rõ tình cảm của mình với người đó.

b) TB: Kể, tả sơ lược về đối tượng biểu cảm (chọn lựa điểm kể, tả hợp lí: dáng vóc, khuôn mặt, ánh mắt, bàn tay, tính cách,...)

- Những tình cảm sâu sắc mà đối tượng biểu cảm dành cho mình (sự quan tâm chăm sóc, nhường nhịn, yêu thương,...)

Có thể hồi tưởng lại một kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa 2 người.

- Suy nghĩ về đối tượng biểu cảm, về tình cảm yêu thương gắn bó giữa 2 người.
- Nâng cao vấn đề: vai trò của người mình yêu quý nhất (bố/ mẹ, anh/chị, thầy/ cô,...) đối với cuộc sống mỗi con người.
- c) KB: Khẳng định tình cảm của mình với người mình yêu quý nhất.

II – Trả bài

- GV: trả bài, lấy điểm
- HS: xem lại bài tự đánh giá, nhận xét bài của bản thân.

II – Nhận xét

GV nêu:

* Ưu điểm:

- Đa số HS hiểu đề và có ý thức làm bài khá nghiêm túc
- Đa số HS là mình tốt phần trắc nghiệm.
- Đó biết cách viết đoạn văn cảm nhận.
- Hầu hết các bài viết có bố cục rõ ràng, mạch lạc làm nổi rõ chủ đề bài biết.
- Một số bài viết có lời văn trong sáng, diễn đạt khá lưu loát.
- Một số bài viết giàu hình ảnh, cảm xúc và có sự liên tưởng, liên hệ hợp lí

* Tồn tại:

- Còn bài viết chưa có bố cục rõ ràng, trình bày còn lộn xộn, thiếu sự mạch lạc
- Vẫn có bài viết sai nhiều chính tả, còn viết tắt, trình bày chưa hết ý, diễn đạt còn chưa lưu loát, lời văn lủng củng.
- Nhiều học sinh chỉ viết đảm bảo yêu cầu, sáng tạo, lời văn, cảm xúc/

3. Hoạt động vận dụng

Gv cho một số HS có điểm yếu, kém cảm bài viết đã có lỗi sai lên bảng sửa lại.

- Động
- Dạng
- Thật nâu
- Từ láy
- Trong cảm nghĩa của em. Mẹ đã mang cho em nhiều kỉ niệm trong em.
- Em được học 1 cô giáo dịu hiền y như tính thầy rất dịu hiền.

IV – Sửa lỗi điển hình

- Giọng
- giảng
- thật lâu
- từ nay
- nữa
- mẹ đã để lại trong em nhiều tình cảm
- Em được học một cô giáo dịu hiền như thầy...

4. Hoạt động tìm tòi , mở rộng

Độc bình 1 số bài văn hay, đoạn văn hay

- GV cho HS đọc 1, 2 bài làm tốt của HS
- HS nhận xét, bình
- GC nhận xét, bình
- HS nghe, cảm thụ, rút kinh nghiệm
- * Xem lại bài làm và làm lại nếu có điều kiện, xem lại kiểu văn biểu cảm.
- * Chuẩn bị “Chơi chữ”
- + Đọc kĩ bài, trả lời các câu hỏi gợi ý

Ngày soạn:

Ngày dạy:

I. Mục tiêu cần đạt:

Tiết 59 CHƠI CHỮ

1. Kiến thức:

Hs hiểu đc thế nào là chơi chữ, hiểu được 1 số lỗi chơi chữ thường dùng. Bước đầu cảm thụ được cái hay của phép chơi chữ.

2. Kỹ năng: Bước đầu rèn luyện kĩ năng sử dụng chơi chữ trong giao tiếp.

3. Thái độ: Biết sử dụng phép chơi chữ đúng chỗ, hợp lí.

3. Thái độ: Trân trọng, giữ gìn và phát huy những nét đẹp truyền thống của dân tộc từ những thứ sản vật giản dị nhất.

4. Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất: trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự trọng

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Thầy: Bài soạn, tài liệu tham khảo

2. Trò: Đọc và tìm hiểu kĩ trước vb, tìm kiếm các thông tin liên quan.

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: vấn đáp- gợi mở, phân tích, dạy học hợp đồng, luyện tập-thực hành.

- KTDH: đặt câu hỏi, động não, công đoạn, khăn trải bàn.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

*Kiểm tra bài cũ: Thế nào là điệp ngữ, có mấy loại điệp ngữ? T/d?

*GV giới thiệu bài :

Kể 1 tiểu phẩm hài có sử dụng chơi chữ cho hs đoán....

+ Khi đi cửa ngọn khi về con ngựa

+ Con ngựa đá đá con ngựa đá

+ Giá đựng trong giá nhà bà Giá.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD1: Thế nào là chơi chữ -Thảo luận nhóm(5p) + Làm việc cá nhân(1,5P) ghi vài phiếu học tập + Làm việc nhóm(3,5p)ghi vào bảng phụ Đọc vd(sgk) tìm thông tin cho câu hỏi 1. Bài CD cả mÊy tổ lí?Nghĩa của từng tổ lợi trong bài ca dao là gì? Em có nhận xét gì về câu trả lời của thầy bói ở cuối bài? 2.Việc vận dụng từ “lợi” ở cuối bài là vận dụng hiÕn tượng gì?Việc vận dụng từ ngữ như vậy có tdụng gì? 3. Em hiểu thầy bói muốn phán điều gì ? 4. Từ những ví dụ trên em cho biết thế nào là chơi chữ ? Các nhóm trình bày kết quả,các nhóm nhận xét, bổ sung.. Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức.</p> <p>HS đọc ghi nhớ</p>	<p>I- Thế nào là chơi chữ 1. Xét VD/ sgk</p> <p>- Bài CD có 3 từ lợi + Lợi 1: có nghĩa là thuận lợi, lợi lộc + Lợi 2,3: (danh từ): 1 bộ phận nằm trong khoang miệng. - Trả lời gián tiếp, đượm chất hài hước mà không cay độc. - Dựa trên hiện tượng đồng âm hay còn là nghệ thuật đánh tráo ngữ nghĩa -> Gây cảm giác bất ngờ, thú vị.</p> <p>=> khuyên bà đó quá già rồi, tính chuyện chồng con làm chi nữa.</p> <p>2.Ghi nhớ 1/sgk/164</p>
<p>HD2: Các lối chơi chữ -Thảo luận nhóm(5p) + Làm việc cá nhân(2P) ghi vài phiếu học tập + Làm việc nhóm(3p)ghi vào bảng phụ 1.Em hãy chỉ rõ các lối chơi chữ trong các ví dụ sau đây: VD 1 : Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc Thương nhà mỗi miệng cái gia gia VD 2 : Sánh với NaVa “ranh tương” Pháp Tiếng tăm nồng nặc ở Đông Dương VD 3 : -Mênh mông muôn mẫu một màu mưa</p>	<p>II- Các lối chơi chữ 1/ Tìm hiểu VD:</p>

<p>Mỗi mắt miên man mới mịt mờ. VD4: - Con cá đối ... duyên em VD 5 : - Ngọt thơm sau lớp vỏ gai ... vui chung trăm nhà. 2. Theo em việc chơi chữ được sử dụng trong những trường hợp nào? 3. Qua phân tích em cho biết có những lối chơi chữ nào thường gặp Đại diện trình bày, các nhóm bổ sung, nx, gv nx, hoàn chỉnh kiến thức.</p> <p>Đọc ghi nhớ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa trên hiện tượng đồng âm khác nghĩa - Dùng lối nói trại âm, gần âm - Dùng lối nói điệp phụ âm đầu - Chơi chữ bằng cách nói lái. - Dùng từ trái nghĩa - Trong cách nói trào phúng, câu đối, câu đố. <p>2/ Ghi nhớ 2 sgk/165</p>
--	---

3. Hoạt động luyện tập

<p>HD3: Luyện tập Làm việc cá nhân bài 1,2 Báo cáo kết quả</p> <p>Thảo luận cặp đôi bài 4 Đại diện các cặp báo cáo kết quả, cặp khác nhận xét...</p>	<p>III- Luyện tập Bài tập 1 : . - Liu liu, hồ lửa, mai gầm, ráo, lằn, lưng, lỗ ... là tên các loài rắn. Bài tập 2 : Những tiếng chỉ ra các sự vật gần gũi. Câu 1 : thịt, mỡ, dò, nem, chả. Câu 2 : Nứa, tre, trúc, hóp. ->Cách nói này cũng là một lối chơi chữ Bài tập 4 : Trong bài thơ này Bác Hồ đã chơi chữ bằng các từ đồng âm : Cam, Thành ngữ Hán Việt : khổ tận cam lai (khổ : đắng; tận : hết; cam : ngọt; lai : đến-> Hết đắng đến ngọt) Nghĩa bóng của thành ngữ này là hết khổ sở đến lúc sung sướng. “cam” trong “cam lai” và cam trong gói “cam” là đồng âm.</p>
---	---

4. Hoạt động vận dụng:

- Em hãy sử dụng cách chơi chữ điệp âm để làm một bài nào đó để tặng thầy cô nhân ngày 20/11 ?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm thêm các câu, các đoạn văn, thơ có sử dụng cách nói chơi chữ và trao đổi cùng bạn bè.

*Nắm vững nội dung bài học; Làm các BT còn lại

* Chuẩn bị chuẩn mực sử dụng từ

Gv cho hs kí hợp đồng với nội dung:
Phân tích các ví dụ ở các phần I,II,III,IV,V? Và rút ra nhận xét có những cách cần chú ý khi sử dụng từ?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 60 : CHUẨN MỰC SỬ DỤNG TỪ

I- Mục tiêu:

1. Kiến thức:

+ Hiểu rõ được các yêu cầu trong việc sử dụng từ

2. Kỹ năng:

+ Sử dụng từ chuẩn

3. Thái độ:

+ Bảo vệ giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

4. Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất: trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự trọng

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Thầy: Bài soạn

2. Trò: Đọc và tìm hiểu kĩ trước vb, tìm kiếm các thông tin liên quan.

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: vấn đáp- gợi mở, phân tích, luyện tập- thực hành, dạy học nhóm

- KTDH: đặt câu hỏi, động não, khăn trải bàn

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

*Kiểm tra bài cũ: (Kết hợp kt trong phần luyện tập)

*GV giới thiệu bài : Trong khi nói hoặc viết, do cách phát âm không chính xác, cách sử dụng từ chưa đúng nghĩa, chưa đúng sắc thái biểu cảm hoặc chưa đúng ngữ pháp hoặc lạm dụng từ địa phương, từ Hán Việt mà ta dễ gây ra tình trạng khó hiểu hoặc hiểu lầm. Vậy để giúp các em nói và viết đúng trong khi giao tiếp chúng ta hãy cùng tìm hiểu qua bài “chuẩn mực sử dụng từ”

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD1: Lý thuyết HS thanh lý hợp đồng Đại diện mỗi nhóm trình bày 1 vấn đề ?	I- Sử dụng từ đúng âm, đúng chính tả Ví dụ: - Sai ©m, sai chÝnh t¶

Nhóm khác nhận xét

Gv nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

- Sõa: + Dùi -> vùi

+ Tập tễ -> bập bẹ

+ Khoảng khắc -> khoảnh khắc.

-Nguyên nhân: Do phát âm sai dẫn đến sai chính tả. Hoặc viết sai chính tả do nhiều nguyên nhân: ảnh hưởng tiếng địa phương không phân biệt: n/l, x/l ... hoặc không phân biệt thanh hỏi, ngã.

II- Sử dụng từ đúng nghĩa

VÝ DỤ

- Nghĩa không phù hợp

+ Sáng sủa: nói về khuôn mặt, màu sắc, sự vật.

+ Cao cả: bằng việc làm, hoạt động tốt được mọi người tôn trọng.

+ Biết: hiểu biết

- Do không nắm vững khái niệm của từ.

- Không phân biệt được các từ đồng nghĩa, gần âm.

- Căn cứ vào câu cụ thể, vào ngữ cảnh để nhận xét lỗi và tìm từ ngữ thích đáng để sửa.

III- Sử dụng từ đúng tính chất ngữ pháp của từ

VÝ DỤ

- Sai về sắc thái biểu cảm và không phù hợp với tình huống giao tiếp.

+ Hào quang -> đẹp. Vì hào quang là danh từ không thể làm vị ngữ như tính từ

+ Thảm hại -> tổn thất, vì từ thảm hại là tính từ mà bổ ngữ phải là động từ.

+ Giả tạo, phồn vinh -> “phồn vinh”, “giả tạo”; và giả tạo là tính từ, “phồn vinh” là danh từ, mà tính từ làm định ngữ phải đứng sau danh từ.

IV- Sử dụng từ đúng sắc thái biểu cảm, hợp phong cách.

Ví dụ

Từ “lãnh đạo” mang sắc thái trân trọng dùng trong câu trên là sai nghĩa, không phù hợp quân giặc đi xâm lược.

- >cầm đầu
- Chó hãe kh«ng híp vớì con vỄt mang s³/4c th, i hung d÷
- >Nẫ(con hãe)

V- Không nên lạm dụng từ địa phương và từ Hán Việt

Ví dụ

Đây là từ địa phương khi nghe không hiểu

- Bạn có nổi lòng gì vậy? Nghe mọi người sẽ hiểu ngay.

Trường hợp này dùng từ Hán Việt thiếu tự nhiên, không phù hợp với hoàn cảnh

-thay: trẻ em

- Lạm dụng sẽ làm cho lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên, trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

-> 5 lưu ý khi sử dụng từ cho chuẩn mực.

Ghi nhớ/sgk

Đọc ghi nhớ

4. Hoạt động vận dụng:

Vận dụng kiến thức nào để sử dụng từ chuẩn mực?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Nắm vững những lưu ý khi sử dụng từ Tiếng Việt
- Làm các BT còn lại
- Chuẩn bị : “Ôn tập văn bản biểu cảm”
 - + Ôn lại toàn bộ các tiết đã học về văn biểu cảm.
 - + Viết đoạn văn ngắn biểu cảm về người thân.

Tuần 16

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 61: ÔN TẬP VĂN BẢN BIỂU CẢM

I- Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- +HS thấy được những điểm quan trọng nhất về làm văn biểu cảm.
- +Hs phân biệt văn tự sự, miêu tả với yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm
- + Hs biết tổng hợp so sánh với các kiểu văn đã học(tự sự, miêu tả, biểu cảm)

2. Kỹ năng:

- + Lập được ý, dàn bài, biết diễn đạt trong bài văn biểu cảm.

3.Thái độ:

- + yêu thích văn biểu cảm

4. Năng lực, phẩm chất:

- + Phẩm chất: trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự trọng
- + Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Thầy: Bài soạn
2. Trò: Đọc và tìm hiểu kĩ trước vb, tìm kiếm các thông tin liên quan.

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ, giải quyết vấn đề....
- KTDH: đặt câu hỏi, thuyết trình tích cực, trình bày 1p, hỏi và trả lời,

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

- *GV ổn định tổ chức
- *Kiểm tra bài cũ: GV kiểm tra phần chuẩn bị bài ở nhà của hs
- * Tổ chức khởi động :
 - GV chiếu một số đoạn văn biểu cảm, tự sự, miêu tả,....
 - Hoạt động cá nhân 2p
 - Hs đọc và chỉ tên PTBC của từng đoạn văn?
 - GV sử dụng kĩ thuật trình bày tích cực, gọi nhiều hs trả lời
 - GV giới thiệu bài.....

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy- trò	Nội dung cần đạt
HD1: Câu 1,2 - PP: dạy học giải quyết vấn đề , hợp tác theo nhóm nhỏ. - KT: Thuyết trình tích cực, thảo luận nhóm. - NL: giao tiếp hợp tác, tự học.	Câu 1

<p>Hoạt động nhóm 5p</p> <p>+ 2p làm việc cá nhân ghi vào phiếu học tập</p> <p>+3p trao đổi thống nhất ý kiến trong nhóm ghi vào phiếu học tập.</p> <p>Đọc lại vb: Hoa Hải Đường, An Giang, Hoa học trò(bài 5,6), Kẹo mầm (bài 11)</p> <p>? Nêu sự khác nhau giữa văn miêu tả và văn biểu cảm? văn biểu cảm khác văn tự sự ở điểm nào?</p> <p>Đại diện các nhóm trình bày kết quả , nhóm khác nx, bổ sung, gv chốt kiến thức.</p>	<table border="0"> <tr> <td style="text-align: center;">Miêu tả</td><td style="text-align: center;">Biểu cảm</td></tr> <tr> <td>- Tái hiện đối tượng (người vật) để cảm nhận cảm nhận</td><td>- Miêu tả đối tượng để bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của mình</td></tr> <tr> <td>- Tả cụ thể chi tiết làm nổi bật đối tượng</td><td>- Gọi tả, kể để bộc lộ cx.</td></tr> <tr> <td>- NT thường dùng: Miêu tả, quan sát, so sánh.</td><td>- NT thường dùng: So sánh, ẩn dụ, nhân hoá</td></tr> </table>	Miêu tả	Biểu cảm	- Tái hiện đối tượng (người vật) để cảm nhận cảm nhận	- Miêu tả đối tượng để bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của mình	- Tả cụ thể chi tiết làm nổi bật đối tượng	- Gọi tả, kể để bộc lộ cx.	- NT thường dùng: Miêu tả, quan sát, so sánh.	- NT thường dùng: So sánh, ẩn dụ, nhân hoá
Miêu tả	Biểu cảm								
- Tái hiện đối tượng (người vật) để cảm nhận cảm nhận	- Miêu tả đối tượng để bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của mình								
- Tả cụ thể chi tiết làm nổi bật đối tượng	- Gọi tả, kể để bộc lộ cx.								
- NT thường dùng: Miêu tả, quan sát, so sánh.	- NT thường dùng: So sánh, ẩn dụ, nhân hoá								
	<p>Câu 2</p> <table border="0"> <tr> <td style="text-align: center;">Tự sự</td><td style="text-align: center;">Biểu cảm</td></tr> <tr> <td>- Kể lại 1 sự việc (câu chuyện) có đầu, có cuối, nguyên nhân diễn biến, kết quả.</td><td>- Y.tố tự sự chỉ làm nền nhằm nêu cx qua sự việc không đi sâu vào nguyên nhân và kết quả.</td></tr> </table>	Tự sự	Biểu cảm	- Kể lại 1 sự việc (câu chuyện) có đầu, có cuối, nguyên nhân diễn biến, kết quả.	- Y.tố tự sự chỉ làm nền nhằm nêu cx qua sự việc không đi sâu vào nguyên nhân và kết quả.				
Tự sự	Biểu cảm								
- Kể lại 1 sự việc (câu chuyện) có đầu, có cuối, nguyên nhân diễn biến, kết quả.	- Y.tố tự sự chỉ làm nền nhằm nêu cx qua sự việc không đi sâu vào nguyên nhân và kết quả.								
<p>HD2: Câu 3</p> <p>- Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề</p> <p>- KT: trình bày 1 phút</p> <p>- Năng lực : tự học.tự nhận thức.</p> <p>Hoạt động cá nhân 2p</p> <p>HS trả lời câu hỏi</p> <p>?Yếu tố tự sự và miêu tả có vai trò gì trong văn biểu cảm? Nhiệm vụ biểu cảm?</p> <p>Gọi 1 số hs lên trước lớp thuyết trình trong 1 phút.Các bạn khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.</p>	<p>Câu 3</p> <p>- TS và miêu tả làm giá đỡ cho t/c, cx bộ lộ</p> <p>- Thiếu các yếu tố đó thì t/c sẽ mờ nhạt, không cụ thể vì t/c thường nảy sinh từ sự việc, cảnh vật cụ thể -> bài văn thiếu tính thuyết phục</p> <p>-VD: Biểu cảm về người mẹ yêu quý thì phải thông qua việc mẹ làm, tình cảm mẹ dành cho, tả, kể về mẹ để thể hiện cx với mẹ.</p>								
<p>HD3: Câu 4</p> <p>- Phương pháp:dạy học giải quyết vấn đề</p> <p>...</p>									

<p>- KT: đặt câu hỏi, kỹ thuật hỏi và trả lời, thuyết trình tích cực</p> <p>- Năng lực : tự học, tự đánh giá.</p> <p>Gv sử dụng kỹ thuật hỏi và trả lời</p> <p>? Hãy nhắc lại các bước của quá trình tạo lập văn bản?</p> <p>Làm việc cá nhân 3p</p> <p>? Lập dàn ý cho đề văn: “cảm nghĩ về mùa xuân”</p> <p>Gọi hs thuyết trình tích cực trước lớp ,các hs khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức.</p>	<p>Câu 4</p> <p>- Bước 1: Tìm hiểu đề và xác định chủ đề</p> <p>+ Xác định t/c biểu hiện đối với mùa xuân</p> <p>- Bước 2: Lập dàn bài:</p> <p>+ MB: Nêu cảm nghĩ chung về mx: Mùa đâm chồi nảy lộc, đem lại tuổi mới, đánh dấu sự trưởng thành của con người.</p> <p>+ TB: Mùa xuân mùa sinh sôi của muôn loài, mùa đánh dấu những kế hoạch mới của mọi người ... triển khai rõ những cảm nhận về mx.</p> <p>+ KB: Nêu khái quát cảm nghĩ về mx đối với mình và mọi người chung quanh.</p> <p>- Bước 3: Viết bài</p> <p>- Bước 4: Đọc và sửa chữa</p>
<p>HD4: câu 5</p> <p>- Phương pháp: dạy học giải quyết vấn đề ...</p> <p>- KT: trình bày 1p</p> <p>- Năng lực : tự học, tự đánh giá.</p> <p>Hoạt động cá nhân 3p</p> <p>? Kể tên những bài thơ biểu cảm đã học và cho biết biểu cảm theo cách trực tiếp hay gián tiếp ?</p> <p>Gọi hs trình bày 1p trước lớp ,các hs khác nx, bổ sung, gv hoàn chỉnh kiến thức</p>	<p>Câu 5</p> <p>- VD: Qua Đèo Ngang, ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê(biểu cảm gián tiếp)</p> <p>Sông núi nước Nam, Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh (biểu cảm trực tiếp)</p>

3. Hoạt động vận dụng:

-Hoạt động cá nhân 2p

Viết đoạn văn 5 câu cảm nhận tiết học hôm nay? gạch chân những từ biểu cảm?

Gv gọi một số hs trình bày tích cực , các hs khác nhận xét ,trao đổi ,bổ sung.

Gv đánh giá nhận xét động viên khuyến khích hs và chốt kiến thức.

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

*Tìm đọc những bài văn biểu hay trong sgk/trg 146,154 và trên mạng .

* Nắm vững nội dung bài học

* Chuẩn bị: Sài Gòn tôi yêu (đọc kỹ văn bản và trả lời các câu hỏi trong sgk)

GV cho hs kí hợp đồng phân tác giả , tác phẩm

? Xác định thể loại của vb?

? Chỉ ra PTBĐ của VB?

? Văn bản này có thể chia ra làm mấy phần? Nêu giới hạn và nội dung từng phần?
Đại diện các nhóm kí vào biên bản hợp đồng với GV.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 16 - Tiết 62 : SÀI GÒN TÔI YÊU (Minh Hương)
- Hướng dẫn đọc thêm-

I- Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- + Biết được về tác giả Minh Hương
- + Cảm nhận được nét đẹp của Sài Gòn về thiên nhiên , nhịp sống nhất là phong cách của người Sài Gòn.
- + Chỉ ra và phân tích được cái hay của nghệ thuật biểu cảm.

2. Kỹ năng:

- + Đọc và hiểu văn bản, phân tích cái hay về nội dung , cái độc đáo về nghệ thuật .

3. Thái độ:

- + Phẩm chất: sống yêu thương, trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự lập.
- + Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, thẩm mỹ, hợp tác

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Thầy: Bài soạn, tư liệu liên quan.
2. Trò: Đọc và tìm hiểu kĩ vb, trả lời các câu hỏi trong sgk và câu hỏi trong biên bản hợp đồng, tìm thêm các tư liệu liên quan.

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học:

- PPDH: dạy học hợp tác (theo nhóm), dạy học hợp đồng.
- KTDH: trình bày 1 phút , hỏi và trả lời....

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

* Kiểm tra bài cũ(gv kiểm tra vở soạn của học sinh)

* Tổ chức khởi động :

- Kỹ thuật động não gọi nhiều hs trả lời .

Trong 4 mùa em yêu mùa nào nhất vì sao?

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: I. Đọc và tìm hiểu chung <ul style="list-style-type: none">- Phương pháp dạy học hợp đồng,...- Kỹ thuật : Thuyết trình tích cực , đặt câu hỏi , hỏi và trả lời hs , đọc tích cực.- Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức. Hoạt động cả lớp <ul style="list-style-type: none">-Văn bản cần đọc với giọng ntn? (nhẹ nhàng, tình cảm, đầy yêu thương ...)- Hãy đọc một đoạn mà em thích?- Chú thích nào cần lưu ý ?- GV sử dụng kỹ thuật thuyết trình tích cực và cho hs thanh lý hợp đồng.- HS lên bảng thuyết trình một số nét chính về tác giả.- HS nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét hoạt động và chốt, giới thiệu thêm về tác giả <i>Tác giả: vừa là nhà văn, nhà báo. Năm 1954 ông vào Sài Gòn vì làm báo vừa hoạt động cách mạng.</i> GV sử dụng kỹ thuật hỏi và trả lời cho hs thanh lý hợp đồng phần tìm hiểu chung về tác phẩm:hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ,thể loại, ptbđ, cấu trúc văn bản.	I- Đọc, tìm hiểu chung 1 . Đọc, chú thích 2 . Tác giả <ul style="list-style-type: none">- Vũ Đăng Bằng (1913 -1984), sinh ra ở Hà Nội.- Là nhà văn có sở trường về truyện ngắn, bút kí, tùy bút.- Tác phẩm chính: Bốn mươi năm nói láo, Thương nhớ mười hai, Món ngon Hà Nội, Món lạ miền Nam, 2- Tác phẩm a. Hoàn cảnh, xuất xứ: - khi đất nước bị chia cắt, ông sống ở Sài Gòn nhưng vẫn không nguôi nhớ về miền Bắc. - Trích trong tập tùy bút “Thương nhớ

<p>Bài văn ra đời khi đất nước bị chia cắt, tác giả đang sống ở Miền Nam trong vùng kiểm soát của Mĩ- Ngụy, xa quê hương đất Bắc, ông da diết nhớ về gia đình và quê hương mình, mong mỗi đất nước được hòa bình thống nhất</p>	<p>mười hai” b- Thể loại: tùy bút c-PTBD: Biểu cảm kết hợp kể và miêu tả d- Bố cục : 3 phần + Phần đầu :(Từ đầu ... “mê luyến mùa xuân”) - Tình cảm của con người với mùa xuân. + Phần 2: Từ “tôi yêu sông xanh”... “mở hội liên hoan” -> cảnh sắc không khí mx và lòng người. + Phần 3 :(phần còn lại) -> Cảnh sắc riêng của trời đất mùa xuân từ khoảng sau ngày rằm tháng giêng ở miền Bắc.</p>
<p>HD2: Tìm hiểu chi tiết văn bản -PP: dạy học hợp tác theo nhóm, giải quyết vấn đề, KT: ,đọc tích cực, viết tích cực, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não,trình bày một phút. - NL: Tự học,tự đánh giá , tự nhận thức , giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác, ngôn ngữ và giao tiếp, thẩm mĩ Hoạt động nhóm 5p +2p làm việc cá nhân ghi vào vở +3 p trao đổi thống nhất ý kiến ghi vào bảng phụ 1.Tình cảm của con người dành cho m/xuân được thể hiện qua lời văn nào? NT ? 2.Lời văn trên, em hiểu gì về tình cảm của con người dành cho mùa xuân ? Gv giảng: Tháng giêng - tháng khởi đầu cho 1 năm mới, tháng đầu tiên của mx - mùa đầu của hạnh phúc và tuổi trẻ, đất trời và lòng người ai cũng trù mến nên “tự nhiên như thế, ai cũng chuộng mx”.</p>	<p>II.Tìm hiểu chi tiết văn bản</p> <p>1. Tình cảm của con người dành cho mùa xuân:</p> <p>- “<i>Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân.</i>” - “<i>Tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mến...</i>” - “<i>Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió;</i>” - “<i>Ai cấm được trai thương gái, ai cấm</i></p>

được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyện mùa xuân.

+ Nghệ thuật: câu khẳng định có kết cấu sóng đôi, liệt kê, điệp ngữ (điệp từ, điệp kiểu câu)

✉ Mê luyện mùa xuân là quy luật tất yếu, tự nhiên của con người.

1. Cảnh sắc, không khí mùa xuân trong đất trời và trong lòng người

Hoạt động nhóm 5p

+2p làm việc cá nhân ghi vào vở

+3 p trao đổi thống nhất ý kiến ghi vào bảng phụ

Đọc đoạn 2 sgk/173 tìm thông tin

1. Cảnh sắc mùa xuân Bắc Việt (không gian, tiết trời, âm thanh), không khí mùa xuân được nhà văn gợi tả qua những lời văn nào?

2. Nhận xét cách sử dụng từ ngữ, cách xây dựng h/ả và việc sd bptt trong đoạn này?

3. Cảm nhận bức tranh mùa xuân của đất trời ?

a. Mùa xuân trong đất trời

*** Cảnh sắc mùa xuân**

- Không gian: đất trời mang mang

- Tiết trời: có mưa riêu riêu, gió lạnh lạnh...rét ngọt ngào.

- Âm thanh: có tiếng nhạn kêu, có tiếng trống chèo, có câu hát huê tình...

*** Không khí mùa xuân:**

Hình ảnh: - “Nhang trầm, đèn nến...”

- “Gia đình đoàn tụ, trên kính, dưới nhường...”

- “Bàn thờ phật, bàn thờ thánh, bàn thờ tổ tiên...”

-> Không khí êm ái, linh thiêng, lưu giữ những giá trị tinh thần cao quý.

+ Nghệ thuật: điệp từ “có”, liệt kê, từ láy, từ địa phương, hình ảnh gợi cảm, so sánh.

🎨Bức tranh mùa xuân của đất trời sống động mang đặc trưng riêng của đất Bắc.

b. Mùa xuân trong lòng người:

- “Thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung.”

- “Lòng mình say sưa ... - có lẽ là sự sống.”

- “Muốn phát điên lên...ngồi yên không

Thảo luận theo cặp 2p

Tìm chi tiết hình ảnh gợi tả mùa xuân trong lòng người ?NT? Nhận xét ?

- Một nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, trao đổi, bổ sung.

- GV nhận xét hoạt động và chốt kt.

<p>Cảm xúc của con người trước mùa xuân được Vũ Bằng cụ thể hóa qua những phép so sánh, liên tưởng độc đáo: đi ra ngoài thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung, lòng say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống. Nhựa sống trong người căng lên như máu căng lên trong lộc của loài nai... Không chỉ khơi dậy sức sống mãnh liệt, mùa xuân còn gọi dậy nỗi thèm khát yêu thương, yêu cuộc sống thiết tha. “Mùa xuân của tôi” thần thánh là như thế.</p> <p>Hoạt động cá nhân 2p Đọc đoạn 3 tìm hình ảnh gợi cảnh thiên nhiên, sinh hoạt của con người sau rằm tháng giêng? NT? Nhận xét? Một số hs trình bày Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức. Nét chuyển biến của màu sắc, ko khi đất trời, cây cỏ được VB phát hiện và miêu tả tinh tế. Màu sắc, hương thơm và ánh sáng của mx trong khoảng thời gian ngắn ngủi ngay sau ngày rằm tháng giêng giống như thời gian bản lề giữa đầu và cuối xuân cho ta cảm giác mx đang chín. Ko kìm nổi lòng mình, ông đã thốt lên tiếng gọi mx như tiếng xuyết xoa khen tặng người thân: Đẹp quá đi mx ơi!</p>	<p><i>chịu được.”</i> - “<i>Nhựa sống trong người căng lên... phải trời ra.”</i> - “<i>Tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, đập mạnh hơn.”</i> - “<i>Y như những con vật...thèm khát yêu thương...”</i> + Nghệ thuật: ➤ Giọng điệu vừa sôi nổi, vừa thiết tha; ➤ Hình ảnh so sánh, liên tưởng độc đáo.</p> <p>-> Mùa xuân trong lòng người là yêu đời, yêu cuộc sống thiết tha , mùa xuân thần thánh.</p> <p>3. Cảnh sắc của mùa xuân sau rằm tháng giêng nơi đất Bắc. * Cảnh sắc thiên nhiên: - “<i>Đào hơi phai, nhụy vẫn còn phong</i>” - “<i>Cỏ xanh mướt nhưng nức mùi hương man mác</i>” - “<i>Mưa xuân thay thế mưa phùn</i>” - “<i>Nền trời xanh tươi, sáng hồng hồng</i>” *Sinh hoạt của con người - <i>Bữa cơm giản dị</i> - <i>Các trò chơi đã mãn</i> - <i>Màn điều đã hạ</i> -<i>con người trở lại nhịp sống thường nhật, êm đềm.</i> + Nghệ thuật:Hình ảnh chọn lọc, sử dụng nhiều tính từ, từ láy,so sánh -> Mùa xuân vẫn mang vẻ đẹp tươi sáng, tràn trề sức sống con người đã trở về với cuộc sống thường ngày.</p>
<p>Hoạt động 3: Tổng kết - PP: dạy học hợp tác theo nhóm</p>	<p>III-Tổng kết</p>

- *KT: lược đồ tư duy, thảo luận nhóm*
- *NL: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, hợp tác*

Hoạt động nhóm 3p

- GV yêu cầu hs vẽ sơ đồ tư duy về nghệ thuật và nội dung của bài thơ
- Trình bày vào bảng phụ

1-Nghệ thuật:

- Hình ảnh so sánh mới lạ;
- Lời văn giàu hình ảnh, nhịp điệu;
- Kết hợp các phương thức biểu đạt linh hoạt;
- Giọng văn vừa sôi nổi, vừa thiết tha.

2- Nội dung:

- Vẻ đẹp của mùa xuân Bắc Việt;
- Tình yêu đất nước, lòng yêu cuộc sống và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của tác giả.

***Ghi nhớ sgk/ 178.**

3. Hoạt động luyện tập:

Thi đọc diễn cảm

4. Hoạt động vận dụng

- Kỹ thuật viết tích cực 1p , hs tự do viết liệt kê những cảm nhận về mùa xuân.
- Một vài hs chia sẻ nội dung mà em đã viết .
- Cảm nhận chung về mùa xuân ?

5 .Hoạt động tìm tòi, mở rộng

*Sưu tầm trên mạng ghi chép lại một số đoạn văn , câu thơ hay về mùa xuân vào sổ tay văn học

- Đọc “ Thương nhớ mười hai” của Vũ Bằng.

* Học thuộc ghi nhớ và nắm vững nội dung bài học

* Chuẩn bị bài: Luyện tập sử dụng từ .

GV cho kí hợp đồng

Từ , các từ loại , phân loại từ, các lỗi khi dùng từ.

+ Nhóm trưởng các nhóm kí vào biên bản hợp đồng

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 64 -Tiếng Việt: LUYỆN TẬP SỬ DỤNG TỪ

I. Mục tiêu cần đạt:

1. **Kiến thức:** Ôn tập tổng hợp về từ thông qua 2 bài tập thực hành

2. **Kĩ năng:** Rèn luyện các kĩ năng về dùng từ, sửa lỗi dùng từ

3. **Thái độ:** yêu thích Tiếng Việt

4. **Năng lực, phẩm chất:**

+ Phẩm chất: trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự trọng

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác .

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Thầy: Bài soạn, tư liệu liên quan.

2. Trò: Đọc kĩ các bài tập làm văn đã viết của mình, phát hiện lỗi sai và sửa

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: Dạy học nhóm, dạy học hợp đồng.

- KTDH: đặt câu hỏi, động não, hỏi và trả lời....

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

* Kiểm tra bài cũ (trong quá trình luyện tập)

* Tổ chức khởi động

Khi sử dụng từ em thường hay mắc những lỗi nào?

Kĩ thuật tia chớp cho hs đưa ra nhiều đáp án .

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cần đạt
HD1: Lý thuyết - Phương pháp dạy học hợp đồng, giải quyết vấn đề . - Kĩ thuật : Thuyết trình tích cực , đặt câu hỏi , hỏi và trả lời hs , đọc tích cực. - Năng lực : tự học , tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức. GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời cho hs thanh lý hợp đồng bằng cách khái quát trên lược đồ tư duy kiến thức đã học từ.	I. Lý thuyết: - Khái niệm: Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để tạo nên câu Gồm các từ loại: DT, ĐT, TT, số từ, lượng từ, đại từ, phó từ, chỉ từ, quan hệ từ - Phân loại: +Từ phân loại theo cấu tạo: từ đơn, từ phức +Phân theo nguồn gốc: từ thuần Việt, từ mượn - Các lỗi cần tránh: + Sử dụng từ ko đúng âm, đúng chính tả. + Sử dụng từ không đúng nghĩa + Sử dụng từ không đúng tính chất ngữ pháp + Sử dụng từ không đúng sắc thái biểu cảm, tình huống giao tiếp + Lạm dụng từ địa phương, từ HV II. Bài tập:

HD2: Bài tập

- Phương pháp: dạy học nhóm....
- KT: Đặt câu hỏi, viết tích cực....
- Năng lực : tự học, tự hợp tác

Bài tập 1

- Hoạt động cá nhân (2p) bài 1 (SGK/ 179)

- + HS đọc lại các bài tập làm văn của mình
- + Ghi lại những từ em đã dùng sai về âm, về chính tả, về nghĩa, về tính chất ngữ pháp và về sắc thái biểu cảm.

Bài tập 2

- Thảo luận cặp đôi 2p

Kiểm tra chéo bài của bạn

- + về âm, về chính tả, về nghĩa, về tính chất ngữ pháp và về sắc thái biểu cảm trong bài của bạn

4. Hoạt động Vận dụng

? Người địa phương em thường mắc những lỗi gì khi sử dụng từ ? em sẽ giúp họ cách sửa ntn?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Xem lại toàn bộ các bài tập làm văn đã làm, phát hiện các lỗi sai trong việc sử dụng từ ở các bài tập làm văn đó và sửa lại.

* Nắm vững các lỗi thường gặp trong khi sử dụng từ và cách khắc phục

* Chuẩn bị bài mới: Ôn tập tác phẩm trữ tình.

GV cho kí hợp đồng

Các tác phẩm trữ tình, tác giả, thể loại, nội dung?

- + Nhóm trưởng các nhóm kí vào biên bản hợp đồng .

Tuần 17

Ngày soạn:

Ngày dạy:

I. Mục tiêu cần đạt: Tiết 65, 66 ÔN TẬP TÁC PHẨM TRỮ TÌNH

1. Kiến thức: Nắm được khái niệm trữ tình và một số đặc điểm nghệ thuật phổ biến của tác phẩm trữ tình, thơ trữ tình

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng so sánh , hệ thống các tác phẩm trữ tình

3. Thái độ: yêu thích các tác phẩm trữ tình

4. Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất: trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự trọng

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo. ngôn ngữ , giao tiếp ...

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Thầy: Bài soạn, tư liệu liên quan.

2. Trò: Đọc kĩ các bài tập làm văn đã viết của mình, phát hiện lỗi sai và sửa

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: dạy học nhóm, dạy học hợp đồng

- KTDH: đặt câu hỏi, động não, viết tích cực...

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

* Kiểm tra bài cũ (trong quá trình ôn tập)

* Tổ chức khởi động: Em thích bài thơ trữ tình nào? Vì sao?

Kĩ thuật động não gọi nhiều hs trả lời đưa ra nhiều đáp án.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò

Nội dung cần đạt

HD: Luyện tập

Luyện tập

- Phương pháp dạy học hợp đồng, giải quyết vấn đề .

- Kĩ thuật: Thuyết trình tích cực , đặt câu hỏi , hỏi và trả lời hs , đọc tích cực, viết tích cực.

- Năng lực: tự học, tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá, tự nhận thức.

- GV sử dụng kĩ thuật thuyết trình tích cực và cho hs thành lập hợp đồng.

Câu 1 (SGK/180)

Tác phẩm

Tác giả

- Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh

Lí Bạch

- Phò giá về kinh (Tụng giá hoàn kinh sư)

Trần Quang Khải

- Tiếng gà trưa

Xuân Quỳnh

- Cảnh khuya

Hồ Chí Minh

- Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê

Hạ Tri Trang

- Bạn đến chơi nhà

Nguyễn Khuyến

- Buổi chiều đứng ở

Trần Nhân

phủ Thiên Trường trông ra	Tông
- Bài ca nhà tranh bị gió thu phá	Đỗ Phủ

- Hạ Tri Trương viết bài thơ "Hồi hương ngẫu thư" nhân lần về thăm quê năm 744, khi ông đã 86 tuổi và đã xa quê hơn nửa thế kỉ
- Khi đã cáo quan về ở ẩn

Câu 2 (SGK/180)

Tác phẩm	Nội dung tư tưởng, tình cảm được biểu hiện
Bài ca nhà tranh bị gió thu phá	Tình thần nhân đạo và lòng vị tha cao cả
Qua Đèo Ngang	Nỗi nhớ thương quá khứ đi đôi với nỗi buồn đơn lẻ thẳm lặng giữa núi đèo hoang sơ
Ngẫu nhiên viết nhân dịp mới về quê	Tình cảm QH chân thành pha chút xót xa lúc mới trở về quê
Sông núi nước Nam	ý thức độc lập tự chủ và quyết tâm tiêu diệt địch
Tiếng gà trưa	Tình cảm gia đình, QH qua những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ
Bài ca Côn Sơn	Nhân cách thanh cao và sự giao hòa tuyệt đối với thiên nhiên
Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh	Tình cảm QH sâu nặng trong khoảnh khắc đêm vắng
Cảnh khuya	Tình yêu thiên nhiên, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan

Câu 3 (SGK/181)

	Tác phẩm	Thể thơ
	Sau phút chia li	Song thất lục bát
	Qua đèo Ngang	Bát cú Đường luật
	Bài ca Côn Sơn	Lục bát (Bản dịch)
	Tiếng gà trưa	Các thể thơ khác...
	Tĩnh dạ tứ	Tuyệt cú Đường luật (Ngũ ngôn tứ tuyệt)
	Sông núi nước Nam	Tuyệt cú Đường luật (Thất ngôn tứ tuyệt)
Hoạt động cặp đôi 2p Chỉ ra đặc điểm của tác phẩm trữ tình? Đại diện trình bày , cặp khác nhận xét bổ sung. Gv nhận xét hoạt động và chốt kiến thức.	<p>Câu 4 (SGK/181) Những ý kiến không chính xác: a, e, i, k</p> <p>Câu 5 (SGK/182) Điền vào chỗ trống các từ lần lượt là: a. tập thể và truyền miệng b. Lục bát c. so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ, đối, cường điệu, nói giảm nói tránh, câu hỏi tu từ, chơi chữ.....</p>	
	<p>📌 Ghi nhớ SGK/ 182</p> <p>Tiết 2</p> <p>* Bài tập 1 (SGK/192)</p> <p>- Nội dung trữ tình: là tấm lòng lo nước, thương dân luôn thường trực, luôn canh cánh trong lòng (suốt ngày, đêm, đêm ngày)</p> <p>-> Khác hẳn với NT thanh thời trong « Côn sơn Ca »</p> <p>- Hình thức thể hiện: ở cả hai câu:</p> <p>+ Câu thơ T1: BC trực tiếp</p> <p>+ câu thơ T2: BC gián tiếp thông qua lời nói ẩn dụ, tô đậm thêm tình cảm được thể hiện trong câu thứ nhất</p>	
Hoạt động cá nhân 2p Làm bài 1		
Hoạt động cặp đôi 3p làm bài tập 2,3		

Đại diện các cặp trình bày, các khác nhận xét, bổ sung
Gv nhận xét, chốt kiến thức.

*Bài tập 2 (SGK/192)

Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh	Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê
<ul style="list-style-type: none"> - Tình huống: ở xa quê trong 1 đêm trăng sáng - Các thể hiện tình cảm: biểu cảm trực tiếp và gián, một cách nhẹ nhàng sâu lắng 	<ul style="list-style-type: none"> - Tình huống: Lúc mới đặt chân về quê - Cách thể hiện tình cảm: gián tiếp, đượm màu sắc hóm hỉnh mà ngâm ngùi.

* Câu 3 (SGK/193)

- Giống nhau :

- + Cảnh được MT có trăng, thuyền, sông nước trong đêm khuya
- + Thể hiện được sự tinh tế trong cảm nhận cảnh thiên nhiên

- Khác nhau :

	Đêm đỗ thuyền ở Phong Kiều	Rằm tháng giêng
Cảnh vật được miêu tả	- Cảnh vật yên tĩnh và u tối (trăng tà, quạ kêu, sương đầy trời...)	- Tràn đầy sáng, dào dạt sức xuân, ngồn ngộn sức sống
Tình cảm được thể hiện	- nỗi buồn xa xứ, thao thức không ngủ	<ul style="list-style-type: none"> - Niềm vui, hạnh phúc, sự hứng khởi, là phong thái ung dung, tinh thần lạc quan cách mạng của người chiến sĩ cách mạng vừa hoàn thành công việc trọng đại đối với cách mạng. - Là sự ung dung, thanh thản, lạc quan tràn đầy một niềm tin phơi phới.

* Bài tập 4 (SGK/ 193)

- Những câu đúng: b, c, e

Hoạt động cá nhân2p Làm bài 4

4. Hoạt động vận dụng:
Kĩ thuật viết nói tích cực...

- Viết đoạn văn 5 câu cảm nhận tác phẩm trữ tình mà em thích?(2p)
- Hoặc viết 3 điều em biết và 3 điều em cần biết , chưa biết về các tác phẩm trữ tình
- Lên nói trước lớp

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm trên mạng các tác phẩm trữ tình của Hồ Chí Minh.
- Ôn tập các tác phẩm trữ tình đã học
- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập phần Tiếng Việt

GV cho kí hợp đồng

- 1.Vẽ sơ đồ tư duy câu 1 phần từ phức, đại từ, trong sgk/183?
 2. Lập bảng so sánh quan hệ từ với danh từ, động từ, tính từ về ý nghĩa và chức năng?
 3. Giải nghĩa các yếu tố Hán Việt trong bài tập 3 sgk/184
- + Nhóm trưởng các nhóm kí vào biên bản hợp đồng .

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 67,68 ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu cần đạt:

1. **Kiến thức:** Biết được từ láy, từ ghép, đại từ, quan hệ từ, yếu tố HV và cách sử dụng.
2. **Kĩ năng:** Sử dụng các loại từ trên trong giao tiếp
3. **Thái độ:** Yêu thích Tiếng Việt
4. **Năng lực, phẩm chất:**
 - + Phẩm chất: trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự trọng
 - + Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Thầy: Bài soạn, tư liệu liên quan.
2. Trò: ôn tập theo hệ thống câu hỏi

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: vấn đáp- gợi mở, phân tích, giảng bình, dạy học nhóm, dạy học hợp đồng
- KTDH: đặt câu hỏi, động não, hỏi- đáp, công đoạn.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

- *GV ổn định tổ chức
- * Kiểm tra bài cũ (trong quá trình ôn tập)
- * Tổ chức khởi động:

Em thích nhất loại từ nào? Vì sao?

Kĩ thuật động não gọi nhiều hs trả lời đưa ra nhiều đáp án.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò

Nội dung cần đạt

Từ phức

Từ ghép

Từ ghép
chính phụ

Từ ghép
đẳng lập

Từ láy
toàn bộ

Từ láy
bộ phận

Bà ngoại

Quần áo
Lập quần áo

Đeo đồ
Xinh đẹp

Lung linh

Bảng 2

Trở người sự vật	Trở số lượng	Trở hoạt động tính chất	Hỏi về người sự vật	Hỏi về số lượng	Hỏi về hoạt động tính chất
tôi, nó	bấy	vậy, thế	ai, gì	mấy	sao, thế nào

Bảng 3:

Từ loại	Danh từ, động từ, tính từ	Quan hệ từ
ý nghĩa chức năng		
ý nghĩa	Biểu thị người, sự vật, hoạt động, tính chất	Biểu thị ý nghĩa quan hệ
Chức năng	Có khả năng làm thành phần của cụm từ, của câu	Liên kết các thành phần của cụm từ, của câu

Bảng 4:

Yếu tố Hán Việt	Giải nghĩa	Yếu tố Hán Việt	Giải nghĩa
Bạch (Bạch cầu)	Trắng	Nhật (nhật kí)	Ngày
Bán (tượng bán thân)	1 nửa	Quốc (quốc ca)	nước
Cô (cô độc)	đơn độc, lẻ loi	Tam (tam giác)	ba (3)
Cư (cư trú)	ở	Tâm (yên tâm)	Lòng
Cửu (cửu chương)	chín (9)	Thảo (thảo nguyên)	cỏ
Dạ (dạ hương)	đêm	Thiên (thiên niên kỉ)	Nghìn
Đại (đại lộ)	lớn, to lớn	Thiết (thiết giáp)	sắt
Điền (điền chủ)	ruộng	Thiếu (thiếu niên)	ít tuổi, trẻ
Hà (sơn hà)	sông	Thôn (thôn xã)	Làng
Hậu (hậu vệ)	sau (phía sau)	Thư (thư viện)	Sách
Hồi (hồi hương)	quay lại	Tiền (tiền đạo)	trước (phía trước)
Hữu (hữu ích)	có	Tiểu (tiểu đội)	nhỏ
Lực (nhân lực)	sức, sức mạnh	Tiểu (tiểu lâm)	cười
Mộc (thảo mộc)	cây	Vấn (vấn đáp)	hỏi
Nguyệt (nguyệt thực)	trăng		

Tiết 2

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
<p>HD2: Ôn lí thuyết - Phương pháp: dạy học nhóm,.. - KT: Đặt hỏi và trả lời , lược đồ tư duy, động não.. Năng lực: Tự học, tự giải quyết vấn đề, tự đánh giá .tự nhận thức.</p> <p>Hoạt động nhóm7p + Làm việc cá nhân 2p +Làm việc nhóm 5p -Chỉ khái niệm , phân loại , cách sử dụng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa , từ đồng âm? -Phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa? Đại diện các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét trao đổi . Gv nhận xét , chốt .</p> <p>Hoạt động cặp đôi 5p -Thành ngữ , điệp ngữ , chơi chữ ?Lấy ví dụ? Đại diện cặp trình bày ,các cặp còn lại nhận xét bổ sung. Gv nhận xét , chốt .</p>	<p>II.Ôn lí thuyết</p> <p>1. Từ đồng nghĩa a) Khái niệm b) Phân loại</p> <p>c) Sử dụng từ đồng nghĩa</p> <p>Bé – nhỏ Thắng - được Chăm chỉ – siêng năng</p> <p>2. Từ trái nghĩa a) Khái niệm</p> <p>c) Sử dụng</p> <p>Bé – to, lớn Thắng – thua Chăm chỉ – lười biếng</p> <p>3. Từ đồng âm a) Khái niệm - Các từ đồng âm có nghĩa hoàn toàn khác nhau - Còn ở từ nhiều nghĩa, các nghĩa gốc và nghĩa chuyển có mối quan hệ với nhau: Từ nghĩa gốc mà sinh ra nghĩa chuyển</p> <p>4. Thành ngữ a) Khái niệm</p> <p>Nhanh như cắt. Một nắng hai sương - Trăm trận trăm thắng - Nửa tin nửa ngờ - Cành vàng lá ngọc</p>

VD1: Bao nhiêu là liệt sĩ

Bao nhiêu là anh hùng

Bao nhiêu là tuổi trẻ

Bao nhiêu là chiến công!

VD2: Con kiến mà leo cành đa

Leo phải cành cụt leo ra leo vào

Con kiến mà leo cành đào,

Leo phải cành cụt leo vào leo ra.

+ Dùng từ đồng âm: Xôi ăn chả ngon

+ Dùng lối nói trại âm:

Hôm nay trông bạn đẹp "chai" ghê!

+ Dùng cách điệp âm: Đêm đêm đi đái đở
đen, đánh đồ đèn đèn đái đờ đở đở đen

+ Dùng lối lúi lúi

Chú phỉnh tôi rồi chính phủ ơi!

(Thơ đả kích ngụy quyền)

+ Dùng từ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần
nghĩa: Mĩ mà xấu

"Đi tu phật bắt ăn chay

Thịt chó ăn được, thịt cầy thì không"

"Chàng Cóc ơi! Chàng Cóc ơi!

Thiếp bén/ Nòng nọc

Ngàn vàng không chuộc dẫu bơi vôi"

(Hồ Xuân Hương)

- Miêng nam mô bụng một bồ dao găm

- Đồng không mông quạnh

- Còn nước còn tát

- Con đại cái mang

- Giàu nứt đố đổ vách

5. Điệp ngữ

a) Khái niệm

b) Các dạng điệp ngữ

VD1: Điệp ngữ "bao nhiêu"

-> Điệp ngữ cách quãng => tôn vinh
những hi sinh to lớn để có được chiến
thắng

VD 2: Điệp ngữ "leo, cành, con kiến, leo
phải cành cụt, leo vào, leo ra"

-> Điệp ngữ cách quãng => Thương cảm
con kiến (chỉ những người có thân phận
bé mọn) đang loay hoay tìm một lối thoát
cho cuộc sống lẩn quẩn, bế tắc.

6. Chơi chữ

a) Khái niệm

b) Các lối chơi chữ

4. Hoạt động vận dụng:

Kĩ thuật viết nói tích cực...

-Viết đoạn văn 5 câu cảm nhận tác phẩm trữ tình mà em thích trong đó có sử dụng từ 2
loại từ trên?(2p)

Hoặc viết 3 điều em biết và 3 điều em cần biết , chưa biết về các từ trên ?

Lên nói trước lớp

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm trên mạng ghi vào sổ tay 50 từ Hán Việt và giải nghĩa ?

- Ôn tập Từ láy, từ ghép, quan hệ từ, đại từ, từ Hán Việt

- Chuẩn bị ôn tập các văn bản, tiếng Việt để kiểm tra học kì 1.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

I/ Mục đích bài kiểm tra:

Bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I nhằm đánh giá HS ở các phương diện sau:

1. Kiến thức:

Đánh giá việc nắm các nội dung cơ bản của cả ba phần trong SGK NV7/1

2. Kỹ năng:

- Xem xét sự vận dụng linh hoạt theo hướng tích hợp các kiến thức và kỹ năng của cả 3 phần Văn, Tiếng Việt, và Tập làm văn của môn học ngữ văn trong bài kiểm tra.
- Đánh giá năng lực vận dụng phương thức tự sự nói riêng và các kỹ năng tập làm văn nói chung để tạo lập một bài viết. Biết cách vận dụng những kiến thức và kỹ năng Ngữ văn đã học một cách tổng hợp, toàn diện theo nội dung và cách thức kiểm tra đánh giá mới.

3. Thái độ: có ý thức tự giác, nghiêm túc cao khi làm bài

4. Năng lực, phẩm chất:

- + Phẩm chất: trung thực, tự tin, sống tự chủ, tự trọng
- + Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp.

II- Hình thức đề kiểm tra:

Dạng đề Tự luận 100%

III- Ma trận đề kiểm tra:

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Thấp	Cao	
I. Đọc - hiểu văn bản <i>Văn bản mùa xuân của tôi</i> <i>Từ láy</i>	Phương thức biểu đạt, tác giả, tác phẩm	Từ láy, hiểu nội dung văn bản “Mùa xuân của tôi”			
<i>Số câu</i> <i>Số điểm, tỉ lệ</i>	<i>02</i> <i>1,0 đ=10%</i>	<i>02</i> <i>2,0 đ=20%</i>			<i>04</i> <i>3,0 đ=30%</i>
II. Tập làm văn - Biểu cảm về tác phẩm văn học			Viết đoạn văn cảm nhận nghệ thuật nội dung khổ thơ cuối bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh.	Viết bài văn biểu cảm về “Sài Gòn tôi yêu” của Minh Hương	
<i>Số câu</i> <i>Số điểm, tỉ lệ</i>			<i>01</i> <i>2,0</i>	<i>01</i> <i>5,0</i> <i>đ=50%</i>	<i>02</i> <i>7,0 đ=50%</i>

Tổng số câu	02	02	01	01	05
Tổng số điểm	1,0 đ	2,0 đ	2,0 đ	5,0 đ	10 đ
Tỉ lệ	10%	20%	20%	50%	100%

IV. Biên soạn đề kiểm tra

A. Đọc hiểu văn bản(5 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn và thực hiện các yêu cầu sau.

“Mùa xuân của tôi- mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội- là mùa xuân có mưa rêu rêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như mơ thơ mộng...Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu,của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng. Tết hết mà chưa hết hắt hủi, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác...”

Câu 1.(0,5đ) Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn trên?

Câu 2. (0,5đ) Đoạn văn trên nằm trong tác phẩm nào của ai?

Câu 3.(1đ) Câu văn nào trong đoạn trên thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?

Câu 4.(1đ) Trong đoạn văn còn sử dụng những từ láy nào?

B. Tập làm văn(5điểm)

Câu 5.(2đ) Em hãy viết đoạn văn ngắn gọn về nội dung nghệ thuật trong khổ thơ sau:

“Cháu chiến đấu hôm nay
Vì lòng yêu tổ quốc
Vì xóm làng thân thuộc
Bà ơi cũng vì bà
Vì tiếng gà cục tác
Ổ trứng hồng tuổi thơ”

(*Tiếng gà trưa* - Xuân Quỳnh)

Câu 6. Viết bài văn cảm nhận của em về Sài Gòn trong văn bản “Sài Gòn tôi yêu” của tác giả Minh Hương.

V- Hướng dẫn chấm, biểu điểm

A. Đọc hiểu văn bản(5 điểm)

Câu 1: (0,5đ)

Miêu tả , biểu cảm

Câu 2: (0,5đ)

Mùa xuân của tôi (Vũ Bằng)

Câu 3: (1đ)

Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu,của Bắc Việt thương mến.

Câu 4: (1đ)

Rêu rêu , lành lạnh, xa xa, man mác.

B. Tập làm văn(5điểm)

Câu 5.(2đ)

- Điệp ngữ “vì” nhấn mạnh mục đích chiến đấu của người lính .(1 đ)
- Từ đó cho thấy tình yêu đất nước gắn với tình yêu xóm làng, yêu người thân và cả chính những kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ (1đ)

Câu 6: (5đ)

Yêu cầu:

1/ Hình thức, kĩ năng:

- + Xác định đúng thể loại: Biểu cảm về tác phẩm văn học
- + Cảm xúc phải chân thật, sâu sắc
- + Bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả

2/ Nội dung

* Mở bài:

Giới thiệu được cảm nhận chung về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của bài thơ và khái quát nội dung bài tác phẩm.

* Thân bài:

- Ấn tượng chung về Sài Gòn

Sài Gòn trẻ trung, đô thị ngọc nhà -> Đó là một thành phố năng động, tràn đầy sức sống lớn nhất cả nước.

-Ấn tượng riêng về Sài Gòn

- + Thiên nhiên thất thường, trái chứng..
- + Nhịp sống sôi động, khẩn trương.
- + Đặc điểm dân cư nơi hội tụ 4 phương, đất lành chim đậu.
- + Phong cách sống cởi mở ,thân thiện, chân thành , trọng đạo nghĩa,giàu tình yêu nước.

....

- Tình cảm của tác giả dành cho Sài Gòn bền chặt, sâu đậm.

- Nt: +biểu cảm trực tiếp,miêu tả, tự sự, nghị luận.

+ điệp từ, liệt kê, nhân hóa, so sánh....

+ Ngôn ngữ giản dị, đậm màu sắc Nam Bộ.

-->Bài văn bày tỏ tình yêu tha thiết, bền chặt của tác giả đối với Sài Gòn.

*Kết bài:

Khái quát cảm xúc chung về tác phẩm, liên hệ mở rộng (nếu có)

Biểu điểm:

Điểm 5: - Đảm bảo các yêu cầu trên

- Bài viết có sáng tạo

Điểm 3, 4: - Cơ bản đạt các yêu cầu trên

- Tuy nhiên, còn mắc một vài lỗi diễn đạt hoặc lỗi chính tả

Điểm 1, 2: - Không bám sát vào yêu cầu của đề hoặc lạc đề

- Trình bày câu thả, mắc nhiều lỗi chính tả hoặc diễn đạt lủng củng...

VI. Dặn dò

- Chuẩn bị bài mới: Chương trình địa phương, tỉnh HY (phần tiếng Việt, trang 31)

+ Tìm hiểu địa phương em thường phát âm sai nhiều nhất từ nào?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 71 :CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG **(Phần Tiếng Việt -rèn luyện chính tả)**

I/ Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức: Nắm được lỗi phát âm và lỗi chính tả rất trầm trọng của người Hưng Yên khi nói, viết các tiếng, từ có chứa phụ âm l/n.

+ Biết được nguyên nhân, và cách sửa lỗi.

2. Rèn luyện kĩ năng viết đúng chính tả (trên cơ sở phát âm chuẩn) .

3. Thái độ: Yêu thích Tiếng Việt .

4. Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất: tự tin, sống tự chủ, tự trọng

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp.hợp tác .

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên

- Thống kê những từ ngữ mà người HY thường nói sai, viết sai do không phân biệt l/n. Nêu nguyên nhân, tác hại và cách sửa chữa

- Trong những từ ngữ thống kê được, cho biết những từ nào do viết sai chính tả mà dẫn đến sai về nghĩa

2. Học sinh: Tìm những từ nói sai ở địa phương.

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: dạy học nhóm.

- KTDH: hỏi và trả lời, động não,...

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

* Kiểm tra bài cũ (trong quá trình ôn tập)

* Tổ chức khởi động

Kể ra những từ nói sai, phát âm sai ở địa phương ?

Kĩ thuật động não gọi nhiều hs trả lời đưa ra nhiều đáp án.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD: Luyện tập - Phương pháp: dạy học nhóm,.. - KT: hỏi và trả lời ,động não.... - Năng lực: Tự học ,hợp tác Hoạt động cặp đôi 4p làm bài 1,3 Đại diện trình bày , cặp khác nhận xét GV nhận xét bổ sung.	<p>Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- VD: lo (lo lắng) -> no (no bụng): tôi đang lo -> tôi đang noLớn lên -> lớn nên; làng (làng xã) -> nàng (chàng nàng); tre nứa -> tre lúa; trở lại -> trở nại; trồng lúa -> trồng núa ...- Nguyên nhân:<ul style="list-style-type: none">+ Do thói quen phát âm không phân biệt l/n (nguyên nhân cơ bản)+ Không ghi nhớ cách viết chính tả kèm theo nghĩa của từ;+ Không nắm được “mẹo” luật chính tả- Tác hại: làm sai nghĩa của từ, gây phản cảm cho người nghe, người đọc.- Cách sửa:<ul style="list-style-type: none">+ Luyện phát âm đúng để viết đúng+ Luyện viết đúng bằng cách nắm chắc nghĩa của từ kèm theo cách viết đúng từ đó, ghi nhớ một số “mẹo” luật chính tả, có thói quen sử dụng từ điển chính tả, tích cực đọc sách báo, nghe đài. <p>Bài tập 3:</p> <p>Lăn tăn, leng keng, lặng lẽ, luyến tiếc, luẩn quẩn, lạnh lẽo, lố lằng, nẩy nở, lan truyền, nàng tiên, ắn nấp, nắm vững, nên làm, thuyền nan, làm nên, trở nên.</p> <p>Bài tập 4:</p>
Hoạt động nhóm 5p	

Làm bài 4

+ Làm việc cá nhân 2p

+ Làm việc nhóm 3p

Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm

Các nhóm khác nhận xét

Gv nhận xét và chốt

- HS thống kê vào vở

- NX cách viết chính tả trong 4 trường hợp:

+ TH1 (Mẹo 1): Chữ cái thường đứng đầu trong một từ lấy vần thì dứt khoát là *l* chứ không phải là *n*

+ TH2 (Mẹo 2): Nếu gặp một từ lấy mà chữ cái đầu mang phụ âm *l* hoặc *n* thì chữ đứng sau cũng phải là *l* hoặc *n*

+ TH3 (Mẹo 3): Những từ đồng nghĩa bắt đầu bằng *nh* thì viết âm đầu là *l*

+ TH4 (Mẹo 4): *l* đứng trước âm đệm, còn *n* thì không. Âm đệm được thể hiện bằng chữ cái *u* hoặc *o*

Bài tập 5: chính tả nghe – viết:

Lời nói – hoa nở trên nền văn hoá

Hoạt động cả lớp bài 5

Hs kiểm tra chéo và chận xét

Gv chọn 1 số bài tốt và chưa tốt động

viên khích lệ ...

4. Hoạt động vận dụng:

Nếu được tuyên truyền hướng dẫn mọi người phát âm đúng em sẽ nói ntn?

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Tìm trên mạng cách phát âm có gì đặc biệt ở những tỉnh Miền trung, miền Nam nước ta?
- Học bài.
- Chuẩn bị bài mới: Trả bài kiểm tra học kì I

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 72 :

TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ

I/ Mục tiêu cần đạt:

1. Kiến thức

- Tự đánh giá được những nhận thức của bản thân về môn Ngữ văn
- Thấy được năng lực của mình trong việc làm bài văn biểu cảm về một tác phẩm văn học thể hiện qua những ưu nhược điểm của bài viết

2. Kỹ năng:

- Có kĩ năng tự phát hiện những lỗi sai về chính tả, về cách diễn đạt và việc sử dụng dấu câu.....

3. Thái độ:

- Có ý thức phê và tự phê

4. Năng lực, phẩm chất:

+ Phẩm chất: tự tin, sống tự chủ, tự trọng

+ Năng lực: Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1:Thầy: Châm và trả bài

2: Trò: Ôn tập các kiến thức liên quan

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học:

- PPDH: vấn đáp- gợi mở, phân tích, giảng bình, dạy học nhóm, dạy học hợp đồng

- KTDH: đặt câu hỏi, động não, hỏi- đáp, công đoạn.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

*GV ổn định tổ chức

* Kiểm tra bài cũ (trong quá trình ôn tập)

* GV gt bài: gv cho

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD1: Luyện tập - Phương pháp: dạy học nhóm,... - KT: Đặt câu hỏi , động não - Năng lực : tự học, hợp tác... Hoạt động nhóm (10p) H-y nhắc lại đề bài của bài kiểm tra học kì? Và đáp án.	I. Đề bài và yêu cầu của đề 1. Đề bài A. Đọc hiểu văn bản(5 điểm) <i>Đọc kĩ đoạn văn và thực hiện các yêu cầu sau.</i> <i>“Mùa xuân của tôi- mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội- là mùa xuân có mưa rêu rêu, gió lạnh lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như mơ thơ mộng...Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu,của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng. Tết hết mà chưa hết hân, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác...”</i> Câu 1.(0,5đ) Xác định phương thức biểu đạt

được sử dụng trong đoạn văn trên?

Câu 2. (0,5đ) Đoạn văn trên nằm trong tác phẩm nào của ai?

Câu 3.(1đ) Câu văn nào trong đoạn trên thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?

Câu 4.(1đ) Trong đoạn văn còn sử dụng những từ láy nào?

B. Tập làm văn(5điểm)

Câu 5.(2đ) Em hãy viết đoạn văn ngắn gọn về nội dung nghệ thuật trong khổ thơ sau:

“Cháu chiến đấu hôm nay
Vì lòng yêu tổ quốc
Vì xóm làng thân thuộc
Bà ơi cũng vì bà
Vì tiếng gà cục tác
Ổ trứng hồng tuổi thơ”

(*Tiếng gà trưa* - Xuân Quỳnh)

Câu 6.Viết bài văn cảm nhận của em về Sài Gòn trong văn bản “Sài Gòn tôi yêu” của tác giả Minh Hương.

2. Yêu cầu

A.Đọc hiểu văn bản(5 điểm)

Câu 1: (0,5đ)

Miêu tả , biểu cảm

Câu 2: (0,5đ)

Mùa xuân của tôi (Vũ Bằng)

Câu 3: (1đ)

***Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân củ
Hà Nội thân yêu,củ Bắc Việt thương mến.***

Câu 4: (1đ)

Rêu rêu , lạnh lạnh, xa xa, man mác.

B. Tập làm văn(5điểm)

Câu 5.(2đ)

- Điệp ngữ “vì” nhấn mạnh mục đích chiến đấu của người lính .(1 đ)

- Từ đó cho thấy tình yêu đất nước gắn với tình yêu xóm làng yêu người thân và cả chín những kỉ niệm êm đềm của tuổi thơ (1đ)

Câu 5: (5đ)

Yêu cầu:

? Hãy xác định kiểu văn trong bài viết?

? Về hình thức bài văn cần đạt được những yêu cầu gì ?

? Em cần trình bày bài biết như thế nào?

Y/c hs nêu dàn ý cơ bản

? Mở bài em sẽ trình bày ra sao?

? Thân bài em triển khai những gì?

? Kết bài em viết thế nào?

1/ Hình thức, kỹ năng:

- + Xác định đúng thể loại: Biểu cảm về tác phẩm văn học
- + Cảm xúc phải chân thật, sâu sắc
- + Bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả

2/ Nội dung

* Mở bài:

Giới thiệu được cảm nhận chung về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của bài thơ và khái quát nội dung bài tác phẩm.

* Thân bài:

- Ấn tượng chung về Sài Gòn

Sài Gòn trẻ trung, đô thị ngọc nhá -> Đó là một thành phố năng động, tràn đầy sức sống lớn nhất cả nước.

- Ấn tượng riêng về Sài Gòn

+ Thiên nhiên thất thường, trái chứng..

+ Nhịp sống sôi động, khẩn trương.

+ Đặc điểm dân cư nơi hội tụ 4 phương, đất lành chim đậu.

+ Phong cách sống cởi mở, thân thiện, chân thành, trọng đạo nghĩa, giàu tình yêu nước.

....

- Tình cảm của tác giả dành cho Sài Gòn bền chặt, sâu đậm.

- Nt: +biểu cảm trực tiếp, miêu tả, tự sự, nghị luận.

+ điệp từ, liệt kê, nhân hóa, so sánh....

+ Ngôn ngữ giản dị, đậm màu sắc Nam Bộ.

--> Bài văn bày tỏ tình yêu tha thiết, bền chặt của tác giả đối với Sài Gòn.

* Kết bài:

Khái quát cảm xúc chung về tác phẩm, liên hệ mở rộng (nếu có)

Biểu điểm:

Điểm 5: - Đảm bảo các yêu cầu trên

- Bài viết có sáng tạo

Điểm 3, 4: - Cơ bản đạt các yêu cầu trên

- Tuy nhiên, còn mắc một vài lỗi diễn đạt hoặc lỗi chính tả

	Điểm 1, 2: - Không bám sát vào yêu cầu của đề hoặc lạc đề - Trình bày cầu thả, mắc nhiều lỗi chính tả hoặc diễn đạt lủng củng... VI. Dặn dò
II. Trả bài - GV: trả bài, lấy điểm - HS: xem lại bài tự đánh giá, nhận xét bài của bản thân. III. Nhận xét GV nêu * Tóm tắt - Đa số HS hiểu đề và có ý thức làm bài khá nghiêm túc. - Hầu hết các bài viết có bố cục rõ ràng, mạch lạc làm nổi rõ yêu cầu. - Một số bài viết có bố cục rõ ràng, lời văn trong sáng, diễn đạt khá lưu loát. - Một số bài viết giàu hình ảnh, cảm xúc thật và có sự liên hệ hợp lí * Tồn tại: - Còn bài viết chưa viết đúng kiểu văn biểu cảm về tác phẩm văn học. - Cũng bài viết bố cục chưa rõ ràng , trình bày còn lộn xộn, thiếu sự mạch lạc. - Vẫn có bài viết sai nhiều chính tả, còn viết tắt, trình bày chưa hết ý, diễn đạt còn chưa lưu loát, lời văn lủng củng	
IV- Sửa lỗi điển hình	
GV cho một số HS có điểm yếu kém cầm bài viết đã có lỗi sai lên bảng sửa lại (từ, câu, chính tả) 1. Lỗi chính tả - chân trọng - tóc sù -nực nưỡng -cho lên -no nấng 2. Lỗi diễn đạt, dụng từ. -Mặc dù tác giả thì rất là yêu Sài Gòn nhưng tác giả đã yêu nước... - Tác giả vừa yêu nước lại yêu thiên nhiên...	(HS lên bảng sửa lại lỗi gv đã chỉ ra trong bài) - trân trọng - tóc xù - lực lưỡng - cho nên - lo lắng - Tác giả yêu Sài Gòn ,cũng chính là yêu nước... - Tác giả vừa yêu nước vừa yêu thiên nhiên...

4. Hoạt động vận dụng:

Đọc, bình một số đoạn văn, bài văn hay

GV đọc một số đoạn văn, bài văn hay cho cả lớp nghe, cảm thụ-> HS nx, GVNX, đánh giá

5. Hoạt động tìm tòi mở rộng:

- Xem lại kiến thức học kì I, đọc thêm tài liệu liên quan
- Chuẩn bị sách vở học kì 2, đọc và tìm hiểu kĩ, trả lời các câu hỏi của bài tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất.